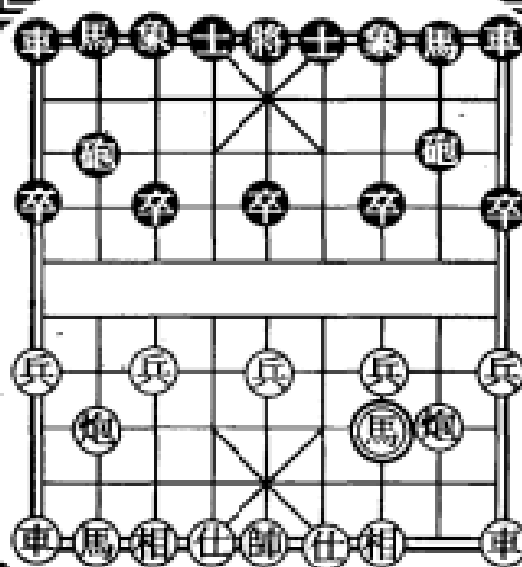




TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

KHỞI CỤC MÃ (TIẾN MÃ CỤC)



**TẬP
1**

KÝ HIỆU DÙNG ĐỂ ĐỌC VÀ GHI CHÉP NƯỚC ĐI TRONG CỜ TƯỚNG

Bàn cờ Tướng được vẽ như ở hình bên. Các cột của bên Trắng được đánh số từ 9 tới 1, các cột bên Đen được đánh số 1 đến 9 (ngược lại).

Ký hiệu và cách ghi nước đi :

Dấu chấm (.) là tiến

Dấu gạch (-) là đi ngang (bình)

Dấu gạch chéo (/) là lùi (thoái)

Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự :

- Số thứ tự nước đi

- Tên quân cờ

- Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ

Ví dụ : Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên Đen

Mã 8 tiến 7 thì ghi :

1.P2-5 M8.7 (xem hình)

Nước thứ hai :

2.P8/1 B7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa

Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương)

Trường hợp 2 Pháo(Mã, Xe)

nằm trên một đường thì ghi Ft là

Pháo trước, Ps là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì

ký hiệu Bt (Binh trước), Bg (Binhgiữa), Bs (Binh sau)

Ký hiệu các quân cờ :

Tướng = Tg

Sĩ = S

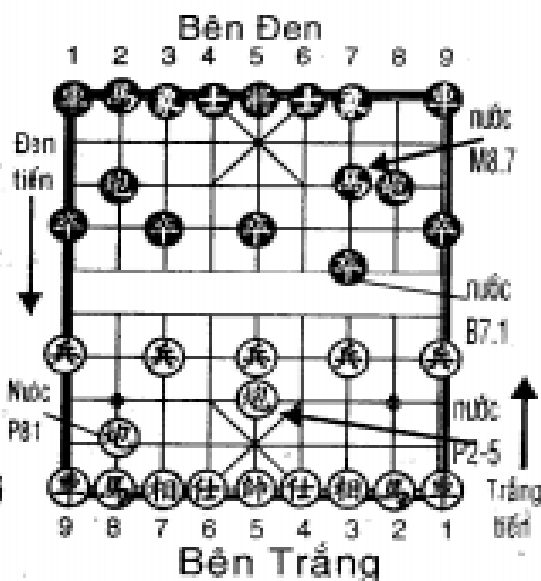
Tượng = T

Xe = X

Pháo = P

Mã = M

Tốt = B (bình)



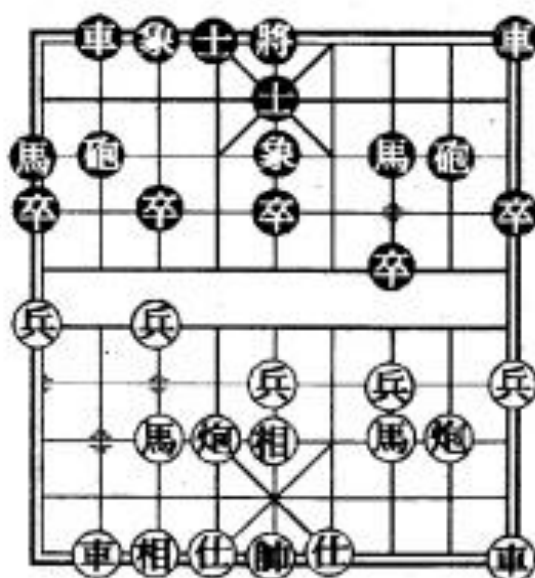
PHẦN 1 TIẾN MÃ ĐỐI ĐẤY TỐT

CHƯƠNG 1 TRẮNG BÌNH SĨ GIÁC PHÁO TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI CỤC 1

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ
(1)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-6 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●2.1 |
| 4. 車9-8 | ●1-2 |
| 5. 兵7.1 | ●6.5 |
| 6. 炮3.5 | ●7.5 |
| 7. 兵9.1 | |
- (hình)
- Biến 1:
- | | |
|-----------|------|
| 7... ●8-9 | |
| 8. 車1-2 | ●9-8 |
| 9. 炮2.2 | ●7.6 |
| 10. 車8.5 | ●6.7 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 炮6.1 | 炮9-7 | 12. 炮6-3 | 炮7.4 |
| 13. 炮7.6 | 卒1.1 | 14. 卒8.1 | |

Nước đi đúng. Nếu đi X8-9 thì P2.3 Trắng sẽ mất quân

14...卒1.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 炮6.5 | 炮2-4 | 16. 卒8.3 | 炮1/2 |
| 17. 炮5/3 | 炮2.1 | 18. 炮t/5 | 炮7/4 |

Trắng rộng đường đi

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7...炮8.2 | | 8. 炮4.5 | 卒1.1 |
| 9. 兵9.1 | 炮8-1 | 10. 卒1-2 | 炮1-2 |
| 11. 卒8-9 | 炮s-3 | 12. 炮2.5 | 卒2.2 |
| 13. 炮7.6 | 炮2.3 | 14. 炮6.7 | 炮1.2 |
| 15. 卒9.8 | 炮2/1 | 16. 卒9-8 | 炮2/6 |
| 17. 兵7.1 | 炮2-3 | 18. 炮2.1 | 炮t.2 |
| 19. 炮2-7 | 炮3/3 | 20. 卒2.4 | 炮9-6 |

Cờ thế hai bên bình ổn.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7...炮2-3 | | | |
| 8. 卒8.9 | 卒1/2 | 9. 炮7.6 | 炮9-6 |
| 10. 炮2.2 | 炮7.6 | 11. 炮6.5 | 炮6.3 |
| 12. 炮5.7 | 炮2.3 | 13. 炮2-4 | 炮6/4 |
| 14. 卒1-2 | 炮8-7 | 15. 卒2.4 | 炮7.4 |
| 16. 炮4.5 | 炮4/6 | 17. 炮4.3 | 炮6/1 |
| 18. 卒2.2 | | | |

Trắng rộng đường đi.

Biến 4 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7...炮2.4 | | 8. 炮4.5 | 炮8.2 |
| 9. 炮2-1 | 卒3.1 | 10. 卒1-2 | 卒3.1 |
| 11. 炮5.7 | 炮2-3 | 12. 卒2.4 | 炮9-8 |
| 13. 兵1.1 | 卒1.1 | 14. 炮7/5 | 炮2.9 |
| 15. 炮7/8 | 卒1.1 | 16. 兵3.1 | 卒7.1 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 17. 車2-3 | 炮8-7 | 18. 車3-7 | 馬1.2 |
| 19. 馬3.2 | 炮8.3 | 20. 炮1-3 | 炮7-8 |
| 21. 馬8.9 | 炮3-4 | 22. 車7-9 | 卒5.1 |
| 23. 車9-3 | 馬7.5 | 24. 馬9.8 | |

Các quân Trắng linh hoạt chiếm ưu.

CỤC 2

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

(2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮8-6 | 馬8.7 |
| 3. 馬8.7 | 馬2.1 |
| 4. 車9-8 | 車1-2 |
| 5. 兵7.1 | 士6.5 |
| 6. 相3.5 | 炮7.5 |

(hình)

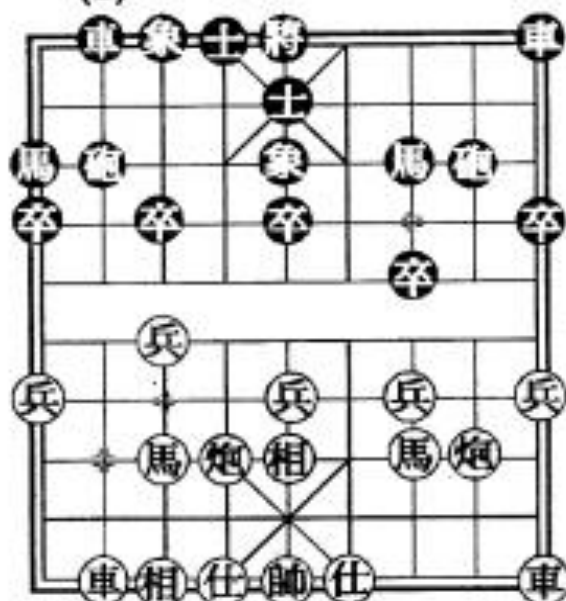
Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 7. 車8.6 | 炮8.1 |
| 8. 炮2.2 | 卒3.1 |
| 9. 炮6.4 | 炮8-4 |
| 10. 車8-6 | 車9-8 |
| 11. 車1-2 | 卒3.1 |
| 12. 車6-7 | 炮2.3 |
| 14. 車2.4 | 車8.5 |

Hoà cục

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 馬7.6 | 炮2.3 | 8. 馬6/7 | 炮2.1 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 | 10. 相5.3 | 馬7.6 |
| 11. 相7.5 | 卒1.1 | 12. 仕4.5 | 炮8-6 |
| 13. 炮2.3 | 車9-8 | 14. 炮2-9 | 炮2-3 |
| 15. 車8.9 | 馬1/2 | 16. 炮6.1 | 馬2.3 |



- | | |
|----------|------|
| 13. 車7/2 | 炮2-8 |
| 15. 車7-2 | |

17. 馬3.4	●6.3	18. 車1-4	●6.2
19. 車4.2	●6.5	20. 炮9-8	●5.1
21. 兵1.1	●3.1	22. 炮8/2	●5.1
23. 兵9.1	●8.9	24. 仕5/4	●8/5

Đen có Tốt quá hà, dễ đi hơn.

Biến 3 :

7. 炮2.4	●7.6	8. 炮2-7	●2.4
9. 車1-2	●8-7	10. 兵7.1	●5.3
11. 炮7.1	●7.4	12. 炮7-2	●2-3
13. 車2.4	●9.2	14. 炮2.2	●3/5
15. 車2-4	●9-6	16. 車8.9	●1/2
17. 炮2-1	●2.3	18. 車4-2	●5.4

Đen chiếm ưu thế.

Biến 4 :

7. 炮2-1	●7.8	8. 車8.4 ●2-4	
9. 炮1/1	●9-6	10. 炮1-9	●2.5
11. 炮7.8	●6.4	12. 炮8.9	●4.4
13. 兵1.1	●1/3	14. 兵1.1	●9.1
15. 車1.5	●8.7	16. 炮9-3	●8-7

Hai bên có thế trận đối kháng.

Biến 5 :

7. 炮4.5	●1.1	8. 炮2.4	●2.4
9. 炮2-3	●2-3	10. 車8.9	●1/2
11. 車1-4	●9-6	12. 車4.9	●7/6
13. 炮6.6	●8/1	14. 炮6-2	●6.8
15. 炮3.2	●2.1	16. 炮7/9	●8.7
17. 兵3.1	●7.1	18. 炮3/4	●1.2
19. 兵9.1	●1.1	20. 炮3-9	

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 6 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 炮2/1 | ●2.4 | 8. 炮2-9 | ●9-8 |
| 9. 車1-2 | ●8.4 | 10. 兵3.1 | ●7.1 |
| 11. 相5.3 | ●1.1 | 12. 相3/5 | ●8-7 |
| 13. 車2.9 | ●7/8 | 14. 炮9.4 | ●8.7 |
| 15. 兵9.1 | ●2.4 | 16. 馬7.6 | ●2.1 |
| 17. 炮9-4 | ●3.1 | 18. 炮4/1 | ●3.1 |
| 19. 兵9.1 | ●2-1 | 20. 炮4-7 | ●1/1 |
| 21. 炮7.3 | ●7.6 | 22. 馬6/8 | |

Trắng được quân chiếm ưu thế.

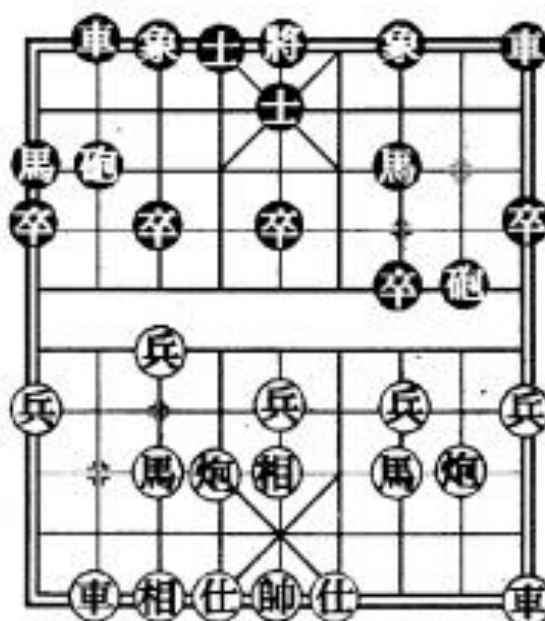
CỤC 3 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-6 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●2.1 |
| 4. 車9-8 | ●1-2 |
| 5. 兵7.1 | ●6.5 |
| 6. 相3.5 | ●8.2 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. 車8.6 | ●7.6 |
| 8. 仕4.5 | ●2-7 |
| 9. 車8.3 | ●1/2 |
| 10. 兵3.1 | ●7.1 |
| 11. 車1-4 | ●6/5 |
| 12. 車4.5 | ●8/1 |
| 13. 馬3/4 | ●7.1 |
| 15. 車4.1 | ●7.1 |
| 17. 馬6.4 | ●5.1 |
| 19. 車4-3 | ●9-7 |



- | | |
|----------|------|
| 14. 馬7.6 | ●2.3 |
| 16. 車4/2 | ●8/1 |
| 18. 馬1.5 | ●7.5 |
| 20. 車3/1 | ●7-5 |

Sau khi đổi xe thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ②2-1 | ③1.1 | 8. ④8.6 | ⑤2-4 |
| 9. ④8.3 | ③1/2 | 10. ④1-2 | ⑤9-8 |
| 11. ④2.4 | ③7.5 | 12. ④3.1 | ⑤7.1 |
| 13. ④2-3 | ③8-9 | 14. ④3.4 | ⑤9.3 |
| 15. ④6-1 | ③8.3 | 16. ④7.6 | |

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 4

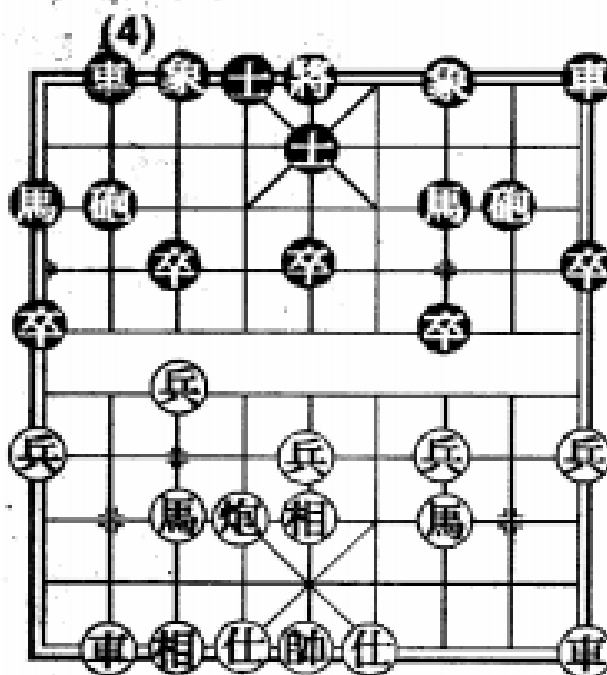
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | ③7.1 |
| 2. ④8-6 | ③8.7 |
| 3. ④8.7 | ③2.1 |
| 4. ④9-8 | ③1-2 |
| 5. ④7.1 | ③1.1 |
| 6. ④3.5 | ③6.5 |
| 7. ④2.4 | |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 7... ③2.4 | |
| 8. ④7.6 | ③2-7 |
| 9. ④8.9 | ③1/2 |
| 10. ④2-7 | ③9-8 |
| 11. ④4.5 | ③7.5 |
| 13. ④7-9 | ③2.1 |
| 15. ④8.5 | ③8/2 |
| 17. ④7.9 | ③3.1 |
| 19. ④5.3 | ③8-7 |
| 21. ④3.4 | ③7.1 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ④1-4 | ③8.5 |
| 14. ④6-8 | ③7.1 |
| 16. ④6.7 | ③8/2 |
| 18. ④9-2 | ③8.3 |
| 20. ④3/5 | ③7-1 |

Thế trận cả hai bên bình ổn.

Biến 2 :

- 7... ♖7.6
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. ♘2-7 | ♙2.4 | 9. ♗1-2 | ♙9-8 |
| 10. ♘7-1 | ♙8.4 | 11. ♘1.3 | ♙5/6 |
| 12. ♘1-3 | ♙6.5 | 13. ♘6.5 | ♙7.1 |
| 14. ♘5.3 | ♙6.5 | 15. ♗2.3 | ♙8.6 |
| 16. ♘3.5 | ♙1.3 | 17. ♖7.1 | ♙3.5 |
| 18. ♘7.6 | ♙3.5 | 19. ♗8.3 | ♙2.6 |
| 20. ♘6/8 | ♙5/7 | 21. ♘5.4 | ♙5.6 |
| 22. ♘6-9 | | | |

Trắng hơn ốt hơn Tượng nên có phần ưu thế hơn.

Biến 3 :

7... ♙7.5

8. ♘2-7

Phương án 1 :

8... ♖7.8

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ♘6.3 | ♙8.7 | 10. ♗1-2 | ♙8-7 |
| 11. ♘6/3 | ♙2.4 | 12. ♘7-9 | ♙5.1 |
| 13. ♗2.7 | ♙7.1 | 14. ♘9-5 | ♙2.3 |
| 15. ♘7.6 | ♙5.1 | 16. ♘6-7 | ♙2-3 |
| 17. ♗8.6 | ♙7-2 | 18. ♖5.1 | ♙7/5 |
| 19. ♖7.1 | ♙7.1 | 20. ♘3.5 | |

Trắng chiếm ưu

Phương án 2 :

8... ♙8.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ♗8.6 | ♙2-4 | 10. ♗8.3 | ♙1/2 |
| 11. ♗1-2 | ♙2.1 | 12. ♘7-9 | ♙9.1 |
| 13. ♗2.4 | ♙9-6 | 14. ♖4.5 | ♙8/4 |
| 15. ♖3.1 | ♙8-7 | 16. ♖3.1 | ♙7.4 |
| 17. ♘3.4 | ♙5.1 | 18. ♘9-2 | |

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 5 **TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ** **(5)**

- | | |
|----------------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-6 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●2.1 |
| 4. 車9-8 | ●1-2 |
| 5. 兵7.1 | ●7.5 |
| 6. 炮3.5 (hình) | |

Biến 1 :

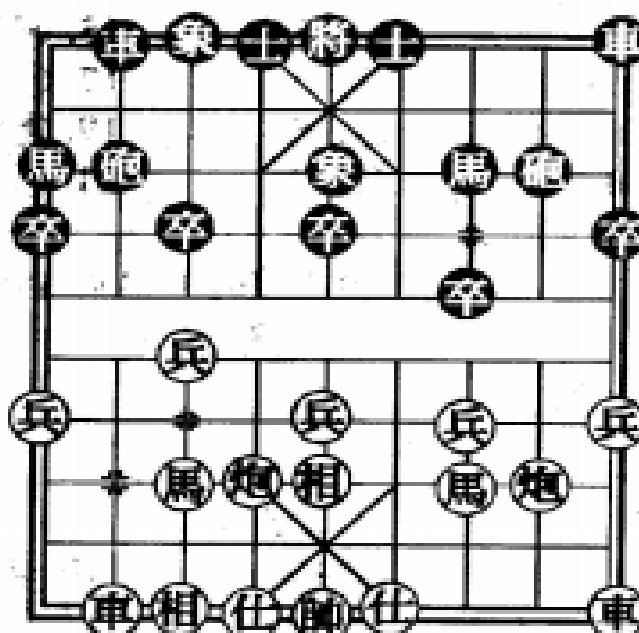
- | | |
|-----------|------|
| 6... ●1.1 | |
| 7. 仕4.5 | ●8.2 |
| 8. 炮8.3 | ●6.5 |
| 9. 炮1-4 | ●2-3 |
| 10. 炮8.6 | ●1/2 |
| 11. 馬7.6 | ●2.1 |
| 12. 車4.6 | ●3.1 |
| 13. 炮2.2 | ●3.1 |
| 15. 炮6.5 | ●9-6 |
| 17. 炮2-5 | |

Bên Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... ●9.1 | | | |
| 7. 仕4.5 | ●3.1 | 8. 炮7.1 | ●9-3 |
| 9. 馬7.6 | ●3.3 | 10. 炮8.5 | ●3-2 |
| 11. 炮6.8 | ●2-4 | 12. 馬8.6 | ●4.5 |
| 13. 仕5.6 | ●7.6 | 14. 炮6/7 | ●6.7 |
| 15. 炮1-4 | | | |

Trắng dễ đi.



- | | |
|----------|------|
| 14. 炮2-7 | ●1.2 |
| 16. 炮4-2 | ●7.5 |

CỤC 6
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ
(6)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-6 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●2.1 |
| 4. 卒9-8 | ●1-2 |
| 5. 兵7.1 | ●2-3 |
| 6. 卒8.9 | ●1/2 |
| 7. 馬7.6 | 卒3.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 兵7.1 | 炮3.7 |
| 9. 仕6.5 | 炮9.1 |
| 10. 炮2.4 | 炮8/1 |
| 11. 炮2-3 | 炮8-7 |
| 12. 炮3.2 | 炮9-7 |
| 13. 卒1-2 | 炮3-1 |

Đen tiên thủ.

Biến 2 :

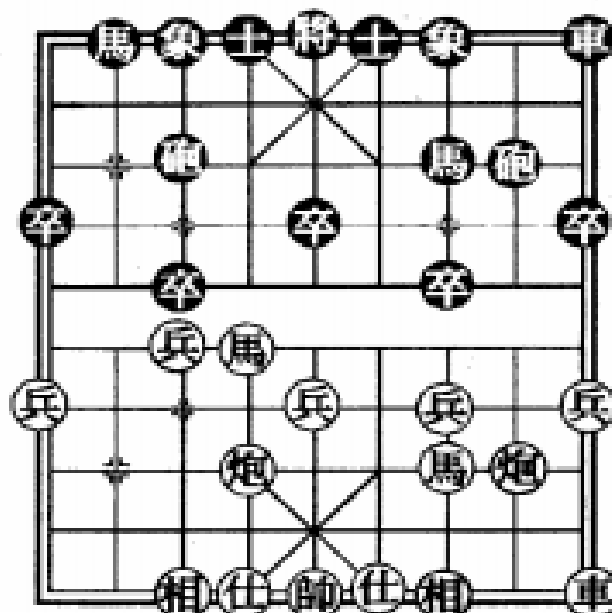
- | | |
|---------|------|
| 8. 炮7.5 | 卒3.1 |
| 9. 炮5.7 | |

Phương án 1 :

9... ●8.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 卒1.1 | 士6.5 | 11. 卒1-8 | 馬2.1 |
| 12. 炮6-7 | 炮3.5 | 13. 炮2-7 | 炮7.5 |
| 14. 卒8.6 | 炮8/2 | 15. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 16. 炮7.7 | 炮5/3 | 17. 卒8-3 | 炮9-6 |
| 18. 卒3/3 | 炮1.3 | 19. 馬6.5 | 炮6.3 |
| 20. 馬5/7 | 炮8.1 | 21. 炮7/5 | |

Trắng hơn Tốt, hơn Tượng dễ đi.



- | | |
|----------|------|
| 14. 炮6-5 | 炮7-3 |
|----------|------|

Phương án 2 :

9... ♖7.5

10. ♘7/5 ♙6.5

12. ♘1-8 ♙2.1

14. ♘3.1 ♙7.1

16. ♘9.1 ♙1.1

18. ♘9.2 ♙8-7

20. ♘6.8 ♙7/4

11. ♙1.1 ♘9-6

13. ♙8.3 ♘1.1

15. ♙5.3 ♘8.4

17. ♙8-9 ♘5.1

19. ♙3/5 ♘7.8

Thế trận hai bên bình ổn.

CỤC 7

PTRĂNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỀ MÃ (7)

1. ♘2.3 ♙7.1

2. ♙8-6 ♘8.7

3. ♘8.7 ♙2.1

4. ♙9-8 ♘1-2

5. ♘7.1

(hình)

Biến 1 :

5... ♙2.4

6. ♙3.5 ♘8-9

7. ♙1-2 ♘9-8

8. ♙2.5 ♘7.5

9. ♙8.1 ♘2-3

10. ♙8-4 ♘8.1

11. ♙5.1 ♘2.1

12. ♙4.2 ♘3-2

14. ♙4-1 ♘8-9

16. ♙4.5 ♘4.5

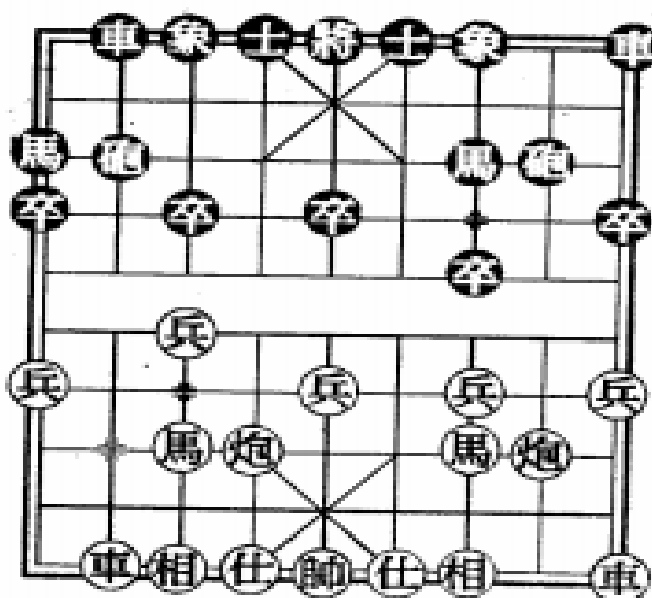
18. ♙3.1 ♘4-7

13. ♙4.3 ♘2/3

15. ♙1/2 ♘2-4

17. ♙2/1 ♘9.2

19. ♙6.5 ♘7/8



20. ⑤7.5

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

5... ⑤8.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ④3.5 | ⑥1.1 | 7. ④8.6 | ⑤2-4 |
| 8. ④8.3 | ⑥1/2 | 9. ④3.1 | ⑥7.1 |
| 10. ④5.3 | ⑥6.5 | 11. ④3/5 | ⑥7.5 |
| 12. ⑤2/1 | ⑥2.1 | 13. ⑤2-9 | ⑥1.2 |
| 14. ④1-2 | ⑥9-6 | 15. ④2.4 | ⑥6.4 |
| 16. ⑤3.4 | ⑥4-1 | 17. ⑤6.6 | ⑥6-7 |

Thế trận hai bên về cơ bản là cân bằng.

CỤC 8

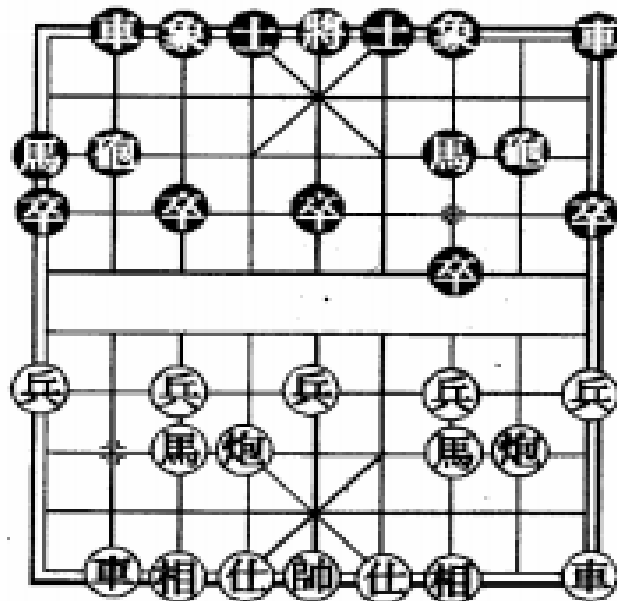
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ (8)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | ⑥7.1 |
| 2. ⑤8-6 | ⑥8.7 |
| 3. ⑤8.7 | ⑥2.1 |
| 4. ④9-8 | ⑥1-2 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. ⑤2-1 | ⑥9-8 |
| 6. ④3.5 | ⑥1.1 |
| 7. ④1-2 | ⑥8.4 |
| 8. ④4.5 | ⑥4.5 |
| 9. ④7.1 | ⑥2.4 |
| 10. ④2-4 | ⑥8.2 |
| 11. ④4.1 | ⑥3.5 |
| 12. ⑤7.6 | ⑥2.1 |
| 14. ⑤1/2 | ⑥8/3 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ④5/4 | ⑥8.3 |
| 15. ④4-2 | ⑥8.1 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

5. ④3.5	●7.5	6. ④4.5	●6.5
7. ④1-4	●1.1	8. ④7.1	●8.2
9. ④8.6	●2-4	10. ④8.3	●1/2
11. ④3.1	●7.1	12. ④5.3	●9-6
13. ④4.9	●5/6	14. ④7.6	●4.5
15. ④2-6	●2.1	16. ④3.4	●8.1
17. ④4.5	●7.5	18. ④6.5	●8-3

Bên Trắng ưu thế hơn chút ít

Biến 3 :

5. ④8.4	●2-3
---------	------

Phương án 1 :

6. ④8.5	●1/2	7. ④1.1	●3.4
8. ④3.5	●3.1	9. ④2/1	●2.3
10. ④2-7	●3.2	11. ④1-7	●9-8
12. ④7.8	●7.5	13. ④6-7	●7.8
14. ④7.5	●8-3	15. ④7-2	●3/1
16. ④8.9	●3-7	17. ④5.1	●8/9
18. ④2.8	●9/8	19. ④9.7	●8.6
20. ④9.1	●9.1	21. ④9.1	●7.5
22. ④9-8	●7-6		

Đen nhiều tốt dễ đi hơn.

Phương án 2 :

6. ④8-6	●6.5	7. ④3.1	●2.4
8. ④3.1	●2-7	9. ④3.4	●7.5
10. ④3.5	●7.6	11. ④6-8	●1.1
12. ④6.6	●8-6	13. ④2-1	●9-8
14. ④1.4	●8.5	15. ④4.6	●8-2
16. ④6/8	●6.4	17. ④1-2	●5/7
18. ④1.3	●6/2	19. ④1-4	●5/6

Các quân bên Đen linh hoạt hơn, nắm quyền chủ động.

CỤC 9
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐẾ MÃ
(9)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-6 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●2.1 |
| 4. 車9-8 | ●2-3 |
| 5. 和3.5 | ●6.5 |
| 6. 兵9.1 | |

(hình)

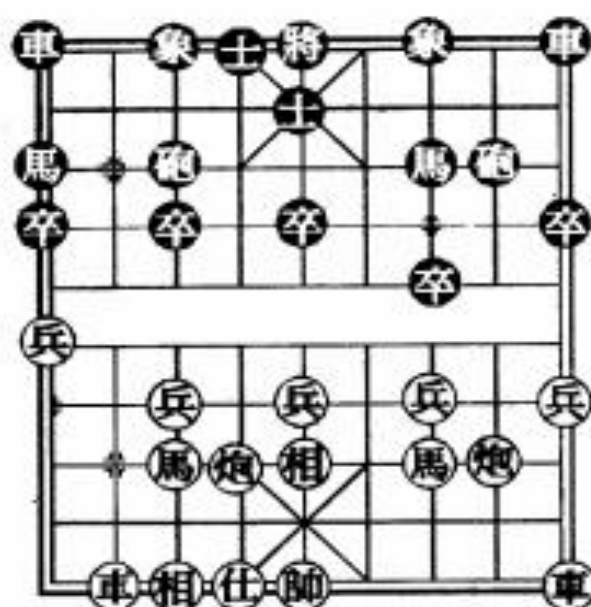
Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 6... ●7.5 | |
| 7. 兵7.1 | ●3.1 |
| 8. 馬7.9 | ●1.1 |
| 9. 炮2.4 | ●7.6 |
| 10. 炮2-9 | ●1-4 |
| 11. 仕4.5 | ●6.7 |
| 12. 兵7.1 | ●4.4 |
| 13. 兵9.1 | ●8.5 |
| 15. 炮9-5 | ●4-1 |
| 17. 炮7.5 | ●1.1 |
| 19. 車8-7 | ●3.1 |
| 21. 車2-4 | ●7.1 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... ●3.1 | | | |
| 7. 炮2.4 | ●1-2 | 8. 炮2-9 | ●9-8 |
| 9. 車1.1 | ●8.6 | 10. 兵9.1 | ●3.1 |
| 11. 車8.9 | ●1/2 | 12. 炮9-7 | ●7.5 |
| 13. 兵7.1 | ●2.1 | 14. 馬7.6 | ●1.3 |
| 15. 馬6.7 | ●7.6 | 16. 兵1.1 | ●5/7 |



- | | |
|----------|------|
| 14. 兵7.1 | ●1.3 |
| 16. 車1-2 | ●8-5 |
| 18. 炮2.4 | ●3.1 |
| 20. 車7.5 | ●7.5 |

17. ⑩1.1 ⑤3-9

19. ⑨7.6 ⑤3.1

Tăng hơn tốt dễ đi.

18. ⑨6-7 ⑤7.5

20. ⑨6/5

CỤC 10

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ (10)

1. ⑨2.3

2. ⑨8-6

3. ⑨8.7

4. ⑨9-8

5. ⑨3.5

6. ⑨8.9

7. ⑨1.1

(hình)

Biến 1:

7... ⑤8-9

8. ⑨1-8

9. ⑨2/2

10. ⑨8.3

11. ⑨3.1

12. ⑨8-3

13. ⑨7.1

15. ⑨3-6

⑤7.1

⑤8.7

⑤2.1

⑤2-3

⑤1-2

⑤1/2

⑤9-8

⑤2.1

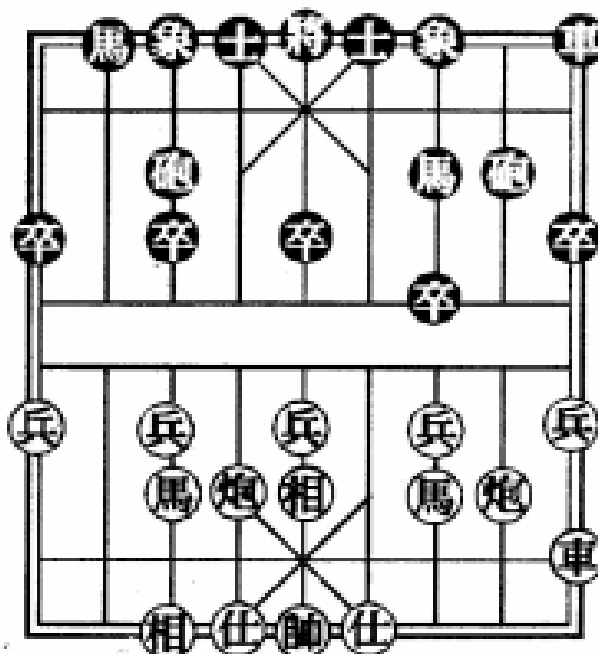
⑤7.5

⑤7.1

⑤7.6

⑤3.1

⑤3.1



14. ⑨7.6 ⑤6.4

16. ⑨6-7

Bên trắng có thế trận ưu hơn.

Biến 2:

7... ⑤9.1

8. ⑨1-8

10. ⑨3.1

12. ⑨2-3

14. ⑨3.2

⑤2.1

⑤6.3

⑤7.1

⑤1.2

9. ⑨8.3

11. ⑨2/2

13. ⑨8-3

15. ⑨3.2

⑤9-6

⑤7.5

⑤1.1

⑤6-8

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. ⑤2/1 | ●2.4 | 17. ⑤6.1 | ●4/6 |
| 18. ⑤1.3 | ●8/1 | 19. ⑤3-2 | ●6/8 |
| 20. ⑤3.7 | ●3-7 | 21. ⑤7.1 | |

Trắng ưu hơn.

CỤC 11

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

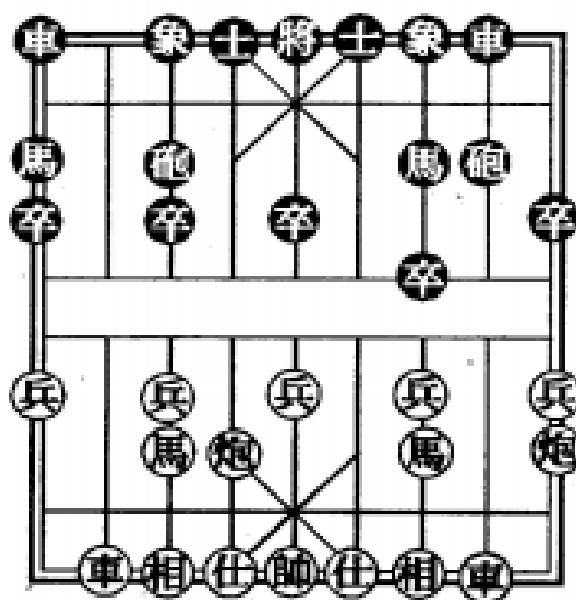
(1)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | ●7.1 |
| 2. ⑤8-6 | ●8.7 |
| 3. ⑤8.7 | ●2.1 |
| 4. ⑤9-8 | ●2-3 |
| 5. ⑤2-1 | ●9-8 |
| 6. ⑤1-2 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 6... ⑤8.4 | |
| 7. ⑤8.7 | ●3.4 |
| 8. ⑤3.1 | ●7.6 |
| 9. ⑤3.1 | ●6.7 |
| 10. ⑤6-5 | ●8.3 |
| 11. ⑤5.4 | ●8-5 |
| 12. ⑤2.3 | ●1-2 |
| 13. ⑤8.2 | ●1/2 |
| 15. ⑤5.4 | ●3-6 |
| 17. ⑤3.1 | ●2.4 |
| 19. ⑤1.4 | ●5.1 |
| 21. ⑤1.1 | ●2.3 |



- | | |
|----------|------|
| 14. ⑤7/5 | ●3.5 |
| 16. ⑤2-3 | ●6-1 |
| 18. ⑤3.1 | ●4.2 |
| 20. ⑤3-9 | ●1-2 |
| 22. ⑤9-7 | ●2/3 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2:

- 6... ⑤3.4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ⑩7.5 | ●8.4 | 8. ⑧3.1 | ●7.1 |
| 9. ⑩5.3 | ●1-2 | 10. ⑩8.9 | ●1/2 |
| 11. ⑩3/5 | ●8-7 | 12. ⑩2.9 | ●7/8 |
| 13. ⑩1.4 | ●3.1 | 14. ⑧7/8 | ●2.3 |
| 15. ⑩6-7 | ●8.7 | 16. ⑩1-3 | ●7.5 |
| 17. ⑧8.6 | ●3.4 | 18. ⑧6.7 | ●4.3 |
| 19. ⑩7/1 | ●3.4 | 20. ⑩5.1 | ●4/3 |

Các quân bê Đen linh hoạt hơn, Đen dễ đi hơn.

CỤC 12

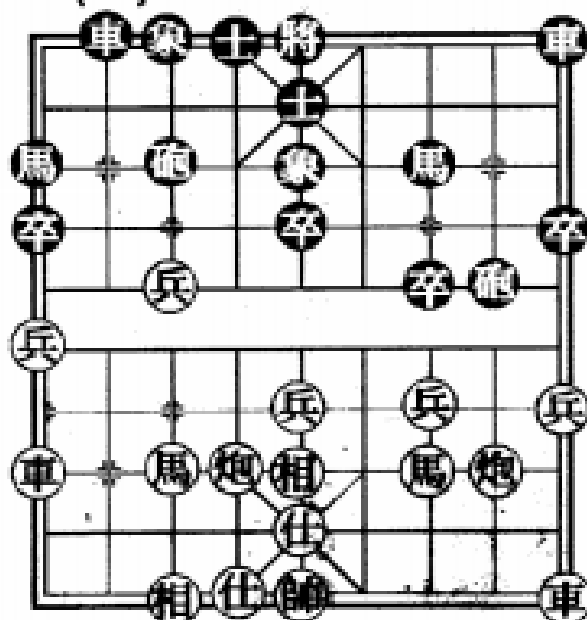
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỀ MÃ (12)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑩2.3 | ●7.1 |
| 2. ⑩8-6 | ●8.7 |
| 3. ⑩8.7 | ●2.1 |
| 4. ⑧7.1 | ●2-3 |
| 5. ⑩9.2 | ●1-2 |
| 6. ⑩3.5 | ●7.5 |
| 7. ⑩4.5 | ●6.5 |
| 8. ⑧9.1 | ●3.1 |
| 9. ⑧7.1 | ●8.2 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 10. ⑧7.1 | ●1.3 |
| 11. ⑩1-4 | ●9-6 |
| 12. ⑩2/1 | ●8.3 |
| 14. ⑩2-4 | ●6-8 |
| 16. ⑩4.5 | ●5.1 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ⑩5.4 | ●2.8 |
| 15. ⑩4/5 | ●2/2 |
| 17. ⑩4/3 | ●2/2 |

Thế trận hai bên đối địch.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. ⑩6.3 | ●8-4 | 11. ⑩7-6 | ●9-8 |
|----------|------|----------|------|

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. ②1-2 | ⑧8.6 | 13. ②2-1 | ⑧8-7 |
| 14. ②2.2 | ⑧2.4 | 15. ⑧6.1 | ②7.1 |
| 16. ⑧7.6 | ②2-4 | 17. ②9-7 | ⑧4.1 |
| 18. ②7.5 | ②7-8 | 19. ②1/2 | ⑧8.1 |

Bên Đen có thể trận nhỉnh hơn.

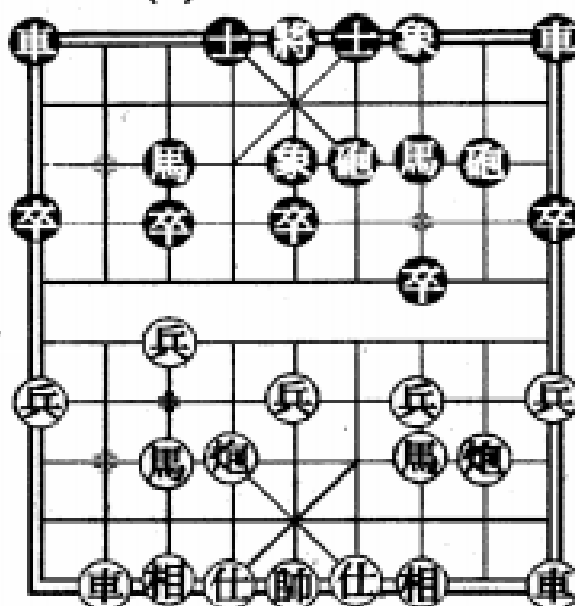
CỤC 13 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN QUÁ CUNG PHÁO (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑧2.3 | ②7.1 |
| 2. ②8-6 | ⑧8.7 |
| 3. ⑧8.7 | ②2-6 |
| 4. ②9-8 | ⑧2.3 |
| 5. ⑧7.1 | ②3.5 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. ②2.4 | ⑧7.6 |
| 7. ②2-7 | ⑧9-8 |
| 8. ②1-2 | ⑧8.4 |
| 9. ②8.5 | ⑧6.7 |
| 10. ②6.1 | ②7.1 |
| 11. ⑧3.5 | ②1.1 |
| 12. ⑧5.3 | ②1-7 |
| 14. ⑧7.1 | ②8.1 |
| 16. ⑧7-6 | ②4-2 |
| 18. ⑧3/5 | ②2.6 |
| 20. ②7/3 | ②8-4 |
| 22. ②2.3 | ②2-5 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ②8-4 | ⑧6-7 |
| 15. ②4.5 | ⑧7-4 |
| 17. ②6-3 | ⑧7.4 |
| 19. ⑧7.6 | ②8.4 |
| 21. ②7-3 | ②4.3 |
| 23. ②3.4 | |

Bên Trắng có thể thắng.

Biến 2 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 6. ⑧3.5 | ②8.2 | 7. ⑧7.6 | ②3.1 |
|---------|------|---------|------|

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. ⑧7.1 | ●8-3 | 9. ⑨1-2 | ●9-8 |
| 10. ⑩2.4 | ●3-4 | 11. ⑩6-7 | ④4.5 |
| 12. ⑪4.5 | ●1-4 | 13. ⑪8.4 | ⑤5.1 |
| 14. ⑫6/4 | ●4.3 | 15. ⑫2/3 | ⑥8.3 |
| 16. ⑬4.5 | ●8-5 | 17. ⑬5.1 | ⑦7.6 |
| 18. ⑭8-7 | ③3/2 | 19. ⑭7-6 | ●4-2 |
| 20. ⑮7-6 | ●4-3 | | |
- Trắng dễ đi hơn.

CỤC 14 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN QUÁ CUNG PHÁO (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ⑨7.1 |
| 2. ③8-6 | ⑩8.7 |
| 3. ④8.7 | ●2-6 |
| 4. ⑤9-8 | ③2.3 |
| 5. ⑥7.1 | ④8.2 |
- (hình)

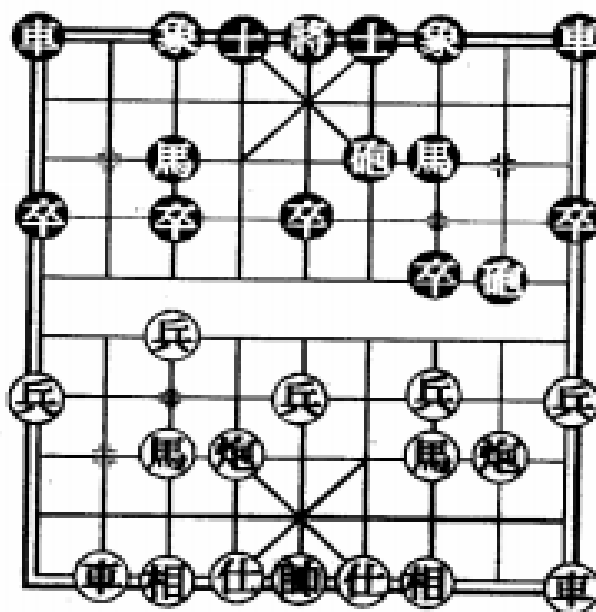
Biến 1:

- | | |
|---------|------|
| 6. ⑦7.6 | ⑥3.5 |
| 7. ⑧3.5 | ⑦3.1 |
| 8. ⑨2.2 | |

Phương án 1:

8...●9.1

- | | |
|----------|------|
| 9. ⑩3/5 | ●6.3 |
| 10. ⑪7.1 | ●8-3 |
| 11. ⑫2.3 | ●9-8 |
| 12. ⑬1-2 | ●6/3 |
| 14. ⑭6-7 | ④4.5 |
| 16. ⑮8.4 | ●4.5 |
| 18. ⑯3.1 | ●8.5 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ⑫2/3 | ●3-4 |
| 15. ⑬5.3 | ●1-4 |
| 17. ⑭5-6 | ⑦7.6 |
| 19. ⑮2.4 | ●6.4 |

20. ④8-6 ⑤4.5

21. ④6-5 ⑤6-9

Bên Đen ưu thế.

Phương án 2.

8... ⑤4.5

9. ④4.5 ⑤9.1

10. ④7.1 ⑤8-3

11. ④3.1 ⑤7.1

12. ④5.3 ⑤9-8

13. ④3/5 ⑤8.4

14. ④8.4 ⑤3-4

15. ④6-7 ⑤1-4

16. ④1-2 ⑤4/3

17. ④3.4 ⑤8/1

18. ④7.4 ⑤6.1

19. ④7-4 ⑤8-6

20. ④6.7 ⑤6-8

21. ④4.6 ⑤4.2

22. ④2-3

Bên Trắng chiếm ưu

Biến 2 :

6. ④2/1 ⑤3.5

7. ④3.5 ⑤4.5

8. ④2-7 ⑤9-8

9. ④7.6 ⑤3.1

10. ④7.1 ⑤8-3

11. ④7.6 ⑤6-3

12. ④1-2 ⑤8.9

13. ④3/2 ⑤t-6

14. ④2.4 ⑤3.2

15. ④4.2 ⑤6-4

16. ④6-7 ⑤4.5

17. ④8.6 ⑤1-4

18. ④6.5 ⑤7.5

19. ④8-5

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 15

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN QUÁ CUNG PHÁO (3)

1. ④2.3 ⑤7.1

2. ④8-6 ⑤8.7

3. ④8.7 ⑤2-6

4. ④9-8 ⑤2.3

5. ④7.1 ⑤7.5

(hình)

Biến 1:

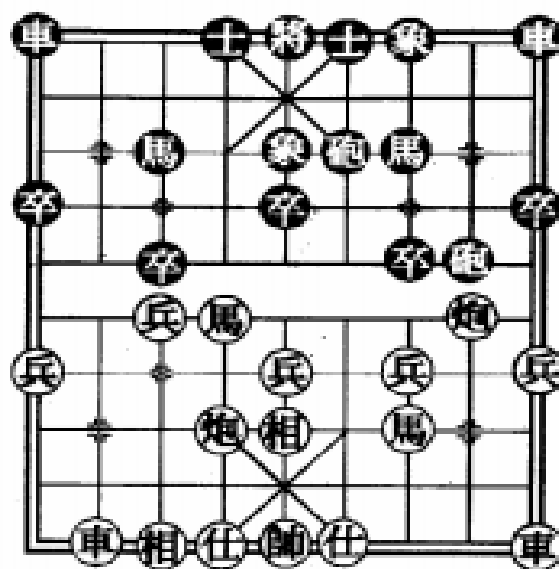
- | | |
|----------|------|
| 6. ④3.5 | ●7.6 |
| 7. ⑤4.5 | ●8.2 |
| 8. ⑥2/1 | ●1.1 |
| 9. ⑥2-3 | ●1-4 |
| 10. ⑦1-2 | ●9-8 |
| 11. ⑦2.3 | ●8.1 |
| 12. ⑧1.1 | ●8/1 |
| 13. ⑧3.1 | ●7.1 |
| 14. ⑥3.3 | ●8-7 |
| 15. ⑦2-1 | ●4.5 |
| 16. ⑥3/1 | ●4.1 |
| 17. ⑤5.6 | ●7.4 |
| 18. ⑦8.3 | ●8.8 |

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ⑦7.6 | ●3.1 | 7. ⑧7.1 | ●5.3 |
| 8. ⑦1.1 | ●8-9 | 9. ⑥2/1 | ●9-8 |
| 10. ⑥2-7 | ●3/5 | 11. ⑥7.5 | ●1-2 |
| 12. ⑦8.9 | ●3/2 | 13. ⑦1-4 | ●6.5 |
| 14. ⑥6-7 | ●8.3 | 15. ⑦6.7 | ●5-6 |
| 16. ⑦7.6 | ●2.1 | 17. ⑥s.8 | ●6.1 |
| 18. ⑥s-9 | | | |

Trắng chiếm ưu thế quá rõ.



19. ⑦5.1 ●6.8

CỤC 16

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN QUÁ CUNG PHÁO (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑦2.3 | ●7.1 |
| 2. ⑥8-6 | ●8.7 |
| 3. ⑦8.7 | ●2-6 |

4. 兵7.1

5. 炮2.4

(hình)

Biến 1 :

5... 炮7.6

6. 炮2-7

7. 車1-2

8. 車9-8

9. 車8.5

10. 炮4.5

11. 車2.6

12. 兵7.1

13. 炮7.8

14. 車8.1

16. 炮7-9

18. 炮8.9

20. 炮9.8

22. 炮2.2

24. 炮8.6

炮2.3

炮8-7

炮3.5

炮4.5

炮1-4

炮6.7

炮9.1

炮4.6

炮4/1

炮9.1

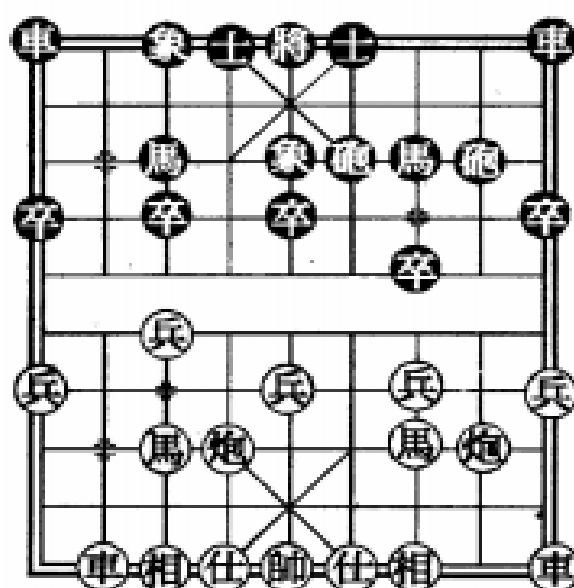
炮9-8

炮9.9

炮3/2

炮9-7

炮3.7



15. 炮6-9

17. 炮t.3

19. 車8.3

21. 炮s-8

23. 炮5/4

25. 炮6.5

炮9.1

炮5.3

炮4/5

炮6-2

炮7-3

炮2-4

Sau đó Trắng đi M6/5 S5/4 M5.3 Tg5.1 M3/4 Tg5/1 X2-8 Trắng thắng.

Biến 2 :

5... 炮3.5

6. 炮9-8

8. 炮7.5

10. 炮6.5

12. 炮8/3

14. 兵3.1

16. 炮4-8

18. 炮3/2

炮9.1

炮4.5

炮8.5

炮4.4

炮7.1

炮8-7

炮6.5

7. 炮2-7

9. 車1-2

11. 車8.7

13. 炮7-4

15. 炮5.3

17. 炮3/5

炮9-8

炮1-4

炮5.1

炮7.6

炮8/1

炮8.8

Bên Đen phản tiên.

Biến 3 :

5... ⑤7.5

6. ②2-3 ④9-8

8. ④9-4 ④6.5

10. ②3-7 ④2.4

12. ④4.3 ④8-4

14. ④4-6 ④8.7

16. ④3.1 ④7.1

18. ④3.1 ④3.1

7. ④9.1 ④8.2

9. ④1-2 ④1-2

11. ④7.6 ④8.1

13. ④2.9 ④7/8

15. ④6-2 ④9.1

17. ④2-3 ④7.6

19. ④3-1

Trắng chiếm ưu.

CỤC 17 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

1. ④2.3 ④7.1

2. ②8-6 ④8.7

3. ④8.7 ④2.3

4. ④9-8 ④1-2

(hình)

Biến 1 :

5. ④8.6 ④7.5

6. ④7.1 ④7.6

7. ②2.3 ④6.7

8. ②2.1 ④7/6

9. ②2-7 ④7.1

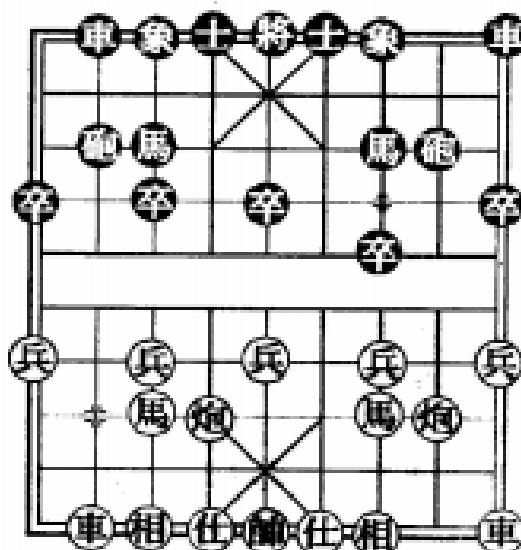
10. ④8/1 ④6/7

11. ④1-2 ④8.2

13. ④3/5 ④2/1

15. ④8.3! ④2.1

17. ②6-1 ④2.5



12. ②3.5 ④7.1

14. ②6.6 ④9.1

16. ②7.3 ④5.1

18. ②7/1 ④8.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 19. ④7.6 | ●8-5 | 20. ④2.8 | ●5/1 |
| 21. ④1.1 | ●5/7 | 22. ④2-3 | |

Trắng nhiều quân chiếm ưu.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④8.4 | ●2-1 | 6. ④8-7 | ●3.5 |
| 7. ④7.2 | ●7.6 | 8. ④7/2 | ●8-6 |
| 9. ④1-2 | ●9.1 | 10. ④3.1 | ●9-7 |
| 11. ④3.5 | ●7.1 | 12. ④5.3 | ●1/1 |
| 13. ④6-4 | ●1-3 | 14. ④7-5 | ●5.1 |
| 15. ④5-6 | ●3.2 | 16. ④6-8 | ●6.5 |
| 17. ④2-4 | ●3.6 | | |

Đen được quân chiếm ư

Biến 3:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④1.1 | ●9.1 | 6. ④1-4 | ●9-4 |
| 7. ④4.5 | ●4.5 | 8. ④4-3 | ●8/1 |
| 9. ④4.5 | ●4-3 | 10. ④6/1 | ●8-7 |
| 11. ④3-4 | ●4.5 | 12. ④6-7 | ●3-4 |
| 13. ④8.6 | | | |

Tắng tiên thủ.

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ PHẢI

CỤC 18

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ●7.1 |
| 2. ④8-6 | ●2.3 |
| 3. ④8.7 | ●1-2 |
| 4. ④7.1 | ●8.7 |

- 2.4
- 2/1
- 2.1

8...2-3

- 9-8
 6.5
 7.5
 7.1
 3.1
 5.3
 3/5
 2.9
 8-9
 9.4
 8.8
 5.4
 2.1

- ③3-9
 ④9.3
 ⑤8-2
 ⑥5.1

Biến 2 :

8.7.6

- 3.5
 9.1
 4.3
 3/2
 7.3
 7.2

- 8-7
- 9-4
- 2-3
- 6.7
- 5.1
- 2.3

28

CỤC 19
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH
PHONG MÃ (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | ⑦7.1 |
| 2. ⑧8-6 | ⑨2.3 |
| 3. ⑤8.7 | ⑩1-2 |
| 4. ⑤7.1 | ⑪8.7 |
| 5. ⑥9-8 | ⑫3.5 |
| 6. ⑧2.4 | ⑬7.8 |

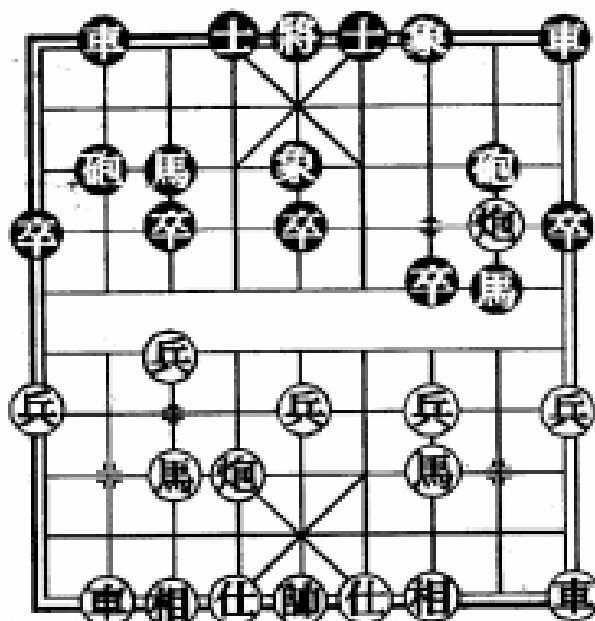
Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. ⑨3.5 | ⑭9.1 |
| 8. ⑥4.5 | ⑮9-6 |
| 9. ⑧2-7 | ⑯2.6 |
| 10. ⑥3.1 | ⑰7.1 |
| 11. ⑨5.3 | ⑱6-7 |
| 12. ⑨7.5 | ⑲7.3 |
| 13. ⑥1-4 | ⑳9.1 |
| 14. ⑤7.6 | ㉑2/1 |
| 15. ⑥8-7 | ㉒2.4 |
| 17. ⑥7.1 | ㉓2-5 |
| 19. ⑥7-8 | ㉔5/1 |
| 21. ⑥4.8 | ㉕4.5 |
| 23. ⑤6.5 | ㉖4/3 |

Tăng ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ⑥8.6 | ⑭9.1 | 8. ⑨3.5 | ⑯2-1 |
| 9. ⑥8.3 | ⑮3/2 | 10. ⑥4.5 | ⑰9-3 |
| 11. ⑤7.6 | ⑯3.1 | 12. ⑥7.1 | ⑱3.3 |
| 13. ⑧2-9 | ⑰9.1 | 14. ⑧9-8 | ⑲2.3 |
| 15. ⑥1.1 | ⑱9.1 | 16. ⑥1.4 | ⑲8.7 |
| 17. ⑥1-2 | ㉑8-7 | 18. ⑥9.1 | ㉒4.5 |



- | | |
|----------|------|
| 16. ⑤3.4 | ⑯2.2 |
| 18. ⑤4.6 | ⑰8.9 |
| 20. ⑥8.2 | ⑱5-4 |
| 22. ⑥8.1 | ㉑9/8 |
| 24. ⑤5.3 | |

19. ⑧8/2 ③3.2 20. ⑤9.1 ④1-2
Thế trận hai bên cơ bản cân bằng.

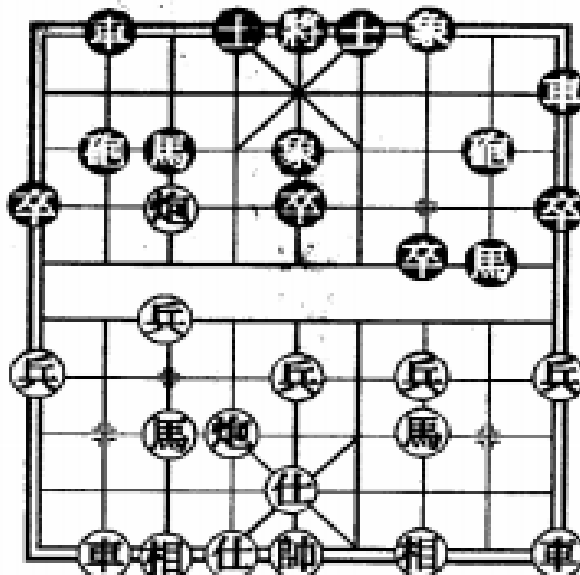
CỤC 20 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑨2.3 | ④7.1 |
| 2. ⑧8-6 | ⑤2.3 |
| 3. ⑨8.7 | ③1-2 |
| 4. ⑤7.1 | ⑥8.7 |
| 5. ④9-8 | ④9.1 |
| 6. ⑧2.4 | ⑥7.8 |
| 7. ⑧2-7 | ③3.5 |
| 8. ④4.5 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 8... ④2.4 | |
| 9. ④3.5 | ④9-6 |
| 10. ④8.2 | ④6.3 |
| 11. ④1-4 | ④6.5 |
| 12. ④5/4 | ④8.7 |
| 14. ⑤7.1 | ④5.3 |
| 16. ④1-3 | ⑥7/8 |
| 18. ④8.7 | ⑥3/2 |
| 20. ⑤1.1 | ⑥8/9 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ⑤7.6 | ④2/1 |
| 15. ⑧7-1 | ④2/4 |
| 17. ⑤1.1 | ④2-4 |
| 19. ⑧6.6 | ⑥2.4 |
| 21. ⑧3-9 | |

Trắng nhiều Tốt chiếm ưu.

Biến 2:

- | | |
|-----------|------|
| 8... ④2.6 | |
| 9. ④3.5 | ④9-7 |
| 11. ④1-4 | ⑥4.3 |
| 13. ④4-2 | ④7.1 |
| 10. ⑧7-1 | ⑥3.4 |
| 12. ④4.6 | ④7.1 |
| 14. ⑧1-5 | ④4.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. ④2/1 | ⑤7.2 | 16. ⑤5/1 | ⑥7.1 |
| 17. ④2.2 | ⑥7.1 | 18. ④2-4 | ⑤7.1 |
| 19. ⑤5.1 | ⑤7-5 | 20. ④4/1 | |

Trắng nhiều quân chiếm ưu thế.

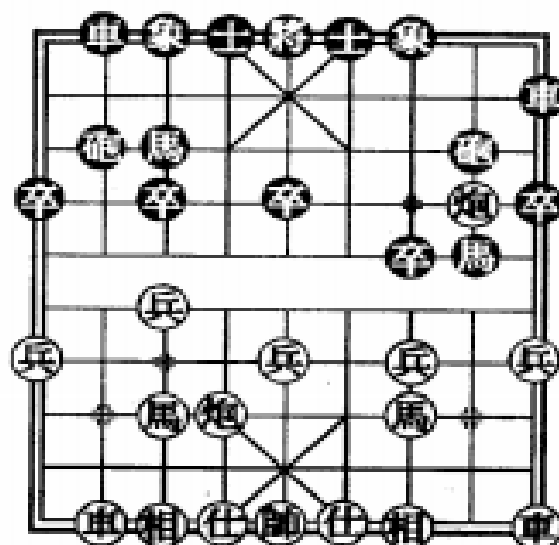
CỤC 21 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ⑤7.1 |
| 2. ⑤8-6 | ④2.3 |
| 3. ④8.7 | ⑤1-2 |
| 4. ④7.1 | ⑤8.7 |
| 5. ④9-8 | ⑤9.1 |
| 6. ⑤2.4 | ④7.8 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. ④3.5 | ⑤3.5 |
| 8. ④8.6 | ⑤2-1 |
| 9. ④8.3 | ⑤3/2 |
| 10. ④4.5 | ⑤9-3 |
| 11. ④7.6 | ⑤3.1 |
| 13. ④2-9 | ⑤9.1 |
| 15. ④3.1 | ⑤2.3 |
| 17. ④4.8 | ⑤7.1 |
| 19. ④4-3 | ⑤8.9 |
| 21. ④6-3 | ⑤3-4 |
| 23. ④3/2 | ⑤1-3 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ④7.1 | ⑤3.3 |
| 14. ④9/2 | ⑤4.5 |
| 16. ④1-4 | ⑤1.4 |
| 18. ④9-3 | ⑤8-6 |
| 20. ④3-4 | ⑤9.7 |
| 22. ④6/7 | ⑤1/5 |

Trận thế hai bên bình ổn.

Biến 2:

- | | | | |
|---------|------|----------|------|
| 7. ④4.5 | ⑤9-7 | 8. ④2-7 | ⑤7.1 |
| 9. ④3.1 | ⑤7.4 | 10. ④3.5 | ⑤7.1 |

11. ④1-4 ⑤3.5 12. ④8.5 ⑤8.9
13. ④3.1 ⑤7-9 14. ④7.6

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 22 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHÒNG MÃ (5)

1. ④2.3 ⑤7.1
2. ④8-6 ⑤2.3
3. ④8.7 ⑤1-2
4. ④7.1 ⑤8.7
5. ④9-8

(hình)

Biến 1 :

- 5... ⑤3.5
6. ④2.4 ⑤7.6
7. ④2-7

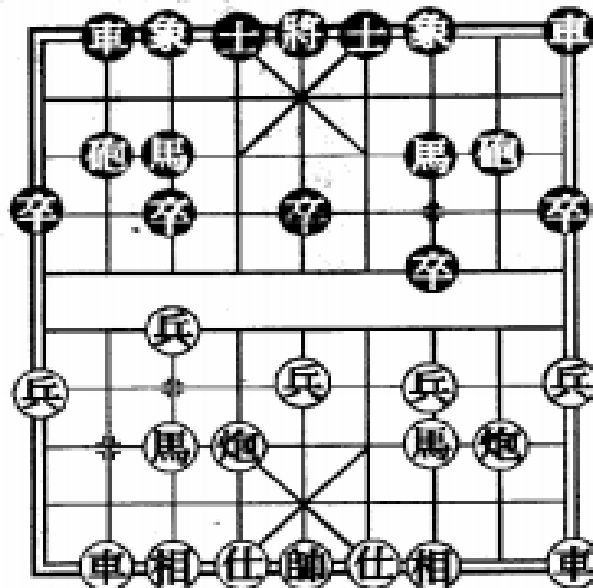
Phương án 1 :

- 7... ⑤8-7
8. ④8.5 ⑤6.7
9. ④1-2 ⑤9.1
10. ④7.6 ⑤2-1
11. ④7-8 ⑤9-6
12. ④8.1 ⑤5.1
13. ④5.1 ⑤1/1

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- 7... ⑤2.4
8. ④1-2 ⑤8-7 9. ④3.5 ⑤9.1
10. ④2.4 ⑤2.4 11. ④7.6 ⑤6.4



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. ④2-6 | ⑤9-2 | 13. ④8.2 | ⑥4.5 |
| 14. ④4.5 | ⑤2-7 | 15. ④8.3 | ⑥2.3 |
| 16. ⑤9.1 | ⑥9.1 | 17. ⑤1.1 | ⑥9.1 |
| 18. ④6-1 | | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

5... ⑤7.5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ④3.5 | ⑤6.5 | 7. ④2.4 | ⑥7.8 |
| 8. ④2-7 | ⑤9-6 | 9. ④8.4 | ⑥2-1 |
| 10. ④8.5 | ⑤3/2 | 11. ④1.1 | ⑥1-4 |
| 12. ⑤1.1 | ⑥5.1 | 13. ⑤1.1 | ⑥8.7 |
| 14. ④7-3 | ⑤7/6 | 15. ⑤1-2 | |

Bên Trắng ưu hơn một chút.

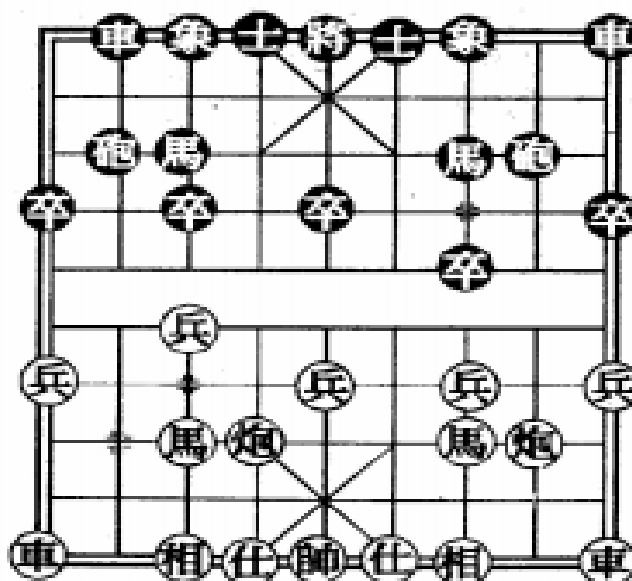
CỤC 23
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH
PHONG MÃ (6)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | ⑥7.1 |
| 2. ④8-6 | ⑤2.3 |
| 3. ⑤8.7 | ⑥1-2 |
| 4. ⑤7.1 | ⑥8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. ④2.4 | ⑥7.6 |
| 6. ④2-7 | ⑤8-7 |
| 7. ④3.5 | ⑥9-8 |
| 8. ④9-8 | ⑤3.5 |
| 9. ④4.5 | ⑥2.4 |
| 10. ④1-4 | ⑤6.7 |
| 11. ⑤7.1 | ⑥2.2 |
| 12. ④7-1 | ⑤8.3 |



13. ④1.3 ⑤4.5

15. ④4.4

Bên Trắng ưu thế.

Biến 2 :

5. ④3.5 ⑤7.8

7. ④4.5 ⑤6.5

9. ④2.2 ⑤9-8

11. ④9-8 ⑤2.6

13. ④9.1 ⑤7.6

15. ④7.9 ⑤1.1

17. ④9.7 ⑤9-6

19. ④s-7 ⑤3-4

14. ⑤7.1 ④3/4

6. ④2.2 ⑤8/7

8. ④1-4 ⑤8-9

10. ④2-7 ⑤3.5

12. ④7-6 ⑤2.4

14. ⑤9.1 ④1.1

16. ⑤7.1 ④2-3

18. ④4-3 ④1-2

20. ④8.1 ④2-3

Bên Đen ưu thế.

CỤC 24 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (7)

1. ⑤2.3 ④7.1

2. ④8-6 ⑤2.3

3. ⑤8.7 ④1-2

4. ④9-8

(hình)

Biến 1 :

4... ④2.4

5. ⑤7.1 ④2-3

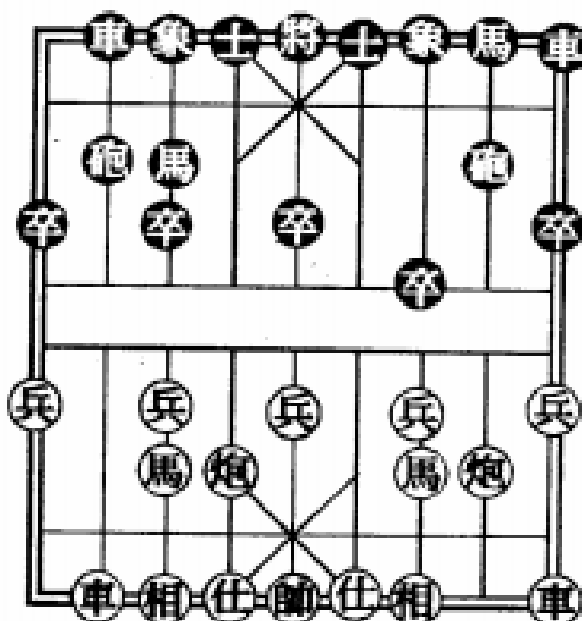
Phương án 1 :

6. ④3.5 ⑤2.9

7. ⑤7/8 ④8.7

8. ④2.4 ⑤7.6

9. ⑤8.9 ④3.1



10. ⑨9.7	⑨7.1	11. ⑨2-7	⑨7.1
12. ⑨7.3	⑨4.5	13. ⑨1.1	⑨7.1
14. ⑨1-8	⑨6/4	15. ⑨8.7	⑨8.7
16. ⑨5/3	⑨9.2	17. ⑨7-9	⑨5.4
18. ⑨6.5	⑨9-7	19. ⑨5-6	⑨7-6.
20. ⑨5.4	⑨7.7	21. ⑨6.1	⑨7/1
22. ⑨4/5	⑨7/4		

Bên Đen nhiều quân chiếm ưu thế hơn.

Phương án 2 :

6. ⑨2.4	⑨2.9	7. ⑨7/8	⑨3.5
8. ⑨3.5	⑨3-7	9. ⑨8.7	⑨8.7
10. ⑨7.6	⑨3.1	11. ⑨7.1	⑨5.3
12. ⑨1.1	⑨9.1	13. ⑨1-7	⑨9.3
14. ⑨7.4	⑨9-8	15. ⑨7-3	⑨7.8
16. ⑨6.4			

Trng thí quân giành thế.

Biến 2 :

4... ⑨8.7

5. ⑨8.4	⑨2-1	6. ⑨8-4	⑨7.5
7. ⑨7.1	⑨2.4	8. ⑨3.5	⑨6.5
9. ⑨4.5	⑨9-6	10. ⑨4.5	⑨5/6
11. ⑨2-1	⑨3.1	12. ⑨1-2	⑨8.2
13. ⑨7.1	⑨2-3	14. ⑨7.6	⑨1.4
15. ⑨1.1	⑨1/1	16. ⑨1.4	⑨7.9
17. ⑨1.1	⑨7.1	18. ⑨1-2	⑨7.1

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 25

TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN TAM BỘ HỔ

1. ⑨2.3 ⑨7.1
2. ⑨8-6 ⑨2.3

3. 馬8.7 ●1-2
4. 兵7.1 ●2-1

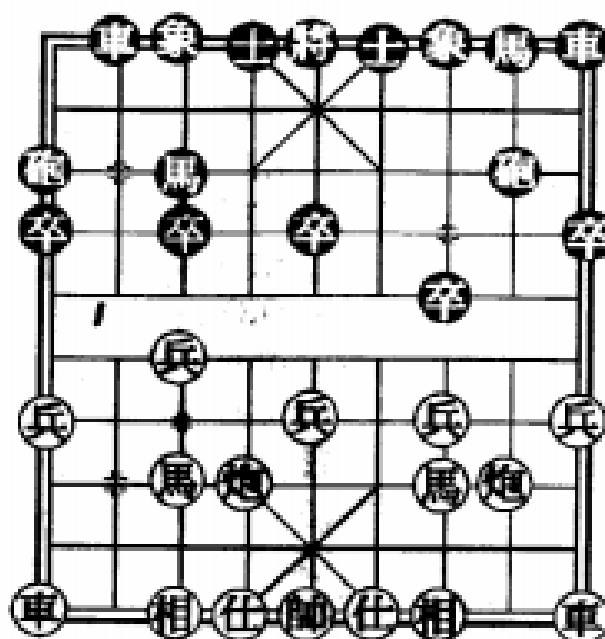
(hình)

Biến 1 :

5. 炮2.4 ●3.5
6. 相3.5 ●8.7

Phương án 1 :

7. 炮2-3 ●8.2
8. 車1-2 ●9-8
9. 車2.4 ●3.1
10. 車9-8 ●2.9
11. 馬7/8 ●8-9
12. 車2.5 ●7/8
13. 兵1.1 ●9-8
14. 兵3.1 ●7.1
15. 兵7.1 ●7.1
16. 兵7.1 ●3/5
17. 炮3/5 ●8.9
18. 炮6.4 ●1.4
19. 馬2.1



Thế trận hai bên ngang nhau.

Phương án 2 :

7. 炮2-7 ●9-8 8. 車9.2 ●8-9
9. 仕4.5 ●5.1 10. 馬7.6 ●4.5
11. 車1-4 ●8.3 12. 車9-7 ●2.4
13. 炮7-4 ●2/1 14. 炮4/5 ●3.5
15. 馬6.5 ●7.5 16. 車7.1 ●9-6
17. 炮4-3 ●1-3 18. 車7-6 ●8.5
19. 車4-3 ●5/7 20. 車6.2

Bên Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

5. 仕4.5 ●8.7 6. 炮2.4 ●3.5
7. 炮2-3 ●8.2 8. 車1-2 ●9-8

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 炮7.5 | 卒3.1 | 10. 炮2.4 | 卒8-9 |
| 11. 卒2.5 | 卒7/8 | 12. 卒7.6 | 卒3.4 |
| 13. 炮6.3 | 卒9-4 | 14. 卒7.1 | 卒5.3 |
| 15. 卒9-7 | 卒7.5 | 16. 卒7.3 | 卒2.5 |

Bên Đen phản tiên.

Biến 3 :

5. 炮3.5 卒8.7

Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮4.5 | 卒7.8 | 7. 炮2.2 | 卒8.3 |
| 8. 卒1-2 | 卒3/5 | 9. 卒2.4 | 卒5.6 |
| 10. 卒2-6 | 卒6.5 | 11. 卒6.1 | 卒7.9 |
| 12. 卒9-8 | 卒2.9 | 13. 卒7/8 | 卒8.7 |
| 14. 卒7.1 | 卒3.1 | 15. 卒6-7 | 卒7.9 |
| 16. 卒7.2 | 卒9.7 | 17. 卒5-4 | 卒5.4 |
| 18. 卒7.2 | 卒4/5 | 19. 卒7/2 | 卒1.4 |
| 20. 炮6/1 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮2.4 | 卒3.5 | 7. 炮2-7 | 卒9-8 |
| 8. 卒9.2 | 卒8-9 | 9. 炮4.5 | 卒5.1 |
| 10. 卒7.6 | 卒4.5 | 11. 卒1-4 | 卒8.3 |
| 12. 卒9-7 | 卒2.4 | 13. 炮7-4 | 卒2/1 |
| 14. 炮4/5 | 卒3.5 | 15. 卒6.5 | 卒7.5 |
| 16. 卒7.1 | 卒9-6 | 17. 炮4-3 | 卒1-3 |
| 18. 卒7-6 | 卒8.5 | 19. 卒4-3 | 卒5/7 |
| 20. 卒6.2 | 卒2-5 | 21. 卒6-8 | 卒6.2 |
| 22. 卒8.4 | 卒5/4 | 23. 卒3.1 | 卒7.1 |
| 24. 炮3.3 | 卒5.1 | 25. 卒8/2 | 卒6/2 |
| 26. 炮6.5 | 卒6-4 | 27. 卒8-7 | 卒6.5 |
| 28. 卒5.1 | 卒5.2 | 29. 卒3-4 | |

Sau khi đổi quân, Trắng hơn Tốt, quân linh hoạt, dễ đi.

TIẾT 3
CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ BIÊN
CỤC 26
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

(1)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ⑦7.1 |
| 2. ⑧8-6 | ②2.1 |
| 3. ⑧8.7 | ①1-2 |
| 4. ④9-8 | ②2-3 |
| 5. ④8.9 | ④1/2 |

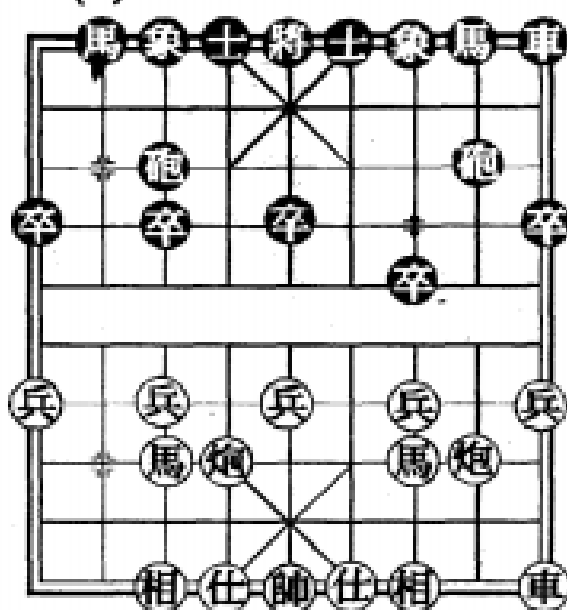
(hình)

Biến 1:

6. ②2-1

Phương án 1:

- | | |
|-----------|------|
| 6... ③3.4 | |
| 7. ④1-2 | ⑧8-3 |
| 8. ③7.5 | ⑧8.7 |
| 9. ③3.1 | ②t-2 |
| 10. ⑧7.6 | ②2.3 |
| 12. ③5.3 | ④9.1 |
| 14. ②1/1 | ②2.4 |
| 16. ④2-5 | ③3.5 |
| 18. ④5-6 | ④4.5 |
| 20. ②6-3 | ⑦3.1 |
| 22. ②t.7 | ③5/7 |
| 24. ②3-7 | ②2.1 |
| 26. ④5-6 | |



- | | |
|----------|------|
| 11. ④5.1 | ⑦7.1 |
| 13. ④2.6 | ④9-2 |
| 15. ⑧6.5 | ⑧7.5 |
| 17. ④5/2 | ②2.2 |
| 19. ⑧3.4 | ②3/2 |
| 21. ②1-3 | ④5.6 |
| 23. ②3.8 | ④6.5 |
| 25. ④5.1 | ②2/5 |

Bên Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|-----|---------|-----|
| 6... 8.7 | | | |
| 7. 1-2 | 9-8 | 8. 2.4 | 8-9 |
| 9. 2-8 | 2.1 | 10. 7.5 | 6.5 |
| 11. 3.1 | 8.4 | 12. 1/1 | 7.5 |
| 13. 9.1 | 9/2 | 14. 1-9 | 9-7 |
| 15. 3.1 | 8-7 | 16. 6.5 | |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

- | | |
|--------|-----|
| 6. 1.1 | 3.4 |
|--------|-----|

Phương án 1 :

- | | | | |
|---------|-----|---------|-----|
| 7. 1-8 | 2.3 | 8. 7.5 | 3.1 |
| 9. 8.3 | 8-4 | 10. 3.1 | 7.1 |
| 11. 8-3 | 7.5 | 12. 3.2 | 6.5 |
| 13. 2-3 | 8.9 | 14. 1.1 | 9-8 |
| 15. 6.4 | 3.4 | 16. 3-1 | 8-6 |
| 17. 2/3 | 6.6 | 18. 1.4 | 6-7 |

Thế trận hai bên bình ổn

Phương án 2 :

- | | | | |
|---------|-----|---------|-----|
| 7. 7.5 | 2.3 | | |
| 8. 1-4 | 3.1 | 9. 5.1 | 8-7 |
| 10. 4.7 | 8.9 | 11. 2/1 | 9-8 |
| 12. 2-5 | 4.5 | 13. 5.1 | 5.1 |
| 14. 5.4 | 3.5 | 15. 3.5 | 8.3 |
| 16. 5.4 | 7-6 | 17. 4.5 | 3-5 |
| 18. 4.5 | 5/4 | 19. 4/1 | 8-5 |
| 20. 4/2 | 5.2 | 21. 7.6 | 5-4 |
| 22. 6.3 | 3.4 | 23. 4-6 | 7.5 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮6-5 | 炮8.7 | 7. 兵5.1 | 士6.5 |
| 8. 馬3.5 | 炮7.5 | 9. 兵3.1 | 炮9-6 |
| 10. 兵3.1 | 炮5.7 | 11. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 12. 炮5.3 | 炮3-5 | 13. 炮2-5 | 炮6.6 |
| 14. 卒1-2 | 炮8.4 | 15. 馬5.6 | 炮8/2 |
| 16. 炮8.5 | 炮7/5 | 17. 炮5/4 | 炮8-5 |
| 18. 炮3.5 | 炮5.4 | 19. 炮4.5 | |

Trắng dễ đi hơn.

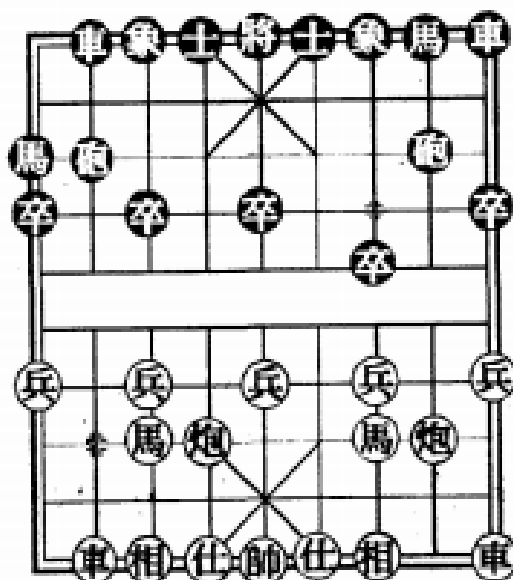
CỤC 27 TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐẾN ĐƠN ĐẾ MÃ (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮8-6 | 炮2.1 |
| 3. 炮8.7 | 卒1-2 |
| 4. 卒9-8 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 4... 炮8-5 | |
| 5. 卒1-2 | 炮8.7 |
| 6. 卒8.5 | 炮9-8 |
| 7. 炮2.4 | 卒3.1 |
| 8. 卒8-7 | 炮2.5 |
| 9. 炮6-5 | 炮5-4 |
| 10. 兵5.1 | 炮7.5 |
| 11. 卒7-6 | 士6.5 |
| 12. 炮3.5 | 炮2.6 |
| 14. 炮3.5 | 炮3.5 |
| 16. 炮7.5 | 卒1.3 |
| 18. 炮7.6 | 炮1.2 |



- | | |
|----------|------|
| 13. 炮5/1 | 炮4-3 |
| 15. 炮5/7 | 卒2-3 |
| 17. 炮5.7 | 卒3.1 |
| 19. 炮2/3 | 炮3/3 |

20. ②6/2 ③2-4

Sau khi đổi Mã, Đen có phần nhỉnh hơn.

Biến 2 :

4... ③3-4

5. ②1-2	③8.7	6. ②2-1	③7.5
7. ②7.1	③1.1	8. ②8.6	③2-3
9. ②8.3	③1/2	10. ②7.6	③4.5
11. ②1-6	③2.1	12. ②3.5	③6.5
13. ②2.6	③9-6	14. ②4.5	③9.1
15. ②6-8	③7.6	16. ②6.4	③6.4
17. ②2-5	③3.1	18. ②5/2	③1.2
19. ②8.2	③3-1	20. ②7.1	③6-3

Thế trận về căn bản là cân bằng.

TIẾT 4

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN ĐẨY TỐT 3

CỤC 28

TRẮNG ĐƠN ĐỂ MÃ SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN
LƯỠNG ĐẦU XÀ

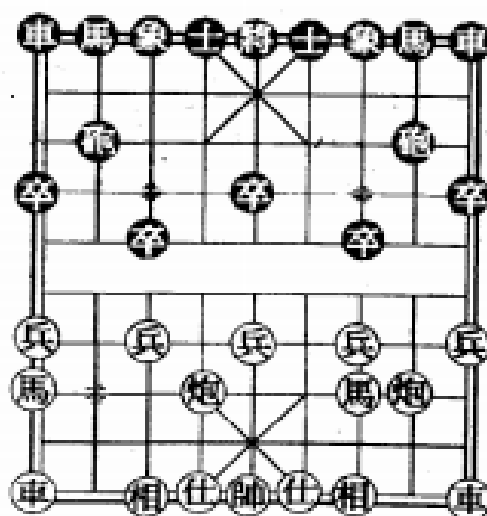
1. ②2.3	③7.1
2. ②8-6	③3.1
3. ②8.9	

(hình)

Biến 1 :

3... ③2-4

4. ②2-1	③8.7
5. ②1-2	③9-8
6. ②2.4	③8-9
7. ②2.5	③7/8
8. ②9.1	③8.7



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ⑨9-2 | ⑨2.3 | 10. ⑨2.3 | ⑨1-2 |
| 11. ⑨9.1 | ⑨7.5 | 12. ⑨3.1 | ⑨7.1 |
| 13. ⑨2-3 | ⑨4.5 | 14. ⑨4.5 | ⑨9/1 |
| 15. ⑨3.5 | ⑨9-7 | 16. ⑨3-2 | ⑨2.3 |
| 17. ⑨3.4 | ⑨7-9 | 18. ⑨1-3 | ⑨5.1 |
| 19. ⑨1.1 | ⑨2-6 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

3... ⑨2.5

Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ⑨3.5 | ⑨2.3 | 5. ⑨2-1 | ⑨8-6 |
| 6. ⑨1-2 | ⑨8.7 | 7. ⑨2.4 | ⑨1-2 |
| 8. ⑨9.1 | ⑨7.6 | 9. ⑨9.1 | ⑨7.5 |
| 10. ⑨1/1 | ⑨2/1 | 11. ⑨9-2 | ⑨9-7 |
| 12. ⑨1.5 | ⑨2-1 | 13. ⑨1.5 | ⑨7-8 |
| 14. ⑨2.8 | ⑨6/7 | 15. ⑨2/3 | ⑨7.9 |
| 16. ⑨2-1 | ⑨2.7 | 17. ⑨4.5 | ⑨3.2 |
| 18. ⑨1-5 | ⑨2.3 | | |

Đen phản tiên.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ⑨7.5 | ⑨2.3 | 5. ⑨7.1 | ⑨3.1 |
| 6. ⑨9-7 | ⑨1-2 | 7. ⑨7.4 | ⑨8.7 |
| 8. ⑨2-1 | ⑨9-8 | 9. ⑨1-2 | ⑨3.4 |
| 10. ⑨2.4 | ⑨7.5 | 11. ⑨3.1 | ⑨7.1 |
| 12. ⑨2-3 | ⑨7.6 | 13. ⑨1.4 | ⑨4.5 |
| 14. ⑨3.5 | ⑨6.5 | 15. ⑨7-8 | ⑨5/7 |
| 16. ⑨8.5 | ⑨7.6 | 17. ⑨6-4 | ⑨2-6 |
| 18. ⑨9.7 | | | |

Trắng có phần ưu hơn.

Biến 3 :

3...♙2-5			
4. ♖9-8	♙2.3	5. ♖8.4	♙1-2
6. ♖8-6	♙8.7	7. ♖3.1	♙5.1
8. ♙6-5	♙7.5	9. ♖3.1	♙5.7
10. ♖1.1	♙8-7	11. ♖3.2	♙2.3
12. ♖1-4	♙7.7	13. ♖4.5	♙7-8
14. ♖6-3	♙7.9	15. ♖5.3	♙2-5
16. ♙5.2	♙3.5	17. ♖2/3	♙9-8
18. ♖3/2	♙8.7	19. ♖2.3	♙3.4

Đen dễ đi hơn.

Biến 4 :

3...♙2.3			
4. ♖9-8	♙1-2	5. ♖8.4	♙2-1
6. ♖8-6	♙8.7	7. ♖4.5	♙7.5
8. ♙3.5	♙6.5	9. ♖1-4	♙8-9
10. ♖4.6	♙9-8	11. ♙2.2	♙1.1
12. ♖4-3	♙8.2	13. ♙2-1	♙9.3
14. ♖1.1	♙3.2	15. ♖3.1	♙7.1
16. ♖3/2	♙2.1		

Trận thế cả hai bên đều bình ổn.

Biến 5 :

3...♙2-6			
4. ♖9-8	♙2.3	5. ♖8.4	♙8.9
6. ♖3.1	♙7.1	7. ♖8-3	♙4.5
8. ♖1.1	♙3.5	9. ♖1.1	♙9.1
10. ♖1.5	♙1-4	11. ♖4.5	♙8/1
12. ♖9.1	♙8-9	13. ♖1-4	♙4.4
14. ♖4-6	♙3.4	15. ♖3-6	♙4/3
16. ♖3.2	♙9/7	17. ♙2-1	♙9-8

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 29
TRẮNG PHẢN CUNG MÃ ĐỐI ĐEN LƯƠNG
ĐẦU XÀ

1. 馬2.3
2. 炮8-6
3. 馬8.7
(hình)

Biến 1:

- 3... 炮2-7
4. 炮3.5
5. 車9-8
6. 炮2/1
7. 炮2-7
8. 兵7.1
9. 炮7.3
10. 炮7.2
11. 車1-2
12. 車8.9
13. 馬7.6
14. 炮7.3
15. 炮8.7
16. 車2-8
17. 車2-8
18. 炮2.3

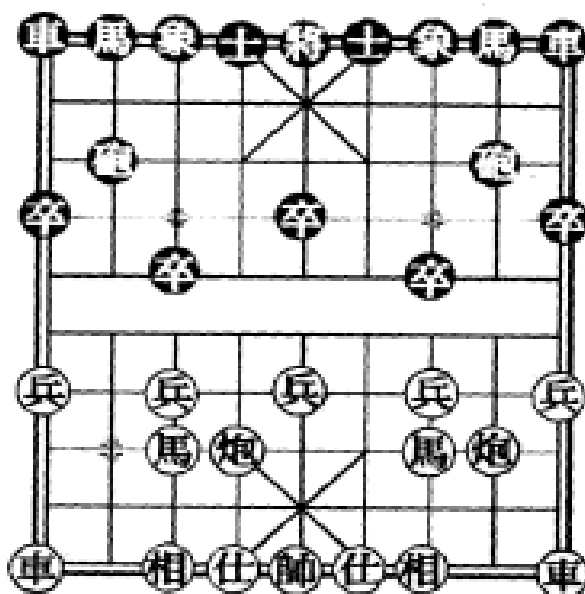
Đen dễ đi

Biến 2:

- 3... 馬2.3
4. 車9-8
6. 車1-2
8. 車2-4
10. 兵7.1
12. 車6-7

- 炮7.1
炮3.1

- 炮8.9
炮2.3
炮3.5
炮9-8
炮3.1
炮8.3
炮5.1
炮1-2
炮3/2
炮7/1
士4.5
炮4.2
炮2.3



14. 馬6.8
15. 車2.1
16. 炮7-8
17. 馬7.6

- 炮2.4
炮8.3
士5.4
炮5/3

5. 炮2-1
7. 車2.4
9. 炮7.5
11. 車4-6
13. 車7-6

- 炮8.7
炮8-9
士6.5
炮3.1
炮4/3

Trắng dễ đi.

TIẾT 5 CÁC PHƯƠNG ÁN VỚI ĐEN KIM CẦU PHÁO CỤC 30

TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN KIM CẦU PHÁO

1. 馬2.3 卒7.1
2. 炮8-6 卒2-7
3. 炮3.5

(hình)

Biến 1:

- 3... 卒7.4
4. 炮2-1 卒8.7
5. 卒1-2 卒9-8
6. 卒2.3 卒7-3
7. 卒2.3 卒1.2
8. 卒8.9 卒3-4
9. 卒9-8 卒4/3
10. 卒2/2 卒2.3
11. 卒9.7 卒7.5
12. 卒4.5 卒6.5
14. 卒8.6 卒2.7
16. 卒3.4 卒2/8
18. 卒4.2 卒5.6

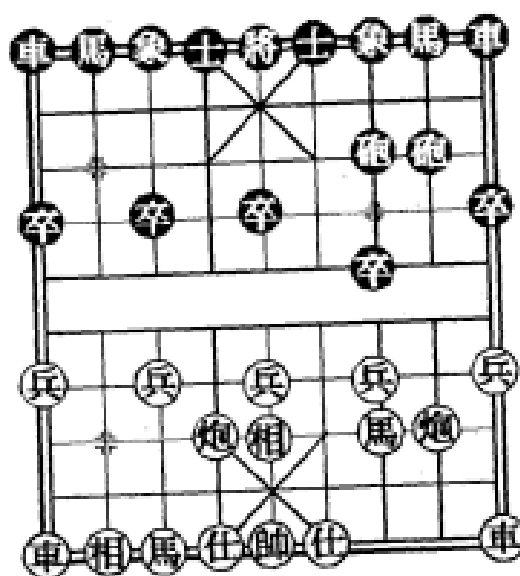
Trng có thể thắng rõ.

Biến 2:

3... 卒2.3

Phương án 1:

4. 卒7.1 卒1-2
6. 卒2-1 卒8-4



13. 卒7.8 卒1-2
15. 卒6.7 卒5-6
17. 卒1-4 卒7.6
19. 卒2.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 兵9.1 | 象7.5 | 9. 兵9.1 | 卒1.1 |
| 10. 卒9.5 | 士6.5 | 11. 仕4.5 | 象4.4 |
| 12. 马7.9 | 马2.3 | 13. 马9.8 | 卒3.1 |
| 14. 兵7.1 | 象5.3 | 15. 炮6-7 | 象3/5 |
| 16. 马8/7 | 马2-1 | 17. 卒9/1 | 马1.2 |
| 18. 马7.9 | 马3.4 | 19. 卒2.4 | 象9-6 |
| 20. 卒2-6 | 象6.4 | 21. 炮7-6 | |

Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 炮2-1 | 象7.4 | 5. 卒1-2 | 象8-4 |
| 6. 马8.9 | 象8.7 | 7. 卒2.3 | 象4.4 |
| 8. 马9/7 | 卒1-2 | 9. 卒9.1 | 马2.4 |
| 10. 马7.6 | 象7-4 | 11. 卒2.1 | 象4/4 |
| 12. 卒9-4 | 象7.5 | 13. 卒4.5 | 士6.5 |
| 14. 卒4-3 | 马9-7 | 15. 卒2-6 | 象4.5 |
| 16. 卒6/2 | 象2-6 | 17. 仕6.5 | 卒3.1 |
| 18. 炮1/2 | 马7/6 | 19. 卒3.3 | 象5/7 |

Thế trận hai bên bình ổn.

TIẾT 6 CÁC LOẠI KHÁC CỤC 31

ĐEN TIẾN TỐT ĐỐI TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO

- | | | |
|---------|------|---------|
| 1. 马2.3 | 卒7.1 | 2. 炮8-6 |
|---------|------|---------|

(hình)

Biến 1 :

2... 炮2-5

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 3. 马8.7 | 象2.3 | 4. 卒9-8 | 象1.1 |
| 5. 仕4.5 | 卒1-4 | 6. 卒8.4 | 卒5.1 |
| 7. 兵3.1 | 卒4-7 | | |

8. ④3.5 卒7.1
9. ④8-3 ④7.4
10. ④5.3 卒5.1
11. 兵5.1 卒3.5
12. ④1-4 卒5.3
13. ④6-5 卒8-5
14. ④4.6 卒8.7
15. 兵7.1 卒s/1
16. ④2.4 卒7.5
17. ④2-3 卒9-8
18. ④3.5 卒t.2

19. ④3/5

Biến 2 :

2... 卒8-5

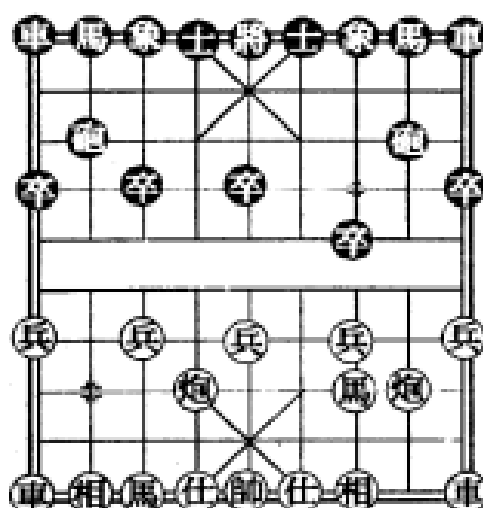
3. ④8.7 卒2.1
5. ④8.5 卒8.7
7. 兵7.1 卒9-8
9. ④7.6 卒8.4
11. ④3.1 卒1.1
13. ④6.5 卒5.4
15. 兵3.1 卒8.1
17. ④5.3 卒3.1
19. ④3.1 卒3.1
21. ④6.5

Trắng đọc quân thắng thế rõ.

Biến 3 :

2... 卒7.5

3. ④8.7 卒1.1
5. ④4.5 卒2.1
7. ④2-1 卒4.3
9. ④8-4 卒6.5
4. ④9-8 卒1-4
6. ④8.4 卒1.1
8. ④1-2 卒1.2
10. 兵7.1 卒8-6



Trắng có phần nhỉnh hơn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ②2.6 | ②2.1 | 12. ②2-1 | ②9.3 |
| 13. ②1.4 | ②8.9 | 14. ②1.1 | ②4.2 |
| 15. ②4.1 | ②2/4 | 16. ②4-8 | ②4.3 |
| 17. ②6-4 | ②2/1 | 18. ②4.1 | ②3.4 |
| 19. ②5.6 | ②4.1 | 20. ②3/5 | ②2-3 |
| 21. ②4/3 | ②3.1 | | |

Trắng hơn quân dễ đi.

CHƯƠNG 2 TRẮNG ĐÂY TỐT 7

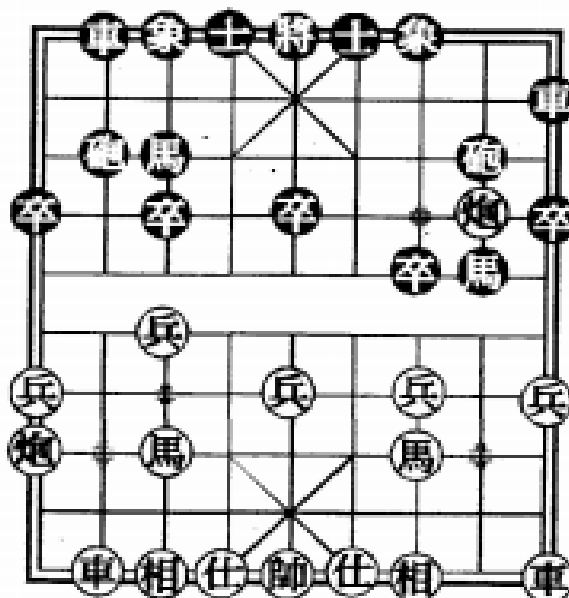
TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN HOÀNH XA TRÁI

CỤC 32

TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

- | | |
|----------------|------|
| 1. ②2.3 | ②7.1 |
| 2. ②7.1 | ②8.7 |
| 3. ②8.7 | ②9.1 |
| 4. ②8-9 | ②2.3 |
| 5. ②9-8 | ②1-2 |
| 6. ②2.4 | ②7.8 |
| Biến 1: | |
| 7. ②1.1 | ②9-7 |
| 8. ②2-7 | ②7.1 |
| 9. ②3.1 | ②7.4 |
| 10. ②8.4 | ②3.5 |
| 11. ②1-6 | ②7/1 |
| 12. ②3.4? | ②7.5 |



13. 馬4.2	炮7/5	14. 兵7.1	卒5.3
15. 車8-6	炮7-8	16. 炮9-8	卒2-1
17. 車t.1	卒2.2	18. 車t-2	卒2-8
19. 車6.3	卒3/5	20. 車6-3	士4.5
21. 兵1.1	卒t.5	22. 炮5.1	卒t-9
23. 炮8.4	卒5.1		

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

7. 車8.4	卒3.5	8. 炮3.5	卒2-1
9. 車8.5	卒3/2	10. 炮4.5	卒9-3
11. 馬7.6	卒3.1	12. 炮9-7	卒1-3
13. 馬6.5	卒3-7	14. 炮2-9	卒3.1
15. 馬5.7	卒2.3	16. 炮9/1	卒8.7
17. 車1-2	卒3.1	18. 炮9.4	士4.5
19. 炮7-8	卒3-2	20. 車2.7	卒2.1
21. 車2/1	士5.6	22. 炮9/5	卒3.4
23. 炮9-5	卒7/5	24. 兵5.1	卒7.1
25. 兵5.1	卒7.1	26. 兵5-6	卒7.1

Hòa cục.

Biến 3 :

7. 炮2-7	卒3.5	8. 車8.5	卒2-1
9. 車8-6	卒2.7	10. 馬7.6	卒9-2
11. 炮3.5	卒s.3	12. 車6-8	卒2/3
13. 炮9-6	卒1.4	14. 炮7-1	卒3.4
15. 仕4.5	卒4.6	16. 車1-4	卒7.1
17. 兵3.1	卒8-6	18. 炮1/1	

Trắng chiếm ưu.

Biến 4 :

7. 炮3.5	卒3.5	8. 仕4.5	卒9-6
9. 炮2-7	卒2.6	10. 車1-4	卒6.8

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ⑤5/4 | ●8.7 | 12. ④7-1 | ●2.7 |
| 13. ④7.6 | ●3.2 | 14. ⑤7.1 | ●2.3 |
| 15. ④9/1 | ●2/2 | 16. ④6/7 | ●2.2 |
| 17. ④1-4 | ●3.5 | 18. ④7.5 | ●2-3 |
| 19. ④8.1 | ●3-5 | 20. ④4.5 | ●5-7 |
| 21. ④4-3 | ●8.6 | 22. ⑤5/4 | ●7-5 |

Đen thắng.

CỤC 33 TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH XE

LỘ 3

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ●7.1 |
| 2. ⑤7.1 | ●8.7 |
| 3. ④8.7 | ●9.1 |
| 4. ④8-9 | ●9-3 |
| 5. ④2.4 | ●7.6 |
| 6. ④9-8 | ●3.5 |
| 7. ④8.5 | ●3.1 |

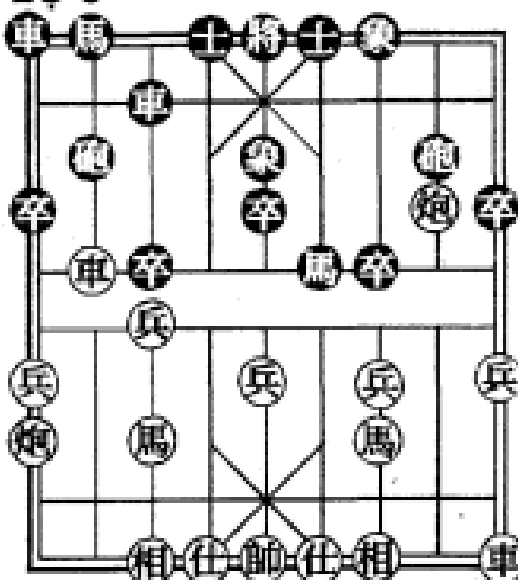
Biến 1:

- | | |
|---------|------|
| 8. ④2-9 | ●2.4 |
|---------|------|

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 9. ④1.1 | ●1-3 |
| 10. ④1-6 | ●6.7 |
| 11. ⑤7.1 | ●1.3 |
| 13. ④7.8 | ●2-4 |
| 15. ④6/2 | ●7/6 |
| 17. ④6-7 | ●4-3 |
| 19. ⑤9.1 | ●4.3 |
| 21. ④5.3 | ●2-7 |

Đen được Tượng, dễ đi.



- | | |
|----------|------|
| 12. ④8-7 | ●3.4 |
| 14. ④6.5 | ●3-2 |
| 16. ④1.3 | ●4.5 |
| 18. ④3.5 | ●7.1 |
| 20. ④7.2 | ●2.1 |

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ④1-2 | ⑤1-3 | 10. ④t-1 | ⑥6.7 |
| 11. ④2.3 | ⑦7.1 | 12. ④3.5 | ⑦3.1 |
| 13. ④5.3 | ⑦3.1 | 14. ④7/5 | ⑦t.3 |
| 15. ④8-7 | ⑧3.4 | 16. ④9-8 | ⑧8-7 |
| 17. ④1-3 | ⑧3-7 | 18. ④2-3 | ⑧7/1 |
| 19. ④5.1 | ⑨4.6 | 20. ④7.5 | ⑨5.1 |
| 21. ④5.1 | ⑧7-2 | | |

Đen chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. ④7.1 | ⑤3.3 | 9. ④8-7 | ⑥5.3 |
| 10. ④2/1 | ⑥6.7 | 11. ④2-7 | ⑥8-3 |
| 12. ④7/2 | ⑥2.4 | 13. ④1.1 | ⑦7.1 |

Đen bỏ Tượng chiếm tiên.

CỤC 34

ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG BÌNH PHÁO PHẢI

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ⑦7.1 |
| 2. ④7.1 | ⑧8.7 |
| 3. ④8.7 | ⑤9.1 |
| 4. ④2-1 | |

(hình)

Biến 1 :

4... ⑤7.8

5. ④7.6

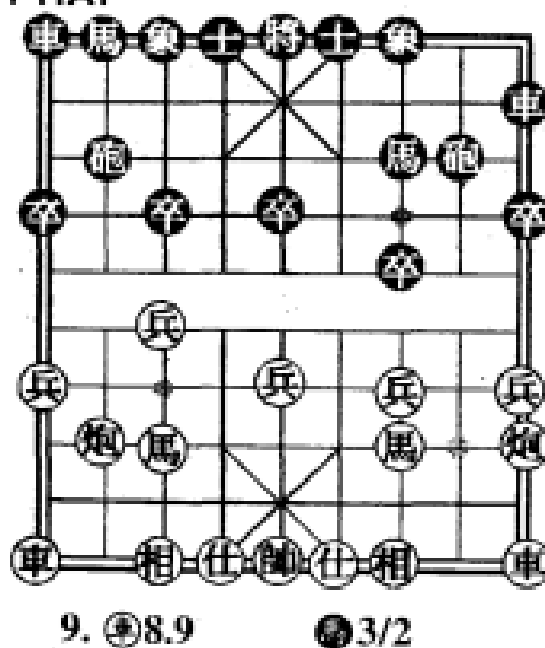
Phương án 1 :

5... ⑤2.3

6. ④8-5
 ⑥3.5 |

7. ④9-8
 ⑥1-2 |

8. ④6.5
 ⑥2-1 |



10. ♠1.1	♣2.4	11. ♠1-6	♣8.7
12. ♠6.4	♣9-7	13. ♣5/6	♣4.2
14. ♣5.1	♣7-4	15. ♠6.3	♣2/4
16. ♣5.1	♣8.3	17. ♣3.5	♣7.5
18. ♣7.5	♣8-5	19. ♣6.5	♣1.4
20. ♣5/7	♣1-8	21. ♣1.4	♣1.1
22. ♣5.1	♣8-3		

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

5... ♣3.5		6. ♣8-6	♣2.1
7. ♠9-8	♣1.2	8. ♠8.6 ♣2-3	
9. ♠8.3	♣1/2	10. ♠1.1	♣3.3
11. ♣7.5	♣3/1	12. ♠1-8	♣2.3
13. ♣1/1	♣9-6	14. ♣1.5	♣6.2
15. ♣1.3	♣6-9	16. ♣1-2	♣8/7
17. ♣2/1	♣9/2	18. ♣2-8	♣8.3
19. ♣8.1	♣3/2	20. ♠8.8	♣5/3
21. ♠8/2	♣7.5	22. ♣6.7	♣7.6
23. ♠8/3	♣8/2		

Thế trận cân bằng.

Biến 2 :

4... ♣7.6			
5. ♠1-2	♣8-7	6. ♠2.6	♣2.3
7. ♠2-4	♣6.7	8. ♣1.4	♣3.5
9. ♠4-3	♣7/6	10. ♠9.1	♣7-6
11. ♠3-4	♣4.5	12. ♣1-3	♣9-7
13. ♠9-6	♣7.1	14. ♣3.3	♣7/1
15. ♠4/1	♣1.1	16. ♣8-9	♣1-2
17. ♠6-8	♣7.1	18. ♣3/5	♣2.4
19. ♣7.6	♣7.5		
20. ♣5.7	♣2-3		

21. ♠8.8 ♣3/2 22. ♠4-6 ♣3.3
 23. ♠6.5 ♣3-1

Bên Đen nắm quyền chủ động.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... ♣9-3 | | 5. ♠1-2 | ♣3.1 |
| 6. ♠7.1 | ♣3.3 | 7. ♠8/1 | ♣2.1 |
| 8. ♠8-7 | ♣3-2 | 9. ♠2.4 | ♣2-3 |
| 10. ♠7.6 | ♣8-3 | 11. ♠2-7 | ♣3.5 |
| 12. ♠1-7 | ♣7.5 | 13. ♠3.1 | ♣1-2 |
| 14. ♠7.5 | ♣7.1 | 15. ♠7-3 | ♣7.6 |
| 16. ♠9-7 | ♣4-4 | 17. ♠4.5 | ♣2.6 |
| 18. ♠3-4 | ♣2-1 | 19. ♠7.6 | ♣1.1 |
| 20. ♠7.4 | ♣1.2 | 21. ♠7.2 | ♣1/1 |
| 22. ♠7-5 | ♣6/7 | 23. ♠5-3 | ♣1-6 |
| 24. ♠3.4 | ♣4-6 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 4 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... ♣2.4 | | 5. ♠1-2 | ♣8-9 |
| 6. ♠2.4 | ♣2-7 | 7. ♠3.5 | ♣9-6 |
| 8. ♠9.1 | ♣2.1 | 9. ♠2/1 | ♣6.5 |
| 10. ♠8.1 | ♣7-5 | 11. ♠3.5 | ♣6-8 |
| 12. ♠8-2 | ♣3.5 | 13. ♠9-4 | ♣1.1 |
| 14. ♠4.5 | ♣5.1 | 15. ♠4-3 | ♣1-8 |
| 16. ♠2.3 | | | |

Thế trận cân bằng.

Biến 5 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... ♣2.4 | | 5. ♠1-2 | ♣8-9 |
| 6. ♠2.4 | ♣2-7 | 7. ♠3.5 | ♣9-6 |
| 8. ♠9.1 | ♣2.1 | 9. ♠2/1 | ♣6.5 |
| 10. ♠8.1 | ♣7-5 | 11. ♠3.5 | ♣6-8 |
| 12. ♠8-2 | ♣3.5 | 13. ♠9-4 | ♣1.1 |
| 14. ♠4.5 | ♣5.1 | 15. ♠4-3 | ♣1-8 |

16. ②2.3

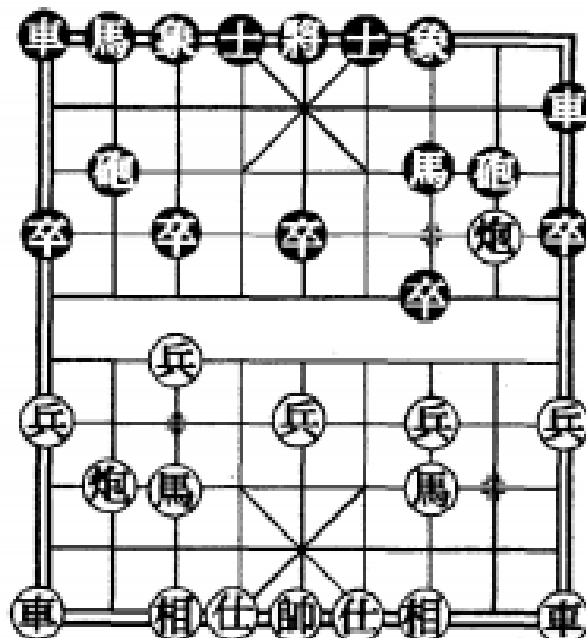
Thế trận cân bằng.

CỤC 35 ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG PHÁO TÁI QUÁ HÀ

1. ②2.3 ④7.1
2. ③7.1 ⑤8.7
3. ④8.7 ⑥9.1
4. ⑤2.4 (hình)

Biến 1:

- 4... ⑥7.8
5. ⑤8.3 ⑦8.7
6. ⑤2.3 ⑧7.1
7. ⑥1-2 ⑨3.5
8. ⑤8/1 ⑩9-7
9. ⑥2.6 ⑪7-8
10. ④7.6 ⑫2.4
11. ⑥9.2 ⑬2-3
12. ⑤8/1 ⑭8.1
13. ⑥2/3 ⑮7.2
15. ⑤8-3 ⑯1-2
17. ⑥9-4 ⑰8-6
19. ⑤3.1 ⑱6-8



14. ⑥2-3 ⑮7.3
16. ④6.4 ⑯2.4
18. ④4.2 ⑰2-7
20. ⑥4.6 ⑱6.5

Đen có thể kháng cự được.

Biến 2:

- 4... ⑥7.6
5. ⑤8.3 ⑦7.1
6. ⑤2-7 ⑧7.1
7. ③7.1 ⑨6.8
8. ④3/5 ⑩9-6
9. ④7.6 ⑪5.3
10. ⑥9.2 ⑫6-3
11. ⑤8/1
12. ⑤7.2 ⑬8-2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. ④3.5 | ⑤4.5 | 15. ④1-3 | ⑤1-4 |
| 16. ④5.7 | ⑤6.7 | 17. ④3.3 | ⑤3/5 |
| 18. ④5.3 | ⑤5.1 | 19. ④7.5 | ⑤8-7 |
| 20. ④9-8 | ⑤3.5 | | |

Đen có thể kháng cự được.

CỤC 36

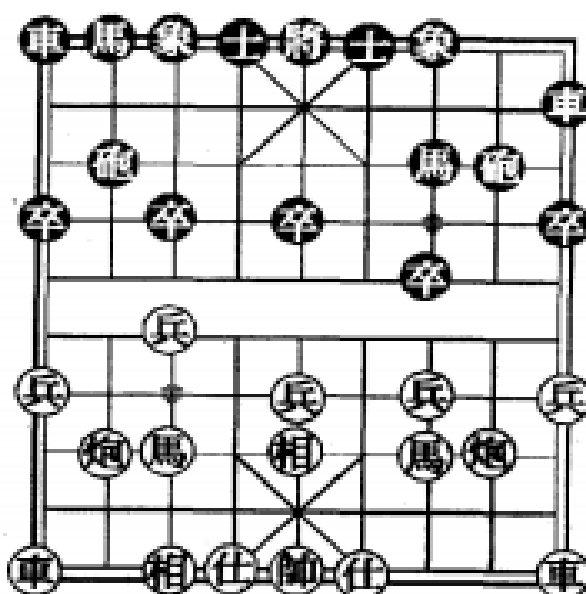
ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG PHI TƯỢNG PHẢI

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ⑤7.1 |
| 2. ④7.1 | ⑤8.7 |
| 3. ④8.7 | ⑤9.1 |
| 4. ④3.5 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 4... ⑤3.5 | |
| 5. ④8.2 | ⑤3.1 |
| 6. ④3.1 | ⑤3.1 |
| 7. ④5.7 | ⑤7.1 |
| 8. ④8-3 | ⑤2.4 |
| 9. ④9-8 | ⑤1-3 |
| 10. ④7.6 | ⑤3.4 |
| 11. ④2/1 | ⑤7.8 |
| 12. ④2-6 | ⑤9-6 |
| 14. ④7.5 | ⑤6.7 |
| 16. ④6/7 | ⑤3-8 |
| 17. ④8.6 | ⑤8.1 |
| 19. ④6.5 | ⑤4.6 |
| 21. ④8-1 | ⑤5.6 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ④6.1 | ⑤8.6 |
| 15. ④6-3 | ⑤6.4 |
| 18. ④8/3 | ⑤2-3 |
| 20. ④7/8 | ⑤6.5 |

Đen thắng thế.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 卒3.1 | | 5. 兵7.1 | 炮9-3 |
| 6. 炮4.5 | 炮3.3 | 7. 炮7.6 | 炮3-4 |
| 8. 炮6/7 | 炮4-3 | 9. 炮7.6 | 炮2-4 |
| 10. 卒1-4 | 炮2.3 | 11. 炮8.4 | 炮3-4 |
| 12. 炮6/7 | 炮4/1 | 13. 卒9-8 | 炮1-2 |
| 14. 炮8.2 | 炮3.5 | 15. 炮8-4 | 炮2.9 |
| 16. 炮7/8 | 炮4-2 | 17. 炮8.9 | 炮3.4 |
| 18. 炮2.4 | 炮2.2 | 19. 炮2-3 | 炮2-6 |

Đen thí Tượng đổi Xe, giành thế chủ động.

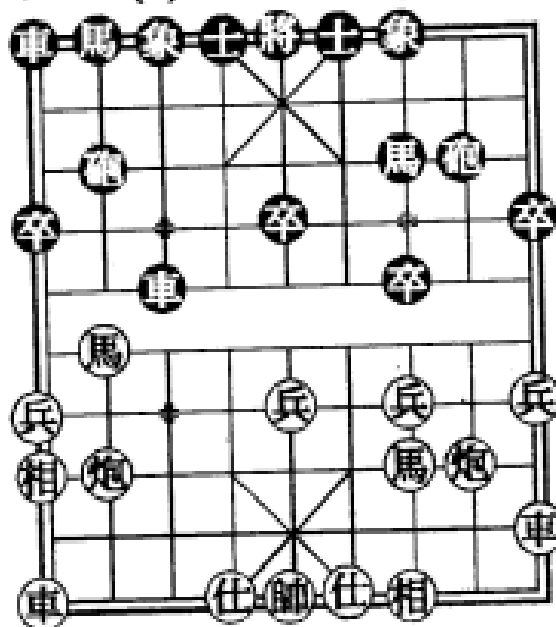
CỤC 37 ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỔI TRẮNG HOÀNH XE PHẢI (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2.3 | 卒7.1 |
| 2. 兵7.1 | 炮8.7 |
| 3. 炮8.7 | 炮9.1 |
| 4. 卒1.1 | 炮9-3 |
| 5. 炮7.8 | 卒3.1 |
| 6. 炮7.1 | 炮3.3 |
| 7. 炮7.9 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 7... 炮2.5 | 炮2.3 |
| 8. 炮2-8 | 炮8-9 |
| 9. 卒1-2 | 炮3.5 |
| 10. 卒9-7 | 炮3.5 |
| 11. 炮9/7 | 卒1-4 |
| 13. 卒3.1 | 炮7.6 |
| 15. 卒2-3 | 炮6.4 |
| 17. 卒3-6 | |



- | | |
|----------|------|
| 12. 卒2.3 | 炮4.5 |
| 14. 炮3.5 | 卒7.1 |
| 16. 卒4.5 | 炮4.5 |

Hai bên thế trận ngang nhau.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 7... 炮2-3 | 8. 車1-6 | 炮3.5 |
| 9. 炮2.4 | 炮3/2 | 炮8.3 |
| 11. 車6-2 | 炮7.1 | 炮3.2 |
| 13. 炮3.1 | 炮3-4 | 炮4.1 |
| 15. 炮8.5 | 炮7/5 | 炮4/5 |
| 17. 車9-8 | 炮2.1 | 炮3-2 |
| 19. 車8-6 | 炮4.7 | 炮1.1 |
| 21. 車2-6 | 炮5/3 | 炮4.5 |
| 23. 炮8-5 | | |

Thế trận bên Trắng có phần nhỉnh hơn.

CỤC 38

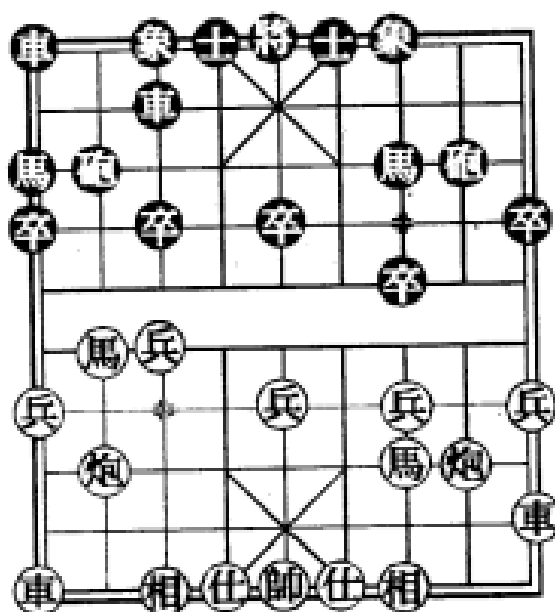
ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE PHẢI (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮7.1 | 炮8.7 |
| 3. 馬8.7 | 炮9.1 |
| 4. 車1.1 | 卒9-3 |
| 5. 馬7.8 | 炮2.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 車1-4 | 卒3.1 |
| 7. 炮8-7 | 炮2-3 |
| 8. 馬8.9 | 炮3.1 |
| 9. 炮7.5 | 炮8-3 |
| 10. 車4.6 | 炮1/2 |
| 11. 車4-3 | 炮1.3 |
| 12. 車3.2 | 炮3-8 |
| 13. 炮2-1 | 卒5.1 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. ④9-8 | ⑤8.6 | 15. ④3/5 | ⑤3-5 |
| 16. ④5.4 | ⑤5.4 | 17. ④4.3 | ⑤8-5 |
| 18. ④4.5 | ⑤5-7 | 19. ④5.4 | ⑤7-6 |

Hai bên đối công, Đen có ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ④9.1 | ⑤1-2 | 7. ④8.5 | ⑤2.2 |
| 8. ④8/9 | ⑤2-6 | 9. ④2/1 | ⑤6.5 |
| 10. ④9-3 | ⑤7.6 | 11. ④2.1 | ⑤6/1 |
| 12. ④3-4 | ⑤6-7 | 13. ④4.4 | ⑤7.1 |
| 14. ④2.4 | ⑤7.2 | 15. ④4.2 | ⑤8/2 |

Đen được Tượng, dễ đi.

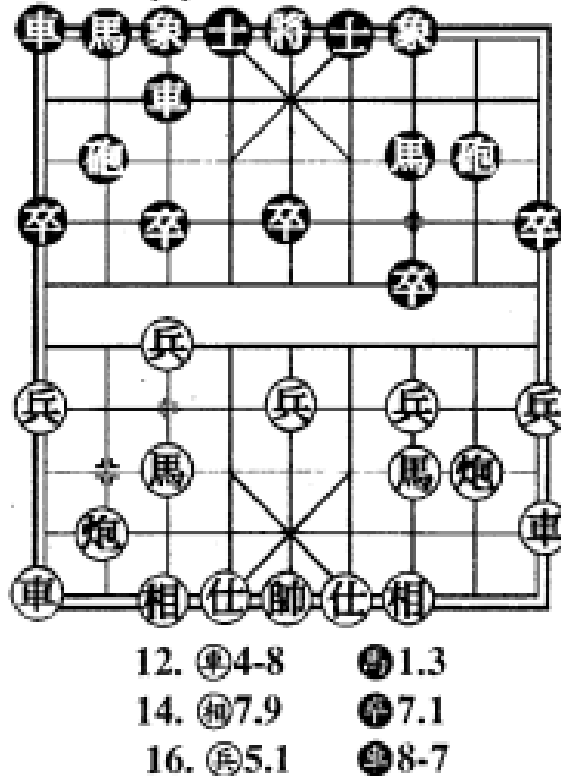
CỤC 39 ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE PHẢI (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ⑤7.1 |
| 2. ⑤7.1 | ④8.7 |
| 3. ④8.7 | ⑤9.1 |
| 4. ④1.1 | ⑤9-3 |
| 5. ④8/1 | |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... ⑤8-9 | |
| 6. ④9.2 | ⑤3.5 |
| 7. ④7.6 | ⑤2.1 |
| 8. ④9-4 | ⑤3-8 |
| 9. ④2-1 | ⑤4.5 |
| 10. ④6.7 | ⑤8.6 |
| 11. ④1-6 | ⑤2.1 |
| 13. ④8.5 | ⑤3.5 |
| 15. ④5.1 | ⑤7.1 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 17. ♖8-3 | ♙7.1 | 18. ♘8.1 | ♚5.4 |
| 19. ♗6.1 | ♙5.1 | 20. ♖6-3 | ♘7.8 |
| 21. ♘1.4 | ♙1-2 | 22. ♘1-5 | ♙5-4 |
| 23. ♘5-6 | ♙4-5 | 24. ♘8-9 | ♘8.6 |
| 25. ♖3.1 | ♙2.2 | 26. ♘9.2 | ♚2.1 |

Đen giành được thế chủ động.

Biến 2 :

- 5... ♙2.1 6. ♘8-7

Phương án 1 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... ♙2.6 | | 7. ♘2/1 | ♚1-2 |
| 8. ♖9-8 | ♙2.7 | 9. ♖8.1 | ♚2-3 |
| 10. ♗7.5 | ♙7.6 | 11. ♘7/1 | ♙s-4 |
| 12. ♖7.1 | ♘8-3 | 13. ♘2-7 | ♚3-4 |
| 14. ♗4.5 | ♙t.1 | 15. ♖1-4 | ♘6.4 |
| 16. ♖4.6 | ♘3/1 | 17. ♖4-8 | ♘4.6 |
| 18. ♖t-4 | ♙6.7 | 19. ♖4/6 | ♙3.1 |
| 20. ♖4-3 | ♙t-3 | 21. ♖8-7 | ♚3.7 |
| 22. ♗5/4 | ♘3/1 | | |

Đen nhiều Tốt chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... ♙1-2 | | 7. ♖9-8 | ♙7.5 |
| 8. ♖1-4 | ♙1.1 | 9. ♖4.5 | ♚3-4 |
| 10. ♘7-3 | ♙4.3 | 11. ♖8.6 | ♚2-4 |
| 12. ♖8.3 | ♙1/2 | 13. ♖3.1 | ♙7.1 |
| 14. ♘3.3 | ♙4.1 | 15. ♖4.2 | ♚6.5 |
| 16. ♖4-2 | ♘8.2 | 17. ♗3.5 | |

Trắng dễ đi.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|------|---------|------|
| 5... ♙3.5 | | 6. ♖9.2 | ♙3.1 |
| 7. ♖7.1 | ♚3.3 | 8. ♖1-6 | ♚4.5 |

9. ⑤5.1 ④3.2
11. ⑤7.8 ④2-4
13. ⑤6.4 ④2.3
15. ⑤7-3 ④7.1
17. ⑤9-4 ④5.1

10. ④8-7 ⑤3-7
12. ④2.4 ⑤7.1
14. ④8.7 ⑤7-3
16. ④3/5 ⑤1-2
18. ④6.1 ⑤5.1

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 4:

- 5... ④3.1
7. ④8-7 ⑤3-2
9. ④7.5 ⑤3.5
11. ④2-8 ⑤2.4
13. ④9.2

6. ⑤7.1 ④2.5
8. ⑤9-8 ④1.1
10. ④2.2 ④2-1
12. ⑤8-9 ④5.3

Trắng thắng thế rõ.

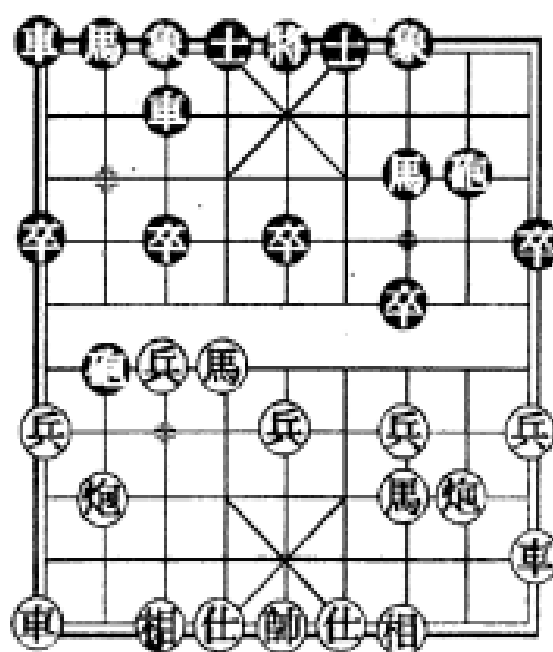
CỤC 40

ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE PHẢI (4)

1. ⑤2.3 ④7.1
2. ⑤7.1 ④8.7
3. ⑤8.7 ④9.1
4. ④1.1 ④9-3
5. ⑤7.6 ④2.3

Biến 1:

6. ⑤6/5 ④2.1
7. ④1-4 ④3.5
8. ⑤9.1 ④3-4
9. ⑤9.1 ④1/3
10. ⑤9-8 ④4.6
11. ⑤3/5 ④4.1
12. ⑤1.7 ④4-3



13. ⑨9.3 ⑩8.4 14. ⑨4.7 ⑩8-5
 15. ⑨7/5 ⑩5/1 16. ⑨9-5

Các quân bên Trắng linh hoạt hơn, Trắng chiếm ưu thế hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ⑨7.1 | ⑩3.1 | 7. ⑨8-7 | ⑩2.3 |
| 8. ⑨2.4 | ⑩3.1 | 9. ⑨6.7 | ⑩2.2 |
| 10. ⑨2-3 | ⑩7.5 | 11. ⑨1-2 | ⑩8/1 |
| 12. ⑨2.6 | ⑩8-7 | 13. ⑨2-3 | ⑩7.2 |
| 14. ⑨3/1 | ⑩2-7 | 15. ⑨9-8 | ⑩1.1 |
| 16. ⑨7-5 | ⑩3-7 | 17. ⑨5.4 | ⑩3.5 |
| 18. ⑨3-5 | ⑩7-3 | 19. ⑨8.6 | ⑩3/4 |
| 20. ⑨8-7 | ⑩7-3 | | |

Hoà cục.

CỤC 41

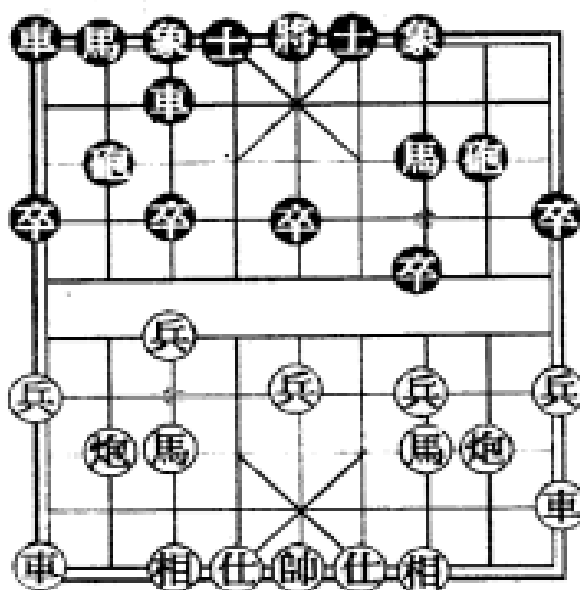
ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE PHẢI (5)

1. ⑨2.3 ⑩7.1
 2. ⑨7.1 ⑩8.7
 3. ⑨8.7 ⑩9.1
 4. ⑨1.1 ⑩9-3

(hình)

Biến 1:

5. ⑨7.5 ⑩3.1
 6. ⑨7.1 ⑩3.3
 7. ⑨7.6 ⑩3-4
 8. ⑨6/7 ⑩2.1
 9. ⑨1-4 ⑩2-3
 10. ⑨4.3 ⑩1.3



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ④7.8 | ⑤3.2 | 12. ④4-8 | ⑤3.5 |
| 13. ④9-7 | ⑤3-1 | 14. ④3.1 | ⑤7.1 |
| 15. ④5.3 | ⑤4-7 | 16. ④3/5 | ⑤1-3 |
| 17. ④7.9 | ⑤5/3 | 18. ④9.1 | ⑤7.5 |
| 19. ④2/1 | ⑤1.1 | 20. ④2-3 | ⑤1.1 |
| 21. ④8-9 | ⑤7-2 | 22. ④8-6 | |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④1-4 | ⑤3.1 | 6. ④7.1 | ⑤3.3 |
| 7. ④7.6 | ⑤2.1 | 8. ④2.4 | ⑤2-3 |
| 9. ④7.5 | ⑤1-2 | 10. ④8-6 | ⑤3-4 |
| 11. ④9.2 | ⑤2.5 | 12. ④4.3 | ⑤4.5 |
| 13. ④9-6 | ⑤3-4 | 14. ④2-3 | ⑤7/5 |
| 15. ④6/7 | ⑤2-6 | 16. ④6.3 | ⑤6.2 |
| 17. ④3/2 | ⑤7.5 | 18. ④6.5 | ⑤6/4 |
| 19. ④3.2 | ⑤5.3 | 20. ④6/1 | ⑤6.1 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④8.1 | ⑤3.1 | 6. ④8-7 | ⑤3.5 |
| 7. ④3.5 | ⑤2-3 | 8. ④7.9 | ⑤3-4 |
| 9. ④9-7 | ⑤4.5 | 10. ④2.1 | ⑤7.8 |
| 11. ④2.4 | ⑤3-8 | 12. ④7/5 | ⑤3.1 |
| 13. ④9.7 | ⑤2.3 | 14. ④5/3 | ⑤4.2 |
| 15. ④5.4 | ⑤4/2 | 16. ④4/5 | ⑤4.2 |
| 17. ④5.4 | ⑤4/3 | 18. ④7.4 | ⑤8-3 |
| 19. ④7/5 | ⑤3-1 | | |

Đen chiếm ưu thế.

CỤC 42
ĐEN HOÀNH XE TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE
PHẢI (6)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 兵7.1 | ●8.7 |
| 3. 馬8.7 | ●9.1 |
| 4. 車1.1 | ●3.5 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 車1-4 | ●9-4 |
| 6. 車4.5 | ●4.3 |
| 7. 馬7.8 | ●2-4 |
| 8. 仕6.5 | ●4.5 |
| 9. 相7.5 | ●2.1 |
| 10. 車4-3 | ●8/1 |
| 11. 兵7.1 | ●4-3 |
| 13. 炮2.5 | ●1/3 |
| 15. 炮8-9 | ●1-2 |
| 17. 車4.2 | ●1/1 |
| 19. 車4-2 | ●3.4 |
| 21. 炮2-5 | ●7.5 |

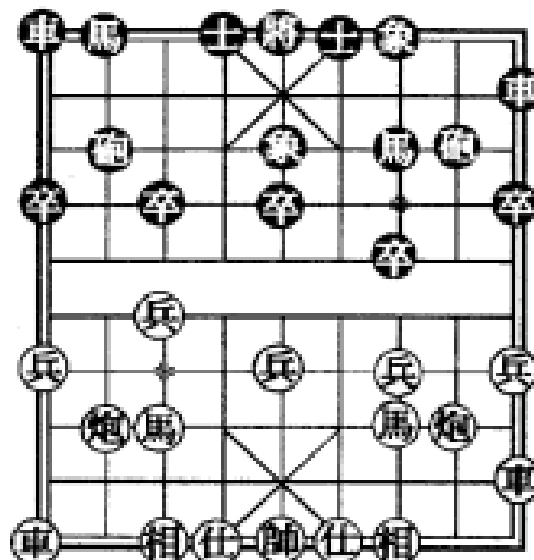
Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

5. 車9.1

Phương án 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... 馬2.4 | |
| 7. 車6.3 | ●3.1 |
| 9. 車4.4 | ●9-4 |
| 11. 馬7/5 | ●7.6 |
| 13. 車6/3 | ●8.2 |
| 15. 車6/1 | ●5/7 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 車9-6 | ●1.1 |
| 14. 車3-4 | ●1.1 |
| 16. 馬8.9 | ●3-1 |
| 18. 炮9-7 | ●2.1 |
| 20. 車6.6 | ●4/1 |
| 22. 車2/2 | |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 17. ♀6-8 | ♂2-4 | 18. ♀8/1 | ♂4.6 |
| 19. ♀8-2 | ♂3.7 | 20. ♀2-3 | ♂3.2 |
| 21. ♀1.3 | | | |

Trắng nhiều uân hơn, thắng thế rõ.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 5... ♀9-4 | | 6. ♀9-6 | ♂4.5 |
| 7. ♀7.8 | ♂4.7 | 8. ♀1-6 | ♂2.5 |
| 9. ♀2-8 | ♂7.6 | 10. ♀6-4 | ♂6.7 |
| 11. ♀4.2 | ♂8-7 | 12. ♀7.5 | ♂2.3 |
| 13. ♀5.1 | ♂3.1 | 14. ♀7.1 | ♂5.3 |
| 15. ♀8.1 | ♂7/8 | 16. ♀3.5 | ♂1-4 |
| 17. ♀4-2 | ♂8/9 | | |

Bên Đen ưu thế hơn.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 5... ♀2.3 | | 6. ♀6.3 | ♂9-6 |
| 7. ♀3.1 | ♂7.6 | 8. ♀6-4 | ♂7.1 |
| 9. ♀4-3 | ♂1.1 | 10. ♀3.5 | ♂8-7 |
| 11. ♀3.2 | ♂6.1 | 12. ♀3-2 | ♂6.7 |
| 13. ♀2-3 | ♂7-8 | 14. ♀8.1 | ♂7/8 |
| 15. ♀3-2 | ♂2.2 | 16. ♀2.3 | ♂2-5 |
| 17. ♀6.5 | ♂8.3 | 18. ♀2-3 | ♂8/4 |
| 19. ♀3-2 | ♂1-4 | 20. ♀9-8 | ♂8-7 |
| 21. ♀5.1 | ♂5-7 | 22. ♀7.5 | ♂4.5 |
| 23. ♀2/1 | ♂6-7 | 24. ♀8.5 | |

Trắng chiếm ưu thế.

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN PHI TƯỢNG

PHẢI

CỤC 43

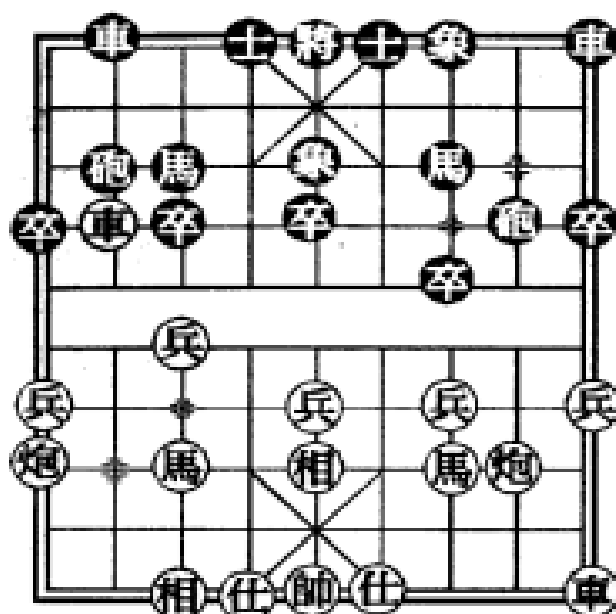
TRĂNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (1)

1. 馬2.3 卒7.1
2. 兵7.1 卒8.7
3. 馬8.7 卒3.5
4. 炮8-9 卒2.3
5. 車9-8 卒1-2
6. 車8.6 卒8.1
7. 炮3.5

(hình)

Biến 1:

- 7... 卒3.1
8. 車8/2 卒3.1
9. 車8-7 卒3.4
10. 兵3.1 卒7.1
11. 車7-3 卒2-4
12. 炮2-1 卒9-8
13. 車2.4 卒5.1
14. 兵5.1 卒4/6
15. 車3-8 卒8-5
16. 炮5.1 卒8.5



13. 卒1-2 卒2.3
14. 馬3.4 卒5.1
15. 車3.2 卒6.5
16. 馬4.5 卒5.6
17. 炮9/1

Trắng được quân chiếm ưu.

Biến 2:

- 7... 卒4.5
8. 車4.5 卒2-1
9. 車8.3 卒3/2
10. 炮9.4 卒8-7
11. 卒1-2 卒9-8
12. 炮2.4 卒2.4
13. 炮9-8 卒7.3
14. 兵9.1 卒7-6
15. 炮2-3 卒7.1
16. 車2.9 卒7/8
17. 兵1.1 卒8.9
18. 炮3-2 卒7.1
19. 馬3/2 卒6/1
20. 兵9.1 卒9.7
21. 炮8-5 卒7.8
22. 炮5/2 卒8/6

23. 炮2.3 4.5 24. 兵9.1
Trắng nhiều Tốt, dễ đi.

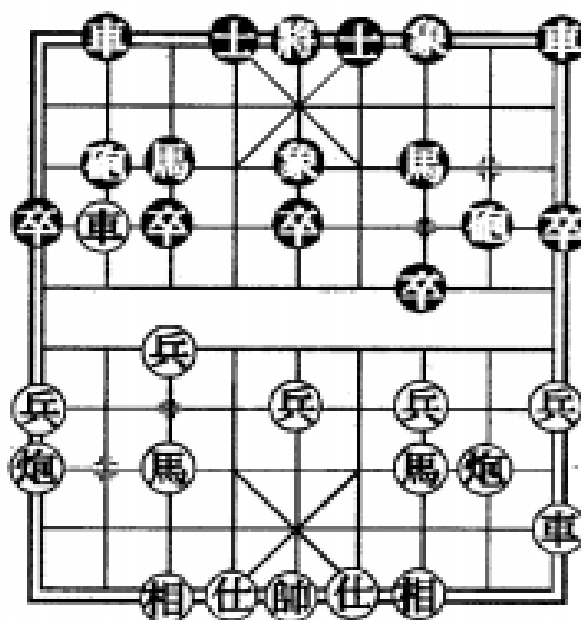
CỤC 44 TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 兵7.1 | 馬8.7 |
| 3. 馬8.7 | 卒3.5 |
| 4. 炮8-9 | 卒2.3 |
| 5. 車9-8 | 卒1-2 |
| 6. 車8.6 | 卒8.1 |
| 7. 車1.1 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 7... 卒3.1 | |
| 8. 車8/2 | 卒3.1 |
| 9. 車8-7 | 馬3.4 |
| 10. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 11. 車1-6 | 馬4/6 |
| 12. 炮9-8 | 卒2-3 |
| 14. 馬3.4 | 馬7/5 |
| 16. 馬6.7 | 卒2/7 |



- | | |
|----------|------|
| 13. 車7.3 | 卒2.7 |
| 15. 馬4.6 | 馬5.3 |
| 17. 馬t.8 | |

Bên Trắng nhiều quân chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 7... 卒8-7 | | 8. 車1-4 | 卒9-8 |
| 9. 車4.5 | 卒7.3 | 10. 馬3/5 | 士4.5 |
| 11. 炮2-3 | 卒1.1 | 12. 炮3.5 | 馬7.8 |
| 13. 車4/3 | 卒8.2 | 14. 馬7.6 | 卒2-1 |
| 15. 車8-7 | 卒1.4 | 16. 兵5.1 | 卒1/1 |
| 17. 馬5.7 | | | |

Trắng chiếm tiên thủ.

CỤC 45 TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮7.1 | 炮8.7 |
| 3. 馬8.7 | 卒3.5 |
| 4. 炮8-9 | 卒2.3 |
| 5. 車9-8 | 卒1-2 |
| 6. 車8.6 | |

(hình)

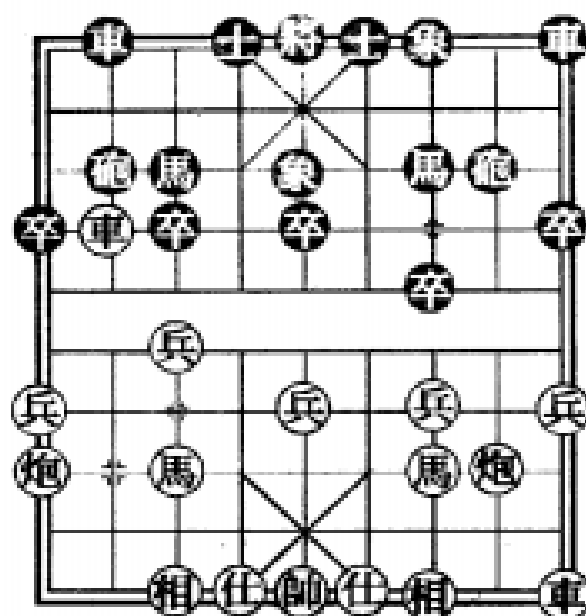
Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 6... 卒7.6 | |
| 7. 車1.1 | 炮8-6 |
| 8. 炮2.3 | 炮6.7 |
| 9. 車1-4 | 卒4.5 |
| 10. 炮2.1 | 卒9-8 |
| 11. 炮2-7 | 卒2-1 |
| 13. 車4-8 | 卒2.3 |
| 15. 炮7.1 | 炮6/4 |
| 17. 兵7-6 | 卒7.1 |
| 19. 兵6-7 | 卒3/4 |
| 21. 馬5.7 | |

Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 6... 卒9.1 | | 7. 車1.1 | 卒9-6 |
| 8. 炮3.5 | 卒8.1 | 9. 車8/2 | 卒6.3 |
| 10. 炮2.2 | 卒3.1 | 11. 馬7.6 | 卒6-4 |
| 12. 兵7.1 | 卒4-3 | 13. 車1-4 | 卒2-1 |
| 14. 車8-7 | 卒3.1 | 15. 炮2-7 | 卒3.4 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 車8.3 | 卒3/2 |
| 14. 炮7-6 | 卒7/6 |
| 16. 兵7.1 | 卒7.1 |
| 18. 馬3/5 | 卒8.4 |
| 20. 馬7.6 | 卒8-3 |

16. 馬3.1 卒7.1
Thế của Trắng khá hơn.

17. 炮7-3

CỤC 46 TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 馬7.1 | 炮8.7 |
| 3. 馬8.7 | 卒3.5 |
| 4. 炮8-9 | 卒2.3 |
| 5. 卒9-8 | 卒1-2 |
| 6. 炮2.4 | |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 6... 卒7.6 | 卒9.1 |
| 7. 炮2-7 | 卒8-7 |
| 8. 卒1-2 | 卒6.7 |
| 9. 卒8.5 | 卒9-6 |
| 10. 卒2.4 | 卒2-1 |
| 11. 馬7.6 | 卒3/2 |
| 12. 卒8.4 | 卒6.6 |
| 14. 炮9-6 | |

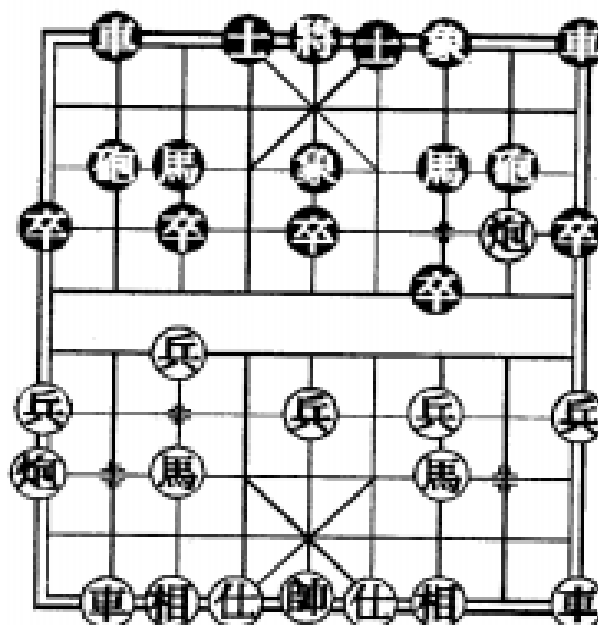
Thế Trắng khá hơn.

Biến 2:

6... 卒7.8

Phương án 1:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 炮2-7 | 卒9.1 | 8. 炮3.5 | 卒9-4 |
| 9. 卒8.4 | 卒4.3 | 10. 仕4.5 | 卒2-1 |
| 11. 卒1-4 | 卒2.5 | 12. 馬7.8 | 卒1.4 |
| 13. 炮7-1 | 卒8.7 | 14. 馬8/7 | 卒1/1 |
| 15. 卒7.1 | 卒4-3 | 16. 馬7.6 | 卒4.5 |



- | | |
|----------|------|
| 13. 炮7-1 | 卒2.3 |
| 15. 炮3.5 | |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 17. ♖4.6 | ♙7.5 | 18. ♗6/5 | ♘3.3 |
| 19. ♕5.6 | ♙1-3 | 20. ♗3/5 | ♘3-4 |
| 21. ♖4/2 | ♙3/1 | 22. ♗1-2 | ♘3.4 |
| 23. ♖4-8 | ♙4.3 | 24. ♖8/1 | ♙3.4 |
| 25. ♗2-9 | ♙4-3 | | |

Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ♖8.6 | ♙9.1 | 8. ♖1.1 | ♘9-4 |
| 9. ♗2-7 | ♙4.5 | 10. ♗7.1 | ♘5.3 |
| 11. ♗7-9 | ♙2-1 | 12. ♗t-5 | ♘8-5 |
| 13. ♖8.3 | ♙3/2 | 14. ♗9.5 | ♘3/1 |
| 15. ♗7.5 | ♙2.3 | 16. ♗5-3 | ♙3.5 |
| 17. ♖1-2 | ♙8/9 | 18. ♗3-2 | ♙5.6 |
| 19. ♗3/1 | ♙9.7 | 20. ♖2-8 | ♙4.6 |

Đen dễ đi.

Phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ♖1.1 | ♙9.1 | 8. ♖1-4 | ♘9-7 |
| 9. ♖4.6 | ♙8-7 | 10. ♖8.1 | ♙4.5 |
| 11. ♖4/3 | ♙2.2 | 12. ♗3.5 | ♙7-8 |
| 13. ♗2-3 | ♙8.2 | 14. ♗3-7 | ♙5.1 |
| 15. ♗7.1 | ♙5.3 | 16. ♖4-2 | ♙7.1 |
| 17. ♖2-3 | ♙8-3 | 18. ♗7.6 | ♙3-2 |
| 19. ♖8-2 | ♙2.5 | 20. ♖2.4 | ♙7-4 |
| 21. ♗6/7 | ♙2-1 | | |

Thế của Đen nhỉnh hơn.

CỤC 47

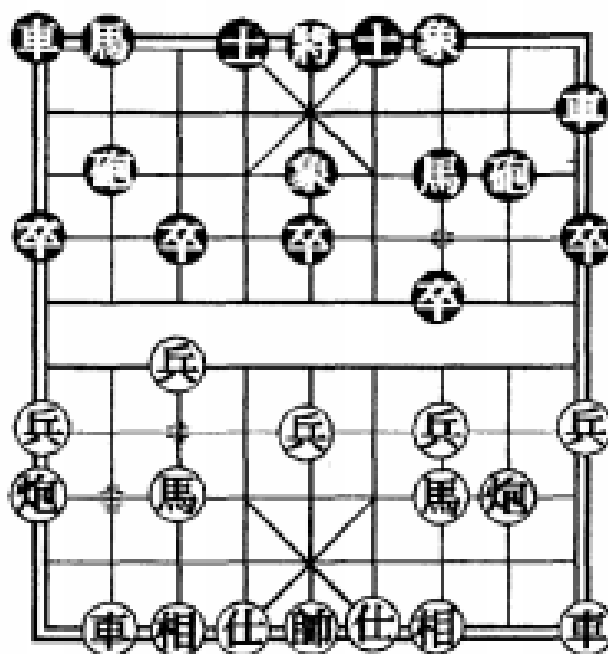
TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN HOÀNH XE TRÁI

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ♗2.3 | ♙7.1 | 2. ♗7.1 | ♙8.7 |
| 3. ♗8.7 | ♙3.5 | 4. ♗8-9 | ♙9.1 |

5. ⑨9-8
(hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 5... ⑩2-3 | ⑨9-3 |
| 6. ⑨1.1 | ⑩3.1 |
| 7. ⑨1-4 | ⑩2.4 |
| 8. ⑨4.3 | ⑩3.1 |
| 9. ⑩2.4 | ⑨1-3 |
| 10. ⑨4-7 | ⑩3-1 |
| 11. ⑩7/5 | ⑩4.3 |
| 12. ⑨7-6 | ⑩t-2 |
| 13. ⑨6/1 | ⑩3/2 |
| 14. ⑨8.8 | ⑩6.5 |
| 15. ⑩5.1 | ⑩2.4 |
| 16. ⑩3.5 | ⑩4.3 |
| 17. ⑩3.5 | ⑩1.4 |
| 18. ⑨6.2 | ⑩1/2 |
| 20. ⑩t.7 | |
| 22. ⑩5.7 | |



- | | |
|----------|------|
| 19. ⑩9-7 | ⑩3-2 |
| 21. ⑩7.9 | ⑩1.1 |

Thế trận hai bên ngang nhau.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 5... ⑩2-4 | ⑩8-7 | 6. ⑩2-1 | ⑩7.6 |
| 7. ⑨1-2 | ⑩6.8 | 8. ⑨2.6 | ⑩7.1 |
| 9. ⑨2-4 | ⑩2.3 | 10. ⑩3/5 | ⑩7.1 |
| 11. ⑩1-5 | ⑩9-8 | 12. ⑩5.4 | ⑩4.5 |
| 13. ⑩5/2 | ⑩4-8 | 14. ⑩3.1 | ⑩4.2 |
| 15. ⑨8.6 | ⑩8.5 | 16. ⑩1.3 | ⑩8.7 |
| 17. ⑨8/1 | ⑩9/8 | 18. ⑩5/3 | ⑩7.9 |
| 19. ⑩7.5 | | | |

Hai bên đối công.

Biến 3:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 5... ②7.6 | | 6. ④1.1 | ②8-6 |
| 7. ④8.5 | ④6.7 | 8. ②2.4 | ④2.4 |
| 9. ④1-4 | ④9-7 | 10. ④4.5 | ④4.5 |
| 11. ④7.6 | ④1.1 | 12. ④9.1 | ④7.1 |
| 13. ④2.1 | ④7-8 | 14. ④3/5 | ④6-9 |
| 15. ④9.1 | ④1.2 | 16. ④9-3 | ④7-8 |
| 17. ④5.7 | ④9-6 | 18. ④2-5 | ④4.5 |
| 19. ④4-5 | | | |

Trắng ưu thế.

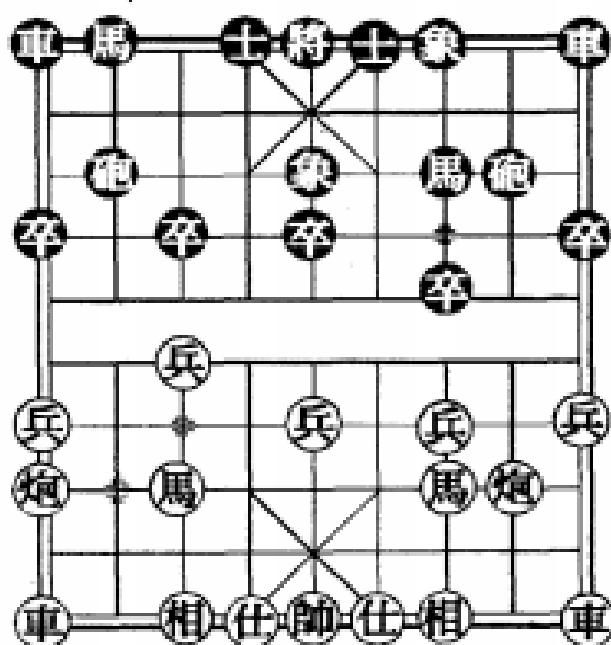
CỤC 48

ĐEN PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ④7.1 |
| 2. ④7.1 | ④8.7 |
| 3. ④8.7 | ④3.5 |
| 4. ④8-9 | |
- (hình)

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 4... ④2.4 | |
| 5. ④7.6 | ④2-7 |
| 6. ④9-8 | ④9.1 |
| 7. ④3/5 | ④2.4 |
| 8. ④3.5 | ④1.2 |
| 9. ④1-3 | ④7-1 |
| 10. ④5.7 | ④1/2 |
| 11. ④4.5 | ④8-9 |
| 12. ④8.5 | ④1-2 |
| 14. ④2-3 | ④7.8 |
| 16. ④6.7 | ④8.9 |
| 18. ④3-1 | ④9-8 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ④8.2 | ④4.2 |
| 15. ④9.4 | ④5.1 |
| 17. ④9-1 | ④9-6 |
| 19. ④3.3 | ④8.8 |

20. ⑤5/4 ⑥9/8
22. ⑥t-5 ⑥6-8

21. ④3-4 ④4.5
23. ④1-3

Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

4... ⑥2.4
6. ⑥2.5 ⑥2-8
8. ④1-6 ④4.2
10. ⑤5.1 ⑤8.7
12. ⑥9-5 ⑥5/3
14. ④3.4 ④8-2
16. ④4.3

5. ④1.1 ④7.8
7. ④9-8 ④3.1
9. ④8.6 ④3.1
11. ⑤7.5 ⑤7/5
13. ⑤5.6 ⑤8/1
15. ④8-7 ④2-5

Trắng chiếm ưu.

CỤC 49

TRẮNG HOÀNH XE PHẢI ĐỐI ĐỐI ĐEN HOÀNH XE TRÁI

1. ⑤2.3 ⑤7.1
2. ⑤7.1 ⑤8.7
3. ⑤8.7 ⑤3.5
4. ④1.1 ④9.1

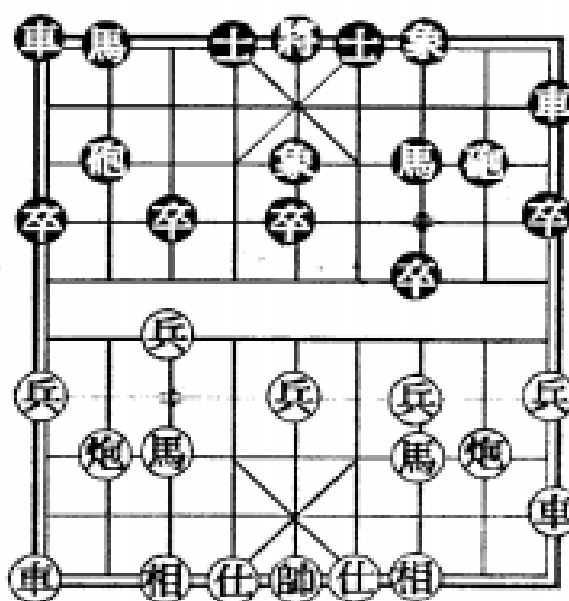
(hình)

Biến 1 :

5. ⑥8-9

Phương án 1 :

5... ⑥2.4
6. ④1-4 ④2.3
7. ⑤5.1 ⑤9-4
8. ④4.2 ④1-2
9. ④9-8 ④4-2
10. ④7.5 ④8/2
11. ④4.4 ④t-7



12. ④6.5	③3.1	13. ⑤3.1	②3.1
14. ⑤3.1	②3.1	15. ⑥7.5	③8.2
16. ⑥4/1	③2/3	17. ④4/2	

Tổng chiếm tiêu thủ.

Phương án 2 :

5... ④2.3		6. ④9-8	③1-2
7. ④8.6	③8.2	8. ⑥9.4	②3.1
9. ⑥9.1	③8/1	10. ④8/3	③7/5
11. ⑤7.1	③5.3	12. ⑥9-7	③5.3
13. ④1-4	③3/5	14. ⑤5.1	③2.2
15. ⑥7.5	③9-4	16. ⑥2.2	③4.6
17. ④4-7	③2-3	18. ⑥7.6	③4-2
19. ④7.2	③s.6	20. ④7-8	③2/1
21. ⑥6/8	③3.2	22. ⑤9.1	③8-7
23. ⑥8.9	③7.3		

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

5. ④9.1	③2.4	6. ⑥7.6	③9-4
7. ⑥6.7	③4.2	8. ⑤7.1	③2.1
9. ④9-7	③2-7	10. ⑥3.5	③1-2
11. ⑤7-8	③2.4	12. ⑥7.9	③2/2
13. ⑤9.1	③4.4	14. ⑥8-9	③2-1
15. ④1-6	③4.1	16. ④7-6	③1-3
17. ⑥9.4	③3.7	18. ④6.5	③3/5
19. ⑤5.1	③8.4		

Đen dễ đi.

Biến 3 :

5. ⑥7.8	③2.4	6. ④1-6	③1-2
7. ⑥8.9	③2-1	8. ④9.1	③7.8
9. ⑥2.5	③1-8	10. ④9-8	③8.7
11. ⑥8-7	③2.8	12. ④6-8	③4.6
13. ⑥7.5	③6.5	14. ④8-6	③7.1

15. ④6.3 ⑤9-1 16. ④7-9 ⑤1-7
17. ④6.5

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 4:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④1-4 | ⑤2.4 | 6. ④7.5 | ⑤3.1 |
| 7. ④7.1 | ⑤1-3 | 8. ④7.6 | ⑤3.4 |
| 9. ④9-7 | ⑤3.5 | 10. ④5/7 | ⑤8.3 |
| 11. ④6.8 | ⑤8/1 | 12. ④8.6 | ⑤2-4 |
| 13. ④5.1 | ⑤4/2 | 14. ④4-7 | ⑤9-2 |
| 15. ④8-6 | ⑤4.5 | 16. ④6.5 | ⑤5.4 |
| 17. ④7-4 | ⑤2.5 | 18. ④4.5 | ⑤7.6 |

Đen kháng cự được.

TIẾT 3

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN PHÁO BÊN PHẢI QUÁ CUNG

CỤC 50

ĐEN QUÁ CUNG PHÁO BÊN PHẢI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE TRÁI

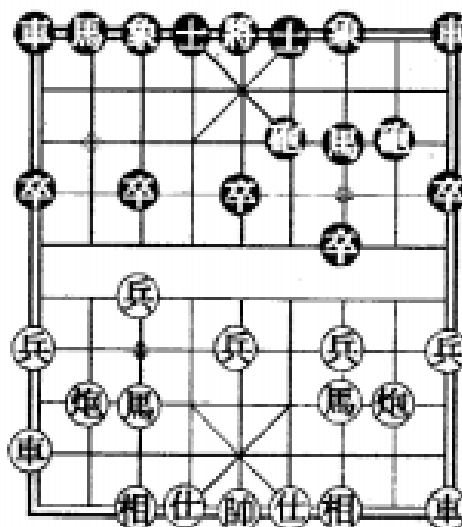
1. ④2.3 ⑤7.1
2. ④7.1 ⑤8.7
3. ④8.7 ⑤2-6
4. ④9.1
(hình)

Biến 1:

- 4... ⑤2.3
5. ④9-4 ⑤1-2
6. ④7.6

Phương án 1:

- 6... ⑤6.5



7. 炮8-7	卒7.5	8. 炮4.5	卒9.2
9. 车4-3	卒8.2	10. 马6.7	炮8/4
11. 相3.5	卒8-7	12. 车3-4	卒2.7
13. 炮7/1	卒2.1	14. 炮7.1	卒2/1
15. 炮7/1	卒9-8	16. 车1-2	卒2-3
17. 炮7-1	卒8.4	18. 炮2-1	卒8-7
19. 马3/5	卒3/1	20. 炮t-3	

Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

5...卒1-2		6. 马7.6	卒2.4
7. 炮8-6	卒6.5	8. 车4.5	炮8/1
9. 相3.5	卒7.5	10. 仕4.5	卒3.1
11. 车7.1	卒2-3	12. 车4-3	卒9.2
13. 车1-4	卒3.4	14. 炮2.3	炮8-7
15. 车3-2	炮7-6	16. 车4-2	马7.8
17. 车s.5	卒4.6	18. 车s/1	卒3-5

Biến 2 :

4...炮8.2		5. 炮8.5	卒7.6
6. 炮2/1	卒1.1	7. 车9-6	卒3.1
8. 炮2-5	卒1-4	9. 炮5.5	卒6-3
10. 车1.1	卒9.1	11. 车6.6	卒3.3
12. 车1-6	卒4.1	13. 车6.6	卒3.4
14. 仕6.5	卒3.1	15. 车6-2	卒2.4
16. 炮8-6	卒9-7	17. 炮5/2	卒6.7
18. 炮6/4	卒7/5	19. 兵5.1	卒7.1
20. 车2/2			

Trắng hơn quân, chiếm ưu thế.

CỤC 51 ĐEN QUÁ CUNG PHÁO BÊN PHẢI ĐỐI TRẮNG MÃ BÀN HÀ BÊN TRÁI

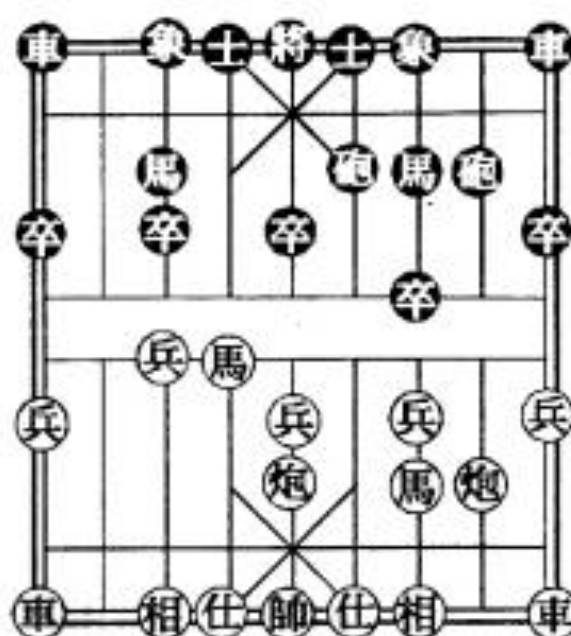
1. ②2.3
2. ③7.1
3. ④8.7
4. ⑤7.6
5. ⑥8-5

(hình)

Biến 1:

- 5... ⑦6.5
6. ⑧9-8
7. ⑨3/5
8. ⑩5.7
9. ⑪7.6
10. ⑫1-2
11. ⑬2-3
12. ⑭3.4
14. ⑮8.1

- ①7.1
- ②8.7
- ③2-6
- ④2.3



13. ⑯6.4
- ⑰8.2

Đen có Tốt vượt sông, Trắng có quân linh hoạt chiếm tiên.

Biến 2:

- 5... ⑦4.5
7. ⑨3/5
9. ⑫1-2
11. ⑩6.5
13. ⑮8.6
15. ⑮2-3
17. ⑬2-5
19. ⑪6.5
6. ⑮9-8
8. ⑩5.7
10. ⑬2.4
12. ⑨5.7
14. ⑮2.4
16. ⑨7.8
18. ⑮3.1
20. ⑮3-7
- ①3.5
- ②8-3
- ③3.1
- ④3/3
- ⑤7.1
- ⑥7.6
- ⑦3.7

Trắng chiếm ưu.

Biến 3:

- 5... ⑦7.5
7. ⑨3/5
6. ⑮9-8
8. ⑨5.7
- ①1.1
- ②7.6

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 炮6.4 | 炮8-6 | 10. 炮2.4 | 炮9-8 |
| 11. 炮2-7 | 炮8.5 | 12. 炮7.9 | 炮1-8 |
| 13. 卒8.5 | 卒t-6 | 14. 仕4.5 | 卒8.7 |
| 15. 卒8.3 | 卒7.1 | 16. 兵1.1 | 卒7.1 |
| 17. 炮5-6 | 卒7.1 | 18. 炮6.6 | 卒7.1 |
| 19. 炮7.3 | 士4.5 | 20. 炮7-9 | 卒7-6 |

Đen có thể công sát

CỤC 52

ĐEN QUÁ CUNG PHÁO BÊN PHẢI ĐỐI TRẮNG TRỤC XE TRÁI

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2.3 | 卒7.1 |
| 2. 兵7.1 | 炮8.7 |
| 3. 炮8.7 | 炮2-6 |
| 4. 卒9-8 | 炮2.3 |
| 5. 炮2.4 | |

(hình)

Biến 1:

- 5... 卒3.5

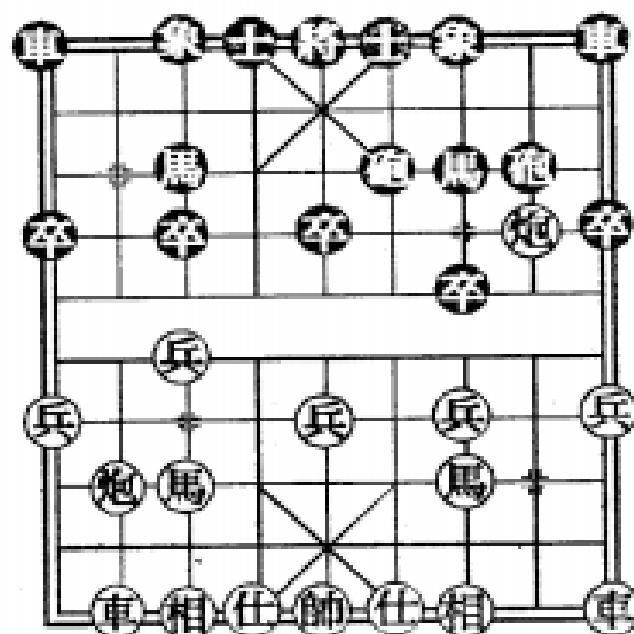
Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 6. 炮2-3 | 卒9-8 |
| 7. 卒1-2 | 士4.5 |
| 8. 炮7.6 | 炮8.4 |
| 9. 炮6.4 | 炮6.1 |
| 10. 炮8-9 | 卒8.3 |
| 11. 卒8.7 | 卒1-3 |
| 13. 卒2.3 | 卒5.1 |
| 15. 兵5.1 | 卒5.1 |

Hai bên đối kháng

Phương án 2:

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 6. 炮7.6 | 卒1-2 | 7. 炮8.4 | 炮4.5 |
|---------|------|---------|------|



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮3.5 | 卒8-7 |
| 14. 卒2.1 | 卒7.5 |
| 16. 卒2-5 | 卒3.1 |

8. 車1.1	炮8-9	9. 車1-8	卒3.1
10. 兵7.1	象5.3	11. 炮2-3	象9-8
12. 馬6.4	象7.5	13. 炮8.1	炮6.1
14. 炮8/1	象8.3	15. 炮8-4	象2.8
16. 車8.1	象8-7	17. 馬4.6	士5.4
18. 炮4/5	卒7.1		

Đen giành tiên thủ

Phương án 3 :

6. 炮8-9	士4.5	7. 炮2-3	象9.1
8. 車8.6	卒3.1	9. 車8-7	象1.2
10. 兵7.1	炮6.1	11. 馬7.8	炮6-3
12. 兵7.1	卒9.1	13. 車1-2	炮8/2
14. 炮3.3	象5/7	15. 兵7.1	象1-3
16. 炮3.5	卒5.1	17. 仕4.5	卒9.1
18. 兵1.1	象9.2	19. 馬8.9	象3-2.

Đen hơn quân, chiếm ưu.

Biến 2 :

5... 炮7.6		6. 炮2-7	象3.5
7. 車1-2	象9.2	8. 車2.4	炮6/1
9. 馬7.6	卒7.1	10. 車2-3	馬6.4
11. 車3-6	炮8-7	12. 馬3/5	卒1-2
13. 炮8.6	象9-8	14. 車6-4	炮6-9
15. 兵1.1	炮9-7	16. 炮3.5	炮8.5
17. 炮7-1	士4.5	18. 馬5.7	炮1-8
19. 炮5/3	象8.3		

Trắng tuy nhiều quân nhưng thụ động, Đen giành thế chủ động.

TIẾT 4

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

CỤC 53

TRĂNG BÌNH PHONG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐẾ MÃ

(1)

1. 馬2.3 卒7.1
2. 兵7.1 馬8.7
3. 炮8.7 炮2.1
4. 兵9.1 (hình)

Biến 1:

4... 卒7.5

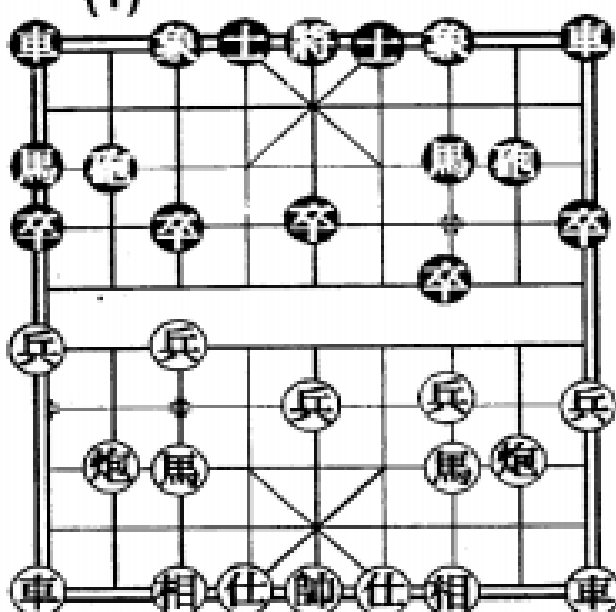
Phương án 1:

5. 兵9.1 卒1.1
6. 車9.5 炮2-4
7. 馬7.8 炮8.2
8. 車9/2 炮8/1
9. 炮2/1 炮4.3
10. 兵7.1 卒3.1
11. 炮8.6 卒1-2
12. 炮8-5 士6.5
13. 炮2-9 炮1.3
15. 車2.6 炮7.3
17. 炮5-7 炮2.7
19. 仕4.5 炮2-7
21. 車9-2 炮8.3
23. 車2-4 炮7-9

Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 5. 炮3.5 卒1.1 | 6. 炮8-9 卒3.1 |
| 7. 兵7.1 卒1-3 | 8. 車9-8 卒3.3 |
| 9. 車8.7 卒3.3 | 10. 仕4.5 炮7.6 |
| 11. 車8/1 炮1.3 | 12. 車1-4 炮3.4 |
| 13. 兵5.1 炮6.7 | 14. 車4.3 炮8-7 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. ④3/4 | ⑤3/3 | 16. ④8-6 | ⑤7/6 |
| 17. ④6.2 | ⑤7-6 | 18. ④4-6 | ⑤6.5 |
| 19. ④2-4 | ⑤4/3 | 20. ④t-7 | ⑤6.5 |
| 21. ④5.4 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④2/1 | ⑤1.1 | 6. ④9.1 | ⑤1.1 |
| 7. ④9.5 | ⑤2-3 | 8. ④7.8 | ⑤1-4 |
| 9. ④3.5 | ⑤4.5 | 10. ④8-7 | ⑤4-2 |
| 11. ④8.7 | ⑤1.3 | 12. ④7.4 | ⑤6.5 |
| 13. ④9-3 | ⑤3-4 | 14. ④3.1 | ⑤8.2 |
| 15. ④3.1 | ⑤8-4 | 16. ④3-4 | ⑤2-4 |
| 17. ④4.5 | ⑤t-2 | 18. ④2-4 | ⑤9-8 |
| 19. ④3.1 | ⑤2.5 | 20. ④4/1 | ⑤4.1 |
| 21. ④4/2 | ⑤5.7 | 22. ④7.1 | ⑤7/5 |
| 23. ④1-3 | | | |

Trắng dễ đi hơn

Phương án 4 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④9.3 | ⑤2-4 | 6. ④7.8 | ⑤4.3 |
| 7. ④7.1 | ⑤3.1 | 8. ④8.6 | ⑤1.1 |
| 9. ④9-6 | ⑤4-2 | 10. ④1.1 | ⑤8.2 |
| 11. ④6.7 | ⑤1-3 | 12. ④7/9 | ⑤2/2 |
| 13. ④8-7 | ⑤2-3 | 14. ④9/8 | ⑤3.1 |
| 15. ④8.7 | ⑤1.3 | 16. ④1-4 | ⑤3.5 |
| 17. ④5.1 | ⑤3.1 | 18. ④6.6 | ⑤5-4 |
| 19. ④7.6 | ⑤9.1 | 20. ④7/1 | ⑤9-4 |
| 21. ④4.5 | ⑤4.1 | 22. ④4.6 | ⑤4-3 |
| 23. ④4-3 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 4... ⑤2-4 | 5. ④9-8 | ⑤1-2 |
|-----------|---------|------|

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ②8.5 | ③7.5 | 7. ④3.5 | ⑤9.1 |
| 8. ②2.4 | ③7.6 | 9. ②2-7 | ⑤4.5 |
| 10. ②8-2 | ③2.9 | 11. ③7/8 | ③1.3 |
| 12. ③1-3 | ③9-8 | 13. ②2-1 | ③8.6 |
| 14. ②1.2 | ③5/7 | 15. ③7.1 | ③3/5 |
| 16. ③3-2 | ③8-7 | 17. ③2.9 | ③7-8 |
| 18. ③2-3 | ③6.4 | 19. ③6.5 | ③4.1 |
| 20. ③8.9 | ③4.6 | 21. ③7-6 | |

Trắng tuy ít quân nhưng không kém thế.

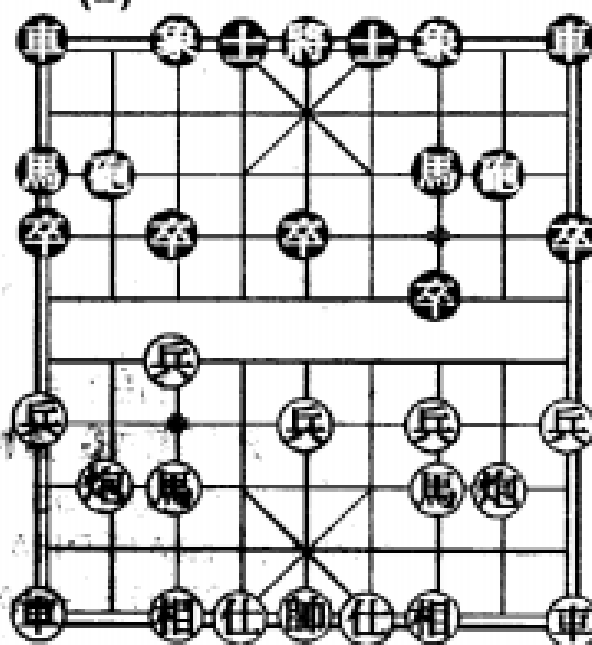
CỤC 54 TRẮNG BÌNH PHONG MÃ ĐỐI ĐEN ĐƠN ĐỂ MÃ

(2)

1. ③2.3 ③7.1
2. ③7.1 ③8.7
3. ③8.7 ③2.1
(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. ③9.1 | ③7.5 |
| 5. ③9-4 | ③2-4 |
| 6. ③7.6 | ③1-2 |
| 7. ③8-6 | ③4-3 |
| 8. ③4.5 | ③6.5 |
| 9. ③3.5 | ③8-6 |
| 10. ③4.3 | ③5/6 |
| 11. ③4.5 | ③8.3 |
| 12. ③1-4 | ③7.1 |
| 14. ③4.5 | ③7.1 |
| 16. ③4-2 | ③8.1 |
| 18. ③1.1 | ③8-5 |
| 20. ③2-4 | ③5/1 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ③6.4 | ③7.6 |
| 15. ③3/4 | ③2.6 |
| 17. ③2-1 | ③3/1 |
| 19. ③4.2 | ③7-6 |

Đen chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 炮8-9 | 卒1-2 | 5. 卒9-8 | 炮2.4 |
| 6. 马7.6 | 炮2/1 | 7. 马6/7 | 炮2.1 |
| 8. 相3.5 | 炮2-3 | 9. 卒8.9 | 马1/2 |
| 10. 炮9.4 | 卒7.5 | 11. 仕4.5 | 士6.5 |
| 12. 炮2-1 | 马9-8 | 13. 卒1-2 | 炮8.5 |
| 14. 马7/8 | 马2.3 | 15. 炮9/2 | 卒3.1 |
| 16. 兵3.1 | 卒3.1 | 17. 相5.7 | 马3.4 |

Đen chiếm ưu

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 相3.5 | 卒1.1 | 5. 卒9.1 | 卒3.1 |
| 6. 兵7.1 | 卒1-3 | 7. 马7.6 | 炮3.3 |
| 8. 卒9-4 | 炮2-4 | 9. 卒4.3 | 卒7.5 |
| 10. 兵3.1 | 士6.5 | 11. 仕4.5 | 炮9-6 |
| 12. 卒1-4 | 卒6.5 | 13. 卒4.4 | 炮8/2 |
| 14. 马3.2 | 炮8-7 | 15. 兵3.1 | 卒3-7 |
| 16. 炮2-3 | 马7-8 | 17. 炮3.7 | 卒5/7 |
| 18. 兵9.1 | 卒7.5 | | |

Trắng ưu hơn một chút.

TIẾT 5
CÁC PHƯƠNG ÁN KHÁC

CỤC 55

TRẮNG BÌNH SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN BÌNH
TỐT ĐỂ PHÁO

- | | | | |
|---------|------|---------|--------|
| 1. 炮2.3 | 卒7.1 | 2. 兵7.1 | 炮8.7 |
| 3. 炮8-6 | 炮2-3 | 4. 炮8.9 | 卒1.1 |
| 5. 卒9-8 | 马2.1 | 6. 相3.5 | (hình) |

Biến 1 :

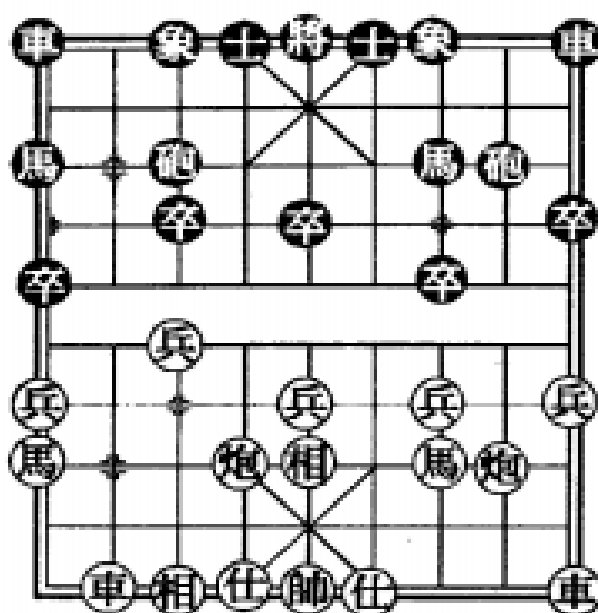
- | | | |
|-----------|---------|------|
| 6... 卒7.5 | 7. 炮2.2 | 卒8-9 |
|-----------|---------|------|

- | | |
|----------|------|
| 8. 兵9.1 | 卒1.1 |
| 9. 炮2-9 | 馬1.2 |
| 10. 車8.5 | 象1.5 |
| 11. 車8-6 | 士6.5 |
| 12. 馬9.7 | 卒1.3 |
| 13. 炮4.5 | 卒3.1 |
| 14. 馬7.5 | 卒3.1 |
| 15. 馬5.4 | 卒9.1 |
| 16. 車6.1 | 卒9-6 |
| 17. 車1-4 | 卒1/4 |
| 18. 車6-7 | 卒1-3 |
| 19. 車7/1 | 卒5.3 |
| 20. 和5.7 | 卒3.3 |
| 21. 炮6.4 | 卒3/1 |

Biến 2 :

- | | |
|-----------|------|
| 6... 卒1.1 | |
| 8. 炮2.2 | 卒4.3 |
| 10. 兵9.1 | 卒7.5 |
| 12. 車1-4 | 卒9.1 |
| 14. 兵1.1 | 卒9.5 |
| 16. 車8/2 | 卒1.2 |
| 18. 炮7-8 | 卒4/6 |
| 20. 仕5/4 | 卒9-4 |
| 22. 炮8/5 | 卒4.1 |

Đen ưu hơn chút ít.



Đen ưu hơn chút ít.

- | | |
|----------|------|
| 7. 仕4.5 | 卒1-4 |
| 9. 車8.8 | 卒6.5 |
| 11. 兵9.1 | 卒4-1 |
| 13. 車8/1 | 卒9.1 |
| 15. 炮2.2 | 卒1-2 |
| 17. 炮2-7 | 卒2.4 |
| 19. 車4-2 | 卒8/2 |
| 21. 仕6.5 | 卒6.7 |
| 23. 炮8-7 | 卒s.8 |

CỤC 56

ĐEN ĐẨY TỐT 7 ĐỐI TRẮNG NHẢY MÃ BIÊN

- | | | | |
|---------|------|---------|--------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 | 2. 炮8.9 | (hình) |
|---------|------|---------|--------|

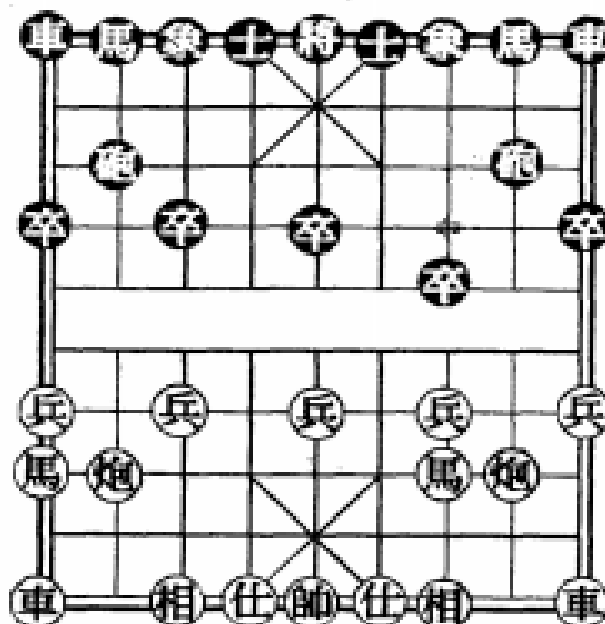
Biến 1 :

- 2... ②2.3
 3. ③9.1 ④1.1
 4. ⑤9.8 ④1.1
 5. ⑥8.6 ④3/5
 6. ⑦1.1 ④8.7
 7. ⑧8-5 ④1.4
 8. ⑨1-6 ④8.2
 9. ⑩6/4 ④3.5
 10. ⑪9-8 ④5/3
 11. ⑫4.5 ④6.5
 12. ⑬5/4 ④1-6
 13. ⑭6.3 ④1-2
 14. ⑮8-9 ④2.1
 15. ⑯2/1 ④2-4
 16. ⑰2-4 ④6-1
 18. ⑱6-9 ④1-3
 20. ⑲6.5 ④9-8
 22. ⑳3.1

Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|--------------|------|
| 2... ②8.7 | | 3. ③9.1 | ④2.3 |
| 4. ⑤9.8 | ④2.5 | 5. ⑥2-8 | ④9-8 |
| 6. ⑦1-2 | ④3.1 | 7. ⑧2.6 | ④7.5 |
| 8. ⑨2-3 | ④8-7 | 9. ⑩9.1 ④7/5 | |
| 10. ⑪3-2 | ④8-6 | 11. ⑫3.5 | ④5.7 |
| 12. ⑬2-3 | ④6.5 | 13. ⑭9-6 | ④1.1 |
| 14. ⑮9.1 | ④1.4 | 15. ⑯8.6 | ④1.1 |
| 16. ⑰6.4 | ④7/9 | 17. ⑱3-1 | ④7.1 |
| 18. ⑲8.6 | ④9.7 | 19. ⑳1-3 | ④7/1 |
| 20. ㉑6.5 | ④7/9 | 21. ㉒3.3 | ④9/7 |
| 22. ㉓3.1 | ④7.1 | 23. ㉔4/3 | |



17. ⑦9.5 ④8-1
 19. ⑩4.6 ④3.5
 21. ⑫6.4 ④5.6

Trắng chiếm ưu.

CHƯƠNG 3
TRẮNG CHƠI TAM BỘ HỔ
 TIẾT 1
CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG QUÁ HÀ XA
 CỤC 57
TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ
 (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | 卒7.1 |
| 2. ③2-1 | ⑧8.7 |
| 3. ④1-2 | ⑨9-8 |
| 4. ⑤2.6 | ⑩2.3 |
| 5. ⑥7.1 | ⑪8-9 |
| 6. ⑦2-3 | ⑫9/1 |
| 7. ⑧8.7 | ⑬3/5 |
| 8. ④3/1 | ⑭9-7 |
| 9. ④3-6 | |

(hình)

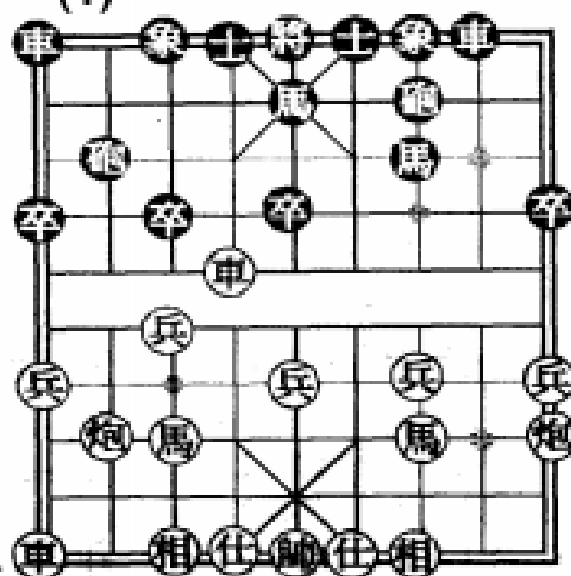
Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 9... ⑧8.4 | |
| 10. ④6.2 | ①1.2 |
| 12. ④9-6 | ②2/2 |
| 14. ⑧7.8 | ③1-4 |
| 16. ③1-8 | ④7.6 |
| 18. ④3.1 | ⑤7.5 |
| 20. ④6/6 | |

Cờ thế hai bên bình ổn.

Biến 2:

- 9... ⑧7.8



- | | |
|----------|------|
| 11. ④9.1 | ⑥3.1 |
| 13. ⑧7.1 | ⑦8-3 |
| 15. ④6.6 | ⑧2.7 |
| 17. ④3.5 | ⑨5.3 |
| 19. ⑧3.4 | ⑩6.5 |

10. 兵3.1	卒2.7
12. 炮1.4	马8.3
14. 马7.8	卒8/3
16. 马8.7	炮1.3
18. 车9-8	卒7.7
20. 炮5-6	卒4.2
22. 炮8-7	马1-2

11. ♙3.1	♚8.7
13. ♘1.3	♛3.5
15. ♖1/3	♜s.3
17. ♗7.6	♞t-8
19. ♕5.1	♝8-4
21. ♔1-9	♞4/5
23. ♜8.9	♟8.8

Phương án 2 :

10.  6.2	 2/1
12.  9.1	 1-3
14.  7.8	 4.5
16.  6/2	 2.6

11. 兵3.1	卒3.5
13. 卒9-2	马5.7
15. 卒6/3	马7.6
17. 卒6-8	马3-2

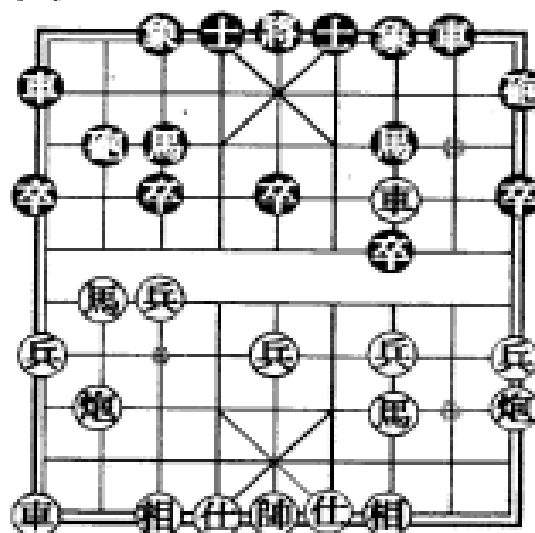
CUC 58

TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ
(2)

1. ♘2.3	♙7.1
2. ♘2-1	♙8.7
3. ♘1-2	♙9-8
4. ♘2.6	♙2.3
5. ♙7.1	♙8-9
6. ♘2-3	♙9/1
7. ♘8.7	♙1.1
8. ♙7.8	

Biến 1 :

8...9-7



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. ♖3-4 | ♙2.5 | 10. ♘1-8 | ♚7.8 |
| 11. ♗4-3 | ♙3.5 | 12. ♘7.5 | ♚8.7 |
| 13. ♘6.5 | ♙8.8 | 14. ♗9-6 | ♚7-9 |
| 15. ♚8.7 | ♙1-2 | 16. ♘8-7 | ♚7.9 |
| 17. ♘7/1 | ♙2.7 | 18. ♗6-7 | ♚9.7 |
| 19. ♘7-3 | ♙8-7 | 20. ♗3.2 | ♚9.1 |
| 21. ♚3.4 | | | |

Trắng dễ đi

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 8... ♙1-2 | | 9. ♚8.9 | ♚2-1 |
| 10. ♗3.1 | ♙3.1 | 11. ♗3-9 | ♚2.6 |
| 12. ♘1-8 | ♙3.1 | 13. ♘8.4 | ♚8.7 |
| 14. ♗9.2 | ♙1.2 | 15. ♗9-8 | ♚9-2 |
| 16. ♚9.1 | ♙3.1 | 17. ♗7.1 | ♚2.4 |
| 18. ♗8-7 | ♙4/3 | 19. ♗7.3 | ♚8-7 |
| 20. ♗7-3 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 8... ♙2.5 | | 9. ♘1-8 | ♚3/5 |
| 10. ♗3/1 | ♙1-4 | 11. ♘7.5 | ♚9-7 |
| 12. ♗3-8 | ♙8.4 | 13. ♗8.2 | ♚7.6 |
| 14. ♗3.1 | ♙6.4 | 15. ♗9.1 | ♚7.5 |
| 16. ♗9-6 | ♙3.1 | 17. ♗7.1 | ♚8-3 |

Đen chiếm ưu thế.

CỤC 59

TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

(3)

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ♘2.3 | ♙7.1 | 2. ♘2-1 | ♚8.7 |
| 3. ♗1-2 | ♙9-8 | 4. ♗2.6 | ♚2.3 |
| 5. ♚7.1 | ♙8-9 | 6. ♗2-3 | ♚9/1 |

7. ⑧8.7

Biến 1:

7... ⑨9-7

8. ③3-4 ⑤7.8

9. ③9.1 ⑥1.1

10. ③9-4 ⑥4.5

11. ③s-2 ⑥1-4

12. ③4/1 ⑥7.5

13. ⑤7.1 ⑦3.1

14. ③4-7 ⑥4.1

15. ④3.5 ⑥3.5

16. ③7.1

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

7... ⑨8.6

9. ⑥1-8 ⑤3/5

11. ③3-6 ⑤7.8

13. ④7.5 ⑤8.7

15. ③9.1 ⑤t.5

17. ④3.5 ⑥7/3

19. ③9-2 ⑥7-9

8. ⑧7.8 ⑥2.5

10. ③3/1 ⑥9-7

12. ⑧3/5 ⑤5.7

14. ⑧5.3 ⑥8.1

16. ③6/3 ⑥8-7

18. ⑧8.7 ⑥6.5

20. ③2.7

Trắng giành được thế chủ động.

Biến 3:

7... ⑨8.8

9. ⑥7.1 ⑥9-3

11. ⑥8-7 ⑤7/5

13. ⑧8.6 ⑤3.4

15. ⑥3.1 ⑥8-7

17. ⑥1.4 ⑤5.7

19. ⑥7.4 ⑦7.1

8. ③3-4 ⑦3.1

10. ⑧7.8 ⑥1-2

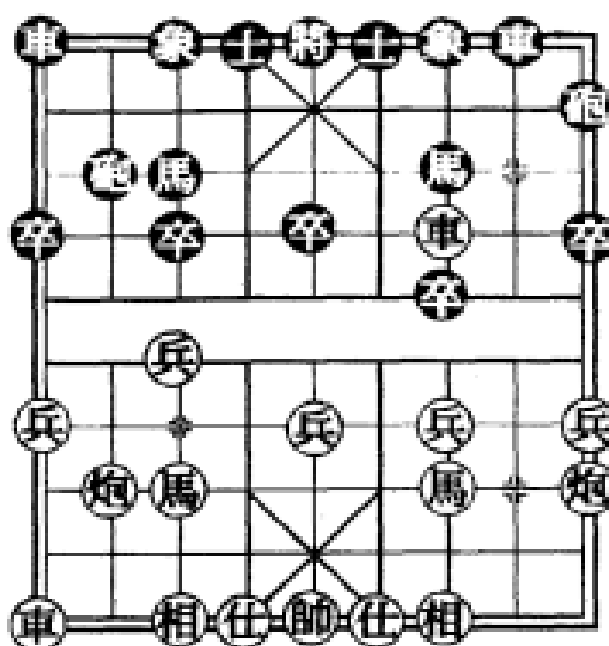
12. ③4/1 ⑥8/3

14. ⑥7-6 ⑥2-4

16. ④7.5 ⑥7-4

18. ⑥1-3 ⑥3.5

Hai bên có thể trận giằng co. Đen có vẻ dễ đi hơn.



CỤC 60
TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ
(4)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ⑨7.1 |
| 2. ②2-1 | ⑨8.7 |
| 3. ③1-2 | ⑨9-8 |
| 4. ③2.6 | ⑨2.3 |
| 5. ③7.1 | ⑨8-9 |
| 6. ③2-3 | ⑨8.2 |
| 7. ③8.7 | |

(hình)

Biến 1 :

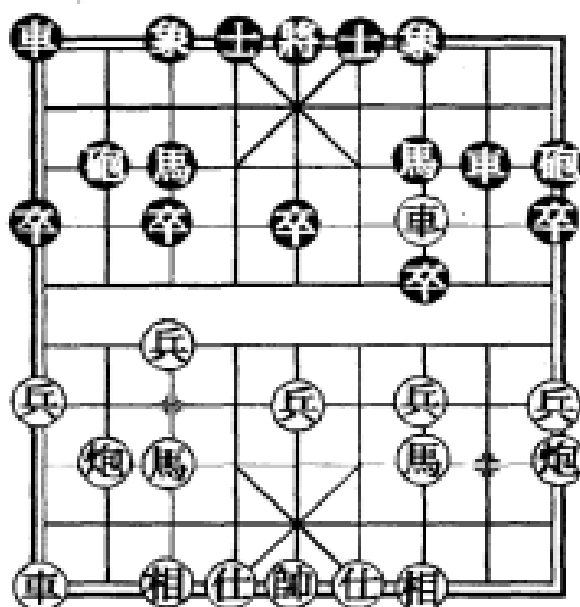
- | | |
|-----------|------|
| 7... ⑨3.5 | |
| 8. ③7.8 | ⑨2/2 |
| 9. ③8-7 | ⑨2.3 |
| 10. ③8.7 | ⑨4.5 |
| 11. ③9-8 | ⑨3/1 |
| 13. ③7-8 | ⑨2.4 |
| 15. ③3-4 | ⑨7.8 |
| 17. ③3.5 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|---------------|------|
| 7... ⑨2/1 | | 8. ③9.1 | ⑨2-7 |
| 9. ③3-4 | ⑨1-2 | 10. ③7.6 | ⑨4.5 |
| 11. ③4.2 | ⑨7-8 | 12. ③8-7 | ⑨9/1 |
| 13. ③4/2 | ⑨2.4 | 14. ③6.7 | ⑨8-7 |
| 15. ③7.5 | ⑨2-6 | 16. ③9-4 | ⑨6/1 |
| 17. ③4.5 | ⑨7.8 | 18. ③4-1 | ⑨7.9 |
| 19. ③1-3 | ⑨7.1 | 20. ③7/6 ③3.4 | |

Các quân bên Đen linh hoạt, dễ đi.



- | | |
|----------|------|
| 12. ③8.5 | ⑨9/1 |
| 14. ③1-8 | ⑨9-7 |
| 16. ③4.2 | ⑨7.5 |

CỤC 61 TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

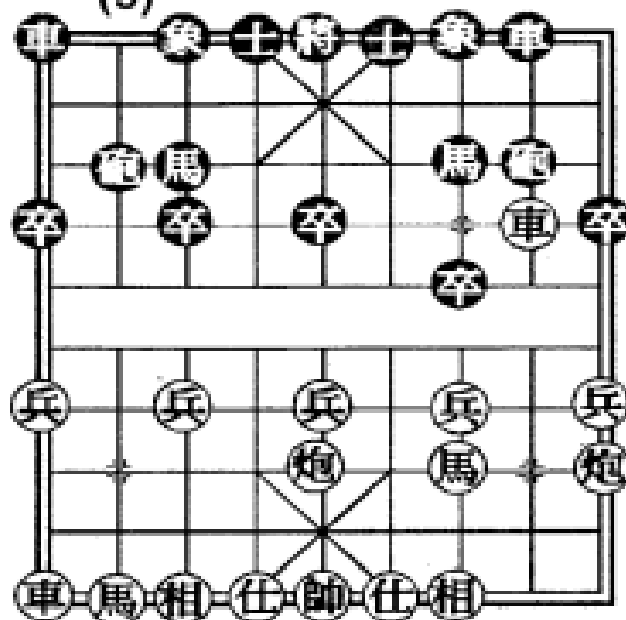
(5)

1. 馬2.3
2. 炮2-1
3. 車1-2
4. 車2.6
5. 炮8-5

(hình)

Biến 1:

- 5... 炮8-9
6. 車2-3
7. 馬8.7
8. 車3-4
9. 車9-8
10. 兵5.1
11. 兵3.1
13. 兵5.1
15. 車4-7
17. 馬7.5
19. 車7-3



12. 兵5.1
14. 車4.1
16. 車8.3
18. 炮3.5
20. 車3/4

Bên Trắng hơn quân chiếm ưu thế lớn.

Biến 2:

- 5... 炮3.5
7. 車9-8
9. 兵5.1
11. 車2-4
13. 車8-7
15. 車7-5
17. 車5/1
19. 炮7.9

6. 馬8.7
8. 車8.4
10. 馬3.5
12. 馬7.5
14. 兵5.1
16. 車4.2
18. 兵5.1
20. 炮4.5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 21. 兵5.1 | 炮8.9 | 22. 仕5/4 | 炮8/2 |
| 23. 仕4.5 | 炮8.2 | 24. 仕5/4 | 卒6-5 |
| 25. 炮5-4 | | | |

Bên Trắng thắng thế.

Biến 3 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 5... 卒3.1 | 6. 兵5.1 | 炮2.1 |
| 7. 卒2/2 | 炮8-9 | 炮7/8 |
| 9. 卒9.1 | 炮8.7 | 士4.5 |
| 11. 炮8.7 | 炮7.6 | 卒5.1 |
| 13. 卒6.5 | 炮1-2 | 卒5.1 |
| 15. 卒6-7 | 卒3.5 | 炮2.4 |
| 17. 炮1.4 | 炮6.7 | 卒7.1 |
| 19. 兵7-6 | 炮7.5 | 卒2.4 |
| | 20. 相3.5 | |

Đen dễ đi.

CỤC 62

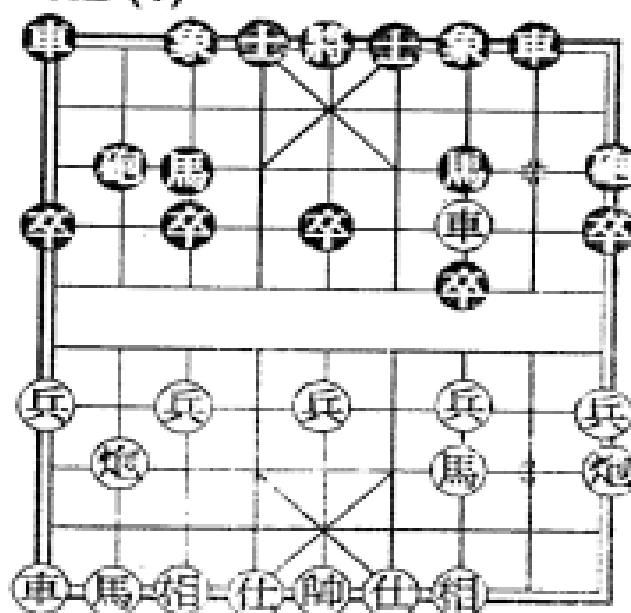
TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO ĐỔI XE (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. 炮2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮2-1 | 炮8.7 |
| 3. 卒1-2 | 卒9-8 |
| 4. 卒2.6 | 炮8-9 |
| 5. 卒2-3 | 炮2.3 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 炮8.7 | 炮9/1 |
| 7. 卒9.1 | 士4.5 |
| 8. 兵7.1 | 炮9-7 |
| 9. 卒3-4 | 卒3.5 |
| 10. 炮7.8 | 炮2/1 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ⑧8-7 | ⑨7.8 | 12. ④4/2 | ⑤8.7 |
| 13. ⑧1.4 | ⑥8.3 | 14. ⑧1.2 | ⑥1-4 |
| 15. ④6.5 | ⑥8-7 | 16. ④7.5 | ⑥2.3 |
| 17. ⑤7.1 | ⑦7.1 | 18. ④5.3 | ⑦3.1 |
| 19. ⑧7.5 | ⑥7.4 | 20. ④9.1 | ⑥4-3 |
| 21. ⑧7.1 | ⑦3.1 | 22. ④4-7 | ⑥2-8 |
| 23. ⑨8.7 | ⑥8.1 | 24. ④7/3 | ⑥8.2 |
| 25. ④5.4 | ⑥7.2 | 26. ④9/1 | ⑥8/1 |

Đen sau đó bắt được một quân, ra đòn tấn công, chiếm ưu thế lớn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ⑤7.1 | ⑥9/1 | 7. ⑨8.7 | ④4.5 |
| 8. ⑨7.8 | ⑥9-7 | 9. ④3-4 | ⑥2.5 |
| 10. ⑧1-8 | ⑥7.5 | 11. ④7.5 | ⑥8.6 |
| 12. ④6.5 | ⑥8-7 | 13. ④9-6 | ⑦7.1 |
| 14. ④4.2 | ⑥7/1 | 15. ⑨8.7 | ⑥1.1 |
| 16. ⑨7/8 | ⑨7.8 | 17. ⑤7.1 | ⑨8.6 |
| 18. ⑤7.1 | ⑨3/4 | 19. ⑧8-7 | ⑥3.1 |
| 20. ⑨3/1 | ⑥7-9 | 21. ⑧7/1 | ④9-8 |
| 22. ④6.4 | | | |

Trắng chiếm ưu.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ⑧8-5 | ⑥9/1 | 7. ⑤5.1 | ④4.5 |
| 8. ⑨8.7 | ⑥9-7 | 9. ④3-4 | ⑦7.1 |
| 10. ⑤3.1 | ⑥8.6 | 11. ④9-8 | ⑥1-2 |
| 12. ④8.6 | ⑥7.8 | 13. ⑤3.1 | ⑥7.6 |
| 14. ⑤3-2 | ④8-3 | 15. ⑧5.4 | ⑥3.5 |
| 16. ④4-5 | | | |

Trắng chiếm ưu.

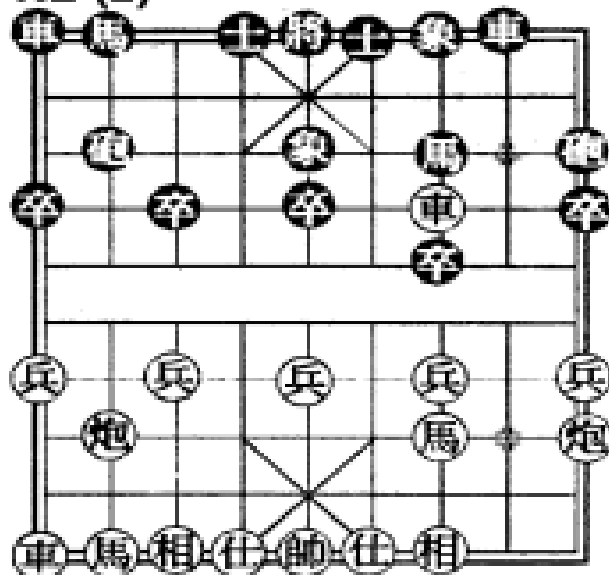
CỤC 63
TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO ĐỐI
XE (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ⑨7.1 |
| 2. ②2-1 | ⑨8.7 |
| 3. ③1-2 | ⑨9-8 |
| 4. ③2.6 | ⑨8-9 |
| 5. ③2-3 | ⑨3.5 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. ②7.1 | ⑨2-4 |
| 7. ③9.1 | ⑨2.3 |
| 8. ③9-6 | ⑨4.5 |
| 9. ③6.5 | ⑨1-2 |
| 10. ②8.9 | ⑨9/1 |
| 11. ②8-7 | ⑨2.4 |
| 12. ③3.1 | ⑨9-7 |
| 13. ③3.1 | ⑨6-7 |
| 17. ③7.1 | |



- | | |
|----------|------|
| 12. ③6-7 | ⑨2-6 |
| 14. ③3.1 | ⑨7.2 |
| 16. ③7.5 | ⑨7/1 |

Trắng hơn 1 Tốt, Đen có song Xe, còn giằng co.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ②8.7 | ⑨2.4 | 7. ③9.1 | ⑨4.5 |
| 8. ③7.1 | ⑨9/1 | 9. ③9-6 | ⑨2-4 |
| 10. ③6.4 | ⑨9-7 | 11. ③3-4 | ⑨7.8 |
| 12. ③4.2 | ⑨7.5 | 13. ③7.8 | ⑨7.3 |
| 14. ③4.5 | ⑨7-9 | 15. ③3.2 | ⑨7.1 |
| 16. ③1-2 | ⑨8.2 | 17. ③8.7 | ⑨7-8 |
| 18. ③2.3 | ⑨8-7 | 19. ③5-4 | ⑨1.1 |
| 20. ③8.6 | ⑨4.2 | 21. ③2.4 | |

Phục X6.2 Trắng chiếm ưu thế.

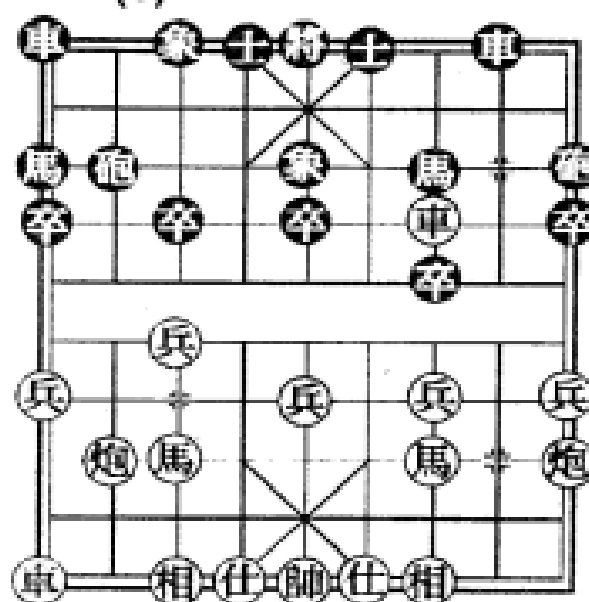
Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. ②2.3 | ③7.1 | 2. ④2-1 | ⑤8.7 |
| 3. ⑥1-2 | ⑦9-8 | 4. ⑧2.6 | ⑨8-9 |
| 5. ⑩2-3 | ⑪3.5 | 6. ⑫8-5 | ⑬2.4 |
| 7. ⑭9.1 | ⑮4.5 | 8. ⑯9-6 | ⑰9/1 |
| 9. ⑱5.1 | ⑲7.1 | 10. ⑳3.1 | ㉑8.6 |
| 11. ㉒8.7 | ㉓1-4 | 12. ㉔7.5 | ㉕3.1 |
| 13. ㉖5.1 | ㉗5.1 | 14. ㉘5.4 | ㉙9-7 |
| 15. ㉚3-2 | ㉛8-6 | 16. ㉜4.5 | ㉝7.4 |
| 17. ㉞4.5 | | | |
- Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 64

TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO ĐỔI XE (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ③7.1 |
| 2. ④2-1 | ⑤8.7 |
| 3. ⑥1-2 | ⑦9-8 |
| 4. ⑧2.6 | ⑨8-9 |
| 5. ⑩2-3 | ⑪7.5 |
| 6. ⑬7.1 | ⑭2.1 |
| 7. ⑮8.7 | |
- (hình)
- Biến 1:
- 7... ①1.1
- | | |
|----------|------|
| 8. ②7.6 | ③1-6 |
| 9. ④8-5 | ⑤6.5 |
| 10. ⑥9-8 | ⑦2-4 |
| 11. ⑧8.5 | ⑨8-6 |
| 12. ⑩1-6 | ⑪1.4 |
| 13. ⑬6.5 | ⑭9/1 |
| 14. ⑯3-2 | ⑰7-6 |
| 15. ⑱2.3 | ㉑7/8 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ②5-6 | ③4.5 |
| 14. ④8-6 | ⑤1/3 |
| 16. ⑥6-4 | ⑦9-7 |
| 18. ⑧4-5 | ⑨8-8 |
| 20. ⑩5.4 | ㉑8.7 |

21. ⑤5-9

Trắng ưu hơn một chút.

Biến 2 :

7... ⑤9/1

9. ⑤7.6

⑤9-7

11. ⑤6/7

⑤2.1

13. ⑤3/5

⑤7.1

15. ⑤4-5

⑤8.6

17. ⑤3.2

⑤8-6

8. ⑤7.5

⑤6.5

10. ⑤3-4

⑤2.3

12. ⑤7.8

⑤2-7

14. ⑤1-3

⑤7.8

16. ⑤5/2

⑤8.8

Đen đang có thế công.

CỤC 65

TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO ĐỔI XE (4)

1. ⑤2.3

⑤7.1

2. ⑤2-1

⑤8.7

3. ⑤1-2

⑤9-8

4. ⑤2.6

⑤8-9

5. ⑤2.3

⑤7/8

(hình)

Biến 1 :

6. ⑤7.1

⑤8.7

7. ⑤8.7

⑤2.3

8. ⑤8.2

⑤2/1

9. ⑤3.1

⑤2-7

10. ⑤3.1

⑤7.3

11. ⑤3.4

⑤1.1

13. ⑤9.1

⑤1-8

15. ⑤6.7

⑤2.2

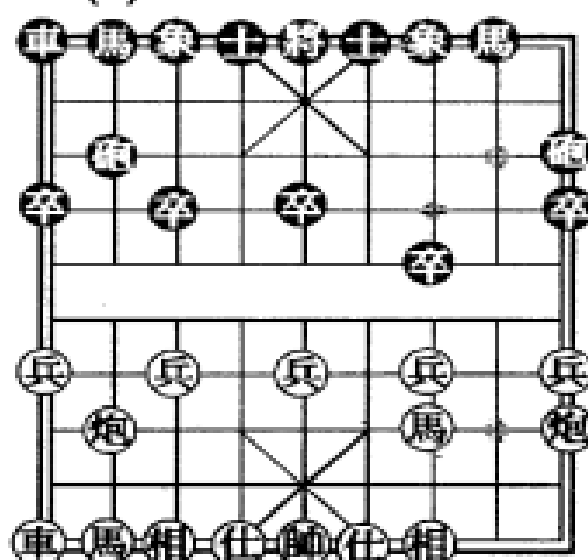
17. ⑤8-7

⑤3-4

19. ⑤7/1

⑤4.3

21. ⑤7-1



12. ⑤7.5

⑤7.5

14. ⑤7.6

⑤8-2

16. ⑤8/2

⑤2-3

18. ⑤7.5

⑤4/1

20. ⑤9-4

⑤9.4

Thế trận hai bên ngang bằng.

Biến 2 :

6. 炮8-5	馬2.3	7. 馬8.7	炮1-2
8. 兵7.1	馬8.7	9. 車9-8	炮2.6
10. 馬7.6	炮3.5	11. 炮5-7	卒3.1
12. 兵7.1	炮5.3	13. 相7.5	炮3/5
14. 炮7.4	炮2.5	15. 馬6/7	炮2.1
16. 馬7.6	炮2/1	17. 炮7/2	馬3.4
18. 馬3/5	炮2/2	19. 馬5.7	炮2-3
20. 車8.4	馬4.2	21. 馬7/8	炮3-7
22. 兵9.1	炮9.4	23. 馬8.6	士4.5
24. 炮1-4	卒9.1		

Đen nhiều Tốt chiếm ưu.

CỤC 66

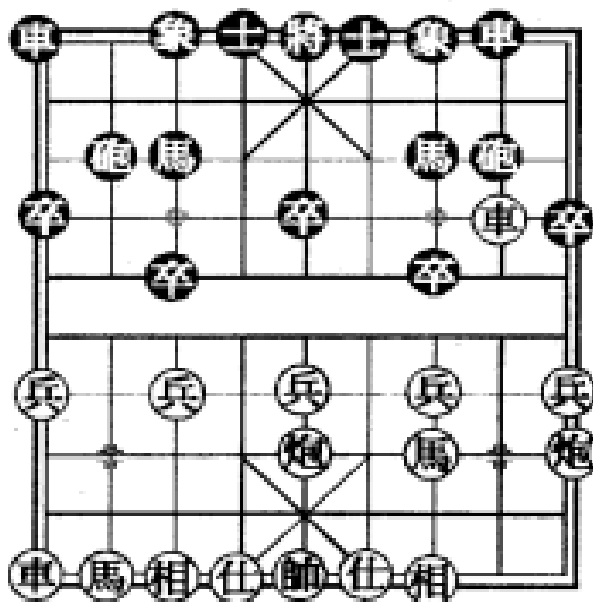
TRẮNG QUÁ HÀ XA ĐỐI ĐEN LƯỜNG ĐẦU XÀ

1. 馬2.3	卒7.1
2. 炮2-1	馬8.7
3. 車1-2	卒9-8
4. 車2.6	卒3.1
5. 炮8-5	炮2.3

(hình)

Biến 1 :

6. 馬8.7	炮2.1
7. 車2/2	炮8-9
8. 車2.5	馬7/8
9. 車9-8	炮2-3
10. 兵5.1	炮9-5
11. 馬7.5	炮1-2
12. 車8.9	馬3/2
14. 馬5.3	炮5.3
16. 炮5/1	炮3.3
18. 馬4/5	炮5/2



13. 兵3.1	卒7.1
15. 炮5.4	馬8.7
17. 馬4.4	炮3-5
19. 馬5.7	士4.5

20. ⑤7.9 ⑥5/2 21. ⑥5.1 ⑦2.1

Trắng hơn Tốt biên. Đen có Pháo trung tâm, hai bên còn giăng co.

Biến 2 :

6. ⑥5.1 ⑦2.1 7. ⑥2/2

Phương án 1 :

7... ⑥4.5	8. ⑥8.7	⑦3.5
9. ⑥9-8	⑦1-2	10. ⑥5.1
11. ⑥7.1	⑦2-3	⑦5.1
12. ⑥8.9	⑦3/2	
13. ⑥3.5	⑦8-9	14. ⑥2-6
15. ⑥7.1	⑦5.3	⑦8.3
	16. ⑥3.1	Trắng dễ đi

Phương án 2 :

7... ⑥8-9	8. ⑥2.5	⑦7/8
9. ⑥9.1	⑦9-5	10. ⑥9-6
11. ⑥6.5	⑦2.5	⑦4.5
12. ⑥1.4	⑦1-2	⑦1.2
13. ⑥1.4	⑦1-2	14. ⑥1/1
15. ⑥1-7	⑦7.6	⑦8.7
16. ⑥7.2	⑦6.4	
17. ⑥7/2	⑦5.3	18. ⑥5.4
19. ⑥7-5	⑦5/3	⑦4/5
20. ⑥5-7	⑦3.5	
21. ⑥7.2	Trắng hơn Tốt, ưu thế hơn chút ít.	

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG TUẦN HÀ XA

CỤC 67

TRẮNG TUẦN HÀ XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO ĐỐI XE

1. ⑥2.3	⑦7.1	2. ⑥2-1	⑦8.7
3. ⑥1-2	⑦9-8	4. ⑥2.4	⑦8-9 (hình)

Biến 1 :

5. ⑥2-6	⑦2-6	6. ⑥7.5	⑦2.3
---------	------	---------	------

- | | |
|----------|------|
| 7. 馬8.6 | 卒3.5 |
| 8. 仕6.5 | 馬7.6 |
| 9. 車6-8 | 馬6.7 |
| 10. 炮1.4 | 卒8.3 |
| 11. 炮1/1 | 士4.5 |
| 12. 炮8-6 | 卒9-7 |
| 13. 馬6.8 | 卒7/1 |
| 14. 兵1.1 | 卒6-7 |
| 15. 車9-7 | 卒7.1 |
| 16. 炮5.3 | 馬7/9 |

Đen chiếm ưu thế.

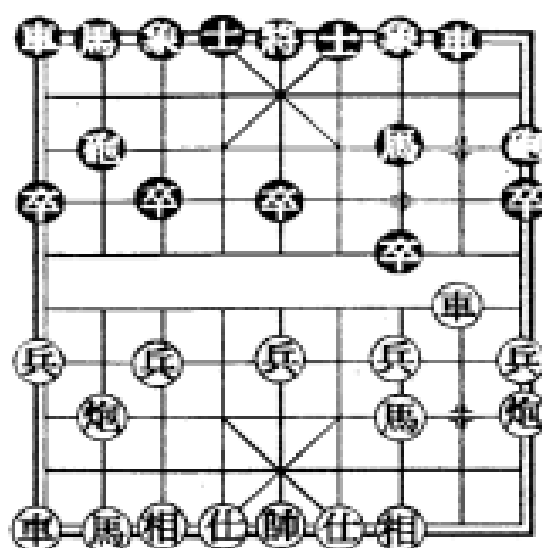
Biến 2 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 車2-8 | 卒2.5 |
| 7. 炮7.5 | 卒3.5 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 11. 兵7.1 | 卒1-4 |
| 13. 仕6.5 | 卒8.4 |
| 15. 車3.2 | 卒4.1 |
| 17. 炮8-6 | 卒9.1 |
| 19. 馬6.8 | 卒6.4 |
| 21. 兵5.1 | 卒8-5 |

Đen không khó đi.

Biến 3 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 車2-4 | 卒8.6 |
| 7. 兵3.1 | 卒8-7 |
| 9. 炮1/1 | 卒7-2 |
| 11. 炮7.5 | 士4.5 |
| 13. 兵7.1 | 卒2-4 |
| 15. 車4-3 | |



- | | |
|----------|------|
| 6. 炮1-8 | 馬2.3 |
| 8. 馬8.6 | 士4.5 |
| 10. 車8-3 | 馬7.6 |
| 12. 車9.1 | 卒9-6 |
| 14. 炮8/2 | 卒4.5 |
| 16. 車9-8 | 卒4-1 |
| 18. 車8.6 | 卒1.2 |
| 20. 兵5.1 | 卒5.1 |
| 22. 車8/4 | 卒1-2 |

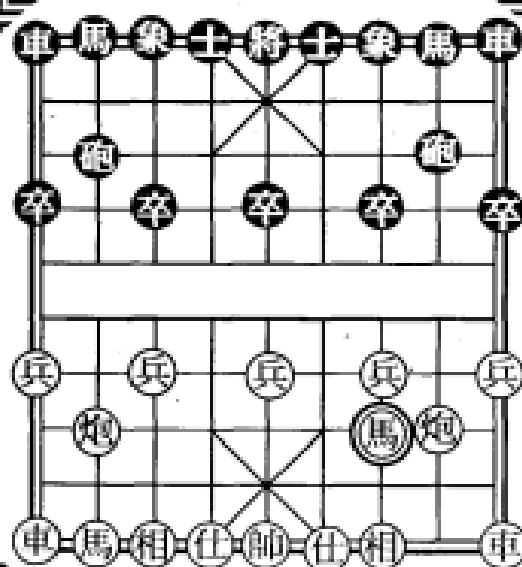
HẾT TẬP 1



TU SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

KHỞI CỤC MÃ

(TIẾN MÃ CỤC)



TẬP
2

LỜI GIỚI THIỆU

KHỞI CỤC MÃ có khá nhiều biến thể phong phú.

Những người am hiểu thế trận này có thể dẫn dắt đối phương phải chơi theo cách ra quân đã được nghiên cứu kỹ của mình, tạo ra những tình huống bất ngờ, xoay chuyển được thế trận khi cần thiết.

Ngược lại khi đã nắm được và vận dụng thành thạo kiểu chơi **KHAI CỤC MÃ** thì có thể ứng phó với bất cứ đòn phép nào khi đối phương đi tiên dùng Khai Cục Mã để ra quân, bởi trong sách đã có những chỉ dẫn tỷ mỉ cho từng loại đối cục.

Sách này được xuất bản lần đầu tiên, rất có thể còn có những khiếm khuyết, mong các bậc cao niên và các danh thủ, các nhà nghiên cứu góp ý chỉ bảo.

Xin trân trọng cảm ơn !

KÝ HIỆU DÙNG ĐỂ ĐỌC VÀ GHI CHÉP NƯỚC ĐI TRONG CỜ TƯỚNG

Bàn cờ Tướng được vẽ như ở hình bên. Các cột của bên Trắng được đánh số từ 9 tới 1, các cột bên Đen được đánh số 1 đến 9 (ngược lại).

Ký hiệu và cách ghi nước đi :

Dấu chấm (.) là tiến

Dấu gạch (-) là đi ngang (bình)

Dấu gạch chéo (/) là lùi (thoái)

Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự :

- Số thứ tự nước đi
- Tên quân cờ
- Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ

Ví dụ : Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên Đen

Mã 8 tiến 7 thì ghi :

1.P2-5 M8.7 (xem hình)

Nước thứ hai :

2.P8/1 B7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương)

Trường hợp 2 Pháo(Mã, Xe)

nằm trên một đường thì ghi Pt là

Pháo trước, Ps là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì

ký hiệu Bt (Binh trước), Bg (Binhgiữa), Bs (Binh sau)

Ký hiệu các quân cờ :

Tướng = Tg

Sĩ = S

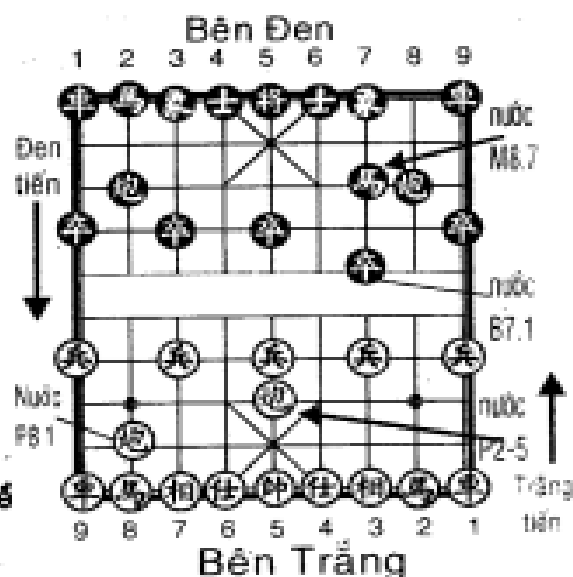
Tượng = T

Xe = X

Pháo = P

Mã = M

Tốt = B (bình)



CHƯƠNG 4 TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

CỤC 68

TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

1. ⑨2.3

2. ⑧8-5

3. ⑨8.7

(hình)

Biến 1:

4. ⑨9.1

5. ⑧7.1

6. ⑨9-4

Phương án 1:

7. ⑧5-6

8. ⑨4.5

9. ⑨4.6

10. ⑨3.5

11. ⑨1-4

13. ⑧2/2

15. ⑨4/3

17. ⑨2-3

19. ⑧4.3

21. ⑨3-6

⑨7.1

⑧8.7

⑧2.3

⑧7.6

⑧3.5

⑧6.7

⑨9.1

⑨1.1

⑧8.2

⑨1-6

⑨6.1

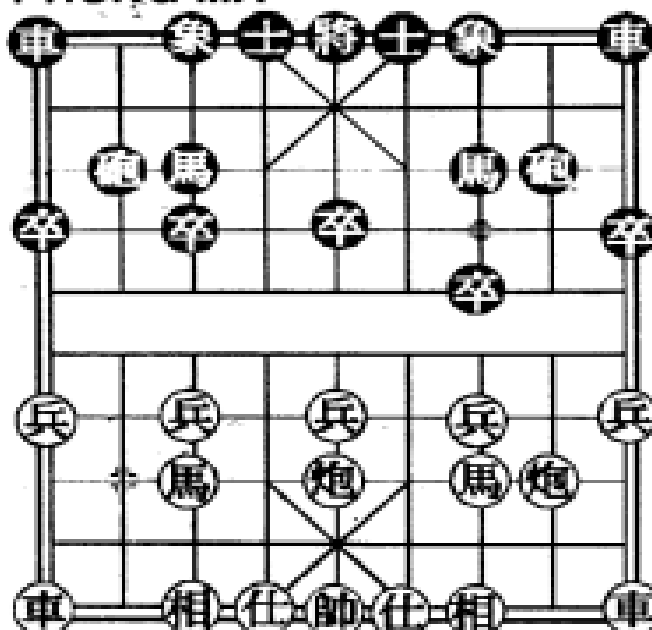
⑨4.3

⑧2-3

⑧8-7

⑧3-6

⑧6/4



12. ⑨4.7

14. ⑧2-3

16. ⑨4-2

18. ⑧3-4

20. ⑧7.6

22. ⑨5.3

⑨9-4

⑧2.4

⑨7.1

⑧4.5

⑧4.1

Trắng ưu thế.

Phương án 2 :

7. ④4.5	⑤9.1	8. ④1.1	⑤1-2
9. ④1-6	⑤9-7	10. ⑤5-4	④4.5
11. ④6.7	⑤2.5	12. ④4.7	⑤2.4
13. ④3.5	⑤7.1	14. ④6-7	⑤3.1
15. ④4/2	⑤3.4	16. ④4-5	⑤4.6
17. ④5-6	⑤2/4	18. ④4/2	⑤7.3
19. ④6-4	⑤6.4		

Hai bên đối công, còn phải giằng co.

Biến 2 :

4. ⑤5.1	④6.5	5. ④9.1	⑤1-2
6. ④9-4	⑤8.2	7. ⑤3.5	④2.4
8. ⑤3.1	④2.4	9. ⑤7.1	④2-3
10. ④7.9	⑤7.5	11. ④2-3	⑤9-6
12. ④4.8	⑤7/6	13. ④1-2	⑤7.1
14. ⑤5.1	④7-8	15. ④2.4	⑤8-7
16. ⑤5.1	④7.5	17. ④4.5	⑤3-9
18. ④2/4	⑤7/1	19. ⑤7.6	④2-7
20. ④6.4			

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 69

TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO GIÁC SĨ

1. ⑤2.3	④7.1	2. ④8-5	⑤8.7
3. ⑤8.7	④2-4		

(hình)

Biến 1 :

4. ④2-1	⑤9-8	5. ④9-8	⑤2.3
6. ④1-2	⑤8.4	7. ⑤7.1	④4.5

-

Bên Đen có Xe, 2 Pháo "tam tử quy biên" thế trận tất thắng

Biến 2:

4. 車9.1 馬2.3 5. 車9-6 士6.5
- Phương án 1 :
6. 兵5.1 象1-2 7. 馬3.5 馬7.6
8. 兵3.1 馬6.5 9. 馬7.5 車2.4
10. 炮2.3 象2.2 11. 車6.2 炮4/1
12. 車6.5 象2-3 13. 兵3.1 車3-5
14. 兵3.1 炮8-5 15. 炮5/1 卒3.1
16. 相3.5 象5-6

Trắng có Tốt quá hà, dễ đi hơn.

Phương án 2 :

6. ④9-4 ⑤8.4 7. ④4.5 ⑤1-2
8. ⑤3.1 ④7.1 9. ④4-3 ⑤9.2
10. ④3/2 ⑤2.6 11. ⑤3.4 ④8/5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. ④4.3 | ⑤8-7 | 13. ④2-4 | ⑤4.5 |
| 14. ④1-2 | ⑤2-3 | 15. ④4.5 | ⑤3.1 |

Đen giành thế chủ động.

CỤC 70 TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐEN THUẬN PHÁO

- | | |
|---------|------|
| 1. ④2.3 | ⑤7.1 |
| 2. ④8-5 | ⑤8.7 |
| 3. ④8.7 | ⑤2-5 |
- (hình)

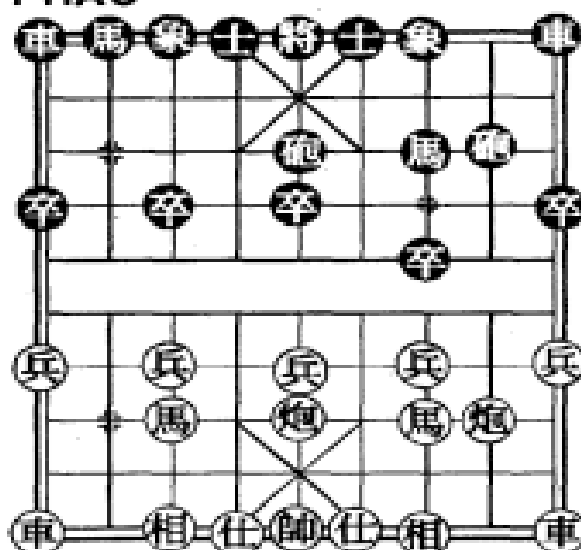
Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. ④7.1 | ⑤2.3 |
| 5. ④2.4 | ⑤1-2 |
| 6. ④2-3 | ⑤9-8 |
| 7. ④1-2 | ⑤8.4 |
| 8. ④4.5 | ⑤2.4 |
| 9. ④9-8 | ⑤2.5 |
| 10. ④7/8 | ⑤8-5 |
| 11. ④2.9 | ⑤7/8 |
| 13. ④3.5 | ⑤5.4 |
| 15. ④5-4 | ⑤4.5 |
| 17. ④8/2 | ⑤5/1 |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ④9-8 | ⑤2.3 | 5. ④8.5 | ⑤5.1 |
| 6. ④1.1 | ⑤8.2 | 7. ④8.1 | ⑤8/1 |
| 8. ④8-7 | ⑤3.5 | 9. ④7/2 | ⑤8-7 |
| 10. ④1-4 | ⑤7.3 | 11. ④4.5 | ⑤3.1 |
| 12. ④2.4 | ⑤7.3 | 13. ④4.5 | ⑤5.3 |
| 14. ④5.3 | ⑤4.5 | 15. ④7.5 | ⑤7-9 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ④3-7 | ⑤3.1 |
| 14. ④8.7 | ⑤5/1 |
| 16. ④7-8 | ⑤7.5 |
| 18. ④7.6 | |

Trắng dễ đi.

TIẾT 2
CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ PHẢI
CỤC 71
TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN BÌNH
PHONG MÃ

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | 卒7.1 |
| 2. ⑧8-5 | ⑧2.3 |
| 3. ⑧8.7 | ⑨1-2 |
| 4. ②2-1 | ⑧8.7 |
| 5. ③1-2 | ⑨9-8 |
| 6. ③2.6 | |

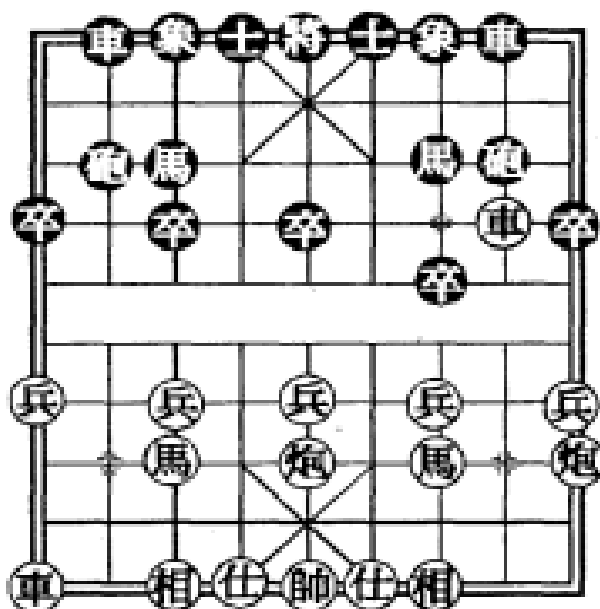
(hình)

Biến 1 :

6... ③7.6

Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 7. ③9-8 | ③2.4 |
| 8. ②1-2 | 卒7.1 |
| 9. ③2/1 | 卒7.1 |
| 10. ⑧3/5 | ⑧6/7 |
| 12. ③3.2 | ⑨8.7 |
| 14. ③7/1 | ⑨6.5 |



- | | |
|----------|------|
| 11. ③2-3 | ③8-9 |
| 13. ③3-7 | ③3.5 |
| 15. ③7.1 | ③8-6 |

Đen thí quân chiếm thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|---------|------|----------|------|
| 1. ②2.3 | 卒7.1 | 2. ⑧8-5 | ⑧2.3 |
| 3. ⑧8.7 | ⑨1-2 | 4. ②2-1 | ⑧8.7 |
| 5. ③1-2 | ⑨9-8 | 6. ③2.6 | ⑧7.6 |
| 7. ③5.1 | 卒7.1 | 8. ③2/1 | ⑧6.4 |
| 9. ③5.1 | 卒7.1 | 10. ③7.1 | ⑧4.3 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 炮1-7 | 卒7.1 | 12. 兵7.1 | 马3/5 |
| 13. 卒2-3 | 炮8-5 | 14. 炮5.3 | 炮8.3 |
| 15. 炮7-5 | 炮2.1 | 16. 卒9-8 | 炮8-5 |
| 17. 卒8.4 | 卒7-6 | 18. 炮5.1 | 炮5-6 |
| 19. 卒3-5 | 马5.7 | 20. 兵7-6 | 炮2.1 |
| 21. 兵6.1 | 炮6-4 | | |

Đen hơn quân, chiếm ưu thế rõ.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. 马2.3 | 卒7.1 | 2. 炮8-5 | 马2.3 |
| 3. 炮8.7 | 炮1-2 | 4. 炮2-1 | 炮8.7 |
| 5. 卒1-2 | 炮9-8 | 6. 卒2.6 | 炮8-9 |
| 7. 卒2-3 | 炮9/1 | 8. 兵5.1 | 士4.5 |
| 9. 兵5.1 | 炮9-7 | 10. 卒3-4 | 卒7.1 |
| 11. 兵3.1 | 炮8.6 | 12. 兵5.1 | 马3.5 |
| 13. 卒9-8 | 炮2.6 | 14. 炮7.5 | 马5.4 |
| 15. 炮5.4 | 炮4/5 | 16. 炮4.2 | 炮7-6 |
| 17. 兵3.1 | 炮5-4 | 18. 兵3.1 | 炮8-4 |
| 19. 炮5-6 | 士5.4 | 20. 兵3.1 | |

Bên Trắng có ưu thế lớn.

CỤC 72

TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỔI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU

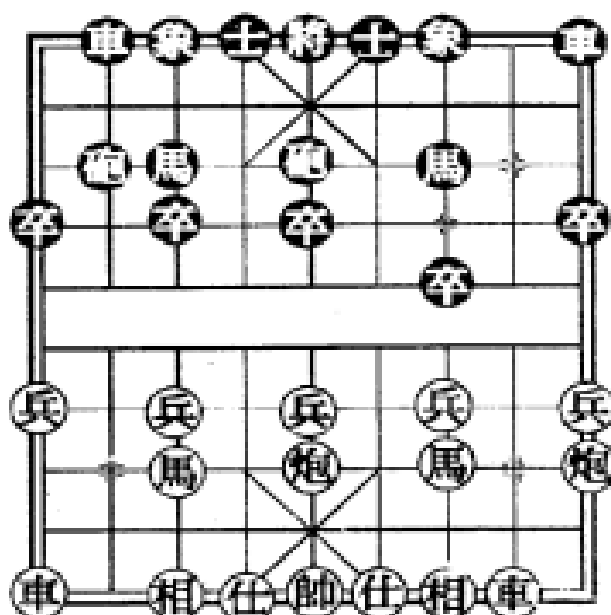
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 炮2.3 | 卒7.1 | 2. 炮8-5 | 马2.3 |
| 3. 炮8.7 | 炮1-2 | 4. 炮2-1 | 炮8-5 |
| 5. 卒1-2 | 炮8.7 | | |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 6. 兵7.1 | 炮2.4 |
| 7. 卒9.1 | 炮2-3 |

- | | |
|----------|------|
| 8. ⑩7.9 | ③3-7 |
| 9. ⑨9-4 | ④2.4 |
| 10. ⑧4.5 | ⑤4.5 |
| 11. ⑨4.3 | ⑥9-8 |
| 12. ⑨2.9 | ⑦7/8 |
| 13. ⑧7.6 | ⑧8.7 |
| 14. ⑧3/1 | ⑨3.1 |
| 15. ⑧6.7 | ⑩5-6 |
| 16. ⑩1-3 | ⑪3.5 |
| 17. ⑩5.1 | ⑫3.1 |
| 18. ⑩5.1 | ⑬2-3 |
| 19. ⑧7.9 | ⑭3.2 |
| 20. ⑧9.8 | ⑮5.1 |



Đen nhiều Tốt, chiến thế, chiếm tiên.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ⑨9.1 | ⑧7.6 | 7. ⑨9-6 | ⑧6.7 |
| 8. ⑨6.4 | ⑩5-6 | 9. ⑨6-3 | ⑧7.9 |
| 10. ⑩5-1 | ⑪3.5 | 11. ⑨3-4 | ⑤4.5 |
| 12. ⑩7.1 | ⑬9.1 | 13. ⑩3.5 | ⑥9-7 |
| 14. ⑩3.2 | ⑩2.2 | 15. ⑨2-3 | ⑥7-8 |
| 16. ⑨4/1 | | | |

Trắng chủ động hơn.

CỤC 73

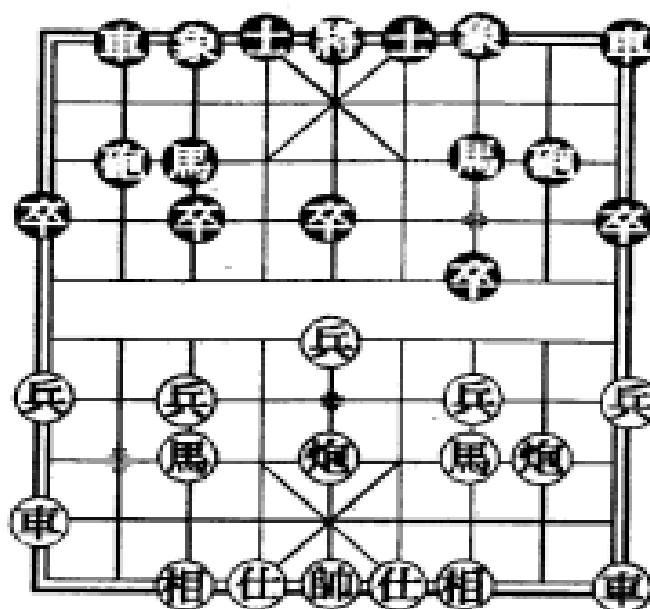
TRẮNG HOÀNH XE ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ⑧2.3 | ⑨7.1 | 2. ⑩8-5 | ⑧2.3 |
| 3. ⑧8.7 | ⑨1-2 | 4. ⑨9.1 | ⑧8.7 |
| 5. ⑩5.1 | | | |

Biến 1 :

- | | | | |
|-----------|------|---------|------|
| 5... ⑨3.1 | | 6. ⑨9-4 | ⑤6.5 |
| 7. ⑩5.1 | ⑩2.2 | 8. ⑧3.5 | ⑨5.1 |

- | | |
|----------|------|
| 9. ③3.1 | ⑤7.5 |
| 10. ③3.1 | ⑤8-5 |
| 11. ③3-4 | 卒5.1 |
| 12. ⑤5.3 | ⑤7.9 |
| 13. ④1-2 | ⑤9.7 |
| 14. ⑤2.7 | 卒5-6 |
| 15. ⑤5.5 | ⑤3.5 |
| 16. ③4.1 | 卒3.1 |
| 17. ③4-5 | ⑤3.5 |
| 18. ⑤7.5 | ⑤2-5 |
| 19. ⑤5.7 | ⑤5-6 |
| 20. ④4-5 | ⑤5/7 |
| 21. ⑤7.6 | |



Trắng dễ đi hơn.

Biến 2:

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 5... ⑤6.5 | 6. ③5.1 | 卒5.1 |
| 7. ⑤3.5 | ⑤3.5 | ⑤2-5 |
| 9. ⑤5.4 | ⑤2.6 | ⑤7.5 |
| 11. ⑤2-5 | ⑤5.3 | ⑤7.5 |
| 13. ③7.1 | ⑤3.5 | ⑤8-7 |
| 15. ⑤5.3 | ⑤2/2 | ⑤5.7 |
| 17. ④4.2 | ⑤2-5 | ⑤5-6 |
| 19. ④2.6 | ⑤7.6 | ⑤7.7 |
| 21. ③5.1 | ⑤7/1 | ⑤9-6 |
| 23. ④4.5 | ⑤7.1 | |

Đen chiếm ưu thế.

CỤC 74

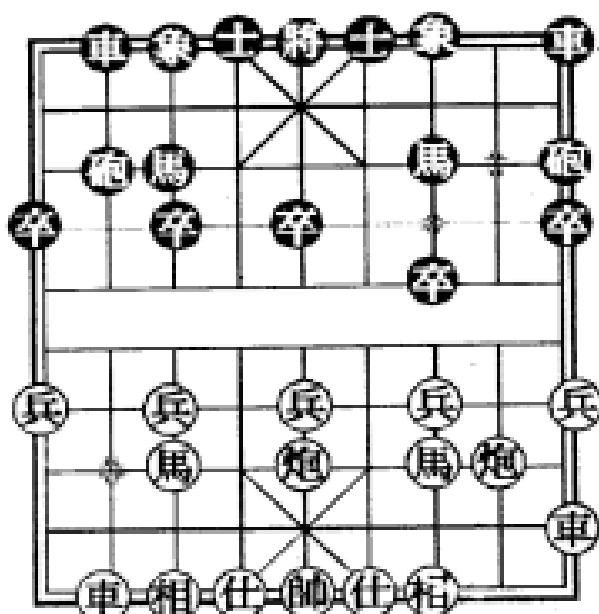
TRẮNG TRỰC XA ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤2.3 | 卒7.1 |
| 2. ⑤8-5 | ⑤2.3 |

3. ⑨8.7 ①1-2
4. ⑨9-8 ⑨8.7
5. ⑨1.1 ⑨8-9

Biến 1:

6. ⑨2.4 ⑨9-8
7. ⑨2-3 ⑨3.5
8. ⑨1-4 ⑨2.4
9. ⑨7.1 ⑨8.3
10. ⑨3-7 ⑨8.3
11. ⑨3/5 ⑨7.8
12. ⑨7.1 ⑨8.7
13. ⑨5-3 ⑨8/1
14. ⑨7-1 ⑨5.3
15. ⑨1-3 ⑨3/5
17. ⑨8.9 ⑨3/2
19. ⑨t/3 ⑨3-7



16. ⑨7/9 ⑨2-3
18. ⑨4.5 ⑨2.3
20. ⑨3.3 ⑨7-1

Các quân Đen linh hoạt, cơ động hơn.

Biến 2:

6. ⑨5.1 ⑨9-8 7. ⑨8.6 ⑨6.5
8. ⑨5.1 ⑨5.1 9. ⑨2/1 ⑨8.3
10. ⑨2-5 ⑨2-1 11. ⑨s.4 ⑨7.5
12. ⑨8.3 ⑨3/2 13. ⑨3.5 ⑨2.3
14. ⑨7.1

Trắng dễ đi.

CỤC 75

TRẮNG XE TUẦN HÀ ĐỐI ĐEN BÌNH PHONG MÃ

1. ⑨2.3 ⑨7.1 2. ⑨8-5 ⑨2.3
3. ⑨8.7 ⑨1-2 4. ⑨9-8 ⑨8.7
5. ⑨8.4 ⑨2-1 6. ⑨8.5 ⑨3/2

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. ②1.1 | ⑧7.5 |
| 8. ②1-8 | ⑨2.3 |
| 9. ②8.3 | ③3.1 |
| 10. ③7.1 | ③3.1 |
| 11. ②8-7 | ⑨3.4 |
| 12. ③3.1 | ③7.1 |
| 13. ②7-3 | ④6.5 |
| 14. ⑨7.6 | ②8/1 |
| 15. ②2.4 | ②8-7 |
| 16. ②2-3 | ⑨7/9 |
| 17. ②3-9 | ⑨9.7 |

Trắng chắc chắn mất
một quân, Đen chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ③7.1 | ⑧7.5 | 8. ②1.1 | ④6.5 |
| 9. ②1-8 | ⑨2.3 | 10. ②2.4 | ③3.1 |
| 11. ③7.1 | ③5.3 | 12. ②8.6 | ④9-7 |
| 13. ②8/3 | ⑨7.8 | 14. ⑨7.6 | ③7.1 |
| 15. ②6.5 | ③7.1 | 16. ⑨5.7 | ④7.3 |
| 17. ⑨7/5 | ④7-8 | | |

Đen có Tốt quá hà, dễ đi hơn.

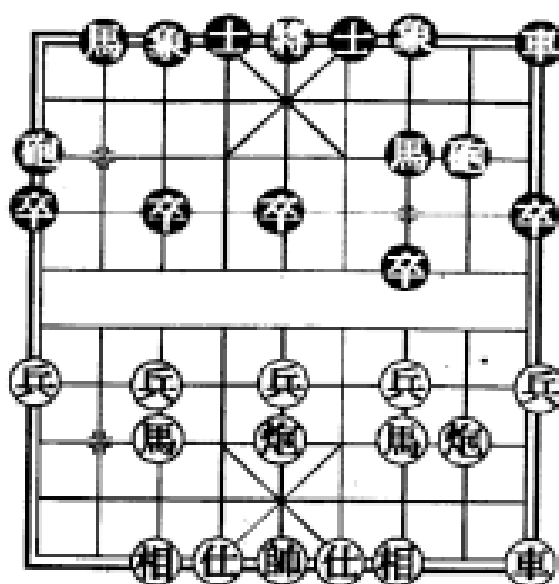
CỤC 76

TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ (1)

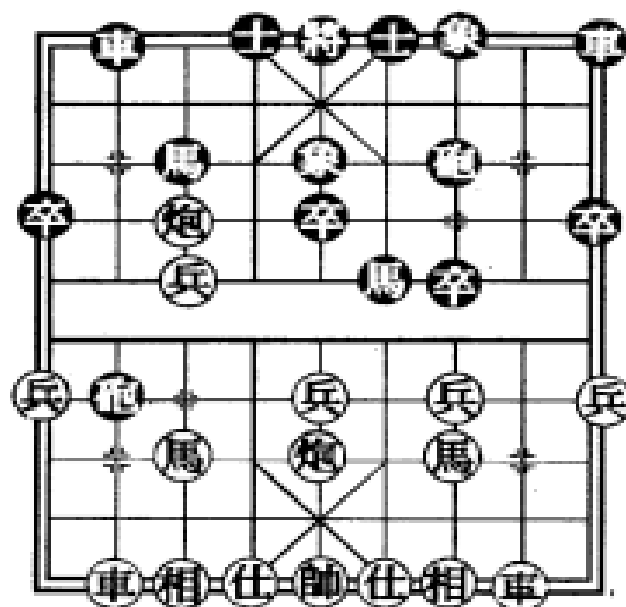
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. ⑨2.3 | ③7.1 | 2. ②8-5 | ⑨2.3 |
| 3. ⑨8.7 | ④1-2 | 4. ②9-8 | ⑨8.7 |
| 5. ③7.1 | ③3.5 | 6. ②2.4 | ⑨7.6 |
| 7. ②2-7 | ②2.4 | 8. ②1-2 | ②8-7 |
| 9. ③7.1 | | | |

Biến 1:

- 9... ③5.3



- | | |
|----------|------|
| 10. 車2.4 | 卒3/5 |
| 11. 仕4.5 | 士4.5 |
| 12. 炮5-6 | 卒7.1 |
| 13. 車2-3 | 卒9-8 |
| 14. 相3.5 | 卒8.5 |
| 15. 炮7-1 | 卒7.4 |
| 16. 炮1-4 | 卒8-7 |
| 17. 相5.3 | 卒2.4 |
| 18. 相7.5 | 卒1.1 |
| 19. 炮4-1 | 卒2-3 |
| 20. 炮1/2 | 卒2.5 |
| 21. 馬7/8 | 卒3.4 |
| 22. 炮6.2 | 卒5.1 |
| 23. 炮1.1 | 卒5.1 |



24. 炮1-6 卒5-4

Quân của bên Đen linh hoạt, thế trận nhỉnh hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9...卒7.1 | | 10. 馬3/5 | 卒7-8 |
| 11. 車2.2 | 卒9-8 | 12. 兵3.1 | 卒8.4 |
| 13. 兵3.1 | 卒8-7 | 14. 車2.2 | 士4.5 |
| 15. 炮7-1 | 卒5.3 | 16. 馬7.6 | 馬6.4 |
| 17. 車2-6 | 卒3/5 | 18. 相3.1 | 卒7.2 |
| 19. 馬5.7 | 卒7-9 | 20. 炮1-3 | 卒9.1 |
| 21. 車6-8 | 卒2.5 | 22. 馬7.8 | 卒9-7 |
| 23. 炮3.3 | 卒5/7 | 24. 車8.3 | 卒7-8 |

Đen có phần ưu hơn.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9...卒9.1 | | 10. 車2.4 | 卒7.1 |
| 11. 車2-3 | 卒2-7 | 12. 相3.1 | 卒2.9 |
| 13. 馬7/8 | 卒5.3 | 14. 馬8.7 | 卒9-4 |
| 15. 兵5.1 | 卒s-5 | 16. 車3.1 | 卒4.2 |
| 17. 馬7.8 | 卒4.2 | 18. 車3-4 | 卒4-2 |

- Trắng được Tượng chiếm ưu.

TRĂNG QUẢ HÀ PHÁO ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ (2)

-

13.88

- Quần bên Đen linh hoạt, lại có Tốt quá hà, chiếm ưu.

14

13... ②8.5

14. ④5-6 ③9.1

16. ⑤9.1 ④8-7

18. ⑥7.8 ⑤6.4

20. ⑦3.2 ⑥7/2

22. ⑧6.1 ⑦7-9

24. ⑨8 7 ⑧6.5

15. ③4.5 ①4.5

17. ②1.3 ②s.1

19. ④7-3 ③7/3

21. ③3/5 ④5.1

23. ⑤2.3 ④4/6

25. ⑥7/5

Cả hai bên bình ổn.

Biến 3 :

13... ④9.1

15. ⑤5.1 ④5.1

17. ⑥5.3 ①4.5

19. ⑦7.6 ⑤6.8

21. ⑧5/1 ⑥8.3

14. ⑤5.1 ③8.5

16. ⑥3.5 ④8-7

18. ⑦5.3 ②1-8

20. ⑧6.4 ③7.2

22. ①4.5 ⑦8.9

Hai bên đối công, còn giằng co lâu.

CỤC 78

TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ (3)

1. ④2.3 ④7.1

2. ⑥8-5 ⑤2.3

3. ⑦8.7 ③1-2

4. ①9-8 ⑥8.7

5. ⑤7.1 ④3.5

6. ⑥2.4 ⑦7.6

7. ⑥2-7 ③8-7

8. ①1-2 ④9.1

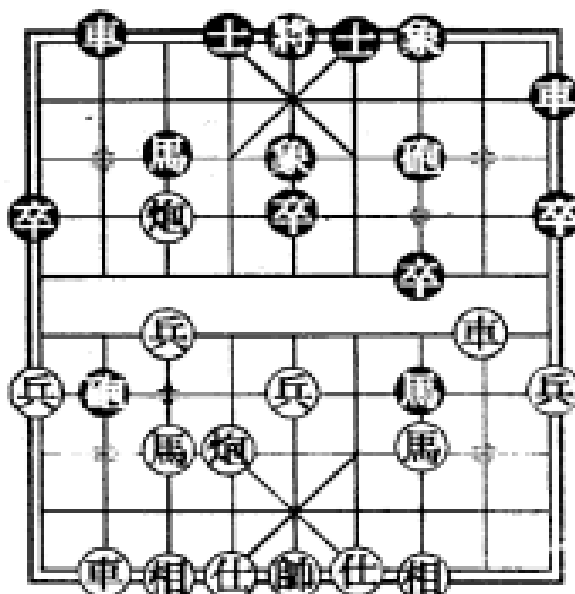
9. ①2.4 ⑤6.7

10. ⑥5-6 ⑥2.4

Biến 1 :

11. ②7.5 ③9-2

12. ⑥7-1 ①4.5



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. ⑩7.1 | ⑤5.3 | 14. ⑩2-7 | ⑤3/5 |
| 15. ⑩7.6 | ⑤t.4 | 16. ⑩7-8 | ⑤2.5 |
| 17. ⑩6/8 | ⑤7/6 | 18. ⑩1/2 | ⑤2/2 |

Trắng thí quân giành thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ⑩7.1 | ⑤9-2 | 12. ⑩2-7 | ⑤9.1 |
| 13. ⑩7.5 | ⑤4.5 | 14. ⑩8.2 | ⑤t.2 |
| 15. ⑩6.5 | | | |

Trắng dễ đi.

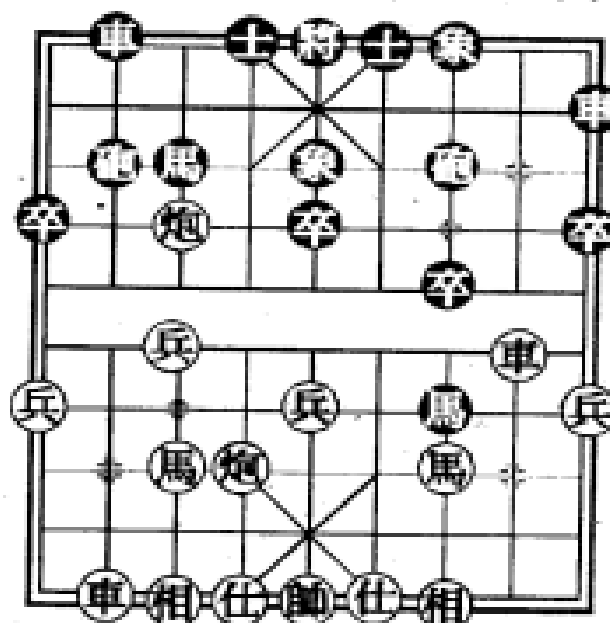
CỤC 79

TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ (4)

- | | |
|----------|------|
| 1. ⑩2.3 | ⑤7.1 |
| 2. ⑩8-5 | ⑤2.3 |
| 3. ⑩8.7 | ⑤1-2 |
| 4. ⑩9-8 | ⑤8.7 |
| 5. ⑩7.1 | ⑤3.5 |
| 6. ⑩2.4 | ⑤7.6 |
| 7. ⑩2-7 | ⑤8-7 |
| 8. ⑩1-2 | ⑤9.1 |
| 9. ⑩2.4 | ⑤6.7 |
| 10. ⑩5-6 | |

Biến 1:

- | | |
|------------|------|
| 10... ⑤9-2 | |
| 11. ⑩8.4 | ⑤9.1 |
| 12. ⑩7.1 | ⑤5.3 |
| 14. ⑩6-8 | ⑤t.6 |
| 16. ⑩7/1 | ⑤7/6 |
| 18. ⑩3.2 | ⑤7-3 |
| 20. ⑩2.4 | ⑤3.5 |
| 22. ⑩7-6 | ⑤s/3 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ⑩8-7 | ⑤2.5 |
| 15. ⑩7.1 | ⑤s.4 |
| 17. ⑩2.3 | ⑤3/5 |
| 19. ⑩7-8 | ⑤s/1 |
| 21. ⑩2-6 | ⑤3-8 |
| 23. ⑩t-4 | ⑤s.5 |

24. ♖6.4 ♜s/4 25. ♖6/7 ♜t/5

26. ♖4.1 ♜5/3

Đen nhiều quân, chiếm ưu.

Biến 2 :

10... ♜2.6

12. ♖7.1 ♜5.3

14. ♖4.5 ♜2-4

16. ♖8-7 ♜3/5

18. ♖7/3 ♜7/6

20. ♖7-6 ♜7.1

22. ♖5.3 ♜7.5

11. ♖7.5 ♜9.1

13. ♖7.8 ♜9-4

15. ♖6-8 ♜2-1

17. ♖7.1 ♜4.5

19. ♖7-6 ♜4.4

21. ♖2-3 ♜4-7

23. ♖6-7

Trắng chủ động hơn.

Biến 3 :

10... ♜9.1

12. ♖7.1 ♜2.5

14. ♖8.6 ♜7.5

16. ♖2-8 ♜9.1

18. ♖6.4 ♜6.5

20. ♖7-9

11. ♖8.4 ♜2-1

13. ♖7.8 ♜5.3

15. ♖9.1 ♜9.1

17. ♖6.7 ♜7-3

19. ♖8.2 ♜3-4

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 80

TRẮNG QUÁ HÀ PHẢO ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT BIÊN

1. ♖2.3 ♜7.1

3. ♖8.7 ♜1-2

5. ♖7.1 ♜3.5

2. ♖8-5 ♜2.3

4. ♖9-8 ♜8.7

6. ♖2.4 ♜9.1

Biến 1 :

7. ♖2-3 ♜9.3

9. ♖8.6 ♜8-3

11. ♖7.6 ♜2-3

8. ♖3-7 ♜8.1

10. ♖8-7 ♜2.4

12. ♖7-6 ♜2.4

CỤC 81
TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ
NGOÀI

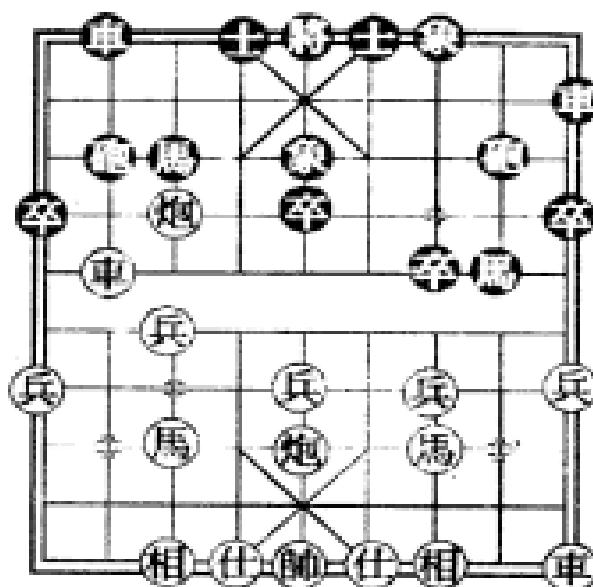
- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮8-5 | 馬2.3 |
| 3. 馬8.7 | 卒1-2 |
| 4. 卒9-8 | 馬8.7 |
| 5. 兵7.1 | 卒3.5 |
| 6. 炮2.4 | 馬7.8 |
| 7. 炮2-7 | 卒9.1 |
| 8. 卒8.5 | |

Biến 1 :

8... 卒8.7

- | | |
|----------|------|
| 9. 卒1-2 | 炮8-7 |
| 10. 炮5-6 | 卒9-4 |
| 11. 仕4.5 | 炮2-1 |
| 12. 卒2.4 | 馬7/6 |
| 15. 兵7.1 | 馬2.1 |
| 17. 卒4.1 | 炮3.2 |
| 19. 卒4-6 | 卒4.3 |

- | | |
|----------|------|
| 12. 卒8.4 | 馬3/2 |
| 14. 炮3.5 | 炮1-3 |
| 16. 卒2-4 | 馬1.3 |
| 18. 馬3.4 | 卒7.1 |
| 20. 馬4.6 | 馬3.5 |



Thế trận hai bên cân bằng ngang bằng nhau.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|---------|----------|------|
| 8... 卒9-4 | 9. 兵3.1 | 卒4.2 | |
| 10. 卒8.1 | 卒4.1 | 11. 馬3.4 | 卒4-6 |
| 12. 兵3.1 | 卒6.1 | 13. 兵3-2 | 卒6-3 |
| 14. 卒1.2 | 卒2-1 | 15. 卒8.3 | 馬3/2 |
| 16. 炮7-1 | | | |

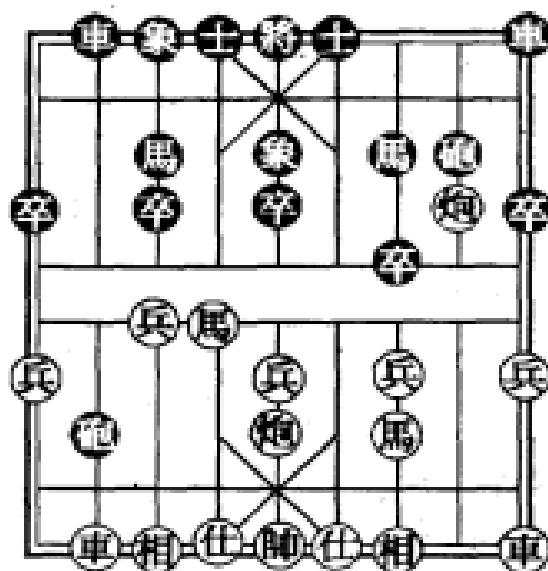
Trắng nhiều Tốt chiếm ưu.

CỤC 82
ĐEN QUÁ HÀ PHÁO PHẢI ĐỐI TRẮNG NHẢY
MÃ LÊN CỬA SÔNG

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 2. 炮8-5 | 炮2.3 |
| 3. 炮8.7 | 卒1-2 |
| 4. 車9-8 | 炮8.7 |
| 5. 炮7.1 | 卒2.4 |
| 6. 炮7.6 | 卒2.1 |
| 7. 炮2.4 | 卒7.5 |

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 8. 炮3/5 | 卒6.5 |
| 9. 炮5.7 | 卒2-5 |
| 10. 車8.9 | 卒3/2 |
| 11. 炮3.5 | 卒2.1 |
| 12. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 14. 車3.4 | 卒7.6 |
| 16. 炮9.1 | 卒6.5 |
| 18. 炮5/7 | 卒5-4 |
| 20. 炮2/3 | 卒6.5 |
| 22. 炮2-5 | 卒8-5 |
| 24. 車3-1 | |



- | | |
|----------|------|
| 13. 車1-3 | 卒9-6 |
| 15. 車3.2 | 卒5.1 |
| 17. 炮7.5 | 卒5.1 |
| 19. 炮7.6 | 卒8-9 |
| 21. 炮6.5 | 卒6-8 |
| 23. 炮5-2 | 卒9-8 |

Các quân bên Trắng linh hoạt, lại hơn Tốt nên chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 炮2-3 | 卒8.4 | 9. 炮6.4 | 卒9-8 |
| 10. 炮4.6 | 卒8.1 | 11. 車1-2 | 卒2.1 |
| 12. 炮5-7 | 卒3/2 | 13. 炮7.4 | 卒2.5 |
| 14. 炮7-8 | | | |

Trắng bắt được quân, chiếm ưu thế.

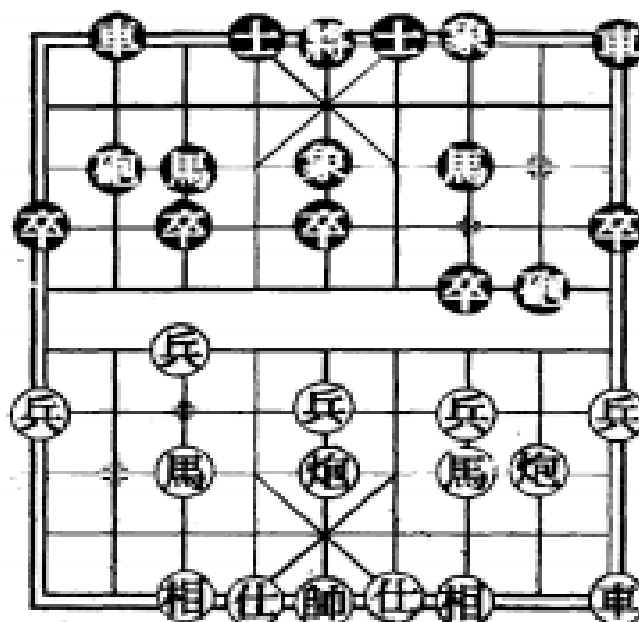
CỤC 83

ĐEN TUẦN HÀ PHÁO ĐỐI TRẮNG XE QUÁ HÀ

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬2.3 | ●7.1 |
| 2. 炮8-5 | ●2.3 |
| 3. 馬8.7 | ●1-2 |
| 4. 車9-8 | ●8.7 |
| 5. 兵7.1 | ●8.2 |
| 6. 車8.6 | ●3.5 |

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 7. 馬7.6 | ●3.1 |
| 8. 兵7.1 | ●8-3 |
| 9. 車8-7 | ●2.3 |
| 10. 車7.1 | ●2-3 |
| 11. 車7/2 | ●5.3 |
| 12. 車1-2 | ●9-8 |
| 13. 炮2.4 | ●3/5 |
| 14. 炮5.4 | ●7.5 |



- | | |
|----------|------|
| 15. 馬6.5 | ●4.5 |
|----------|------|

Hai bên thế trận cân bằng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車1.1 | ●9.1 | 8. 車1-4 | ●3.1 |
| 9. 車8-7 | ●2-3 | 10. 兵7.1 | ●8-3 |
| 11. 馬7.8 | ●2.2 | 12. 馬8/6 | ●3-6 |
| 13. 炮5-7 | ●9-4 | 14. 馬3/5 | ●6-5 |
| 15. 馬6.5 | ●5.1 | 16. 炮7.5 | ●4.7 |
| 17. 炮2/1 | ●4/6 | 18. 車7-8 | ●3.2 |
| 19. 車8/1 | ●4.5 | 20. 炮7.5 | |

Trắng nhiều quân, chiếm ưu.

CỤC 84

ĐEN CAO HOÀNH XE ĐỐI TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO

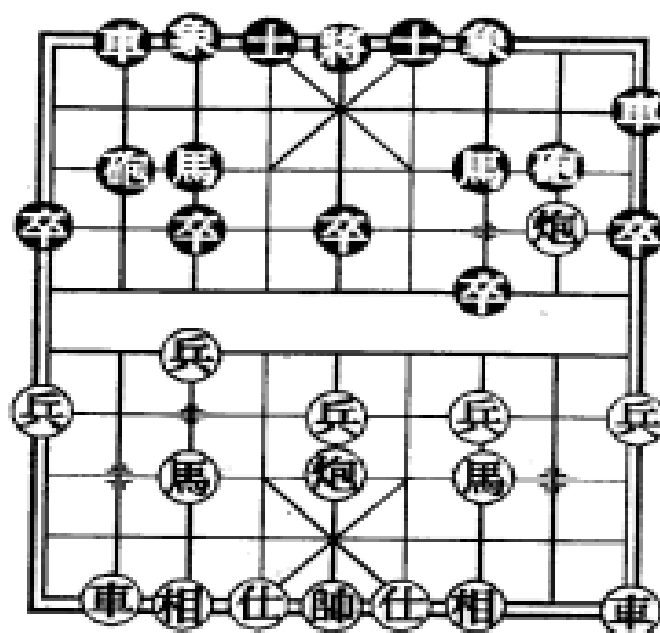
1. 馬2.3
2. 炮8-5
3. 馬8.7
4. 車9-8
5. 兵7.1
6. 炮2.4

- 卒7.1
- 馬2.3
- 炮1-2
- 馬8.7
- 車9.1

Biến 1:

- 6... 炮7.8
7. 炮2-7
8. 車8.5
9. 車1-2
10. 炮5-6
11. 炮4.5
12. 車8.4
13. 車2.4
15. 兵7.1
17. 炮7-1

- 炮3.5
- 馬8.7
- 炮8-7
- 車9-4
- 炮2-1
- 馬3/2
- 馬7/6
- 炮7-6
- 車4.4



14. 炮3.5
16. 馬7.8
18. 馬8.9
- 炮1-3
- 炮3.2

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2:

- 6... 炮7.6

8. 車8.5
10. 車2.4
12. 車8.4
14. 馬7.6
16. 馬6.5
18. 馬5/7
20. 馬7/5
- 卒9-6
- 炮6.7
- 馬3/2
- 卒9.1
- 炮3.2
- 卒2.2
- 馬7/5

7. 炮2-7
9. 車1-2
11. 炮5-6
13. 炮3.5
15. 兵7.1
17. 炮7-8
19. 車2.3
21. 兵5.1
- 炮8-7
- 炮3.5
- 炮2-1
- 炮1-3
- 馬2.1
- 炮6-2
- 卒2-7
- 卒7.1

Trắng chiếm tiên thủ.

CỤC 85

ĐEN PHI TƯỢNG ĐỐI TRẮNG QUÁ HÀ PHÁO

1. 馬2.3 卒7.1
2. 炮8-5 馬2.3
3. 馬8.7 士1-2
4. 車9-8 炮8.7
5. 兵7.1 卒7.5
6. 炮2.4

Biến 1:

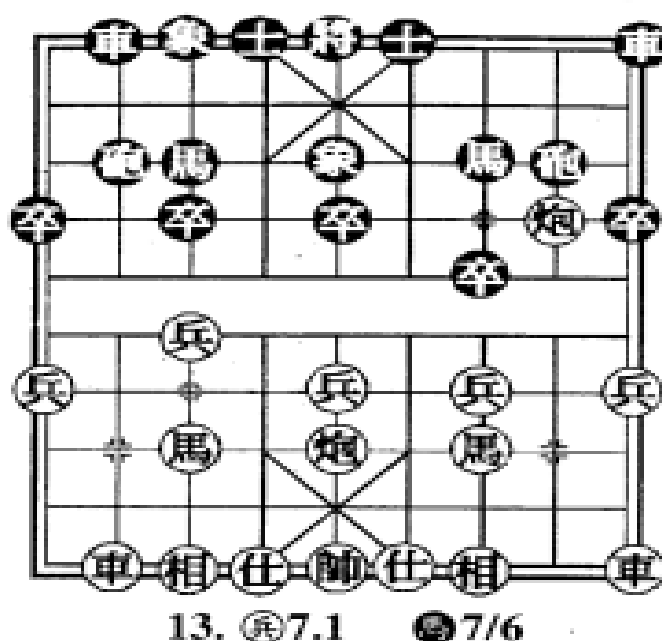
- 6... 卒7.6
7. 炮2-7 卒8-7
8. 車1-2 卒6.7
9. 炮5-6 士6.5
10. 相3.5 卒9.1
11. 車2.7 卒9-7
12. 車8.5 炮7-6
13. 車2/3

Trắng chiếm ưu.

Biến 2:

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 6... 卒3.1 | 7. 兵7.1 | 卒5.3 |
| 8. 炮2-9 | 9. 炮9-7 | 卒3.5 |
| 10. 車1-2 | 11. 車8.4 | 炮2-1 |
| 12. 車8-7 | 13. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 14. 車7-3 | 15. 兵9.1 | 炮8/2 |
| 16. 馬3.4 | 17. 馬4.3 | 卒2-4 |
| 18. 車2.4 | | |

Trắng dễ đi hơn.



PHẦN THỨ HAI
TIỀN MÃ BIÊN

CHƯƠNG 1
ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU

TIẾT 1
CÁC PHƯƠNG ÁN VỚI ĐEN TRỰC XA BÊN TRÁI

CỤC 86
TRẮNG HỮU PHÁO PHONG XA ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (1)

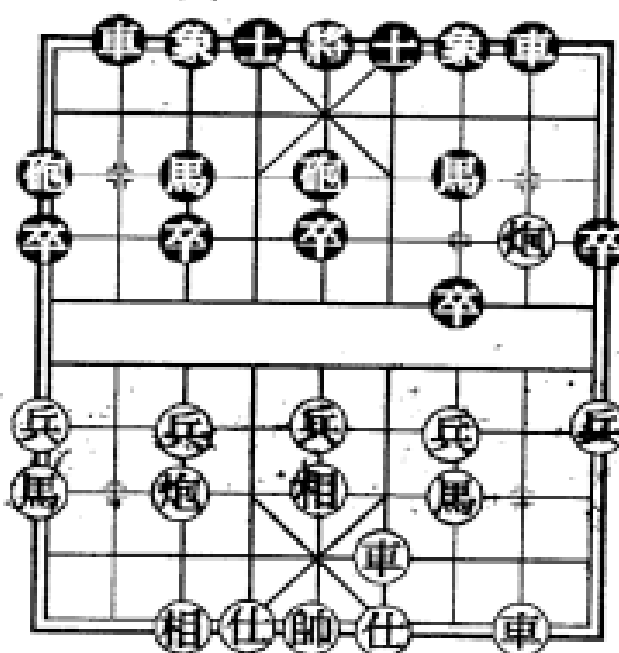
- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤8.9 | ⑤8-5 |
| 2. ⑤2.3 | ⑤8.7 |
| 3. ⑤1-2 | ⑤9-8 |
| 4. ⑤2.4 | ⑤7.1 |
| 5. ⑤3.5 | ⑤2.3 |
| 6. ⑤9.1 | ⑤2-1 |
| 7. ⑤9-4 | ⑤1-2 |
| 8. ⑤8-7 | |

Biến 1:

8... ⑤3.1

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 9. ⑤7.1 | ⑤2.7 |
| 10. ⑤7.3 | ⑤3.4 |
| 11. ⑤2.4 | ⑤4.5 |
| 12. ⑤3.5 | ⑤5.4 |
| 14. ⑤7.2 | ⑤6.5 |
| 16. ⑤7.1 | ⑤5-1 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ⑤4.5 | ⑤7.5 |
| 15. ⑤4.5 | ⑤2/1 |
| 17. ⑤7.1 | ⑤5.1 |

18. ②2.1

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2 :

9. ②7.3	③3.4	10. ④4.5	⑤2.7
11. ③7.1	④4.5	12. ⑤3.5	⑥5.4
13. ④4.2	⑤2/1	14. ③9.1	⑥7.5
15. ②7.2	③6.5	16. ②2.1	⑤8-6
17. ④2-4	⑤6-8	18. ④s-2	⑤8-6
19. ④4.6	⑤5-6	20. ④2-4	⑥6-5
21. ④4.3	⑤5.1	22. ③5-4	⑤2-4
23. ⑤9.8	⑥5.1	24. ③7.1	④4/1
25. ⑤8.6	⑥5.3	26. ⑤6.4	

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

8... ②2.4		9. ④4.5	⑤2-6
10. ④4-2	⑤3/5	11. ②2-7	⑤8.8
12. ④2.1	⑤1.4	13. ③7.1	⑤1-7
14. ④2.3	⑤6-4	15. ④2.2	⑤5-2
16. ⑤9.7	⑥7-3	17. ②t/3	⑥3.5
18. ②t-8	⑤1.1	19. ②8.3	⑤1.1
20. ④2-4	⑤1-2		

Hai bên đều bình ổn.

CỤC 87

TRẮNG HỮU PHÁO PHONG XA ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (2)

1. ⑤8.9	⑥8-5	2. ⑤2.3	⑥8.7
3. ④1-2	⑤9-8	4. ②2.4	⑤7.1
5. ③3.5 (hình)			

Biến 1 :

5... ⑤7.6

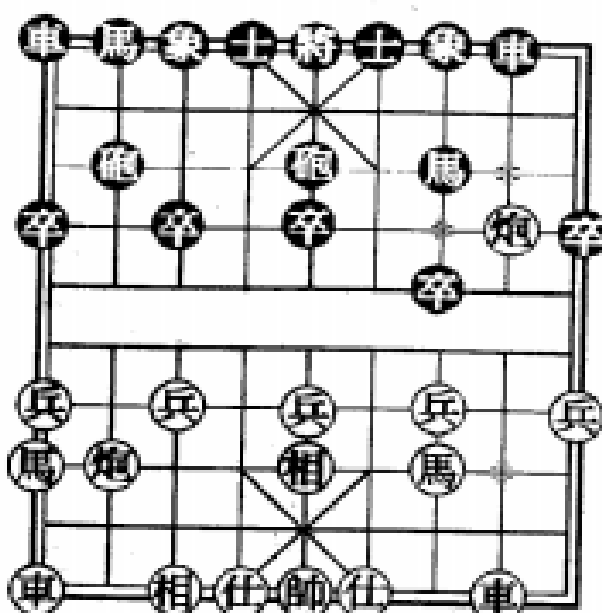
- | | |
|----------|------|
| 6. 車9.1 | 卒3.1 |
| 7. 車9-4 | 炮2.2 |
| 8. 兵7.1 | 炮5-6 |
| 9. 車4-6 | 馬3.5 |
| 10. 兵7.1 | 馬5.3 |
| 11. 炮2/2 | 卒7.1 |
| 12. 兵3.1 | 馬6.8 |
| 13. 車6.5 | 馬2.3 |
| 14. 車6-7 | 卒7.5 |
| 15. 車2.4 | 卒8.5 |
| 16. 馬3.2 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | |
|-----------|------|
| 5... 馬2.1 | |
| 7. 車9.1 | 卒7.1 |
| 9. 車4.4 | 卒8.6 |
| 11. 馬2.4 | |

Trắng chiếm ưu thế.



- | | |
|----------|------|
| 6. 兵9.1 | 馬7.6 |
| 8. 車9-4 | 卒8.3 |
| 10. 馬3/2 | 卒7.1 |

CỤC 88

TRẮNG HỮU PHÁO PHONG XA ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (3)

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 馬8.9 | 卒8-5 | 2. 馬2.3 | 卒8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒9-8 | 4. 炮2.4 | 卒7.1 |
| 5. 車9.1 | 馬2.3 | | |

(hình)

Biến 1:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 車9-4 | 卒3.1 | 7. 仕4.5 | 卒3.4 |
| 8. 炮8.3 | 卒3.1 | 9. 兵7.1 | 卒2-3 |
| 10. 炮7.5 | 卒4.2 | 11. 馬9/8 | 卒1-2 |

12. 炮8-7 卒5/1
 13. 兵5.1 卒3.5
 14. 炮7-6 卒5-2
 15. 炮8.6 卒2.1
 16. 卒4.5 卒1.3
 17. 炮5-4 卒2.8
 18. 炮4.1 卒4.5
 19. 卒2-5 卒8.9
 20. 炮3/2 卒2.6

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

6. 卒9-2 卒7.6
 7. 炮2.1 卒6/7

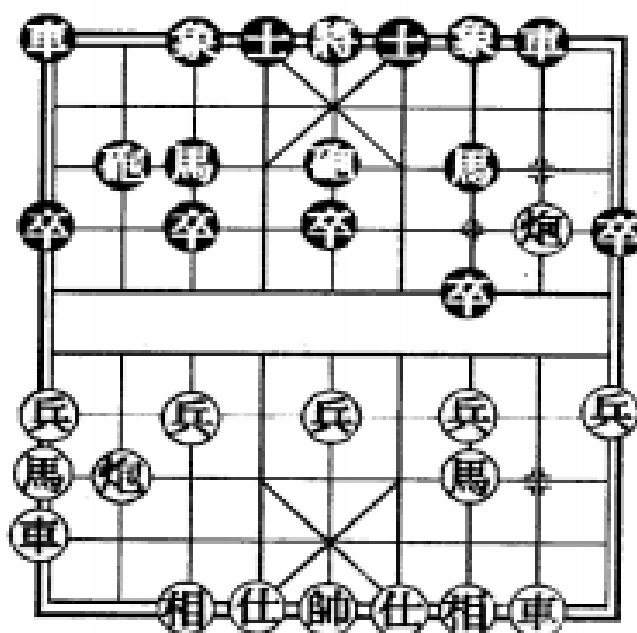
Phương án 1 :

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 8. 兵7.1 卒8.2 | 9. 卒t.6 卒5-8 |
| 10. 卒2.7 卒3/5 | 11. 卒2/1 卒2-3 |
| 12. 炮8-5 卒3.1 | 13. 兵5.1 卒3.1 |
| 14. 卒2.1 卒1.2 | 15. 兵7.1 卒3.6 |
| 16. 仕6.5 卒1-2 | 17. 兵5.1 卒5.1 |
| 18. 兵7-6 卒3-1 | 19. 仕5.6 卒3.5 |
| 20. 兵6-5 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 8. 炮3.5 卒3.1 | 9. 炮2/1 卒7.6 |
| 10. 炮2.1 卒6/7 | 11. 卒t.3 卒3.4 |
| 12. 炮2-5 卒8.5 | 13. 卒2.4 卒3.5 |
| 14. 炮8.3 卒4/3 | 15. 炮8.1 卒4.5 |
| 16. 兵3.1 卒7.1 | 17. 卒2-3 卒3.4 |
| 18. 炮8/5 卒7.6 | 19. 炮8-3 卒4.5 |
| 20. 炮3.5 卒6.5 | 21. 卒3-5 卒5.7 |



22. ♖5.2 ♙9.1

Đen phản tiên.

Biến 3 :

6. ♖3.5	♙2-1	7. ♖9-4	♙3.1
8. ♚4.5	♙1-2	9. ♚8-6	♙2.7
10. ♖4.3	♙3.2	11. ♚7.1	♙2.3
12. ♚7.1	♙3.2	13. ♚2-3	♙2-1
14. ♚6.5	♙1-2	15. ♖4-2	♙8-9

Đen hơn quân, chiếm ưu.

Biến 4 :

6. ♚7.1	♙7.6	7. ♖9-4	♙6.5
8. ♚3.5	♙5.4	9. ♖4.5	♙8.2
10. ♖2.4	♙8-6	11. ♖2-4	♙6.1
12. ♖4.2	♙1.1	13. ♚5.1	♙1-4
14. ♚5-4	♙4.5	15. ♚4.5	♙4.4
16. ♚8-3	♙4-8	17. ♚4/1	♙5.1
18. ♚2-7	♙3.5	19. ♚7.5	♙5.1
20. ♚3.3	♙8-6	21. ♖4/2	♙5-6
22. ♚3-5	♙2-6	23. ♚4-5	♙3.5
24. ♚7-8	♙5.7		

Quân bên Đen linh hoạt, dễ đi.

CỤC 89

TRĂNG HỮU PHÁO PHONG XA ĐỐI ĐEN ĐẦY

TỐT 7 (4)

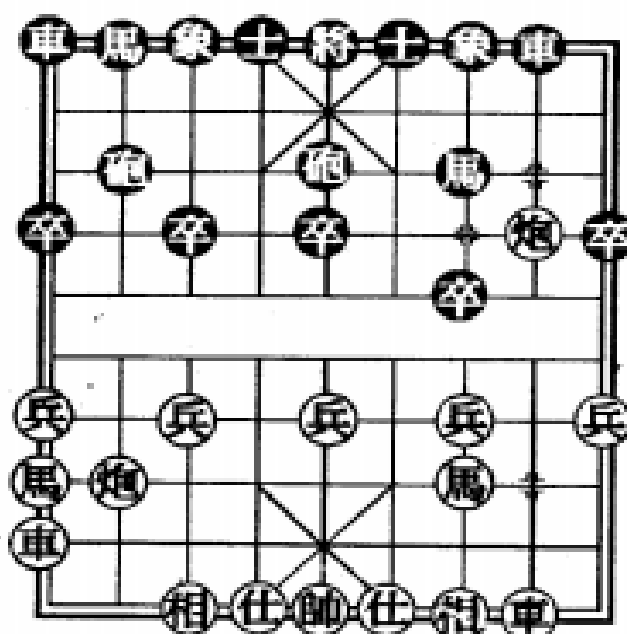
1. ♚8.9	♙8-5	2. ♚2.3	♙8.7
3. ♖1-2	♙9-8	4. ♚2.4	♙7.1
5. ♖9.1			

Biến 1 :

5... ♙7.6

Phương án 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 6. 車9-4 | ●6.5 |
| 7. 馬3.5 | ●5.4 |
| 8. 車4.5 | ●2.3 |
| 9. 炮8-2 | ●8-9 |
| 10. 炮8-4 | ●9-8 |
| 11. 帥5.1! | ●3.1 |
| 12. 炮4-2 | ●8-9 |
| 13. 炮5-4 | ●4.5 |
| 14. 炮8-5 | ●9.2 |
| 15. 車2.4 | ●9-6 |
| 16. 炮2-5 | ●3.5 |
| 17. 車4.1 | ●5.6 |
| 18. 車2-5 | |



Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮3.5 | ●6.5 | 7. 車9-4 | ●2.3 |
| 8. 馬3.5 | ●5.4 | 9. 炮4.5 | ●8.2 |
| 10. 車4.5 | ●3.1 | 11. 車2-4 | ●4.5 |
| 12. 炮2-5 | ●3.5 | 13. 車t-5 | ●8-5 |
| 14. 車5-6 | ●1.1 | | |

Thế trận hai bên tương đương:

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|---------|----------|------|
| 5... ●2.4 | 6. 車9-4 | ●2-5 | |
| 7. 馬3.5 | ●5.4 | 8. 兵9.1 | ●1.1 |
| 9. 馬9.8 | ●2.1 | 10. 車4.6 | ●1-4 |
| 11. 馬8/7 | ●5/2 | 12. 車4-3 | ●4.4 |
| 13. 車3/1 | ●8.2 | 14. 車2.2 | ●4-5 |
| 15. 仕4.5 | ●5-8 | 16. 仕5/4 | ●t-2 |
| 17. 炮8-9 | ●2.2 | 18. 車2-4 | |

Trắng hơn quân, chiếm ưu.

Biến 3 :

5... ♖3.1

Phương án 1 :

6. ♖3.5	♙2.3	7. ♖2-3	♘3.4
8. ♗9-2	♙8-9	9. ♗t-4	♘4.5
10. ♗4.2	♙1.1	11. ♖4.5	♘2.4
12. ♖8-6	♙5/4	13. ♗4.4	♘2/4
14. ♗4/2	♙2.2	15. ♖6.2	♙5.1
16. ♗2.4	♙1-3	17. ♗4-3	♙7.5
18. ♗3-4	♙5.1	19. ♖6/2	♙3-7
20. ♗2.2	♙4.6	21. ♗4.1	♙2/1

Đen rộng đường đi hơn.

Phương án 2 :

6. ♗9-6	♙2.3	7. ♗6.5	♘3.1
8. ♖8.4	♙7.6	9. ♗6-7	♙1-3
10. ♗7/1	♙6.5	11. ♖3.5	♙3.2
12. ♖7.1	♙2.1	13. ♗2.4	♙5.4
14. ♗7.4	♙1/3	15. ♖7.1	♙8.2
16. ♗2-6	♙2-5	17. ♖9.7	♙t-9
18. ♖7/5	♙9/2	19. ♖7-6	♙6.5
20. ♖6.5	♙5.1	21. ♖2-5	♙9.5
22. ♖5/3	♙8.6	23. ♖3.4	

Đối công, Trắng không khó đi.

CỤC 90

ĐEN TRỰC XA ĐỐI TRẮNG HỮU PHÁO PHONG XA

1. ♖8.9	♙8-5	2. ♖2.3 ^c	♙8.7
3. ♗1-2	♙9-8	4. ♖2.4	

Biến 1 :

4... ②2.3

Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. ④9.1 | ⑤1.1 |
| 6. ④9-6 | ⑤8.1 |
| 7. ⑤4.5 | ⑤8-4 |
| 8. ④6.7 | ⑤1-4 |
| 9. ④3.5 | ⑤3.1 |
| 10. ④2.4 | ⑤3.4 |
| 11. ⑥8.4 | ⑤4-6 |
| 12. ⑥3.1 | ⑤7.9 |
| 13. ⑥9.1 | ⑤3.1 |
| 14. ⑥8-3 | ⑤6.3 |
| 15. ⑥7.1 | ⑤2.5 |
| 16. ⑥7.1 | ⑤4.3 |

Trắng dễ đi.

Phương án 2 :

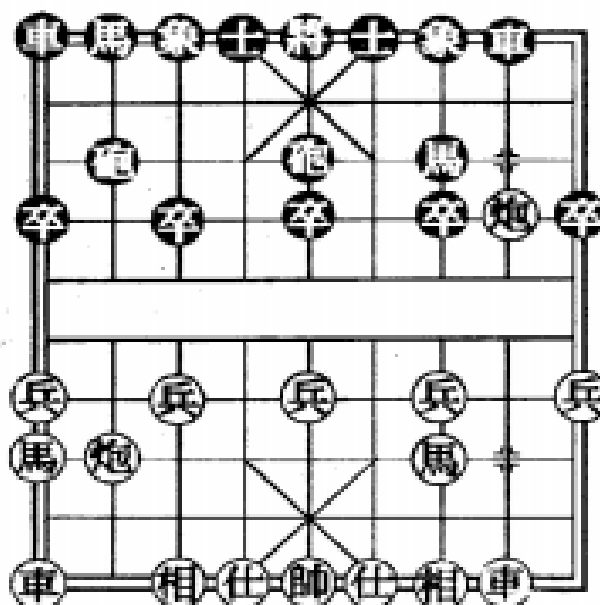
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ⑥3.1 | ⑤7/9 | 6. ⑥2.1 | ⑥2.4 |
| 7. ⑥7.1 | ⑤5.1 | 8. ⑥8-5 | ⑤9.7 |
| 9. ⑥2-5 | ⑤3.5 | 10. ④2.9 | ⑤7/8 |
| 11. ④9-8 | ⑤1-2 | 12. ⑤9/7 | ⑥2/1 |
| 13. ⑥5.3 | ⑤4.5 | 14. ④3.5 | ⑤8.7 |
| 15. ④8.3 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ④3.5 | ⑤2-1 | 7. ④9-8 | ⑤1-2 |
| 8. ⑥8-7 | ⑤2.9 | 9. ⑤9/8 | ⑤3/5 |
| 10. ⑥7.4 | ⑤1.4 | 11. ⑥2-3 | ⑤8.9 |
| 12. ⑥3/2 | ⑤5.4 | 13. ⑤4.5 | ⑤5-9 |
| 14. ⑤8.7 | ⑤1-3 | 15. ⑥7.1 | |

Quân bên Trắng linh hoạt, dễ đi hơn.



17. ⑥7.1

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. ⑧8.9 | ●8-5 | 2. ⑨2.3 | ●8.7 |
| 3. ⑨1-2 | ●9-8 | 4. ⑨2.4 | ●3.1 |
| 5. ⑨9.1 | ●2-3 | 6. ⑨3.5 | ●2.1 |
| 7. ⑨9-4 | ●1-2 | 8. ⑨8-6 | ●4.5 |
| 9. ⑨4.4 | ●2.4 | 10. ⑨9.1 | ●3.1 |
| 11. ⑨4/1 | ●7.1 | 12. ⑨2-7 | ●8.9 |
| 13. ⑨3/2 | ●1.3 | 14. ⑨2.3 | ●5-4 |
| 15. ⑨3.1 | ●7.1 | 16. ⑨4-3 | ●7.5 |

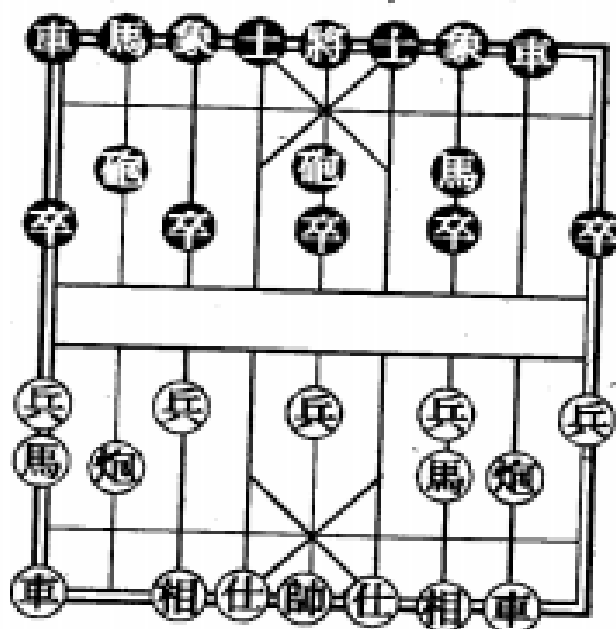
Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 91
TRẮNG TRỤC XA ĐỐI ĐEN TRỤC XA

- | | |
|----------|------|
| 1. ⑧8.9 | ●8-5 |
| 2. ⑨2.3 | ●8.7 |
| 3. ⑨1-2 | ●9-8 |
| 4. ⑨3.1 | ●8.6 |
| 5. ⑨3.5 | ●2.3 |
| 6. ⑨9.1 | ●2-1 |
| 7. ⑨9-4 | ●1-2 |
| 8. ⑨8-6 | ●2.4 |
| 9. ⑨4.5 | ●4.5 |
| 10. ⑨4.5 | ●5-4 |
| 11. ⑨9.1 | ●3.5 |
| 12. ⑨4/2 | ●3.1 |
| 13. ⑨2-1 | ●8.3 |
| 15. ⑨3.1 | ●5.7 |
| 17. ⑨4-3 | ●5.1 |
| 19. ⑨3/2 | ●2/1 |

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. ⑨3.1 | ●8.6 |
| 5. ⑨3.5 | ●2.3 |
| 6. ⑨9.1 | ●2-1 |
| 7. ⑨9-4 | ●1-2 |
| 8. ⑨8-6 | ●2.4 |
| 9. ⑨4.5 | ●4.5 |
| 10. ⑨4.5 | ●5-4 |
| 11. ⑨9.1 | ●3.5 |
| 12. ⑨4/2 | ●3.1 |
| 13. ⑨2-1 | ●8.3 |
| 15. ⑨3.1 | ●5.7 |
| 17. ⑨4-3 | ●5.1 |
| 19. ⑨3/2 | ●2/1 |



- | | |
|----------|------|
| 14. ⑨3/2 | ●7.1 |
| 16. ⑨1-3 | ●7.5 |
| 18. ⑨2.4 | ●4/2 |
| 20. ⑨4.2 | ●3.4 |

Thế trận hai bên cơ bản cân bằng.

Biến 2 :

4. ♖9.1

Phương án 1 :

4... ♜1.1

6. ♙3.1 ♘6.5

8. ♚t.4 ♙1-4

10. ♜8-7 ♙3.3

12. ♜3.5 ♙1.2

14. ♚4.5 ♙1.1

16. ♙7.5

5. ♜2.4 ♙2.1

7. ♖9-2 ♙1.1

9. ♜8.2 ♙2-3

11. ♙7.1 ♙5.1

13. ♖t-5 ♙2.1

15. ♙9.7 ♙1-2

Trắng tiên thủ.

Phương án 2 :

4... ♜8.6

6. ♜3.5 ♙5.1

8. ♜2-1 ♙8.3

10. ♖4.5 ♙1-8

12. ♜1-3 ♙8.5

14. ♙5.1 ♙5.3

16. ♖4/2 ♙2.2

5. ♙3.1 ♙2.3

7. ♖9-4 ♙3.5

9. ♙3/2 ♙1.1

11. ♙2.4 ♙2.1

13. ♜3.4 ♙5.1

15. ♜3.3 ♙6.5

17. ♙5.1 ♙2/1

Bên Đen chiếm ưu thế.

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN ĐẨY TỐT 7

CỤC 92

TRẮNG TRỰC XA ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (1)

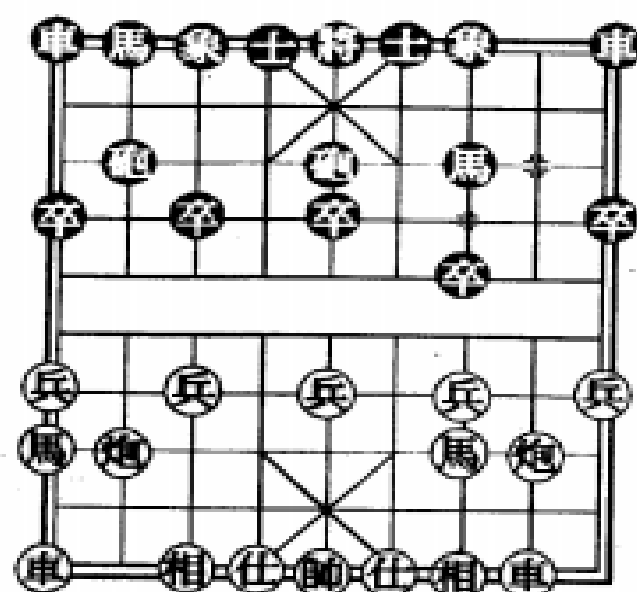
1. ♙8.9 ♙8-5

2. ♙2.3 ♙8.7

3. ♖1-2 ♙7.1

Biến 1 :

4. ⑨9.1 ②2.3
Phương án 1 :
 5. ⑨9-6 ③9-8
 6. ⑨6.4 ④8.4
 7. ⑩9.1 ⑤5-6
 8. ⑨6.3 ⑥6.5
 9. ⑧9.8 ⑦2.5
 10. ⑧2-8 ⑧8.5
 11. ⑧3/2 ⑨3.1
 12. ⑧8.6 ⑩1.1
 13. ⑨6-9 ⑪3/1
 14. ⑧8-5 ⑫6.4
 15. ⑧6/4 ⑬1.3
 16. ⑧5-7 ⑭3.2
 17. ⑧2.3 ⑮7.5
 18. ⑧2.3 ⑯1/3
 19. ⑧3.5 ⑰6.2
 20. ⑧1.1 ⑱6.2



17. ⑧7.3 ②2.3
 19. ⑧7.1 ③3/1
 21. ⑨4.5 ④3.2

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

- | | |
|---------------------|--------------------|
| 5. ⑨2-1 ②2-1 | 6. ⑨9-6 ③7.6 |
| 7. ⑨2.4 ④1-2 | 8. ⑨2-4 ⑤2.4 |
| 9. ⑨6-4 ⑥6/7 | 10. ⑩9.1 ⑦5.1 |
| 11. ⑧9.8? ⑧5.1 | 12. ⑧8.3 ⑨5-6 |
| 13. ⑧8-5 ⑩3.5 | 14. ⑧5.2 ⑪7.5 |
| 15. ⑧8.6 ⑫9-8 | 16. ⑧6/4 ⑬5.6 |
| 17. ⑨4.3 ⑭8.6 | 18. ⑧3/5 ⑮8-7 |
| 19. ⑧5.7 ⑯7.3 | 20. ⑧1-5 ⑰7/4 |
| 21. ⑨4.2 ⑱7.8 | 22. ⑨4/3 ⑲7.1 |
| 23. ⑨4.2 ⑳7-9 | 24. ⑩7.1 ㉑8.7 |
| 25. ⑨4/2 ㉒7.1 | |

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

4. ②2-1

Phương án 1 :

4... ②2.1

6. ④6.5 ●1-4

8. ④2.5 ●7/8

10. ④9-8 ●4.1

12. ④5-8 ●2-3

14. ④8-4 ●3/1

5. ⑤9.1 ⑤1.1

7. ④2.4 ⑤9-8

9. ④8-5 ④8.7

11. ④8.4 ⑤5/1

13. ④7.5 ⑤5-7

15. ④9.8

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2 :

4... ②2.3

6. ④9-4 ⑤9.1

8. ④4.7 ⑤9-6

10. ⑤9.1 ④3.5

12. ④8-6 ④3.1

14. ④6.1 ④6/5

16. ④6/5 ④5.1

18. ④6.3 ⑤6-7

20. ⑤7.1 ④7-2

22. ⑤5.1 ●2-4

5. ④9.1 ⑤1.1

7. ④2.4 ⑤1-6

9. ④3.5 ④5.1

11. ④4.5 ⑤6.5

13. ④9.8 ⑤2.2

15. ④6.4 ⑤5/1

17. ⑤5.1 ⑤6.5

19. ④3/4 ④3.1

21. ⑤7.1 ④5.3

23. ⑤5-6 ⑤3.5

Hai bên ở thế giằng co.

TIẾT 3

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN TIẾN MÃ

CỤC 93

TRẮNG TRỰC XA ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ

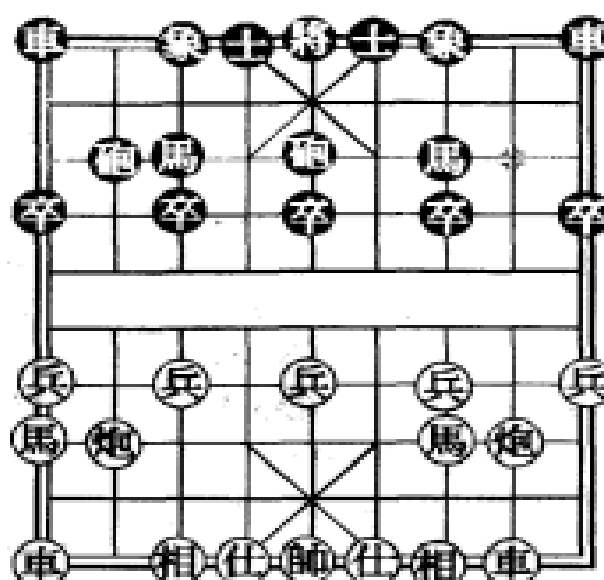
1. ⑤8.9 ⑤8-5

2. ⑤2.3 ④8.7

3. ④1-2 ④2.3

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 兵3.1 | 卒9.1 |
| 5. 車9.1 | 炮2-1 |
| 6. 車9-6 | 卒1-2 |
| 7. 兵9.1 | 卒9-6 |
| 8. 仕4.5 | 卒2.4 |
| 9. 車6.3 | 卒7.1 |
| 10. 馬9.8 | 馬7.6 |
| 11. 車6-4 | 卒7.1 |
| 12. 車4-3 | 卒1.3 |
| 13. 炮8.3 | 卒1-7 |
| 14. 馬8.6 | 卒7/1 |
| 15. 馬6.5 | 卒7-2 |
| 16. 馬5/7 | 卒2/3 |
| 17. 相3.5 | 卒2-3 |
| 19. 車4.5 | 卒7.6 |
| 21. 車4-7 | 卒3.3 |



- | | |
|----------|------|
| 18. 車2-4 | 卒6-7 |
| 20. 炮2.1 | 卒3.2 |
| 22. 車7/2 | |

Trắng rộng đường đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 炮2-1 | 卒7.1 | 5. 仕6.5 | 卒3.1 |
| 6. 相7.5 | 炮2-1 | 7. 炮8-7 | 卒1-2 |
| 8. 兵7.1 | 卒2.7 | 9. 馬3/1 | 馬3.4 |
| 10. 兵7.1 | 馬4.3 | 11. 炮7/2 | 卒1.4 |
| 12. 馬9/8 | 卒2/1 | 13. 馬8.7 | 卒5-1 |
| 14. 炮7.3 | 卒2-3 | 15. 馬7.9 | 卒3/2 |
| 16. 兵1.1 | 卒1.1 | 17. 馬1.3 | 卒9-8 |
| 18. 車2.9 | 馬7/8 | | |

Đen chủ động.

Biến 3 :

- | | |
|---------|------|
| 4. 車9.1 | 卒3.1 |
|---------|------|

Phương án 1 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 5. 車9-6 | 卒7.1 | 6. 相3.5 | 卒9-8 |
|---------|------|---------|------|

7. ④4.5	⑤8.6	8. ④6.5	⑥3.1
9. ④2-1	⑤8.3	10. ④3/2	⑥7.6
11. ④6-7	⑤1-3	12. ④8.4	⑥3/5
13. ④7-5	⑤5.7	14. ④5-3	⑥3.1
15. ④8/1	⑤6.4	16. ④8-3	⑥3-8
17. ④2.4	⑤8.7	18. ④3.2	⑥2.6
19. ④3-6	⑤4.5	20. ④1.4	⑥5.7
21. ④1-5	⑤6.5	22. ④5/2	⑥2-6
23. ④6-4			

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

5. ④3.1	⑤3.4	6. ④3.5	⑥9-8
7. ④9-6	⑤4.5	8. ④3.5	⑥5.4
9. ④6.5	⑤4.5	10. ④2.4	⑥3.5
11. ④6.2	⑤5/2	12. ④8.4	⑥7.1
13. ④3.1	⑤5.7	14. ④2-3	⑥1-4
15. ④2.3	⑤7/5	16. ④6.6	⑥5/4
17. ④2-6	⑤6.5	18. ④6.1	⑥1.1

Cờ bên Đen nhìn hơn.

Biến 4 :

4. ④3.5	⑥9.1	5. ④2-1	⑥5.1
6. ④2.4	⑥3.5	7. ④8.4	⑥1.2
8. ④4.5	⑥2/1	9. ④9.1	⑥1-4
10. ④8-5	⑥7.5	11. ④9-8	⑥9-6
12. ④8.4	⑥5.1	13. ④5.1	⑥5.4
14. ④8/2	⑥2-4	15. ④3/2	⑥4-5
16. ④1-4	⑥4.5	17. ④7.5	⑥t.5
18. ④5-4	⑥6.5	19. ④5.1	⑥s-6
20. ④5-4	⑥5/6	21. ④2.4	⑥4.2
22. ④2/3	⑥6-7	23. ④2/1	⑥4-6

Bên Đen thắng rõ.

TIẾT 4 CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN ĐẨY TỐT

CỤC 94

TRẮNG TRỰC XA ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT BIÊN

1. ⑤8.9 ⑤8-5

2. ⑤2.3 ⑤8.7

3. ⑤1-2 ⑤1.1

Biến 1:

4. ⑤3.1 ⑤2.1

Phương án 1:

5. ⑤9.1 ⑤9.1

6. ⑤9-6 ⑤1.1

7. ⑤6.6 ⑤2.4

8. ⑤7.1 ⑤9-4

9. ⑤6-8 ⑤2/2

10. ⑤4.5 ⑤4.3

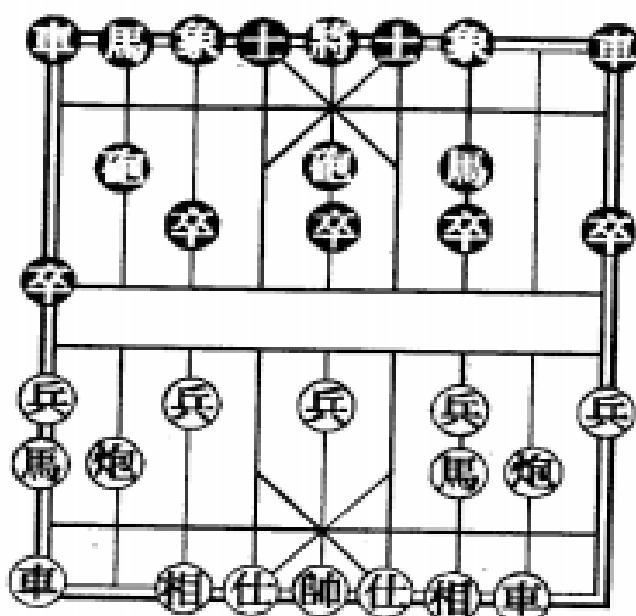
11. ⑤2-1 ⑤7.1

12. ⑤3.1 ⑤4-7

13. ⑤3.5 ⑤7.8

15. ⑤1-3 ⑤7.5

17. ⑤3-9 ⑤1-7



14. ⑤1/1 ⑤5-7

16. ⑤3.4 ⑤7-2

18. ⑤8.5

Bên Trắng được quân, chiếm ưu.

Phương án 2:

5. ⑤2-1 ⑤5/1

7. ⑤9-4 ⑤1.4

9. ⑤4.3 ⑤5/2

11. ⑤8-3 ⑤7.1

13. ⑤3-4 ⑤6/7

15. ⑤9/7 ⑤5-3

17. ⑤7.1 ⑤3.4

6. ⑤9.1 ⑤2-5

8. ⑤3.5 ⑤5.5

10. ⑤3.1 ⑤7.1

12. ⑤4-3 ⑤7.6

14. ⑤2.7 ⑤7/5

16. ⑤4.4 ⑤5.3

18. ⑤2-7 ⑤1.2

19. ④7-3 ⑤1.2 20. ④3/2 ⑤2.4
21. ④3-6

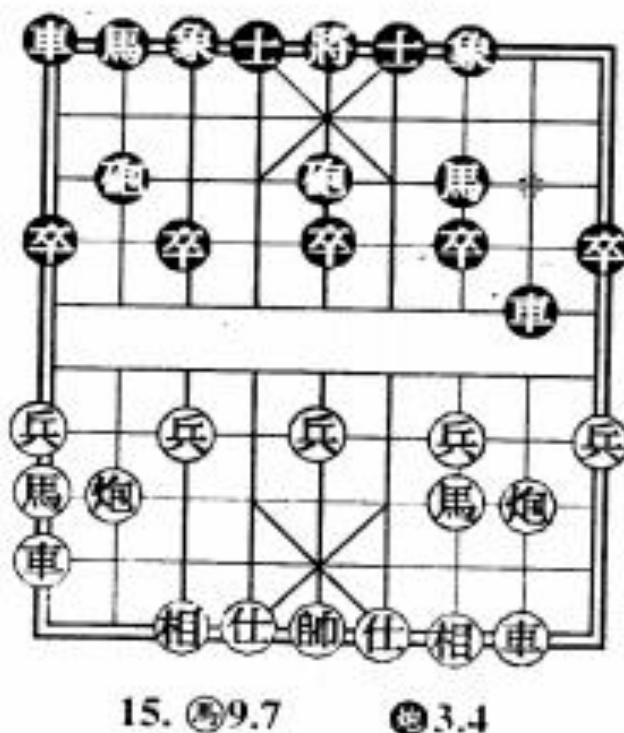
Bên Trắng được quân, chiếm ưu.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|---------------------|----------|------|
| 4. ④9.1 | ⑤2.1 | 5. ④9-6 | ⑤1.1 |
| 6. ④2-1 | ⑤9.1 | 7. ④6.6 | ⑤2.4 |
| 8. ④6-8 | ⑤2/2 | 9. ④2.6 | ⑤1-7 |
| 10. ④7.5 | ⑤7.1 | 11. ④2-3 | ⑤6.5 |
| 12. ④8-6 | ⑤5-4 | 13. ④3/1 | ⑤7.5 |
| 14. ④3/1 | Bên Trắng tiên thủ. | | |

TIẾT 5 CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG HOÀNH XE CỤC 95 TRẮNG HOÀNH XE ĐỐI ĐEN TRỰC XA

- | | |
|----------------|------|
| 1. ④8.9 | ⑤8-5 |
| 2. ④2.3 | ⑤8.7 |
| 3. ④9.1 | ⑤9-8 |
| 4. ④1-2 | ⑤8.4 |
| Biến 1: | |
| 5. ④3.5 | ⑤2.3 |
| 6. ④9-4 | ⑤2-1 |
| 7. ④4.5 | ⑤1-2 |
| 8. ④8-7 | ⑤3.1 |
| 9. ④2-1 | ⑤8.5 |
| 10. ④3/2 | ⑤3.4 |
| 11. ④2.3 | ⑤7.1 |
| 12. ④7.3 | ⑤5-3 |
| 13. ④5.1 | ⑤3.5 |
| 14. ④5.1 | ⑤4.3 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 炮7.2 | 卒5.1 | 17. 卒4.5 | 卒3.1 |
| 18. 馬3/2 | 卒3-9 | 19. 馬2.1 | 卒2-3 |
| 20. 炮7-3 | 卒1-7 | 21. 卒4-5 | 卒3.4 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 卒1-2 | 卒8.4 | 5. 卒9-6 | 卒1.1 |
| 6. 卒4.5 | 卒2.1 | 7. 卒3.1 | 卒2-3 |
| 8. 炮8-5 | 卒1-2 | 9. 馬3.4 | 卒4.5 |
| 10. 卒3.1 | 卒8-7 | 11. 炮2.7 | 卒2.4 |
| 12. 炮2-1 | 卒5.4 | 13. 卒6.2 | 卒3-5 |
| 14. 卒3.1 | 卒2-6 | 15. 卒2-4 | 卒1.2 |
| 16. 卒4.3 | 卒5.1 | 17. 卒5-4 | 卒7-8 |

Bên Đen phản tiên.

TIẾT 6 CÁC PHƯƠNG ÁN KHÁC

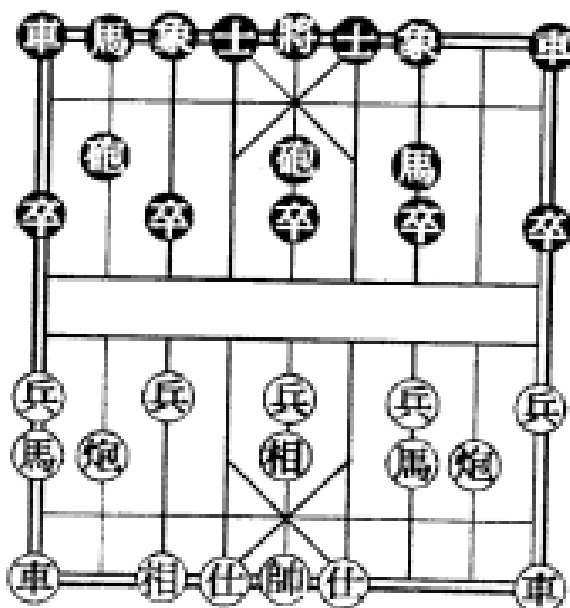
CỤC 96

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TRẮNG PHI TƯỢNG

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬8.9 | 卒8-5 |
| 2. 馬2.3 | 卒8.7 |
| 3. 炮3.5 | |

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 3... 卒9-8 | |
| 4. 卒1-2 | 卒2.3 |
| 5. 卒9.1 | 卒3.1 |
| 6. 卒9-4 | 卒8.4 |
| 7. 卒4.5 | 卒2-1 |
| 8. 炮8-6 | 卒1-2 |
| 9. 炮2-1 | 卒8.5 |
| 10. 馬3/2 | 卒3.4 |



11. ②2.3	④7.1	12. ③3.1	④7.1
13. ④5.3	⑤4.5	14. ④3/5	④2.5
15. ④4.2	⑤5/6	16. ④4-2	⑤5-6
17. ④1/2	④7.5	18. ④1-3	④6.5
19. ④3.7	④6/7	20. ④2.3	④6.4
21. ④2-3	④2-4		

Bên Đen có phần ưu hơn.

Biến 2 :

3... ④2.3

Phương án 1 :

4. ④8-6	④1-2	5. ④9-8	④2.5
6. ④2.2	④5.1	7. ③9.1	④2/1
8. ④4.5	④9-8	9. ④2-8	④2-5
10. ④6-8	④2-1	11. ③3.5	④5.4
12. ④s.1	④5/1	13. ③7.1	④5.1
14. ④s-7	④3.5	15. ④7.3	④1-2
16. ④8.2	④5/4	17. ③7.1	④2.2

Đen dễ đi hơn.

Phương án 2 :

4. ④9.1	④2-1	5. ④1-2	④1-2
6. ④8-7	④5.1	7. ④9-4	④5.1
8. ③5.1	④3.5	9. ③5.1	④5.2
10. ④4.5	④5-3		
11. ④7.3	④3.1		
12. ④2-1	④5.4		
13. ④3.5	④2.3		
14. ④2.4	④2-4		
15. ④4.3	④4/5		
16. ④4.2	④4.3		
17. ④2-5	④1-5		

18. ⑤5.2 ⑥7.5

19. ⑤4-5 ⑥9-8

Bên Đen có thế chủ động.

CHƯƠNG 2 ĐEN ĐÂY TỐT 7

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG PHI TƯỢNG

CỤC 97

ĐEN TIẾN MÃ ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE (1)

1. ⑤8.9 ⑥7.1

2. ④3.5 ⑥8.7

3. ⑤9.1 ⑥2.3

4. ⑤2.4

Biến 1:

4... ⑥8-9

5. ⑤9-6 ⑥9-8

6. ⑤7.1 ⑥1.1

7. ⑤1.1 ⑥2-1

8. ⑥8-7 ⑥1-2

9. ⑤6.4 ⑥2-6

10. ⑤6-3 ⑥7.6

11. ⑤3/1 ⑥3.5

12. ④2/1 ⑥8.5

13. ⑤4.2 ⑥8-7

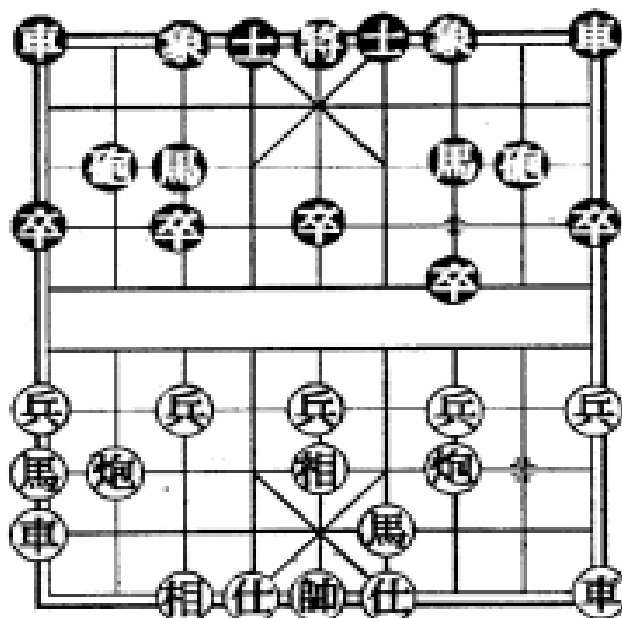
15. ④2-9 ⑥6.4

17. ④9-8 ⑥6-4

19. ⑤3/5 ⑥9.4

21. ⑤7-1 ⑥9-8

23. ④8-9 ⑥2.5



14. ⑤2.3 ⑥1.4

16. ④9.2 ⑥4.3

18. ⑤1-7 ⑥1/5

20. ⑤9.7 ⑥4-2

22. ⑤1-2 ⑥8-9

24. ⑤5.6 ⑥2-1

Bên Trắng có phần nhỉnh hơn một chút.

Biến 2 :

4... ♖1.1		5. ♙1-3	♘7.6
6. ♙3.1	♘8-7	7. ♘2-3	♙7.1
8. ♘3.5	♙2-7	9. ♙3.4	♘9-8
10. ♘4.6	♙1-2	11. ♘8.2	♙2.3
12. ♙9-4	♙3.5	13. ♙9.1	♙4.5
14. ♘8/1	♙7-6	15. ♙4-3	♙2-5
16. ♘9.8	♙6.5	17. ♙t-6	♙5/6
18. ♘8.7	♙5-2	19. ♙6-3	♙5.3
20. ♙7.1	♙3/5		

Đen dễ đi hơn.

Biến 3 :

4... ♙7.5		5. ♙1-3	♘7.6
6. ♘2.3	♙6/7	7. ♘2/3	♙7.6
8. ♘2.3	♙6/7	9. ♘2.1	♙3.1
10. ♙3.1	♙7.1	11. ♙3.4	♙7.6
12. ♙3.2	♙9-7	13. ♙3.3	♙5/7
14. ♘2/5	♙2-1	15. ♘8.4	♙1-2
16. ♘8-1	♙3.5	17. ♘4.6	♙1.4
18. ♙9-4	♙6.7	19. ♙4-3	♙7.8
20. ♙3-2	♙1-5	21. ♙4.5	♙8-6
22. ♙2.5	♙4.5		

Cả hai bên đều có thể trận bình ổn.

CỤC 98

ĐEN TIẾN MÃ ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE (2)

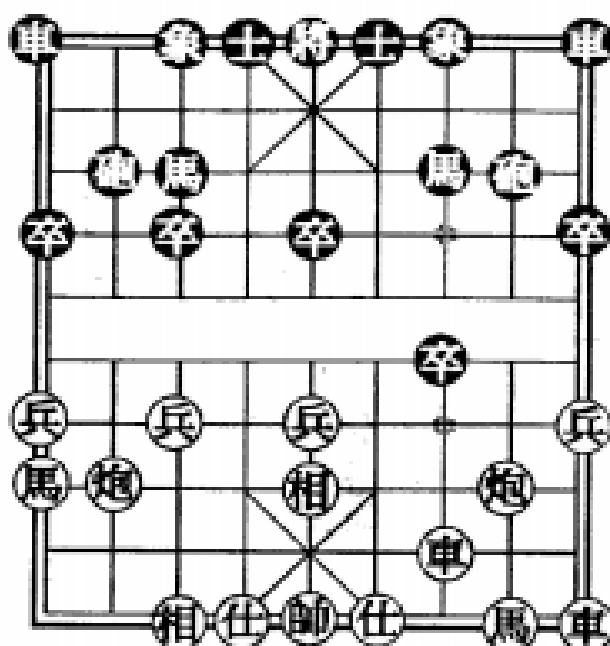
1. ♘8.9	♙7.1	2. ♘3.5	♙8.7
3. ♙9.1	♙2.3	4. ♙3.1	♙7.1
5. ♙9-3			

Biến 1 :

5... ♖7-6

Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. ♖3-5 | ♘8/1 |
| 7. ♙9.1 | ♙3.1 |
| 8. ♘9.8 | ♘8-7 |
| 9. ♖3-4 | ♘2.5 |
| 10. ♘2-8 | ♘7.8 |
| 11. ♖4-2 | ♙3.1 |
| 12. ♙7.1 | ♘3.4 |
| 13. ♙7.1 | ♘4/6 |
| 14. ♙7.1 | ♙1.2 |
| 15. ♘8.6 | ♙5.1 |
| 16. ♘6.8 | |



Bên Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ♙9.1 | ♘7.6 | 7. ♖3.5 | ♘6.8 |
| 8. ♖3-4 | ♘9-8 | 9. ♘2.4 | ♘8.5 |
| 10. ♘8-2 | ♘8.6 | 11. ♘2-4 | ♘8.6 |
| 12. ♖1-3 | ♙3.5 | 13. ♖4/2 | ♙4.5 |
| 14. ♘4-3 | ♘2.6 | 15. ♘3.5 | ♙1-2 |
| 16. ♖3.3 | ♘8/4 | 17. ♘3-7 | ♙5.7 |
| 18. ♖3-4 | ♙2.7 | 19. ♘7.2 | ♙8-4 |
| 20. ♖s/1 | ♙2-1 | 21. ♖t-8 | ♙4.5 |
| 22. ♘7-8 | | | |

Bên Trắng thắng thế rõ.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 5... ♖7.6 | | 6. ♖3.3 | ♘6.5 |
| 7. ♖3-6 | ♙3.1 | 8. ♘2.4 | ♘5/6 |
| 9. ♖6-4 | ♘2.2 | 10. ♘2-4 | ♘8-6 |
| 11. ♖4-3 | ♘6.5 | 12. ♘8-4 | ♘9-8 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. ④3-4 | ⑤8.4 | 14. ④1-2 | ⑤3.4 |
| 15. ④4-5 | ⑤8.5 | 16. ④4/2 | ⑤1-2 |
| 17. ⑤9.1 | | | |

Trắng có phần ưu hơn chút ít.

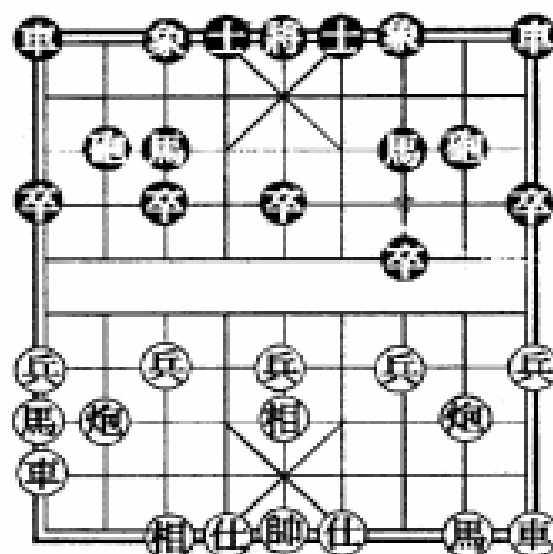
CỤC 99 ĐEN TIẾN MÃ ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑤8.9 | ④7.1 |
| 2. ④3.5 | ④8.7 |
| 3. ④9.1 | ④2.3 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. ④2.3 | ⑤2-1 |
| 5. ⑤8-7 | ④3.5 |
| 6. ⑤7.1 | ④7.6 |
| 7. ④9-4 | ④6.4 |
| 8. ⑤7-6 | ④4.5 |
| 9. ④1.1 | ⑤8-6 |
| 10. ④1-2 | ④3.1 |
| 11. ⑤2-1 | ④3.1 |
| 13. ④2.3 | ④4.3 |
| 15. ④4.5 | ④s.2 |
| 17. ④2.2 | ④2/3 |
| 19. ④7.5 | ④t/1 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ④5.7 | ④9.2 |
| 14. ⑤9.1 | ④1-4 |
| 16. ④4.4 | ④1.3 |
| 18. ④9.7 | ④1/1 |

Hai bên ở thế giằng co.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ④9-4 | ④3.1 | 5. ④4.7 | ④4.5 |
| 6. ④2.4 | ④2/1 | 7. ④4/4 | ④3.5 |
| 8. ⑤7.1 | ④1-4 | 9. ④7.1 | ④5.3 |
| 10. ④1-3 | ④3/5 | 11. ④8-6 | ④5.1 |

12. ④4-8 ②2-3

14. ⑤3.1 ③7.5

Hai bên đối kháng.

13. ⑥6-7 ⑧8/1

CỤC 100

ĐEN TIẾN MÃ ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE (4)

1. ④8.9

③7.1

2. ④3.5

③8.7

3. ④9.1

Biến 1:

3... ③7.5

4. ⑤3.1

③7.1

5. ④9-3

③2.1

6. ④3.3

③1.1

7. ④2.3

③8/2

8. ④2.4

③8-7

9. ④2-3

③7.3

10. ④3.2

③9-8

11. ⑤4.5

③1-6

12. ④8.2

③6.5

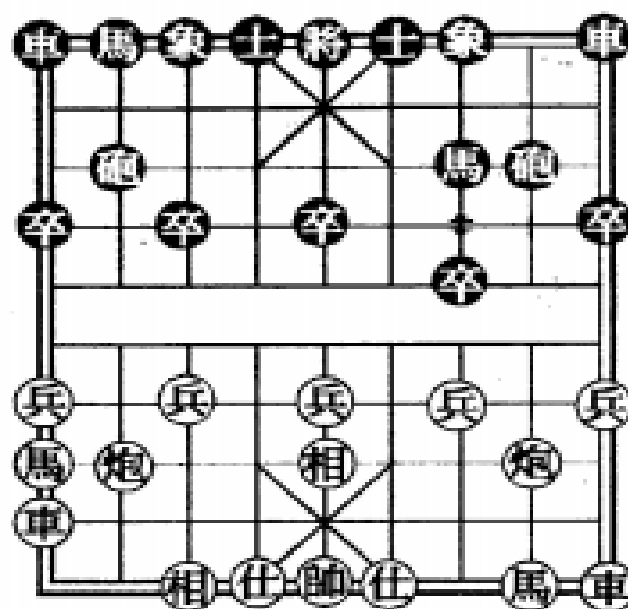
13. ④1-4

③8.6

15. ④3.2

③6/1

17. ⑤9.1



14. ④4.3

③8-6

16. ⑤7.1

③6/3

Bên trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

3... ③3.5

4. ④2.4

③8-9

6. ④9.8

③2.5

8. ④4.6

③3.1

10. ④7.1

③5.3

12. ④7.3

③1-4

5. ⑤9.1

③9-8

7. ④2-8

③2.3

9. ⑤7.1

③4.5

11. ④9-7

③7.5

13. ⑤4.5

③7.6

14. ④7-4 ⑤4.5
16. ⑤6.7 ⑥8.6

15. ④4.1 ⑤4-2
Hai bên vào thế đối kháng

CỤC 101 ĐEN PHI TƯỢNG ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE

1. ④8.9 ⑤7.1
2. ④3.5 ⑤7.5
3. ④9.1 (hình)

Biến 1:

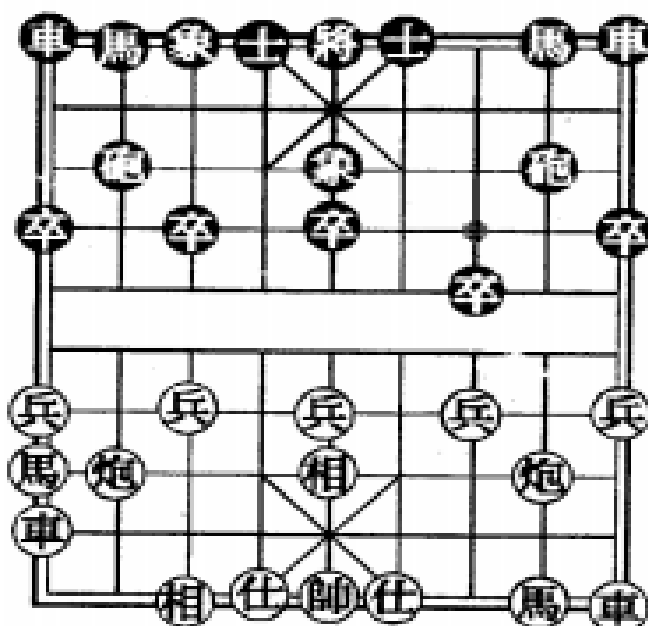
3... ⑤8.7
4. ④9-3

Phương án 1:

4... ⑤8/2
5. ④3.1 ⑤7.1
6. ④3.3 ⑤8-7
7. ④3-2 ⑤1.1
8. ④4.5 ⑤2.1
9. ④2.3 ⑤2-4
10. ④9.1 ⑤1.1
11. ④2-9 ⑤7.7
12. ④2-1 ⑤1-2
13. ④1-4 ⑤2.4
14. ④4.3 ⑤5/6
15. ④3-1 ⑤4.5
16. ④t.3

Phương án 2:

4... ⑤2.1
5. ④3.1 ⑤7.1
6. ④3.3 ⑤8/2
7. ④3-2 ⑤1.1



12. ④8-3 ⑤9-8
14. ④9-3 ⑤7.6
16. ④1.4 ⑤6.5
18. ④1.1 ⑤8-9
20. ④4-2 ⑤9-7

Bên Trắng chiếm ưu thế.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. ④4.6 | ⑤9.1 | 11. ④6.8 | ⑤2.5 |
| 12. ④8.9 | ⑤2-8 | 13. ④2/2 | ⑤9-1 |
| 14. ④4.5 | ⑤7.6 | 15. ④2.1 | |

Bên Trắng dễ đi hơn.

Biến 2:

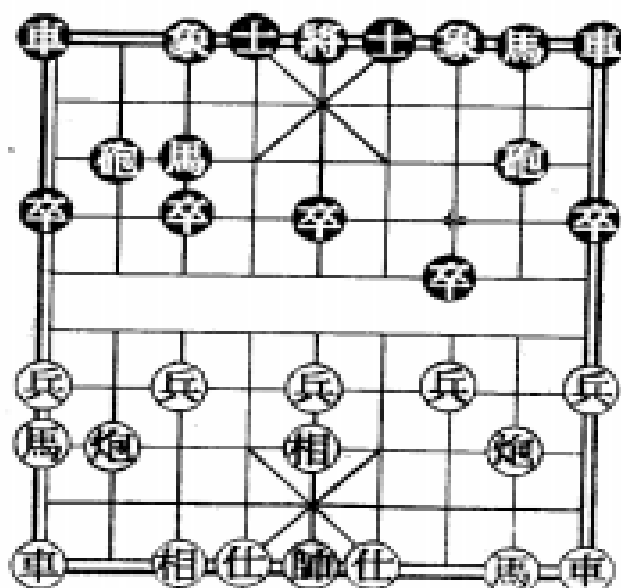
- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 3... ⑤2.1 | | 4. ④9.1 | ⑤1.1 |
| 5. ④9-4 | ⑤8.7 | 6. ④9.8 | ⑤2.5 |
| 7. ④2-8 | ⑤1-4 | 8. ④4.3 | ⑤6.5 |
| 9. ④2.3 | ⑤7.8 | 10. ④4.5 | ⑤9-6 |
| 11. ④1-4 | ⑤6.5 | 12. ④4.4 | ⑤8.7 |
| 13. ④8-6 | ⑤3.1 | 14. ④8.9 | ⑤4.5 |
| 15. ④9/8 | ⑤4-3 | 16. ④4/1 | ⑤7.9 |
| 17. ④4-2 | ⑤9.7 | 18. ④5-4 | ⑤8-6 |
| 19. ④2/2 | ⑤3-2 | 20. ④8.9 | ⑤2-1 |

Sau đó Đen ăn lại một quân, chiếm ưu thế.

CỤC 102

ĐEN PHI TƯỢNG ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ

- | | |
|---------|------|
| 1. ④8.9 | ⑤7.1 |
| 2. ④3.5 | ⑤2.3 |
- Biến 1:**
- | | |
|----------|------|
| 3. ④2.4 | ⑤1.1 |
| 4. ④8-7 | ⑤7.5 |
| 5. ④9-8 | ⑤2/1 |
| 6. ④3.1 | ⑤7.1 |
| 7. ④8.4 | ⑤2-9 |
| 8. ④8-3 | ⑤1-6 |
| 9. ④4.6 | ⑤6.3 |
| 10. ④7.4 | ⑤8.6 |
| 11. ④6.7 | ⑤6-3 |



12. ♖7-6	♗6.4	13. ♙3.3	♘8.2
14. ♖6-1	♗9-5	15. ♖1-2	♘8-9
16. ♙1-3	♗4.5	17. ♙s.3	♘5.3
18. ♙s-2	♗5-8	19. ♚7.1	♘3-6
20. ♙3-2	♗8.2	21. ♙t/1	

Trắng nhiều Tốt hơn, ưu thế hơn chút ít.

Biến 2 :

3. ♖2.3	♗8.7	4. ♚7.1	♘3.5
5. ♙9.1	♗2-1	6. ♙9-4	♘1-2
7. ♖8-7	♗2.4	8. ♙1.1	♘9.1
9. ♖2.4	♗7.8	10. ♖2-7	♘8.7
11. ♙1-2	♗8-7	12. ♙2.6	♘9-7
13. ♖9.7	♗2.3	14. ♖7.5	♘7/5
15. ♚5.1	♗4.5	16. ♖3.2	♘7-6
17. ♙4.2	♗7.1	18. ♖2.3	♘2/3
19. ♙2/1	♗2-7	20. ♙4-5	♘6.1
21. ♖3.2	♗6-3	22. ♖7.4	♘t-2

Bên Đen phản tiên.

Biến 3 :

3. ♙9.1	♗8.7	4. ♙9-3	♘7.6
5. ♚3.1	♗7.1	6. ♙3.3	♘6.5
7. ♙3/1	♗5/4	8. ♚7.1	♘8-6
9. ♖2.4	♗9-8	10. ♙1-2	♘3.5
11. ♖2.4	♗3.1	12. ♚7.1	♘5.3
13. ♖8-7	♗3/5	14. ♖9.7	♘4.3
15. ♙3-7	♗3.4	16. ♙7-6	♘4/3
17. ♖4.5	♗8.2	18. ♖5.4	

Trắng nắm thế chủ động.

CỤC 103

ĐEN TIẾN TỐT 7 ĐỐI TRẮNG PHI TƯỢNG

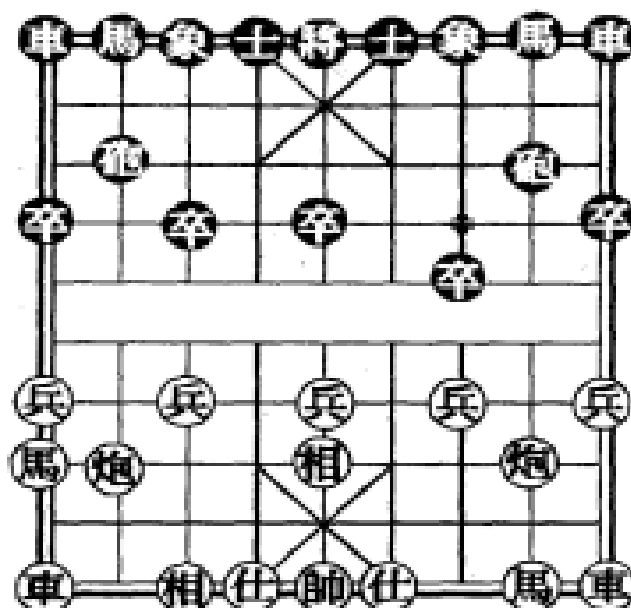
- | | |
|-----------------|------|
| 1. ⑨8.9 | ⑨7.1 |
| 2. ⑨3.5 | ⑨2-5 |
| Biến 1 : | |
| 3. ⑨9.1 | ⑨2.3 |
| 4. ⑨9-4 | ⑨5.4 |
| 5. ⑨4.5 | ⑨8-5 |
| 6. ⑨2.3 | ⑨t-1 |
| 7. ⑨7.1 | ⑨8.7 |
| 8. ⑨4.2 | ⑨1/2 |
| 9. ⑨8-7 | ⑨5.1 |
| 10. ⑨7.1 | ⑨3.5 |
| 11. ⑨7-8 | ⑨1.1 |
| 12. ⑨9.7 | ⑨5-3 |
| 13. ⑨7-9 | ⑨3.4 |
| 14. ⑨7.1 | ⑨1.1 |
| 15. ⑨9-7 | ⑨3-1 |
| 16. ⑨3.5 | ⑨5.1 |
| 17. ⑨7.8 | ⑨2.2 |

Bên Đen phản tiến.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ⑨2.4 | ⑨8.9 | 4. ⑨9.1 | ⑨2.3 |
| 5. ⑨8-7 | ⑨9.1 | 6. ⑨7.4 | ⑨9-4 |
| 7. ⑨9-8 | ⑨1-2 | 8. ⑨7-1 | ⑨2.4 |
| 9. ⑨5.1 | ⑨8.3 | 10. ⑨1/2 | ⑨4.5 |
| 11. ⑨1-3 | ⑨7.1 | 12. ⑨5.3 | ⑨4-6 |
| 13. ⑨2-7 | ⑨3.4 | 14. ⑨4.2 | ⑨6/1 |
| 15. ⑨4.5 | ⑨6-5 | 16. ⑨3/5 | ⑨8.1 |

Bên Đen chiếm ưu thế.



- | | |
|----------|------|
| 14. ⑨4-7 | ⑨1-2 |
| 16. ⑨7-9 | ⑨1-3 |
| 18. ⑨7-8 | ⑨9-8 |
| 20. ⑨5.7 | ⑨5-4 |

Biến 3 :

3. ♖9.1	♙1.1	4. ♗3.1	♚7.1
5. ♖9-3	♙7.5	6. ♖3.3	♙1.1
7. ♗2.3	♙8.7	8. ♗4.5	♙1-6
9. ♗3.4	♙8/2	10. ♗2-4	♙6-4
11. ♗7.1	♙8-7	12. ♖3-2	♙9.1

Hai bên thế trận cân bằng.

Biến 4 :

3. ♖9.1	♙8.7	4. ♖9-4	♙4.5
5. ♗2.1	♙3.1	6. ♖1-3	♙2.2
7. ♖4.5	♙2.3	8. ♗3.1	♙2/1
9. ♖4/3	♙7.1	10. ♖3.4	♙7.8
11. ♖3.1	♙8/9	12. ♖3-7	♙3.5
13. ♖7.1	♙2/2	14. ♗2-4	♙2-3
15. ♖7-6	♙6.5	16. ♖4/1	♙1-2
17. ♗8-6	♙9-8	18. ♖4.1	

Trắng dễ đi hơn.

Biến 5 :

3. ♗2.4	♙9.1	4. ♖1-3	♙9-6
5. ♖9.1	♙6.4	6. ♗3.1	♙7.1
7. ♖3.4	♙6-7	8. ♗5.3	♙2.1
9. ♗8-5	♙8.7	10. ♗2-3	♙7.8
11. ♗5.4	♙6.5	12. ♖9-8	♙1-2
13. ♖8.4	♙8.9	14. ♗3-2	♙2.1
15. ♗5/2	♙3.1	16. ♖8-7	♙2-5
17. ♗3/5	♙s.3	18. ♗5.1	♙7.5
19. ♖7-5	♙5-3	20. ♗2.4	

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 6 :

3. ♗8-6	♙2.1	4. ♖9-8	♙7.5
5. ♗3.1	♙7.1	6. ♖8.4	♙1.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ④8-3 | ⑤1-4 | 8. ④4-5 | ⑤8.7 |
| 9. ④2.3 | ⑤1.2 | 10. ④1-4 | ⑤8/2 |
| 11. ④3-5 | ⑤4.4 | 12. ④5-6 | ⑤2.4 |
| 13. ④5.1 | ⑤9.1 | 14. ④7.1 | ⑤9-8 |
| 15. ④2.7 | ⑤8/1 | 16. ④4.3 | ⑤3.1 |
| 17. ④7.1 | ⑤5.1 | 18. ④4-5 | ⑤7.6 |
| 19. ④5-4 | ⑤8.4 | 20. ④9.7 | ⑤5.3 |
| 21. ④7.6 | ⑤2-6 | 22. ④4-7 | ⑤3.5 |
| 23. ④5.1 | ⑤4.6 | | |

Đen ưu thế quá rõ.

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG HOÀNH XE

CỤC 104

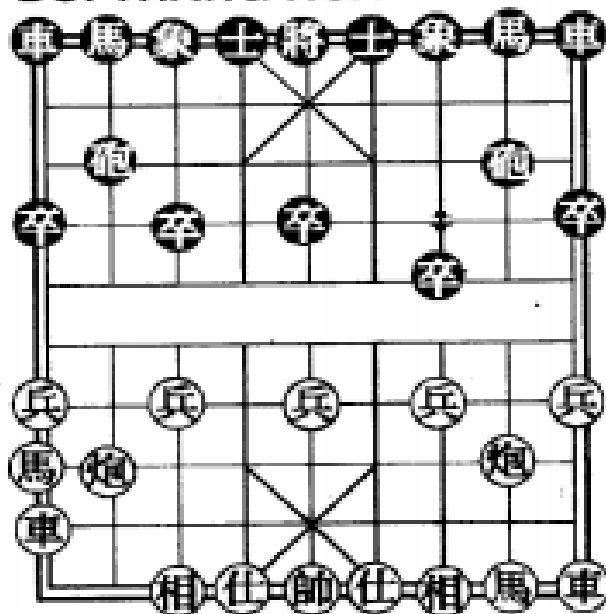
ĐEN TIẾN XE 7 ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE

1. ④8.9 ⑤7.1
2. ④9.1 (hình)

Biến 1:

2... ⑤2.3

- | | |
|----------|------|
| 3. ④3.5 | ⑤1.1 |
| 4. ④7.1 | ⑤8.7 |
| 5. ④8-7 | ⑤1-6 |
| 6. ④9-8 | ⑤3/5 |
| 7. ④2.3 | ⑤6.3 |
| 8. ④4.5 | ⑤3.1 |
| 9. ④7.3 | ⑤2-6 |
| 10. ④9.7 | ⑤7.5 |
| 11. ④7.1 | ⑤6-4 |
| 12. ④8.5 | ⑤1.1 |
| 14. ④7.1 | ⑤4.2 |



- | | |
|----------|------|
| 13. ④7.5 | ⑤5.1 |
| 15. ④5/7 | ⑤5.3 |

16. ④8/2 ⑤9.1

Bên Đen tiên thủ.

Biến 2 :

2... ⑥8.7

4. ④9-3 ⑤7.6

6. ④3-6 ⑤2-5

8. ⑤2.4 ⑥3.1

10. ④3.6 ⑥1-6

12. ④6.5 ⑥6.1

14. ④7.1 ⑥7.5

16. ④8-7 ⑥3/1

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

2... ⑥2-5

4. ④9-6 ⑤8.7

6. ④9.1 ⑥5.1

8. ④8-5 ⑥8-7

10. ④3.1 ⑥9.1

12. ④2.5 ⑥4.5

14. ④4.6 ⑥7-6

16. ④5.1 ⑥5.4

18. ④3/2 ⑥9-8

20. ④5.5 ⑥3.5

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 4 :

2... ⑥8-5

4. ④1-2 ⑥9-8

6. ④9-4 ⑥2.3

8. ④2-3 ⑥8.9

10. ④3/2 ⑥2-5

17. ④7/8 ⑥9.3

3. ④3.1 ⑥7.1

5. ④3.3 ⑥6.5

7. ④3.5 ⑥2.3

9. ④1-3 ⑥1.1

11. ④4.5 ⑥5.4

13. ④9.1 ⑥6.5

15. ④7.1 ⑥5.3

17. ④9.7

3. ④2.3 ⑥2.3

5. ④6.3 ⑥1-2

7. ④4.5 ⑥7.5

9. ④6-2 ⑥2.4

11. ④1-4 ⑥9.3

13. ④2.4 ⑥7.1

15. ④3/4 ⑥5.1

17. ④2-3 ⑥2-8

19. ④4-2 ⑥8/1

21. ④3-5

3. ④2.3 ⑥8.7

5. ④2.4 ⑥2.4

7. ④4.5 ⑥3.1

9. ④3.3 ⑥6.5

11. ④8-5 ⑥1-2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. 兵9.1 | 炮2.3 | 13. 马2.3 | 炮t/1 |
| 14. 卒4.2 | 卒5.1 | 15. 炮5-4 | 炮s-6 |
| 16. 炮5-4 | 炮5-6 | 17. 卒4.1 | 卒5.1 |

Đen bắt chết Xe trắng, chiếm ưu.

Biến 5 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 2... 炮7.5 | | | |
| 3. 炮3.5 | 炮2.3 | 4. 兵7.1 | 炮2-1 |
| 5. 炮8-7 | 炮1-2 | 6. 炮7.4 | 炮8.7 |
| 7. 马2.4 | 炮2.4 | 8. 卒1-3 | 士6.5 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 | 10. 卒3.4 | 炮7.6 |
| 11. 卒9-7 | 炮3/1 | 12. 兵7.1 | 炮2-3 |
| 13. 卒7.4 | 炮5.3 | 14. 马9.7 | 炮1.4 |
| 15. 卒3-4 | 炮9-6 | 16. 炮7-1 | 炮1.3 |
| 17. 马7.9 | 炮1-9 | 18. 炮2-1 | 炮6/5 |
| 19. 卒4-2 | 炮8-9 | 20. 马4.2 | 炮3/1 |
| 21. 马9.8 | 炮s/1 | 22. 马2.3 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 6 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 1. 炮8.9 | 卒7.1 | 2. 卒9.1 | 炮3.5 |
| 3. 炮3.5 | 炮2.3 | 4. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 5. 卒9-3 | 卒7-6 | 6. 炮2.3 | 卒6-7 |
| 7. 炮3/5 | 卒7-6 | 8. 卒3-4 | 卒6-5 |
| 9. 兵5.1 | 士4.5 | 10. 卒1-3 | 炮1-4 |
| 11. 炮5.7 | 卒3.1 | 12. 炮7.5 | 炮3.4 |
| 13. 炮5.3 | 炮4.3 | 14. 炮8.1 | 炮3/5 |
| 15. 炮8-5 | 炮5/7 | 16. 炮2-3 | 炮8.7 |

Đen nhiều Tốt hơn, dễ đi.

14. ④4/3	⑤6.5	15. ⑥7/1	⑦2-6
16. ④4-3	⑥4.1	17. ④3.2	⑤5/4
18. ⑥7-5	⑤6/1	19. ④9.1	⑦6.5

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

3. ④2-5	⑤8.7	4. ⑥2.3	⑦9-8
5. ④9-8	⑥1-2	6. ④8.4	⑥2-3
7. ⑤9.1	④3.4	8. ⑥7-8	⑤2.5
9. ⑥9.8	④3-7	10. ④3.1	⑦7.5
11. ④4.5	⑦6.5	12. ④1-4	⑤8-6
13. ④4.9	⑦5-6	14. ⑥8.6	⑥8/1
15. ⑤5.1	④3.1	16. ⑥8.1	⑥8-6
17. ⑥8-5	⑦5.4	18. ④7.9	⑥6-2
19. ⑥6/4	④3.1	20. ⑥t.3	⑤7.5
21. ⑥4.5	⑦1.3	22. ⑥3.5	④3.1

Đen dễ đi hơn.

Biến 3 :

3. ④3.5	④1.1	4. ④9-8	⑤1-2
5. ⑤3.1	⑥2.4	6. ⑥2.4	⑤2.4
7. ⑤3.1	⑥8-2	8. ⑤7.1	⑦7.5
9. ④1-3	⑤8.9	10. ⑥2.4	⑤2-7
11. ④3.5	⑥s.7	12. ④3-4	⑥t-1
13. ④4.1	⑦6.5	14. ⑥2-5	④9-6
15. ④4-1	⑤6.8	16. ④1.1	⑥1/3
17. ⑤5.1	⑦5-6	18. ④6.5	⑥2-8
19. ④1.2	⑦6.1	20. ④1-2	⑥1-7
21. ④5.4	⑥6-8	22. ④2/1	⑥6/1
23. ④2/4	⑥7/4	24. ⑥5-6	④1.1
25. ⑥5-2			

Bên Trắng được quân, chiếm ưu thế.

TIẾT 4 CÁC PHƯƠNG ÁN KHÁC

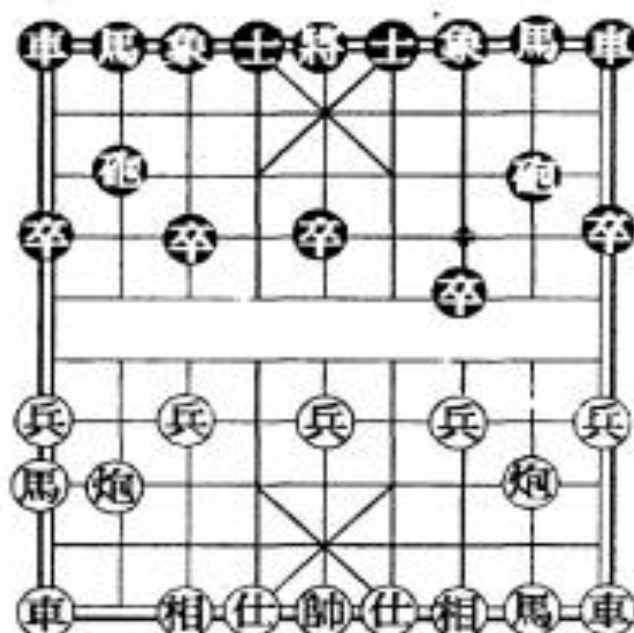
CỤC 106

TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7

1. ⑧8.9 ⑦7.1
(hình)

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 2. ⑨8-6 | ⑨2-6 |
| 3. ⑧9-8 | ⑧2.3 |
| 4. ③3.5 | ⑧8.7 |
| 5. ⑧3.1 | ⑦7.1 |
| 6. ⑧8.4 | ⑧7.6 |
| 7. ⑧8-3 | ⑧7.5 |
| 8. ⑧2.3 | ⑧1-2 |
| 9. ⑧9.1 | ⑧9-7 |
| 10. ⑧3.5 | ⑧5/7 |
| 11. ⑨2-1 | ⑧3.5 |
| 12. ⑧1-2 | ⑨8-7 |
| 13. ⑨1.4 | ⑧4.5 |
| 15. ⑧3.2 | ⑧6.4 |
| 17. ⑨1/2 | ⑧4.5 |
| 19. ⑧4.5! | ⑧7.5 |
| 21. ⑧3.2 | ⑨9/1 |
| 23. ⑧3-5 | ⑧3/1 |



- | | |
|----------|------|
| 14. ⑧4.5 | ⑧2.7 |
| 16. ⑧2-3 | ⑨7.2 |
| 18. ⑧2.4 | ⑧5.1 |
| 20. ⑧3.5 | ⑨6-9 |
| 22. ③7.5 | ⑧2-1 |
| 24. ⑧5/2 | |

Bên Trắng thắng thế quá rõ.

Biến 2 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 2. ⑧9.1 | ⑧8.7 | 3. ⑧2.3 | ⑧3.5 |
| 4. ⑧9.1 | ⑧2.4 | 5. ⑧9.8 | ⑧9.1 |
| 6. ⑧9-6 | ⑧3.1 | 7. ⑧1.1 | ⑧7.6 |
| 8. ⑧1-4 | ⑧6.7 | 9. ⑧4.2 | ⑧2.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 炮2-8 | 炮8-7 | 11. 炮6.3 | 卒1.1 |
| 12. 炮8-9 | 炮4.2 | 13. 炮9-5 | 卒4.5 |
| 14. 炮5.4 | 炮7.1 | 15. 兵9.1 | 卒2.1 |
| 16. 仕4.5 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu.

CHƯƠNG 3

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG BÌNH PHÁO LỘ 7

CỤC 107

TRẮNG BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI ĐEN TRỰC XA

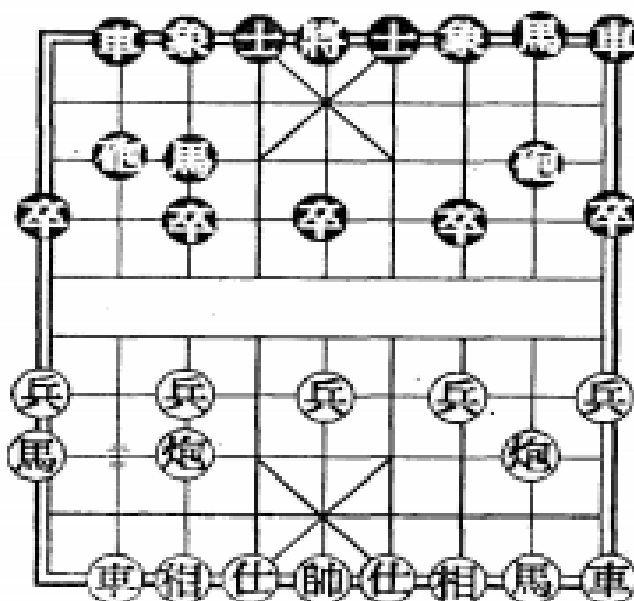
- | | |
|----------------|------|
| 1. 炮8.9 | 炮2.3 |
| 2. 炮8-7 | 卒1-2 |
| 3. 卒9-8 (hình) | |

Biến 1:

3... 卒7.1

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 5. 卒8.4 | 卒7.1 |
| 6. 相3.5 | 炮8-6 |
| 7. 炮2.4 | 卒7-8 |
| 8. 炮2/1 | 卒3.5 |
| 9. 卒1-3 | 炮8.9 |
| 10. 炮7.4 | 卒9.1 |
| 11. 炮4.6 | 卒9.1 |
| 12. 卒8-6 | 卒2.2 |
| 14. 卒6.2 | 卒4.5 |
| 16. 卒6.3 | 卒5-4 |
| 18. 卒3.8 | 卒9/7 |



- | | |
|----------|------|
| 13. 炮6.7 | 炮2-3 |
| 15. 炮7-5 | 卒2-4 |
| 17. 炮5-6 | 卒9-7 |
| 19. 炮7.5 | 卒3.5 |

20. 兵7.1 炮3/3

21. 炮2-3

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

4. 兵7.1 炮8.7

5. 炮3.5 卒7.5

6. 兵7.1 炮5.3

7. 炮2.4 士6.5

8. 炮2-1 炮7.6

9. 炮9.7 炮2-1

10. 卒8.9 炮3/2

11. 卒1-2 炮8-6

12. 炮4.6 炮3.5

13. 炮7-8 炮6.7

14. 卒2.3 炮6-7

15. 炮1/1 炮7.6

16. 仕4.5 炮1.4

17. 卒2/2 炮6/5

18. 炮7.8 炮2.1

19. 炮8/9 卒1.1

20. 炮9.7 炮5.7

21. 炮8.4 炮7.9

22. 炮8-5 炮9-6

23. 卒2-1

Trắng chiếm ưu thế rõ.

Biến 2 :

3... 炮2.4

4. 兵7.1 炮3.5

5. 炮3.5

Phương án 1 :

5... 炮8.9

6. 炮2.4 炮9.1

7. 炮2-1 炮9-4

8. 卒1-2 炮8-6

9. 兵1.1 炮4.3

10. 卒2.4 卒1.1

11. 炮1.4 士4.5

12. 卒8.2 炮4.2

13. 仕4.5 炮2-5

14. 卒8.7 炮3/2

15. 炮4.5 炮4-5

16. 炮7.4 炮2.4

17. 炮7-9 炮5-7

18. 卒2-6 炮4.2

19. 卒6-5 炮2/4

20. 炮9/7

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2 :

5... 炮7.1 6. 炮2.4 炮8.7

7. 兵7.1 炮5.3
 9. 马9/7 炮2/5
 11. 炮2.3 马6.4
 13. 马4.6 炮2-1
 15. 仕4.5 马2.4
 17. 兵5.1 炮9-6
 19. 车1-4 卒7.1

8. 炮7.2 炮7.5
 10. 车8.7 炮7.6
 12. 兵5.1 炮9.1
 14. 车8.2 炮3/2
 16. 马7.8 炮t.3
 18. 兵5-4 卒7.1
 20. 兵4.1

Bên Trắng tiên thủ.

Biến 3 :

3... 炮8-6
 5. 卒1-2 炮3.5
 7. 车8.6 卒3.1
 9. 车8-7 炮2.2
 11. 仕4.5 炮9-1
 13. 炮7-6 卒3.1
 15. 炮3.5 炮3/2
 17. 炮7.9

4. 马2.3 炮8.7
 6. 炮2.5 炮6.2
 8. 兵3.1 炮2-1
 10. 车7-9 炮9.1
 12. 车9/2 炮2.1
 14. 车9-7 炮6-3
 16. 炮6.5 炮1.5

Bên Trắng dễ đi

Biến 4 :

3... 炮7.5
 4. 兵7.1 卒7.1
 6. 炮2-7 炮9-8
 8. 车8.9 马3/2
 10. 卒1-2 炮8.4
 12. 炮5.3 炮2.1
 14. 炮6-1 卒1.1
 16. 炮7.1 炮8.1

5. 炮7.4 炮8.7
 7. 马2.3 炮2-1
 9. 炮3.5 炮1.4
 11. 兵3.1 卒7.1
 13. 炮t-6 炮7.6
 15. 兵7.1 卒8.4
 17. 炮7/1 炮8/1

Bên Trắng dễ đi.

TIẾT 2
CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG ĐẨY TỐT 7
CỤC 108

ĐEN TIẾN MÃ ĐỐI TRẮNG ĐẨY TỐT 7 (1)

1. 馬8.9 炮2.3
 2. 兵7.1 卒7.1

(hình)

Biến 1:

3. 炮8-7 炮8.7
 4. 卒9-8 卒1-2
 5. 卒8.6 卒2-1

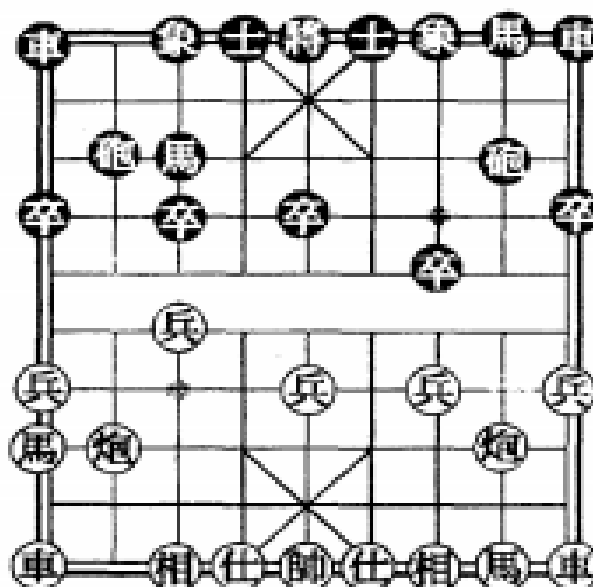
Phương án 1:

6. 卒8.3 卒3/2
 7. 炮2.3 炮7.5
 8. 卒1.1 炮7.8
 9. 炮2.5 卒1-8
 10. 兵9.1 卒9-7
 11. 炮7.5 炮2.1
 12. 炮7.1 卒7-6
 13. 炮5.7 卒5.1
 14. 卒1-3 炮8-7
 15. 卒1-6 卒5.2

Đen có thể chủ động.

Phương án 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 卒8-7 | 卒2.2 | 7. 卒7-6 | 卒3.5 |
| 8. 炮3.5 | 炮7.6 | 9. 卒6/3 | 卒8-7 |
| 10. 炮2.4 | 卒9-8 | 11. 兵5.1 | 卒2.6 |
| 12. 卒4.5 | 炮3.2 | 13. 卒9.1 | 卒1.1 |
| 14. 兵9.1 | 卒1.5 | 15. 兵9-8 | 卒8.5 |
| 16. 卒5.1 | 卒8-6 | 17. 兵5-4 | 卒6.3 |



12. 炮9.8 卒7.3
 14. 炮3/5 卒5.1
 16. 卒5.1 炮8.7
 18. 卒3-1 卒6-5

18. 炮7/1

炮2-3

19. 炮2-9

炮6/4

20. 炮6-8

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

3. 炮2-7

炮3.5

4. 炮2.3

炮8-6

5. 炮1-2

炮8.7

6. 炮8.2

炮2-1

7. 炮9-8

炮1-2

8. 炮2.6

炮1/1

9. 炮2-4

炮4.5

10. 炮4-3

炮9.2

11. 兵3.1

炮1-4

12. 炮3-4

炮2.4

13. 炮9.7

炮2-4

14. 炮8.5

炮3/2

15. 炮8.9

炮4/1

16. 炮7-9

炮7.1

17. 炮9.4

炮7.1

18. 炮3/1

炮9-8

19. 炮9.3

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 109

ĐEN TIẾN MÃ ĐỔI TRẮNG ĐẨY TỐT 7 (2)

1. 炮8.9 炮2.3

2. 炮7.1 (hình)

Biến 1 :

2... 炮8-5

3. 炮2.3

炮8.7

4. 炮1.1

炮9-8

5. 炮2/1

炮2.4

6. 炮8-7

炮5.1

7. 炮3.1

炮2.1

8. 炮7.5

炮3.5

9. 兵9.1

炮5.1

10. 兵5.1

炮5.4

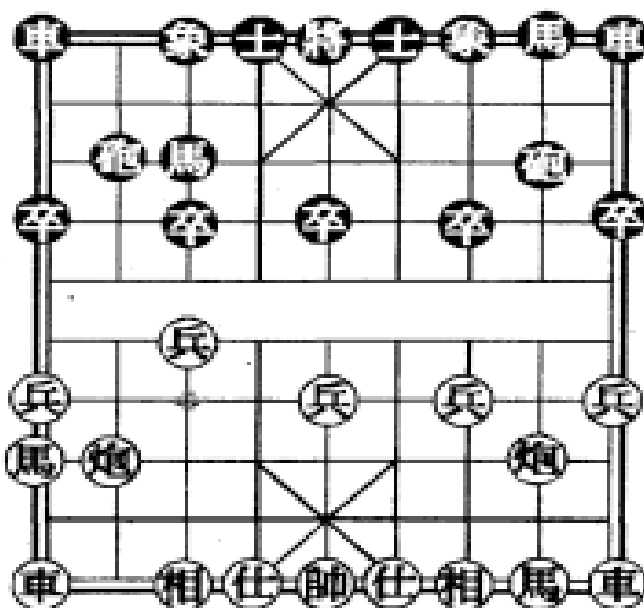
11. 炮9.8

炮8.6

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

2... 炮3.5



3. ③3.5 ⑧8.9
5. ④1-2 ⑨9.1
7. ④9-4 ⑩4.5
9. ⑤2.6 ⑪3.1
11. ⑤8.2 ⑫1-4
13. ⑤2/7 ⑬4/2

4. ⑥2.3 ⑭8-6
6. ⑥9.1 ⑮9-4
8. ⑦4.5 ⑯4.3
10. ⑦7.1 ⑰4-3
12. ⑦4.3 ⑱4.8

Bên Đen rộng đường đi hơn.

Biến 3:

- 2... ⑧7.5
3. ⑤2-7 ⑥7.1
5. ③3.5 ⑦2.4
7. ④9.1 ⑧2-7
9. ⑤8-7 ⑨6.4
11. ⑦4.5

4. ⑥2.3 ⑭8.6
6. ⑤7.4 ⑮9-8
8. ④9-4 ⑯1-2
10. ④1-2 ⑰8.4

Trắng dễ đi hơn.

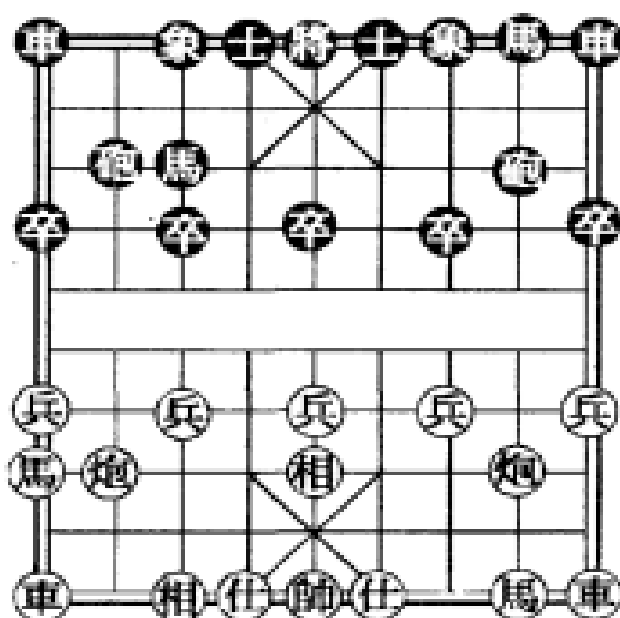
TIẾT 3

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TẮNG PHI TƯỢNG

CỤC 110

ĐEN TIẾN MÃ ĐỔI TRẮNG PHI TƯỢNG

1. ⑧8.9 ⑥2.3
 2. ③3.5
- Biến 1:**
- 2... ⑧8-5
 3. ⑥2.3 ⑦8.7
 4. ④1-2 ⑧7.1
 5. ④9.1 ⑨2-1
 6. ④9-4 ⑩3.1
 7. ⑤2-1 ⑪1-2
 8. ⑤8-6 ⑫2.7
 9. ⑦4.5 ⑬3.4
 10. ⑤6.2 ⑭2.1



- | | | | |
|----------|------|-----------|------|
| 11. ②2.4 | ⑤5-3 | 12. ②6.5! | ③3.1 |
| 13. ②6/3 | ③3-2 | 14. ②6-7 | ③2-4 |
| 15. ③3.1 | ④4/5 | 16. ②7/1 | ③9-8 |
| 17. ③2.5 | ④7/8 | 18. ③4.3 | ③2.1 |
| 19. ③4-8 | ③2-1 | 20. ③8.3 | ③3/1 |
| 21. ②7.4 | ③1/1 | 22. ③9/8 | ③7.1 |
| 23. ③5.3 | | | |

Bên Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 2... ③7.5 | | 3. ②8-7 | ③1-2 |
| 4. ③9-8 | ②2.4 | 5. ③2.4 | ③8.6 |
| 6. ③7.1 | ②8.4 | 7. ③1.1 | ③5.1 |
| 8. ③7.1 | ③5.3 | 9. ③1.3 | ③8/4 |
| 10. ③1-2 | ③8-5 | 11. ③2.1 | ③6.5 |
| 12. ②7.4 | ③3.1 | 13. ③9/7 | ③2/3 |
| 14. ③8.4 | ③6.5 | 15. ②2-1 | ③1.1 |
| 16. ③4.6 | ③2-1 | 17. ③8.5 | ③3/2 |
| 18. ③6.7 | ③5/7 | 19. ③s.6 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

TIẾT 4 CÁC PHƯƠNG ÁN KHI THẮNG TIẾN MÃ

CỤC 111 TRẮNG TIẾN MÃ ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7

- | | | | |
|----------------|------|---------|------|
| 1. ③8.9 | ③2.3 | 2. ③2.3 | ③7.1 |
| 3. ③9.1 (hình) | | | |

Biến 1 :

- | | | | |
|-----------|------|---------|------|
| 3... ③8.7 | | | |
| 4. ③9.8 | ③7.6 | 5. ③8.5 | ③8-2 |

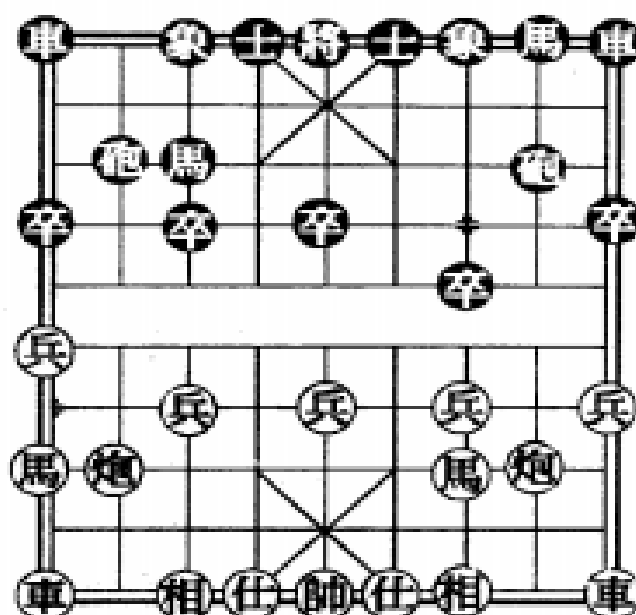
6. ⑧8.6 ⑨3/5
 7. ⑨9-8 ⑩2-7
 8. ⑨8.4 ⑪7.1
 9. ⑧3/5 ⑫1.2
 10. ⑩2-5 ⑬1-4
 11. ⑩5.4 ⑭5.3
 12. ⑧6.7 ⑮6.4
 13. ⑨3.1 ⑯7-3
 14. ⑩5/2 ⑰3.4
 15. ⑨1-2 ⑱9.1
 16. ⑨2.6

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 3... ⑨8-7 | | 4. ⑧9.8 | ⑩2.5 |
| 5. ⑩2-8 | ⑪7.1 | 6. ⑨3.1 | ⑫7.5 |
| 7. ⑨1.2 | ⑬7/1 | 8. ⑧8.6 | ⑭1.2 |
| 9. ⑨1-3 | ⑮3.1 | 10. ⑧6.7 | ⑯7.3 |
| 11. ⑨3/2 | ⑰1-3 | 12. ⑨3.1 | ⑱3-6 |
| 13. ⑨9-8 | ⑲6.4 | 14. ⑩8.7 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.



CHƯƠNG 4 ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG TIẾN TỐT 3

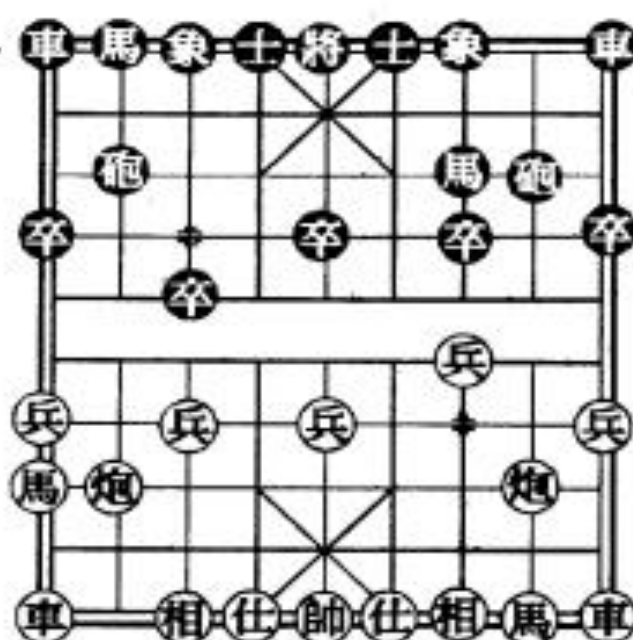
CỤC 112

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TẮNG ĐẨY TỐT 3 (1)

1. ⑧8.9 ⑨8.7
 2. ⑨3.1 ⑩3.1

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 3. 馬2.3 | ●2.3 |
| 4. 相3.5 | ●7.5 |
| 5. 車9.1 | 卒1.1 |
| 6. 車9-4 | 士6.5 |
| 7. 車4.3 | ●8.2 |
| 8. 炮2-1 | ●1.3 |
| 9. 車1-2 | ●9-8 |
| 10. 兵1.1 | ●8.3 |
| 11. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 12. 車4-7 | ●3.4 |
| 13. 車7-6 | ●4/3 |
| 14. 炮8-7 | ●3.2 |
| 15. 車6.1 | ●2.1 |
| 16. 炮7.5 | ●7/6 |
| 17. 炮7/6 | ●2.5 |
| 19. 炮7-1 | ●6.7 |
| 21. 炮1.5 | ●8.3 |



- | | |
|----------|------|
| 18. 馬3.4 | ●1-3 |
| 20. 炮t.4 | ●7.9 |
| 22. 炮1/1 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 炮8-5 | ●2.3 | 4. 車9-8 | ●1-2 |
| 5. 車8.6 | ●9.1 | 6. 炮2-3 | ●9-6 |
| 7. 馬2.1 | ●6.4 | 8. 炮3.4 | ●7/5 |
| 9. 兵3.1 | ●8-5 | 10. 車1-2 | ●5.4 |
| 11. 仕4.5 | ●2-1 | 12. 車8.3 | ●3/2 |
| 13. 兵1.1 | ●5.3 | 14. 車2.4 | ●3.4 |
| 15. 車2-4 | ●4.6 | 16. 兵3-4 | ●1.1 |

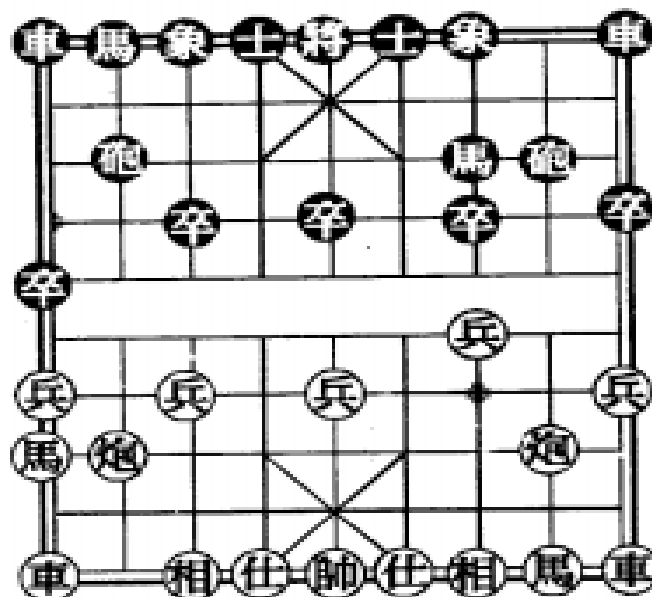
Bên Đen giành thế chủ động.

CỤC 113

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TĂNG ĐẦY TỐT 3 (2)

1. ⑨8.9 ⑨8.7
2. ⑨3.1 ⑨1.1
(hình)
Biến 1:

3. ⑨8.7 ⑨2.1
4. ⑨9.8 ⑨1-2
5. ⑨3.5 ⑨8.2
6. ⑨8.4 ⑨2-4
7. ⑨8.5 ⑨1/2
8. ⑨7.4 ⑨8-9
9. ⑨2-1 ⑨9-8
10. ⑨1.3 ⑨9.1
11. ⑨2.3 ⑨7.5
12. ⑨1-2 ⑨8.9
13. ⑨3/2 ⑨7.1
14. ⑨2.3 ⑨2.1
15. ⑨7-6 ⑨1.3
16. ⑨6-9 ⑨3.4



14. ⑨3.1 ⑨5.7
16. ⑨7/1 ⑨7/5
18. ⑨6/4 ⑨4-1

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2:

3. ⑨2.3 ⑨2.1

Phương án 1:

- | | | | |
|----------|------|-----------|------|
| 4. ⑨3.5 | ⑨1.1 | 5. ⑨9.1 | ⑨1-6 |
| 6. ⑨1.1 | ⑨6.5 | 7. ⑨1-4 | ⑨6.7 |
| 8. ⑨9-4 | ⑨7.5 | 9. ⑨4.5 | ⑨9-6 |
| 10. ⑨4-3 | ⑨8/2 | 11. ⑨2.4! | ⑨6.6 |
| 12. ⑨2-5 | ⑨8-7 | 13. ⑨3-2 | ⑨7.5 |
| 14. ⑨2-5 | ⑨1.2 | 15. ⑨8-6 | ⑨6-7 |
| 16. ⑨5/1 | ⑨2.4 | 17. ⑨5/1 | ⑨4/2 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 18. ⑨9.1 | ⑩2-4 | 19. ⑨3/2 | ⑩1.1 |
| 20. ⑨5-9 | ⑩7-5 | 21. ⑨9-8 | ⑩2/4 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ⑨2-1 | ⑩9-8 | 5. ⑨1-2 | ⑩8.2 |
| 6. ⑨3.5 | ⑩1.1 | 7. ⑨9.1 | ⑩1-8 |
| 8. ⑨9-6 | ⑩7.5 | 9. ⑨6.6 | ⑩2.2 |
| 10. ⑨8-6 | ⑩6.5 | 11. ⑨6-8 | ⑩8-6 |
| 12. ⑨2.8 | ⑩8.1 | 13. ⑨6.5 | ⑩6/2 |
| 14. ⑨8/1 | ⑩8.3 | 15. ⑨1/2 | ⑩7.1 |
| 16. ⑨3.1 | ⑩5.7 | 17. ⑨9/7 | ⑩7.6 |
| 18. ⑨7.1 | ⑩7/5 | 19. ⑨7.8 | ⑩8.2 |

Hai bên giằng co, tranh chấp còn lâu.

Phương án 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. ⑨9.1 | ⑩2-4 | 5. ⑨8.5 | ⑩7.5 |
| 6. ⑨9-8 | ⑩1-2 | 7. ⑨3.4 | ⑩8.2 |
| 8. ⑨1.1 | ⑩8-2 | 9. ⑨8-7 | ⑩7/5 |
| 10. ⑨1-6 | ⑩5.3 | 11. ⑨6.6 | ⑩6.5 |
| 12. ⑨6/2 | ⑩9-8 | 13. ⑨2-1 | ⑩2.2 |
| 14. ⑨7.1 | ⑩3.1 | 15. ⑨6/4 | |

Trắng có phần ưu hơn chút ít.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ⑨2-5 | ⑩9-8 | 4. ⑨2.3 | ⑩8-9 |
| 5. ⑨9.1 | ⑩2.3 | 6. ⑨8-7 | ⑩1-2 |
| 7. ⑨9-8 | ⑩2.4 | 8. ⑨1.1 | ⑩8.4 |
| 9. ⑨8-2 | ⑩8.4 | 10. ⑨1-2 | ⑩2.5 |
| 11. ⑨2.6 | ⑩3/5 | 12. ⑨3.1 | ⑩2-4 |
| 13. ⑨4.5 | ⑩4/1 | 14. ⑨3.2 | ⑩2/4 |
| 15. ⑨2.1 | ⑩7.1 | 16. ⑨3.1 | ⑩4-7 |
| 17. ⑨2-4 | ⑩2/1 | 18. ⑨4/4 | ⑩3.1 |

19. ⑨9.1 ⑩1.1 20. ⑨4-9 ⑩5.3

21. ⑨9-6

Trắng chiếm tiên thủ.

CỤC 114 ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TẮNG ĐẨY TỐT 3 (3)

1. ⑨8.9 ⑩8.7

2. ⑨3.1 ⑩8-9

(hình)

Biến 1:

3. ⑨2.3 ⑩9-8

4. ⑨1-2 ⑩8.4

5. ⑨2-1 ⑩8-2

6. ⑨9-8 ⑩2.1

7. ⑨2.6 ⑩1-2

8. ⑨8.5 ⑩t.5

9. ⑨9/8 ⑩9-2

10. ⑨2-3 ⑩3.5

11. ⑨8.7 ⑩2-3

12. ⑨3.4 ⑩2.4

13. ⑨1-4 ⑩2-5

15. ⑨7.6 ⑩3.1

17. ⑨4-5 ⑩5-6

19. ⑨3/5 ⑩3.7

21. ⑨5/3 ⑩5.1

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

3. ⑨2-3 ⑩2-5

5. ⑨3.1 ⑩5.4

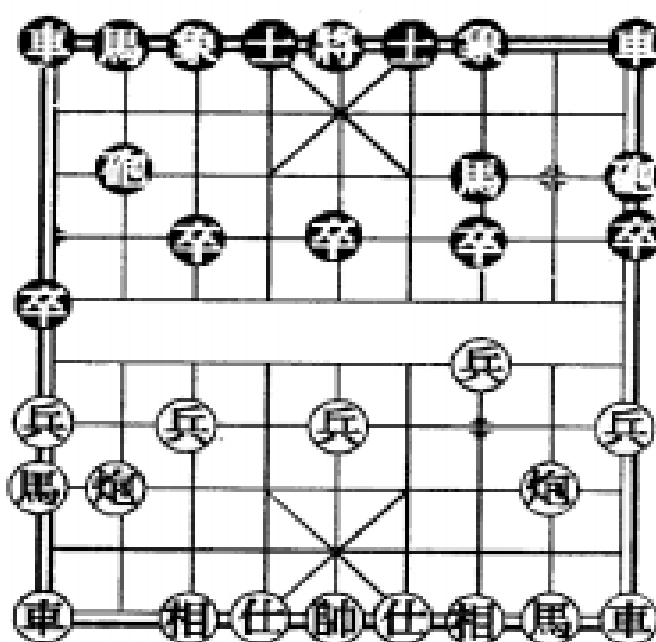
14. ⑨7.1 ⑩3.1

16. ⑨6.4 ⑩5.2

18. ⑨t.3 ⑩6/1

20. ⑨6.5 ⑩6-5

22. ⑨3-9



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 兵3-4 | 卒5.1 | 8. 兵4.1 | 马5/6 |
| 9. 兵7.1 | 马6.8 | 10. 兵4-3 | 马8.7 |
| 11. 马2.4 | 卒1.1 | 12. 马4.3 | 马7.6 |
| 13. 卒1-4 | 卒5-6 | 14. 马3.4 | 卒9-8 |

Bên Đen phản tiên

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 马2-5 | 卒9-8 | 4. 马2.3 | 卒2-5 |
| 5. 卒9-8 | 马2.3 | 6. 卒8-7 | 卒8.4 |
| 7. 卒1-2 | 卒8.5 | 8. 马3/2 | 卒5.4 |
| 9. 卒6.5 | 卒3.5 | 10. 马2.3 | 卒5/2 |
| 11. 卒8.7 | 马7/5 | 12. 卒8/1 | 卒9-6 |
| 13. 马3.5 | 卒1-2 | 14. 卒8-7 | 卒5.3 |
| 15. 相3.5 | 卒2.4 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 115

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỔI TRẮNG ĐẨY TỐT 3 (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. 马8.9 | 卒8.7 |
| 2. 兵3.1 | 卒2-5 |

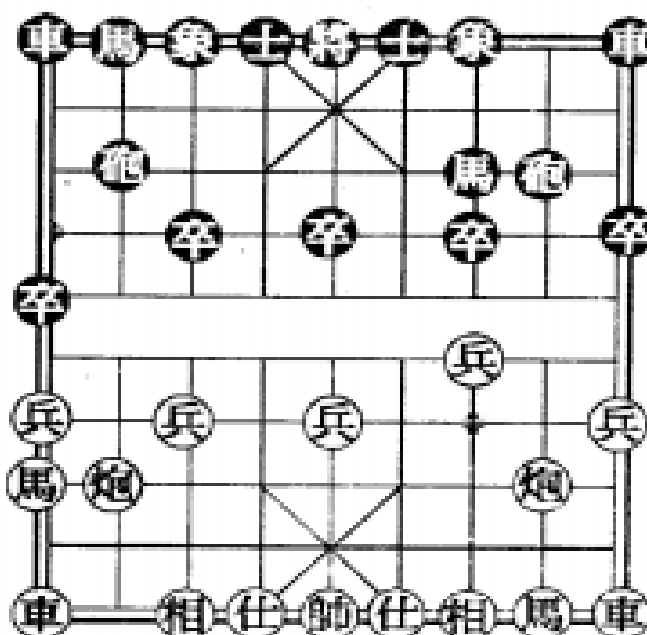
(hình)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 3. 马2.3 | 卒2.3 |
| 4. 卒9-8 | 卒1-2 |
| 5. 卒4.5 | |

Phương án 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... 卒9.1 | 卒9-6 |
| 6. 兵7.1 | 卒5.1 |
| 7. 相3.5 | 卒2.1 |
| 8. 卒8.4 | 卒5.1 |
| 9. 卒2.4 | |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. ♖2-5 | ♙7.5 | 11. ♗1-2 | ♘8-9 |
| 12. ♗2.7 | ♙2-5 | 13. ♗8.5 | ♘3.1 |
| 14. ♗8-7 | ♙3.5 | 15. ♖7.1 | ♘5.3 |
| 16. ♗8.2 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|-----------|------|
| 5... ♘8-9 | | | |
| 6. ♗1-2 | ♙9-8 | 7. ♗2.4 | ♘2.4 |
| 8. ♗8-7 | ♙2-6 | 9. ♗7.4 | ♘3.1 |
| 10. ♗8.4 | ♙7.1 | 11. ♗3.5 | ♘5.1 |
| 12. ♗7-3 | ♙6.5 | 13. ♖9.1 | ♘7.5 |
| 14. ♗2.4 | ♙5.1 | 15. ♗8-5! | ♘8.3 |
| 16. ♗2.2 | ♙5.3 | 17. ♖5.1 | ♘7.1 |
| 18. ♗3-1 | ♙5.3 | 19. ♗2-3 | ♘7.5 |
| 20. ♗3/2 | ♙6-9 | 21. ♗1-2 | |

Trắng nhiều Tốt hơn, dễ đi.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|-----------|------|
| 3. ♖2.3 | ♙7.5 | 4. ♖9.1 | ♘1.1 |
| 5. ♖9.8 | ♙2-4 | 6. ♗3.5 | ♘1-6 |
| 7. ♗9.1 | ♙6.3 | 8. ♗9-6 | ♙6.5 |
| 9. ♗6.4 | ♙9-6 | 10. ♗4.5 | ♘t-4 |
| 11. ♗8.6 | ♙6.4 | 12. ♗3.4? | ♘5.1 |
| 13. ♗1-4 | ♙5.1 | 14. ♖5.1 | ♘6-4 |

Đen hơn quân, chiếm ưu thế.

CHƯƠNG 5

ĐEN ĐẨY TỐT BIÊN

TIẾT 1

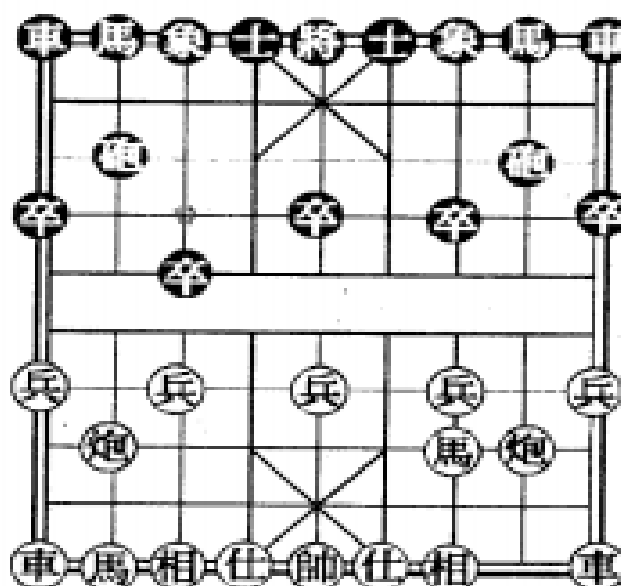
CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU

CỤC 116
TRẮNG VÀO PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐỐI ĐEN TIẾN
MÃ

- | | |
|---------|------|
| 1. 馬8.9 | 卒1.1 |
| 2. 炮2-5 | 炮8.7 |
| 3. 馬2.3 | 卒9-8 |
| 4. 車1-2 | 馬2.1 |

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 5. 兵3.1 | 士4.5 |
| 6. 炮8-6 | 炮8.2 |
| 7. 炮6.4 | 卒1.2 |
| 8. 炮6-3 | 卒7.5 |
| 9. 兵3.1 | 卒5.7 |
| 10. 馬3.4 | 炮8.3 |
| 11. 馬4.5 | 卒7/5 |
| 12. 車9.1 | 卒1.1 |
| 13. 車9-6 | 卒1.1 |
| 15. 馬5/4 | 卒5.7 |
| 17. 車2-8 | 馬2/3 |
| 19. 車7.1 | 士5/4 |
| 21. 車7/3 | 炮5-3 |



- | | |
|----------|-------|
| 14. 車6.7 | 卒1.2! |
| 16. 車2.1 | 炮2-5 |
| 18. 車6-7 | 炮5.5 |
| 20. 馬4.6 | 馬3/5 |

Đen hơn quân, chiếm ưu.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. 車2.6 | 卒3.5 | 6. 兵5.1 | 士4.5 |
| 7. 兵5.1 | 卒1-4 | 8. 馬3.5 | 卒5.1 |
| 9. 車2-3 | 炮8.7 | 10. 仕6.5 | 卒8.8 |
| 11. 炮5.3 | 炮2.4 | 12. 馬5/3 | 炮8-9 |
| 13. 相7.5 | 炮4.4 | 14. 炮5/2 | 炮2-5 |
| 15. 馬3.5 | 卒4.4 | 16. 馬5/3 | 卒8-6 |
| 17. 炮8/2 | 馬1.2 | 18. 車3-2 | 馬2.4 |
| 19. 車2/6 | 馬4.6 | 20. 車2-1 | 馬6.7 |

Đen thảng.

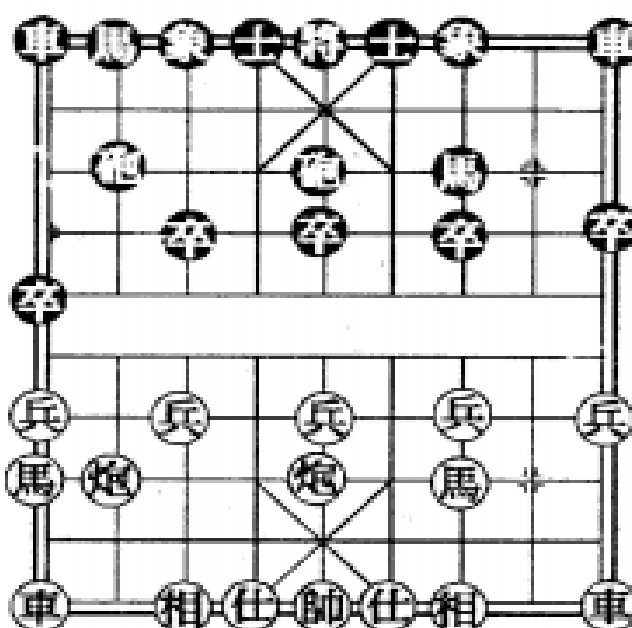
CỤC 117
TẮNG VÀO PHÁO ĐẦU ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO
ĐẦU

1. ⑧8.9 ⑨1.1
2. ⑥2-5 ⑦8-5
3. ⑤2.3 ④8.7

(Chinh)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. ④8-7 | ♙2.1 |
| 5. ④9-8 | ♙2.2 |
| 6. ④1-2 | ♙5-2 |
| 7. ④8-9 | ♙t/1 |
| 8. ④9.1 | ♙1.2 |
| 9. ④9-6 | ♙6.5 |
| 10. ④2.4 | ♙7.5 |
| 11. ④6.7 | ♙9-6 |
| 12. ④5.1 | ♙6.6 |
| 13. ④5.1 | ♙1-2 |
| 15. ④5.1 | ♙2.1 |
| 17. ④9.7 | ♙6-3 |
| 19. ④6/3 | ♙t.1 |
| 21. ④5/2 | ♙2-4 |
| 23. ④7.2 | ♙s-5 |



14. ♖2-5 ♜5.1
16. ♖6/3 ♜2.3
18. ♜3.5 ♖3.1
20. ♜5.6 ♜s-4?
22. ♖5-7 ♜s.5
24. ♜7-5

Trắng chiếm ưu thế

Biến 2 :

4. $\textcircled{A}$ 1-2 $\textcircled{B}$ 2.1 5. $\textcircled{A}$ 2.6 $\textcircled{B}$ 7.1
6. $\textcircled{A}$ 2-3 $\textcircled{B}$ 7.9

Phuong dan 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ⑩6.5 | ●9-7 | 8. ⑩9.1 | ●2.1 |
| 9. ⑩3-4 | ⑩6.5 | 10. ⑩9-6 | ●2-1 |
| 11. ⑩6.4 | ●1-2 | 12. ⑩8-6 | ●1.3 |
| 13. ⑩6-9 | ●1-5 | 14. ⑩3.5 | ●5.4 |
| 15. ⑩9-6 | | | |

Trắng tiên thủ

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. ⑩3.1 | ●7.1 | 8. ⑩9.1 | ●2-3 |
| 9. ⑩3/2 | ●1-2 | 10. ⑩8.2 | ●2.4 |
| 11. ⑩8-7 | ●3.3 | 12. ⑩7.1 | ●2-7 |
| 13. ⑩3.1 | ●9.7 | 14. ⑩9-6 | ⑩6.5 |
| 15. ⑩6.4 | ●7/9 | 16. ⑩6-9 | |

Trắng có ưu thế hơn chút ít.

CHƯƠNG 6 ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN PHẢI

CỤC 118

TRẮNG ĐƠN ĐỂ MÃ ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU

- | | |
|---------|------|
| 1. ⑩8.9 | ●2-5 |
| 2. ⑩2.3 | ●2.3 |

(hình 1)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 3. ⑩9-8 | ●1-2 |
|---------|------|

Phương án 1 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 4. ⑩9.1 | ⑩8.7 | 5. ⑩2.2 | ●7.1 |
| 6. ⑩2-8 | ●2-1 | 7. ⑩3.5 | ●9-8 |
| 8. ⑩4.5 | ●1.1 | 9. ⑩9.1 | ●1.4 |

10. 炮t-7 馬3/5
11. 炮8.7 卒3.1
12. 車8.8! 車1/4
13. 炮7-8 馬7.6
14. 車1-4 馬5.7
15. 炮s.3 炮5-6
16. 車4-2 炮8.5
17. 炮s-3 馬6/7
18. 車2-4 士6.5
19. 炮8-6

Trắng bắt được Sĩ,
chiếm ưu

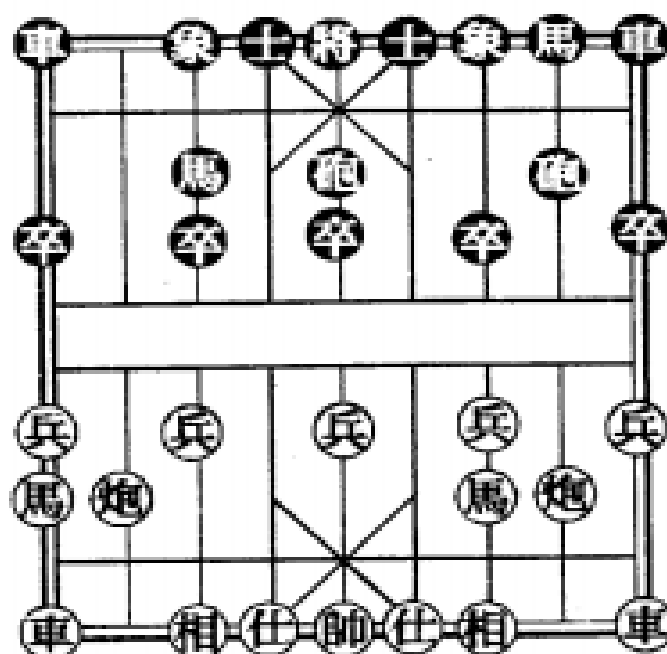
Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 相3.5 | 馬8.7 | | |
| 5. 炮4.5 | 卒7.1 | 6. 車1-4 | 炮8-9 |
| 7. 炮2.4 | 卒3.1 | 8. 炮8.4 | 車9-8 |
| 9. 炮2-3 | 馬3.4 | 10. 炮8/3 | 卒5.1 |
| 11. 炮8.2 | 車2.3 | 12. 炮3.3 | 車8-7 |
| 13. 炮8-6 | 車2-4 | 14. 炮6-3 | 馬7.8 |
| 15. 兵3.1 | 馬8.9 | 16. 車8.4 | 車7-8 |
| 17. 馬3.1 | 炮9.4 | 18. 車8-4 | 炮5-9 |
| 19. 車s-1 | 車3.5 | 20. 炮3-4 | 車8.6 |
| 21. 兵3.1 | 炮t-5 | 22. 車1-3 | 炮5/1 |

Đen lợi hơn vì có Pháo đầu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 炮8-7 | 車1-2 | 4. 車9.1 | 卒5.1 |
| 5. 車9-4 | 馬8.7 | 6. 炮4.5 | 炮8-9 |
| 7. 車4.5 | 卒5.1 | 8. 兵5.1 | 車9-8 |
| 9. 車1-2 | 車8.6 | 10. 兵3.1 | 炮2.5 |
| 11. 兵5.1 | 車2-7 | 12. 相3.5 | 車7/1 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. ④4-7 | ⑤5/1 | 14. ⑥3.4 | ⑦8/3 |
| 15. ⑥4/6 | ⑦7.2 | 16. ④7-6 | ⑤5-8 |
| 17. ⑥7.1 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ③3.1 | ④1-2 | 4. ④9-8 | ⑤8-7 |
| 5. ④3.5 | ⑤8.9 | 6. ④4.5 | ⑥9-8 |
| 7. ⑤2-1 | ⑥8.4 | 8. ④1-4 | ⑦9.1 |
| 9. ⑥1/2 | ⑦3.1 | 10. ③9.1 | ⑧6.5 |
| 11. ④4.3 | ⑤5-4 | 12. ⑥1-3 | ⑦2.6 |
| 13. ⑥8-7 | ⑦2.3 | 14. ⑥9/8 | ⑧7.5 |
| 15. ⑤8.9 | ⑥3.4 | 16. ③5.1 | ⑤4-1 |
| 17. ④4-6 | ⑤1-4 | 18. ④6-4 | |

Hai bên bất biến hòa cờ

Biến 4 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ④9.1 | ⑤1-2 | 4. ④9-6 | ⑥8.7 |
| 5. ③9.1 | ④2.4 | 6. ④6.3 | ⑦5.1 |
| 7. ④4.5 | ⑤7.5 | 8. ④6-2 | ⑥8.5 |
| 9. ⑥8-2 | ⑦9.2 | 10. ③3.5 | ⑤9-6 |
| 11. ④1-4 | ⑤6.7 | 12. ④5/4 | ⑦5.1 |
| 13. ③5.1 | ④2-6 | 14. ⑥9.8 | ⑦5.6 |
| 15. ⑤3/2 | ⑥3.5 | 16. ④4.5 | ⑤5.3 |
| 17. ④2.3 | ⑥5.4 | 18. ⑥8/6 | ⑤5.1 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

PHẦN THỨ BA
**CÁC KIỂU CHƠI KHÁC ĐỐI
 VỚI KHỞI CỤC MÃ**

CHƯƠNG 1,
KHỞI MÃ ĐỐI ĐẤY TỐT 3

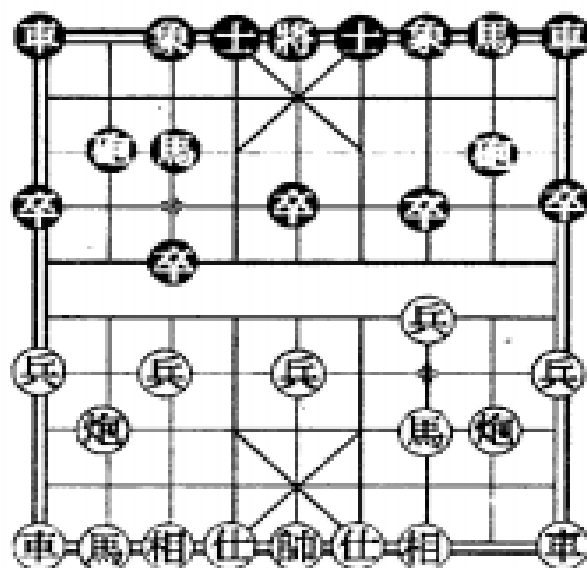
TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI ĐEN ĐẤY TỐT 3

CỤC 119

ĐEN ĐẤY TỐT 3 ĐỐI TRẮNG ĐẤY TỐT 3

- | | |
|----------------|------|
| 1. ②2.3 | ③3.1 |
| 2. ③3.1 | ②2.3 |
| (hình) | |
| <u>Biến 1:</u> | |
| 3. ②8-5 | ③1-2 |
| 4. ②8.7 | ③8.7 |
| 5. ③9.1 | ②7.5 |
| 6. ③9-6 | ②2-1 |
| 7. ③6.3 | ③6.5 |
| 8. ②5-4 | ②8.2 |
| 9. ③3.5 | ③3.2 |
| 10. ③7.1 | ③3.1 |
| 11. ③6-7 | ③2.1 |
| 13. ③4.5 | ③2.4 |
| 15. ②2-1 | ③9-8 |
| 17. ③7-4 | ③7.1 |
| 19. ③4-7 | ③3-2 |



- | | |
|----------|------|
| 12. ②7.9 | ③1.4 |
| 14. ③1.1 | ③1.1 |
| 16. ③1-2 | ③8.2 |
| 18. ③2.2 | ③1-3 |
| 20. ③1/2 | ③8.4 |

21. 兵3.1 炮2-7 22. 馬3.4 炮8/4
23. 炮1-3

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

3. 炮2-1	炮8.9	4. 車1-2	炮9-8
5. 炮8-5	炮3.5	6. 馬8.7	炮1-2
7. 車9.1	炮2-1	8. 兵5.1	士4.5
9. 車9-6	炮2.6	10. 兵5.1	卒5.1
11. 馬3.5	炮2-3	12. 炮5.3	卒3.1
13. 炮1-4	卒3-2	14. 兵3.1	炮8.3
15. 炮4-5	卒7.1	16. 車6.3	炮8.2
17. 炮8-3	炮8-3	18. 馬5/7	炮3-7
19. 車2.9	炮9/8	20. 馬7/5	炮8.7
21. 車6-8	炮7.5	22. 炮3.5	炮5.3

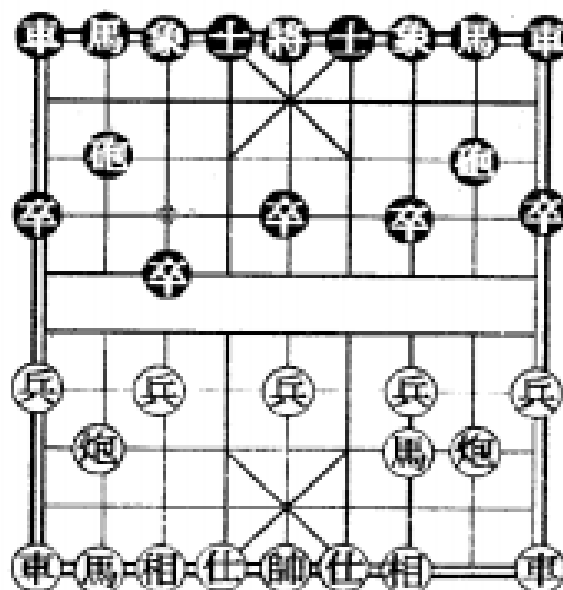
Các quân bên Đen chiếm vị tốt, giành ưu thế.

CỤC 120 TRẮNG TIẾN MÃ ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3

1. 馬2.3 卒3.1
(hình)

Biến 1 :

2. 相7.5	炮3.5
3. 車1.1	馬8.9
4. 兵7.1	卒3.1
5. 車1-7	馬2.3
6. 炮7.3	炮2/2
7. 兵3.1	卒9.1
8. 炮8.4	炮2-3
9. 炮8-7	卒9-6
10. 馬8.7	卒6.5
11. 兵9.1	卒6-7



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. 炮3/5 | 卒7.1 | 13. 兵3.1 | 卒7/2 |
| 14. 炮7.6 | 卒8-7 | 15. 炮2.4 | 卒4.5 |
| 16. 炮5.7 | 卒9.7 | 17. 炮7.3 | 卒1-3 |
| 18. 炮6.5 | 卒7-8 | 19. 炮5.3 | 卒8/1 |
| 20. 卒9-7 | 卒7.5 | | |

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|--------------|------|
| 2. 炮8-7 | 卒3.5 | 3. 炮8.9 | 卒2.3 |
| 4. 卒9-8 | 卒1-2 | 5. 兵3.1 卒8.9 | |
| 6. 炮3.5 | 卒9.1 | 7. 卒8.4 | 卒2-1 |
| 8. 卒8.5 | 卒3/2 | 9. 炮2-1 | 卒9.1 |
| 10. 卒1-2 | 卒9-6 | 11. 炮1.3 | 卒6.3 |
| 12. 炮1.1 | 卒4.5 | 13. 兵1.1 | 卒1.1 |
| 14. 卒4.5 | 卒7.1 | 15. 卒2.4 | 卒8-7 |
| 16. 炮1/1 | 卒6.2 | 17. 兵3.1 | 卒6-7 |
| 18. 卒2-8 | 卒2.4 | 19. 兵3.1 | 卒7/2 |
| 20. 炮3.4 | 卒3.1 | 21. 卒8-7 | 卒7-6 |

Hai bên đối kháng

Biến 3 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 2. 炮8-5 | 卒2.3 | 3. 炮8.7 | 卒1-2 |
|---------|------|---------|------|

Phương án 1 :

- | | | |
|----------|------|---------------|
| 4. 炮2-1 | 卒8.7 | 5. 卒1-2 卒9-8 |
| 6. 卒2.6 | 卒2.1 | 7. 卒9.1 卒7.5 |
| 8. 炮1.4 | 卒7.1 | 9. 炮1-5 卒7.5 |
| 10. 炮5.4 | 卒3.5 | 11. 卒2-5 卒2.4 |
| 12. 炮7.5 | 卒8-7 | 13. 卒5-3 卒7-6 |
| 14. 卒3-4 | 卒6.5 | 15. 兵5.1 卒8.6 |
| 16. 炮3.5 | 卒8-7 | 17. 兵7.1 卒3.1 |
| 18. 炮5.7 | 卒7-3 | |

Phương án 2 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 4. 兵3.1 | 卒8.7 | 5. 卒9.1 | 卒3.5 |
|---------|------|---------|------|

Đen nắm thế chủ động.

6. ♖9-6	♗4.5	7. ♙5.1	♘3.2
8. ♚5.1	♙2.3	9. ♙5-4	♘2-3
10. ♖6.2	♙3/2	11. ♘3.5	♙3.1
12. ♖6.2	♘8.2	13. ♙4.1	♙7.1
14. ♖6.3	♙3.1	15. ♘7/5	♙7.6
16. ♚4-5	♙2.4!	17. ♙5.1	♙4.5
18. ♘3.5	♙6.5	19. ♙3.1	♘8/3

Đen hơn quân, dễ đi.

Biến 4 :

2. ♘2-1	♙8.7	3. ♖1-2	♙9-8
---------	------	---------	------

Phương án 1 :

4. ♖2.6	♘8-9	5. ♖2-3	♙2.3
6. ♙7.1	♘9/1	7. ♘7.5	♙3/5
8. ♖3/1	♘9-7	9. ♖3-6	♘8.4
10. ♖6.2	♙1.2	11. ♘8.9	♘2.2
12. ♖6/6	♙7.6	13. ♙3.1	♙7.6
14. ♘8-3	♙6.5	15. ♘3/1	♙1-6
16. ♙7.1	♘8-3	17. ♘6.5	♙t.7
18. ♖9-6	♙5.3	19. ♖t.7	♙6.6
20. ♖t-7	♙6-7	21. ♘1.4	♙7-6

Đen giành thế chủ động

Phương án 2 :

4. ♚3.1	♙2.3	5. ♘8-5	♙1-2
6. ♘8.7	♘8.6	7. ♙5.1	♗4.5
8. ♙5.1	♙5.1	9. ♘7.5	♘2.3
10. ♖9.1	♘8/2	11. ♖9-4	♙3.5
12. ♘4.5	♙2.3	13. ♖4.3	♘8-3
14. ♖2.9	♙7/8	15. ♘5.3	♙8.7
16. ♘3.5	♘2.2	17. ♘5.6	♙2-5
18. ♘5-2	♘2/1	19. ♘5.4	♙5-6

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 5 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 2. ②1.1 | ③7.5 | 3. ④8-5 | ⑤2.3 |
| 4. ⑥8.7 | ⑦1-2 | 5. ⑧5.1 | ⑨8.7 |
| 6. ⑩3.5 | ⑪6.5 | 7. ⑫1-4 | ⑬8.4 |
| 8. ⑭5.1 | ⑮8-5 | 9. ⑯7.5 | ⑰5.1 |
| 10. ⑱5.3 | ⑲2.1 | 11. ⑳9.1 | ㉑7.1 |
| 12. ㉒3.5 | ㉓2-5 | 13. ㉔5.4 | ㉕7.5 |
| 14. ㉖4.3 | ㉗2.6 | 15. ㉘9-7 | ㉙9-6 |
| 16. ㉚4.5 | ㉛5/6 | | |

Thế trận hai bên cơ bản là cân bằng.

CHƯƠNG 2 KHỞI MÃ ĐỐI LÊN MÃ

TIẾT 1

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG ĐẨY TỐT 7

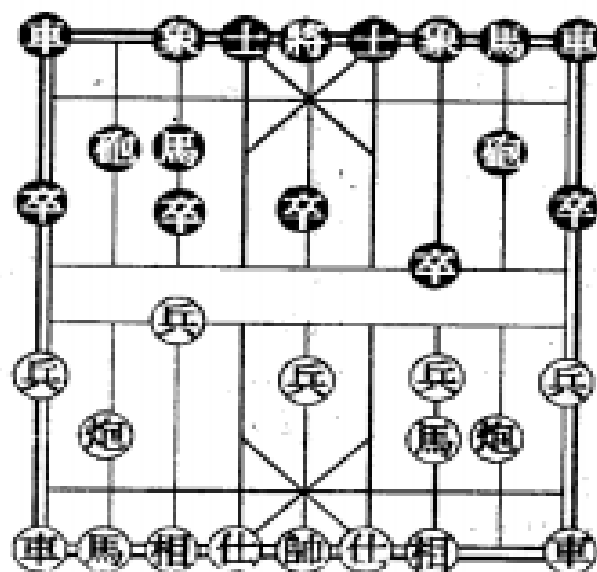
CỤC 121

ĐEN KHỞI MÃ ĐỐI TRẮNG TIẾN TỐT 7

- | | |
|---------|------|
| 1. ②2.3 | ③2.3 |
| 2. ④7.1 | ⑤7.1 |
- (hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 3. ⑥8-5 | ⑦1-2 |
| 4. ⑧8.7 | ⑨2-1 |
| 5. ⑩2.4 | ⑪8-7 |
| 6. ⑫3.1 | ⑬7.5 |
| 7. ⑭1-2 | ⑮3.1 |
| 8. ⑯7.1 | ⑰5.3 |
| 9. ⑱7.6 | ⑲3/5 |
| 10. ㉑9.1 | ㉒6.5 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. ⑧6.4 | ⑨3.4 | 12. ⑨9-4 | ⑩2.9 |
| 13. ⑧4.6 | ⑨2-3 | 14. ⑨4.4 | ⑩1-4 |
| 15. ⑨4.5 | ⑩3/2 | 16. ⑩5.4 | ⑩3-7 |
| 17. ⑨2-4 | ⑩8.9 | 18. ⑩t-6 | ⑩4.2 |
| 19. ⑧6.7 | ⑨4/3 | 20. ⑩2.1 | ⑩7/1 |
| 21. ⑨4.7 | ⑩7-6 | 22. ⑨4.1 | ⑩9-6 |
| 23. ⑩5-7 | ⑩3.1 | 24. ⑩2-9 | ⑩7-2 |
| 25. ⑩7/8 | | | |

Sau đó tiếp tục Đen đi P4-6 P9.2 T5/3 M8.7 P6-3 P7.3
Trắng thắng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ⑧8-6 | ⑨8.7 | 4. ⑧8.7 | ⑩2.4 |
| 5. ⑧7.6 | ⑨2-7 | 6. ⑨3.5 | ⑩1-2 |
| 7. ⑨4.5 | ⑩7.5 | 8. ⑩2.4 | ⑩3.1 |
| 9. ⑧7.1 | ⑩5.3 | 10. ⑨1-4 | ⑩6.5 |
| 11. ⑨9.1 | ⑩2.5 | 12. ⑧6.7 | ⑩9-6 |
| 13. ⑨9-7 | ⑩6.9 | 14. ⑨5/4 | ⑩3.5 |
| 15. ⑧7.5 | ⑩3/5 | 16. ⑨7.6 | ⑩7.6 |

Bên Đen khuyết Tượng nhưng các quân linh hoạt, phục
nước B7.1 giành tiên thủ.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. ⑧8.7 | ⑨8-6 | 4. ⑨1-2 | ⑩8.7 |
| 5. ⑩2.4 | ⑩3.5 | 6. ⑩8-9 | ⑩2.4 |
| 7. ⑩2-7 | ⑩2-7 | 8. ⑨3.5 | ⑩1-2 |
| 9. ⑧7.1 | ⑩5.3 | 10. ⑨9.1 | ⑩6.5 |
| 11. ⑨2.4 | ⑩9-8 | 12. ⑨2-4 | ⑩3/5 |
| 13. ⑨9-7 | ⑩2.7 | 14. ⑧7.8 | ⑩8.7 |
| 15. ⑩7-8 | ⑩2-4 | 16. ⑩9.4 | |

Bên Trắng thí cây giành thế công.

Biến 4 :

3. ②2.4	●2.4	4. ④7.5	●7.5
5. ⑧8.7	●2-3	6. ⑨9-8	●1-2
7. ⑧8.4	●8.7	8. ②2-3	●9-8
9. ①1-2	●8.4	10. ③3.1	●7.1
11. ④5.3	●8-7	12. ③3/3	●8.9
13. ②3.4	●8/2	14. ②3-7	●5.1
15. ⑧7/5	●2.2	16. ⑧3.4	●3-9
17. ③5.3	●9-7	18. ④3.5	●2-3
19. ②8-1	●3-4		

Bên Đen chiếm ưu thế.

TIẾT 2

CÁC PHƯƠNG ÁN KHI TRẮNG ĐẨY TỐT 3

CỤC 122

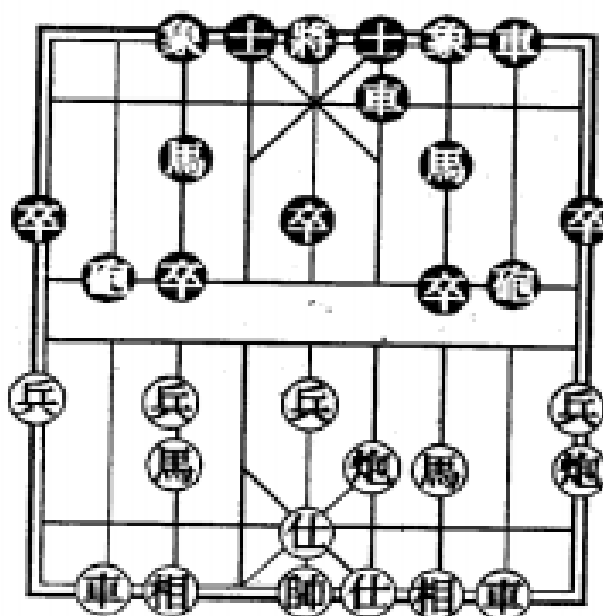
TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN TẾN MÃ (1)

1. ②2.3	●2.3
2. ③3.1	●3.1
3. ②2-1	●8.7
4. ①1-2	●9-8
5. ②8-4	●8.2
6. ⑧8.7	●1.1
7. ④6.5	●1-6
8. ③3.1	●7.1
9. ⑨9-8	●2.2

(hình)

Biến 1:

10. ⑨8.4	●6.5
11. ②4-6	●6-7
12. ④3.5	●7.1
14. ④5.3	●8.2
16. ①2.9	●7/8



13. ⑨8-3	●7/1
15. ④3/5	●8-3
17. ②1.4	●8.7

18. ⑩1-3 ⑨7.9

20. ⑩7.9 ⑨9.7

Bên Đen phản tiên.

Biến 2 :

10. ⑩2.4 ⑨6.5

12. ⑩7.5 ⑨7.1

14. ⑩5.3 ⑨8-7

Bên Đen dễ đi hơn.

19. ⑩3/2 ⑨3.5

11. ⑩4-6 ⑨6-7

13. ⑩2-3 ⑨7/1

15. ⑩3/5 ⑨8.6

CỤC 123

TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN TẾN MÃ (2)

1. ⑩2.3 ⑨2.3

2. ⑩3.1 ⑨3.1

3. ⑩2-1 ⑨8.7

4. ⑩1-2 ⑨9-8

5. ⑩8-4

Biến 1 :

5... ⑨3.4

6. ⑩8.7 ⑨8.4

7. ⑩9-8 ⑨2-5

8. ⑩8.4 ⑨1.1

9. ⑩8-6 ⑨8.4

10. ⑩3.4 ⑨4.6

11. ⑩6-4 ⑨1-8

12. ⑩7.5 ⑨8-3

13. ⑩2.5 ⑨8.3

Bên Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

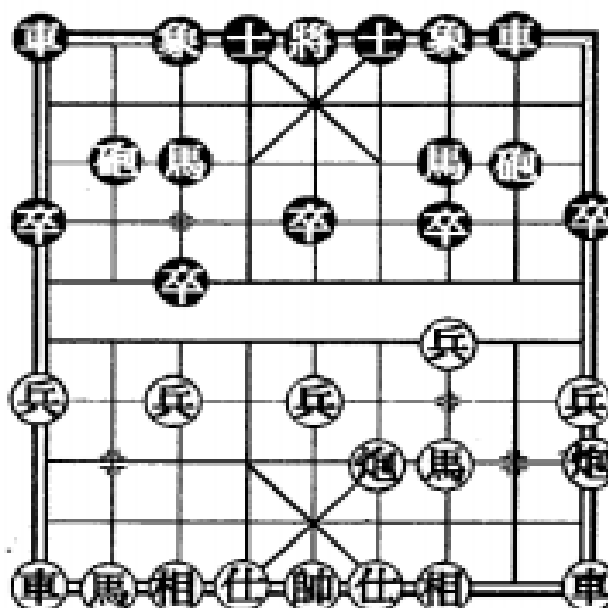
5... ⑨3.5

7. ⑩2.6 ⑨4.5

14. ⑩4.3 ⑨8/2

6. ⑩8.7 ⑨3.2

8. ⑩1.4 ⑨1-4



9. 炮1-3	卒8-9	10. 卒2.3	卒7/8
11. 炮7.5	卒5.1	12. 炮6.5	卒4.3
13. 炮3.4	卒9-6	14. 卒9-6	卒4-3
15. 炮4-3	卒3-6	16. 炮4/6	卒6-5
17. 炮t.2	卒2.3	18. 卒6-8	卒3.1
19. 炮t-2	卒2-4	20. 卒8.3	卒6.4
21. 炮6/7	卒4/2	Đen có thể kháng cự được.	

Biến 3 :

5...卒1-2		6. 炮8.7	卒8.4
7. 炮3.4	卒8.1	8. 卒9.1	卒3.5
9. 炮3.5	卒4.5	10. 卒9-6	卒2-1
11. 卒6.5	卒2-4	12. 卒6-7	卒4.2
13. 炮4-3	卒1/2	14. 卒7-8	卒1-4
15. 卒8.1	卒3.4	16. 卒8-6	卒5.4
17. 炮4.3	卒4.3	18. 卒2.1	卒6.5
19. 炮3/4	卒7.6	20. 炮1.4	卒1.1
21. 炮1/1	卒7.9	22. 卒3.1	卒6.4
23. 卒3-2	卒8-6	24. 炮4.3	卒8-5!
25. 炮3.1	卒6.6	26. 炮1/3	卒6.1

Bên Đen giành ưu thế.

CỤC 124

TRẮNG BÌ PHÁO BIÊN ĐỐI ĐEN TẾN MÃ (3)

1. 炮2.3	卒2.3	2. 卒3.1	卒3.1
3. 炮2-1	卒8.7	4. 卒1-2	卒9-8

(hình)

Biến 1 :

5. 炮8.7	卒1.1	6. 炮8.4	卒3.2
7. 炮8-3	卒7.5	8. 炮7.5	卒8.5
9. 卒7.1	卒3.1	10. 炮5.7	卒1-3

- | | |
|----------|------|
| 11. ④3.5 | 卒5.1 |
| 12. ④3-4 | 卒3-6 |
| 13. ④4/2 | 馬7.5 |
| 14. ④9.1 | 卒5.1 |
| 15. ④4/3 | 卒5-4 |
| 16. ④4-1 | 卒4-3 |
| 17. ④5.7 | 卒8.2 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

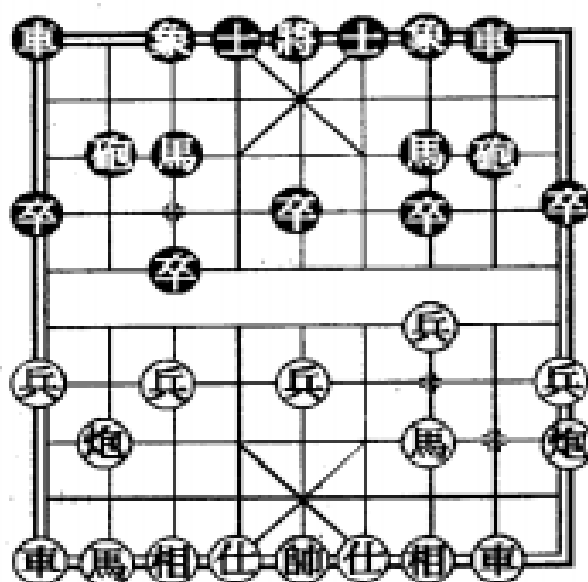
- | | |
|----------|------|
| 5. ④8-5 | 卒1-2 |
| 6. ④8.7 | 卒8.6 |
| 7. ④5.1 | 卒4.5 |
| 8. ④7.5 | 卒3.4 |
| 9. ④4.5 | 卒2-5 |
| 11. ④3.5 | 卒5.2 |
| 13. ④5.4 | 卒8/2 |
| 15. ④9.1 | 卒2-6 |
| 17. ④9-6 | 卒7-8 |
| 19. ④6-3 | 卒t.1 |

Đen không khó đi.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ④2.6 | 卒3.5 | 6. ④3.4 | 卒4.5 |
| 7. ④8-3 | 卒8-9 | 8. ④2.3 | 卒7/8 |
| 9. ④4.3 | 卒9-7 | 10. ④7.5 | 卒1-4 |
| 11. ④8.7 | 卒2.1 | 12. ④6.5 | 卒2-7 |
| 13. ④3.4 | 卒8.9 | 14. ④3-4 | 卒4.4 |
| 15. ④4/4 | 卒9.1 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.



- | | |
|----------|------|
| 10. ④5.1 | 卒4.5 |
| 12. ④5.3 | 卒5.1 |
| 14. ④3.5 | 卒2.2 |
| 16. ④4.3 | 卒6-7 |
| 18. ④6.2 | 卒5.1 |

CỤC 125

ĐEN ĐẨY TỐT 3 ĐỐI TRẮNG BÌNH PHÁO BIÊN

1. 馬2.3 馬2.3
2. 兵3.1 卒3.1
3. 炮2-1 (hình)

Biến 1:

- 3... 炮8-4
4. 車1-2 馬3.7
5. 炮8-7 馬3.4
6. 馬8.9 炮2.5
7. 車2.5 炮2-7
8. 車2-6 士6.5
9. 車9.1 車9-8
10. 兵3.1 卒7.1
11. 車6-3 炮7-1
12. 炮1-9 卒7.5
14. 炮7-3 炮8.2
16. 車t/2 炮7.6

Bên Trắng dễ đi

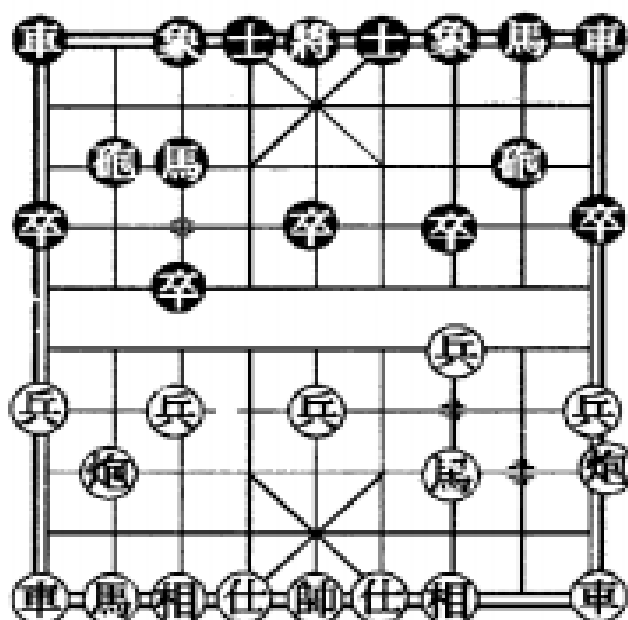
Biến 2:

- 3... 炮1.1
5. 炮8-5 卒7.1
7. 馬4.5 炮7.5
9. 馬8.7 車1-3
11. 車9-8 炮2-3
13. 兵5.1 炮4.6
15. 馬5.3
4. 車1-2 炮8-7
6. 馬3.4 卒7.1
8. 馬5/7 馬3.4
10. 馬t.8 炮7-2
12. 車8.3 炮8.7
14. 馬7.5 卒7.1

Bên Trắng dễ đi.

Biến 3:

- 3... 炮8-5
5. 馬8.7 卒5.1
4. 車1-2 炮8.7
6. 炮6.5 車9.1



13. 車3.1 炮1-2
15. 車9-3 炮4.1
17. 車s-4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 炮7.5 | 卒9-6 | 8. 卒2.6 | 卒2.1 |
| 9. 卒2/1 | 卒2.1 | 10. 卒2/1 | 卒1.1 |
| 11. 炮8-9 | 卒1-2 | 12. 卒9-8 | 卒3.5 |
| 13. 卒8.4 | 卒5.1 | 14. 卒5.1 | 卒3.1 |
| 15. 卒8-7 | 卒2-3 | 16. 卒5.1 | 卒5.2 |
| 17. 炮9.4 | 卒2.6 | 18. 卒3.5 | 卒6.7 |
| 19. 卒2/2 | 卒3.5 | 20. 炮9-6 | 卒3/4 |
| 21. 卒7.1 | | | |

Bên Trắng tiên thủ.

CỤC 126

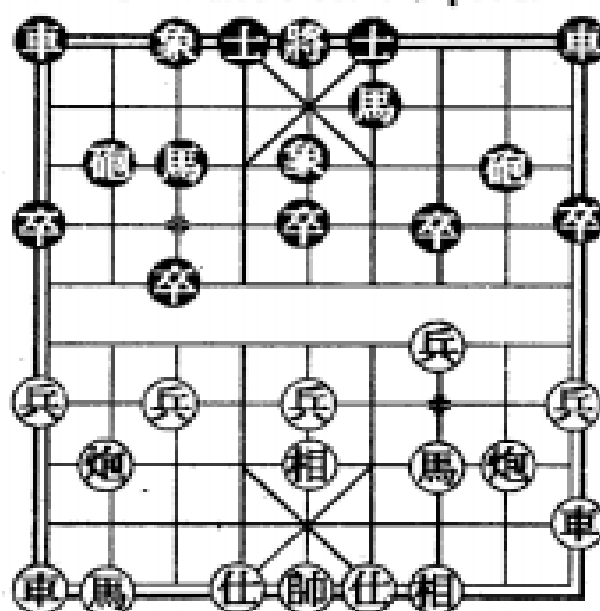
TRẮNG HOÀNH XE ĐỐI ĐEN PHI TƯỢNG

- | | |
|----------------|------|
| 1. 卒2.3 | 卒2.3 |
| 2. 卒3.1 | 卒3.1 |
| 3. 卒1.1 | 卒7.5 |
| 4. 炮7.5 | 卒8.6 |
| Biến 1: | |
| 5. 卒8.7 | 卒1.1 |
| 6. 卒9.1 | 卒9-7 |
| 7. 卒3.4 | 卒7.1 |
| 8. 卒3.1 | 卒7.4 |
| 9. 卒1-3 | 卒7-6 |
| 10. 卒3.3 | 卒6.7 |
| 11. 卒3.2 | 卒6.1 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. 卒8.6 | 卒9-7 | 6. 卒3.4 | 卒1.1 |
| 7. 卒9-7 | 卒7.1 | 8. 炮2-3 | 卒3.2 |
| 9. 卒7-8 | 卒2.1 | 10. 卒8-9 | 卒1-4 |
| 11. 卒8.3 | 卒2-1 | 12. 卒6/8 | 卒8-7 |
| 13. 炮9.4 | 卒7.1 | 14. 卒1-6 | 卒4.7 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. ⑧8.6 | ⑨7.5 | 16. ⑧4/3 | ⑨7.1 |
| 17. ⑧3/2 | ⑨9.1 | 18. ⑧9-8 | ⑨7-8 |
| 19. ⑧2.1 | ⑨7-8 | 20. ⑨8-9 | ⑨8.1 |
| 21. ⑧8.3 | ⑨1-4 | 22. ⑧6.8 | ⑨8.5 |
| 23. ⑨9.1 | ⑨8-1 | 24. ⑧8.9 | ⑨8-9 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3:

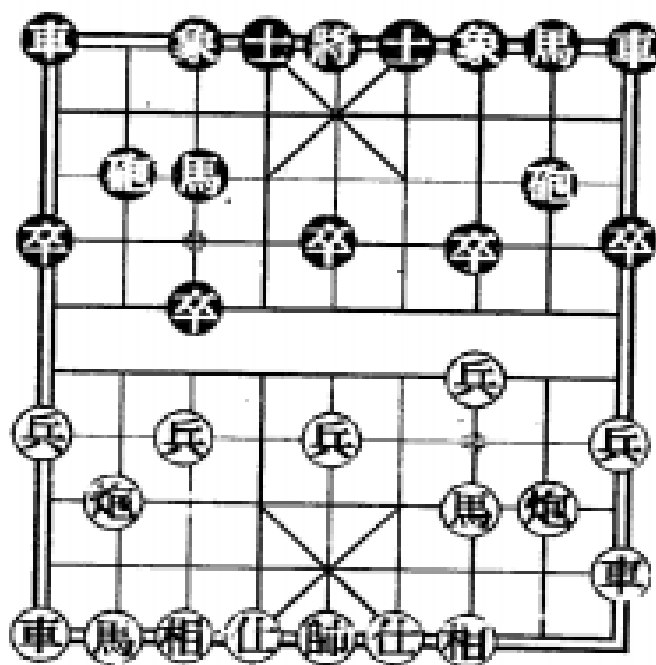
- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ⑨1-4 | ⑨1.1 | 6. ⑧8.6 | ⑨9-7 |
| 7. ⑨4.3 | ⑨7.1 | 8. ⑧6.4 | ⑨3.4 |
| 9. ⑨4-6 | ⑨8.2 | 10. ⑧3.1 | ⑨7.4 |
| 11. ⑧4.5 | ⑨2-4 | 12. ⑧5.3 | ⑨4.3 |
| 13. ⑧t/5 | ⑨1-2 | 14. ⑨8-6 | ⑨4.6 |
| 15. ⑧5.4 | ⑨s.7 | 16. ⑧3.4 | ⑨7.6 |

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 127

ĐEN ĐẨY TỐT 3 ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE

- | | |
|-----------------------|------|
| 1. ⑧2.3 | ⑨2.3 |
| 2. ⑧3.1 | ⑨3.1 |
| 3. ⑨1.1 | |
| <u>Biến 1:</u> | |
| 3... ⑨8.7 | |
| 4. ⑧7.5 | ⑨9.1 |
| 5. ⑧8.6 | ⑨2-1 |
| 6. ⑨9-7 | ⑨1-2 |
| 7. ⑧7.1 | ⑨3.1 |
| 8. ⑨7.4 | ⑨1.4 |
| 9. ⑧3.2 | ⑨8.5 |
| 10. ⑨8-2 | ⑨3.4 |
| 11. ⑨7-9 | ⑨2.6 |



- | | | | |
|----------|--------------|----------|------|
| 12. ②2.1 | ③1-5 | 13. ④6.5 | ⑤2-5 |
| 14. ⑥1-2 | ⑦4/5 | 15. ⑧9-4 | ⑨4.5 |
| 16. ⑩4.2 | Trắng dễ đi. | | |

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|------|---------|
| 3... ③3.5 | | |
| 4. ④7.5 | ⑤8.9 | 5. ⑥1-7 |

Phương án 1 :

- | | | |
|-----------|------|---------------|
| 5... ⑦8-6 | | 6. ⑧7.1 ⑨9-8 |
| 7. ⑩3.4 | ⑪3.1 | 8. ⑫2-4 ⑬3/5 |
| 9. ⑭7.3 | ⑮8.4 | 10. ⑯8.6 ⑰8-5 |
| 11. ⑱9-7 | ⑲5.7 | 12. ⑳5.1 ㉑5-4 |
| 13. ㉒6.5 | ㉓6.5 | 14. ㉔8-4 ㉕4.5 |
| 5. ②5.1 | ③4-5 | 16. ④5.6 ⑤1-4 |
| 17. ⑥t-8 | ⑦2-4 | 18. ⑧4/1 |

Các quân bên Trắng linh hoạt, dễ đi

Phương án 2 :

- | | | |
|-----------|------|---------------|
| 5... ③2/2 | | 6. ④7.1 ⑤2-3 |
| 7. ⑥7.1 | ⑦1-2 | 8. ⑧3.2 ⑨9-8 |
| 9. ⑩2.3 | ⑪8-7 | 10. ⑫3.1 ⑬7.9 |
| 11. ⑭7.1 | ⑮7.7 | 12. ⑯5/3 ⑰8.7 |
| 13. ⑱8-7 | ⑲3/5 | 14. ⑳9.2 ㉑3.7 |
| 15. ㉒9-7 | ㉓8-3 | 16. ㉔8.7 ㉕2.6 |
| 17. ㉖7.6 | ㉗2-5 | 18. ㉘3.5 ㉙5.7 |
| 19. ②7-4 | | |

Trắng có Mã linh hoạt, dễ đi.

Phương án 3 :

- | | | |
|---------------|------|---------------|
| 5... ③9.1 | | 6. ④7.1 ⑤3.1 |
| 7. ⑥7.3 | ⑦2/1 | 8. ⑧3.2 ⑨2-3 |
| 9. ⑩7-8 | ⑪8.5 | 10. ⑫8-2 ⑬9-6 |
| 11. ⑭8.6 ⑮6.7 | | 12. ⑯6.5 ⑰6-8 |
| 13. ⑱8.3 ⑲3.4 | | 14. ⑳3.1 ㉑8/1 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. ♠2.4 | ♣3-7 | 16. ♠6.8 | ♣7.1 |
| 17. ♠9-6 | ♣4.6 | 18. ♠6.4 | ♣7.1 |

Đen hơn quân, chiếm ưu.

Phương án 4 :

5... ♣2/1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. ♠7.1 | ♣2-3 | 7. ♠7.1 | ♣1-2 |
| 8. ♠8-6 | ♣3.3 | 9. ♠8.9 | ♣8-6 |
| 10. ♠9-8 | ♣2.9 | 11. ♠9/8 | ♣9-8 |
| 12. ♠2-1 | ♣8.4 | 13. ♠7.3 | ♣9.1 |
| 14. ♠9.1 | ♣7.1 | 15. ♠8.9 | ♣7.1 |
| 16. ♠7-3 | ♣3-7 | 17. ♠9.8 | |

Thế trận hai bên cân bằng.

HẾT

GIỚI THIỆU TỦ SÁCH "CHUYÊN SÂU VỀ KHAI CỤC CỜ TƯỚNG"

Đây là bộ sách chuyên môn tối cần thiết cho tất cả những ai muốn chơi giỏi cờ Tướng

1 - SĨ GIÁC PHÁO tập 2

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

2 - TIỀN NHÂN CHỈ LỘ đu

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

3 - THUẬN PHÁO đv

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

4 - BÌNH PHONG MÃ ĐỐI NGŨ CỬU PHÁO

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

5 - THIÊN PHONG PHÁO đv

Gồm 1 tập, giá 12.000 đồng

6 - PHÂN CUNG MÃ ĐỐI PHÁO ĐẦU k

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

7 - PHÁO ĐẦU MÃ ĐỘI k

Gồm 2 tập, mỗi tập 12.000 đồng

8 - BÌNH PHONG MÃ HIỆN ĐẠI k

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

9 - KHỞI CỤC MÃ đv

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

10 - PHI TƯỢNG CỤC đv

Gồm 2 tập, mỗi tập giá 12.000 đồng

NHÀM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌM HIỂU VỀ CÁC LOẠI KHAI CỤC TRONG CỜ TƯỚNG, TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠI CỜ CUNG CẤP CÁC PHỤ BẢN CHUYÊN SÂU VỀ TỪNG LOẠI KHAI CỤC.

QUA ĐÓ CÁC BẠN CÓ THỂ TÌM HIỂU CÁC LOẠI THỂ TRẬN KHAI CỤC NHƯ : PHÁO ĐẦU ĐỐI BÌNH PHONG MÃ, TIỀN NHÂN CHỈ LỘ, PHI TƯỢNG CỤC, KHỞI MÃ CỤC, QUÀ CUNG PHÁO, SĨ GIÁC PHÁO, THUẬN PHÁO, LIỆT PHÁO, THIÊN PHONG PHÁO...

Tạp chí Người Chơi Cờ của Liên đoàn cờ Việt Nam chuyên về các loại : Cờ Vua, cờ Tướng, cờ Vây. Tạp chí cung cấp kiến thức chuyên môn ở mọi trình độ, các bài đồ giải các thể cờ, tin tức mới nhất về cờ trong nước và trên thế giới, giới thiệu các danh thủ, luật cờ, giải đáp thắc mắc...

Tạp chí ra hàng tháng, giá 5.000 đồng. Có thể đặt mua tạp chí và phụ bản tại các bưu điện phát hành báo chí hay trực tiếp tại địa chỉ :

Toà soạn Tạp chí Người Chơi Cờ

Điện thoại : (04) 5118959

TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI C
PHỤ BẢN TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠ
Giấy phép xuất bản số 2019/BC - GPX



Giá : 12.000 đồng

